NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

SỨ MỆNH
Đức Di Lạc

TOM I

Trần Thế Đông - Tây Hợp Nhất

CÁC MÔ HÌNH BÁT QUÁI - OCTONION

TẬP I . TÂY

TOÁN VÀ LÝ

CÁC CẤU TRÚC TOÁN HỌC

Hà Nội , 2000 - 2001

NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG

SỨ MỆNH
Đức Di Lạc

TOM I

Trần Thế Đông - Tây Hợp Nhất

CÁC MÔ HÌNH BÁT QUÁI - OCTONION

TẬP I . TÂY

TOÁN VÀ LÝ

CÁC CẤU TRÚC TOÁN HỌC

Hà Nội , 2000 - 2001

PHẦN I

Món quà Tổ Tiên

DÀNH CHO DÂN TỘC VIỆT

Đầu Xuân Thiên Niên Kỷ III

PHẦN I

CON NGƯỜI - VŨ TRỤ & TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG

CHƯƠNG I

CẤU TRÚC BẢN THỂ CON NGƯỜI

TA LÀ AI ? (TỔNG QUAN)

I. CÁC QUY MÔ CỦA BẢN THỂ CON NGƯỜI

Theo nhiều trường phái và nhiều tác giả thì nhân thể gồm nhiều quy mô (hay mức) khác nhau :

- Về vật chất (vật chất hạt thô hay tinh vi - sóng tần số thấp hay cao, siêu cao tạo nên các cơ thể).
- Về hình thể (dạng) của cơ thể.
- Và về hình thái vận động của cơ thể.

A. QUY MÔ (MỨC) VẬT LÝ HAY XÁC

- Các phân tử, tế bào, mô, cơ quan, tạng, phủ.

B. QUY MÔ (MỨC) TRƯỜNG SINH HỌC

Các thành phần Trường Sinh học được nhân loại phát hiện từ lâu, trong dân gian thường gọi là Phách, Vía, Trí (hình I- 1), (I- 2).

Theo Barbara Ann Brennan và theo khoa học truyền thống có thể phân chia Trường Sinh học thành các cơ thể vô hình thuộc ba bình diện sau (hình I - 3):

Bình diện Vật lý hay Hậu thiên

1. Cơ thể Etheric - Hạ Phách,
2. Cơ thể Cảm xúc - Hạ Vía,
3. Cơ thể Tâm thần - Hạ Trí.

Bình diện Trung gian
4. Cơ thể Tinh tú - Trung Vía.

Bình diện Tâm linh hay Tiên thiên
5. Cơ thể Etheric mẫu - Thượng Phách
6. Cơ thể Thiên,Cảm xúc cao cấp - Thượng Vía,
7. Cơ thể Tâm Thần cao cấp, Ketheric - Thượng Trí .

Các cơ thể số lẻ 1,3, 5,7 đều có cấu trúc dạng lưới .
Các cơ thể số chẵn 2, 4,6 là khí (bioplasma).

CÁC. QUY MÔ (MỨC) HARA - ĐƯỜNG HARA (theo Barbara Ann Brennan) [3].

Sâu hơn Trường Sinh học là một cấu trúc gọi là Đường Hara. Cấu trúc Hara là chỗ dựa của Trường Sinh học.
Nếu Trường Sinh học liên quan đến năng lượng con người, thì Đường Hara lại liên quan đến các ý định của nó.
Nhiệm vụ của sự hiện diện mỗi người chúng ta trên hành tinh này và các mục đích tạo dựng mọi hành vi mỗi người tại mọi thời điểm đều xuất phát từ cấu trúc Hara.
Cấu trúc Đường Hara là đơn giản hơn nhiều so với cấu trúc Trường Sinh học.
Đường Hara có chiều rộng khoảng một phần ba của insơ và có cấu trúc sau :
Đường Hara xuất phát từ một điểm - gọi là Thiên Điểm - nằm khoảng 70 cm bên trên đầu. Còn về phía dưới thì Đường Hara đâm sâu vào võ đất. Ngoài Thiên Điểm, trên Đường Hara lại có hai điểm khác. Một trong hai điểm đó ở dưới cùng là khá quen thuộc với chúng ta. Đó chính là Đan Điền. Đan Điền nằm khoảng một insơ rưỡi dưới rốn. Còn điểm giữa - Trung điểm - thì nằm ở phía ngực trên.

Thiên Điểm. Thiên Điểm trên cùng có dạng hình phễu dựng ngược : Miệng phễu đâm xuống dưới và rộng khoảng một phần ba insơ. Nó là sự cá thể hoá đầu tiên của con người khi tách ra khỏi Vũ trụ. Qua Thiên điểm này, con người liên hệ được thực thể thiêng liêng nhất của mình trong Vũ trụ.
Trung Điểm.Trung Điểm của Đường Hara trông như một ngọn đèn sáng mờ.
Đó là cấu trúc của xúc cảm. Nó mang sự khao khát tâm linh mãnh liệt của con người, một sự khao khát thiêng liêng định hướng hoạt động mỗi người trong suốt cả đời mình. Nó mang sự say mê sâu xa nằm bên trong cơ thể, cần thiết để thực hiện những việc lớn có định hướng trong cuộc đời. Với sự say mê đặc biệt này, con người muốn có một hoạt động nhiều nhất nào đó so với mọi thứ hoạt động khác. Các nhà khoa học cho rằng nó gọi nó là điểm tựa của linh hồn.
Đan Điền. Đan Điền là điểm sinh lực của các nhà vũ thuật, có liên quan đến Mệnh Môn Hỏa đầy tâm đắc của Hải Thượng Lãn Ông. Nó có dạng một quả bóng rubi mang năng lượng. Nó có một màng bên ngoài rất chắc. Nó cũng là một điểm ý chí , cái ý chí cần thiết để sống trong cõi vật lý .

Với Đan Điền, con người gắn liền với Mẹ Đất của mình. Đường Hara càng cắm sâu vào lòng Đất bao nhiêu thì con người càng gom được nhiều năng lượng từ Đất bấy nhiêu, như với các nhà chữa bệnh chẳng hạn. Trong quá trình chữa bệnh này, Đan Điền trở nên đỏ sáng và rất nóng,và toàn thân nóng lên.
Khi con người có một ý định rõ ràng ở mức Hara, thì nó cảm thấy dễ chịu ở mức Trường Sinh học và mức thể xác. Còn bệnh tật lại có thể liên quan đến những ý định không rõ ràng, lộn xộn, hoặc trái ngược lẫn nhau.

B.QUY MÔ (MỨC) CHÂN NHÂN (theo Barbara Ann Brennan) [3].
Chân nhân nằm sâu hơn đường Hara .
Với khả năng thiền định đến ngưỡng Chân Nhân, chủ thể có thể nhìn thấy Chân Nhân như một vì sao rất đẹp.
Trong sách Phật , Chân Nhân man tên là Sở Quán Chân Tính, đó là "Bản Giác Chân Tâm, cái thiêng liêng sáng suốt của con người."
Theo một số trường phái, chủ thể nhận thức được Sở Quán Chân Tính của mình sau khi thiền liên tục được 81 phút....
Chân Nhân nằm khoảng một insơ rưỡi trên rốn.

Chân Nhân liên quan đến cội nguồn thiêng liêng của mỗi người, đó là nguồn gốc bên trong của sự sống. Chân Nhân là chỗ định xứ của nhân cách thiêng liêng của mỗi người. Chân Nhân là bản thể chủ yếu nhất của sự sống mỗi người. Xuất phát từ Chân Nhân, chúng ta tồn tại và có sự sống.
Nếu trụ tại Chân Nhân, chủ thể sẽ thấy mình là Trung tâm của Vũ trụ Khi thiền định đến ngưỡng Chân Nhân, và nhìn vào một nhóm người khác, thì chủ thể sẽ thấy mỗi người như một ngôi sao rất đẹp đang chiếu ra ngoài và thấm loang vào những ngôi sao khác. Từ đấy chúng ta hiểu tại sao Nhân loại chỉ là Một !
Chân Nhân nằm ngoài các giới hạn của không gian, thời gian và tín ngưỡng, cho nên có thể nói rằng Chân nhân nằm trong chúng ta ngay trước cái" khởi đầu của thời gian".
Với Chân Nhân, chúng ta trở thành Minh triết, yêu đời và tràn đầy can đảm.
Nhưng Chân Nhân - cái bản thể chủ yếu đó của cuộc sống- thực ra không thay đổi theo thời gian. Không một thực tiễn âm tính nào có thể làm hư hỏng nó. Những thực tiễn âm tính có thể bao quanh nó, nhưng không bao giờ có thể làm thay đổi nó. Nó là cái nguồn phun nước vĩnh hằng của mọi người.

Chân Nhân ,là xuất xứ của mọi sự tạo dựng, sáng tạo của chúng ta :
Mọi sự tạo dựng, sáng tạo đều xuất phát từ ý thức của Chân Nhân, đi qua các mức sâu xa của cơ thể cho đến cơ thể vật lý.

CHÂN NHÂN	⇒	HARA	⇒	TRG SINH HỌC	⇒	CƠ THỂ VẬTLÝ
Ý thức		Ý định		Năng lượng		Hoạt động

LỘ TRÌNH CỦA MỌI SỰ TẠO DỰNG,SÁNG TẠO

Cấu trúc lộ trình của mọi sự tạo dựng, sáng tạo trong cuộc sống là như sau :
Trước hết là *ý thức* của Chân Nhân, sau đó là *ý định* của Hara, sau đó là *năng lượng* của Trường Sinh học và cuối cùng là *hoạt động* của cơ thể vật lý.
Khi các nănglượng đó chảy **trực tiếp và song suốt** từ ý thức ở Chân Nhân, thông qua nhiệm vụ ở mức Hara, xuyên qua nănglượng của Trường Sinh học, và đi vào cơ thể vật lý, thì con người tạo được *sức khỏe* và *niềm vui* trong cuộc sống.
Khi chúng ta ngăn chặn lộ trình đó xuất phát từ Chân Nhân, thì chúng ta đã tự tạo ra sự đớn đau, sự đau khổ trong cuộc sống.
Công việc trước mắt chúng ta là đánh thức Chân Nhân chúng ta sao mà ánh sáng và sự tạo dựng, sự sáng tạo từ Chân Nhân có thể phát ra thành niềm vui, hạnh phúc. Bằng cách đó chúng ta tạo ra được một thế giới hài hòa, hoà bình và đồng cảm [3].

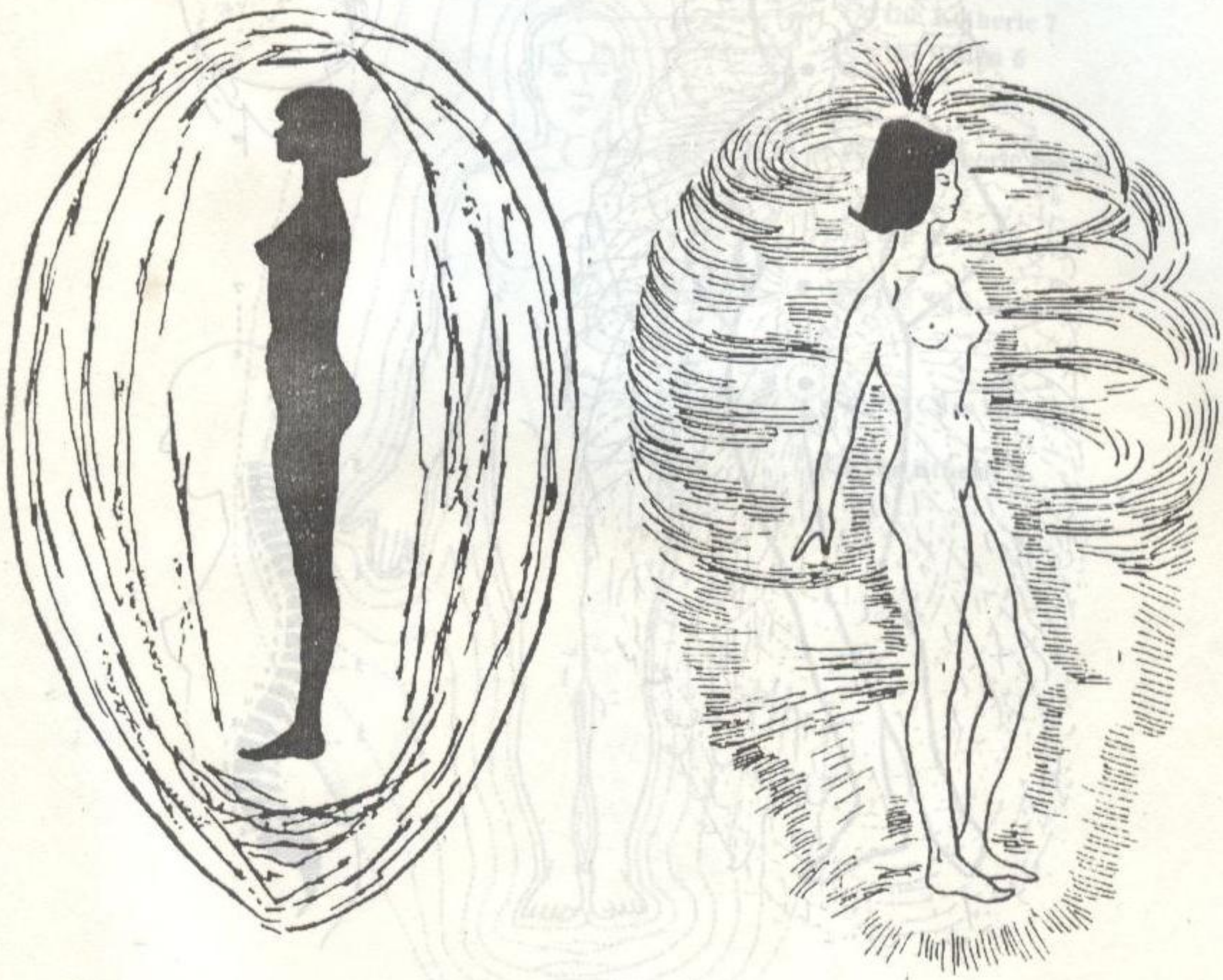

Hình I-1 .CƠ THỂ VÔ HÌNH THẸO LOPSANG RAMPA

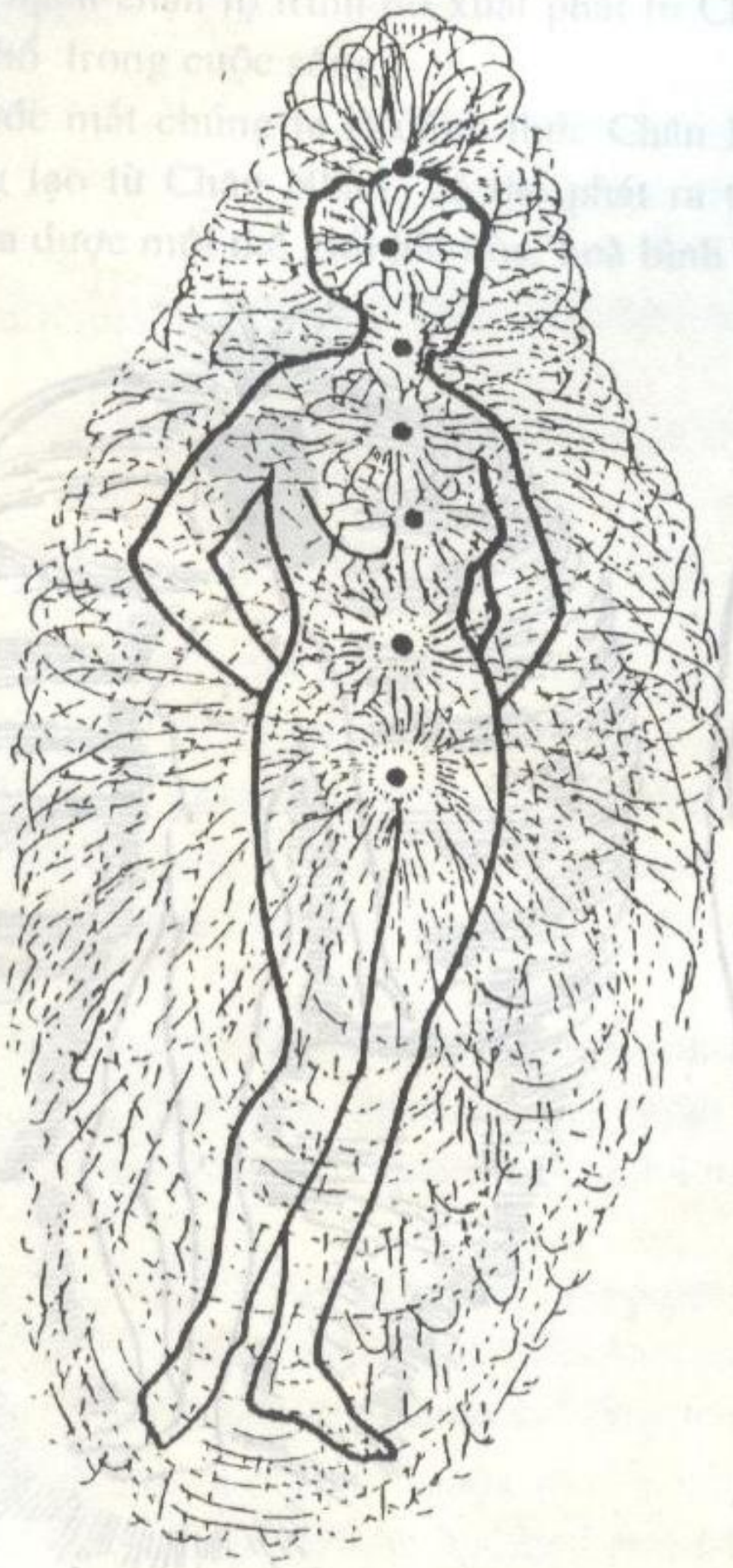

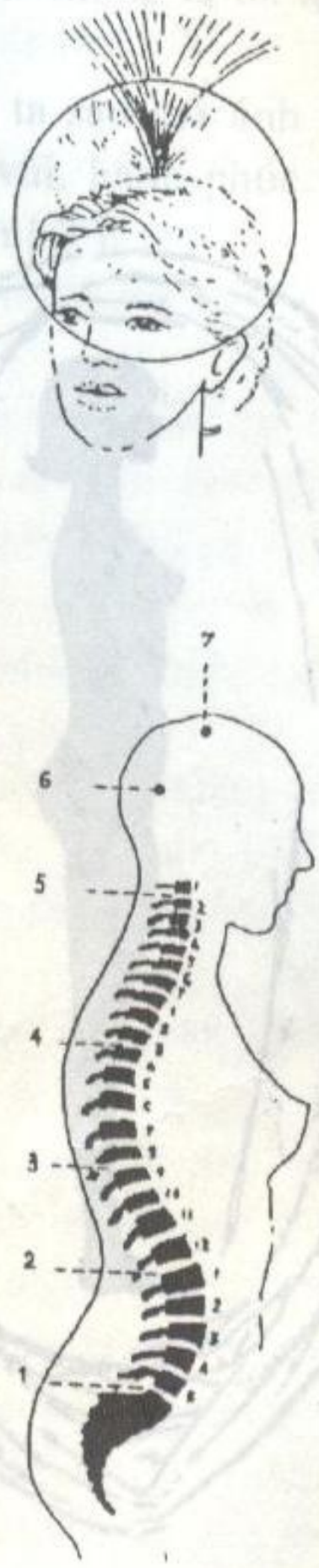

Hình 1 - 2. CƠ THỂ VÔ HÌNH THEO RAYMONT RÉANT

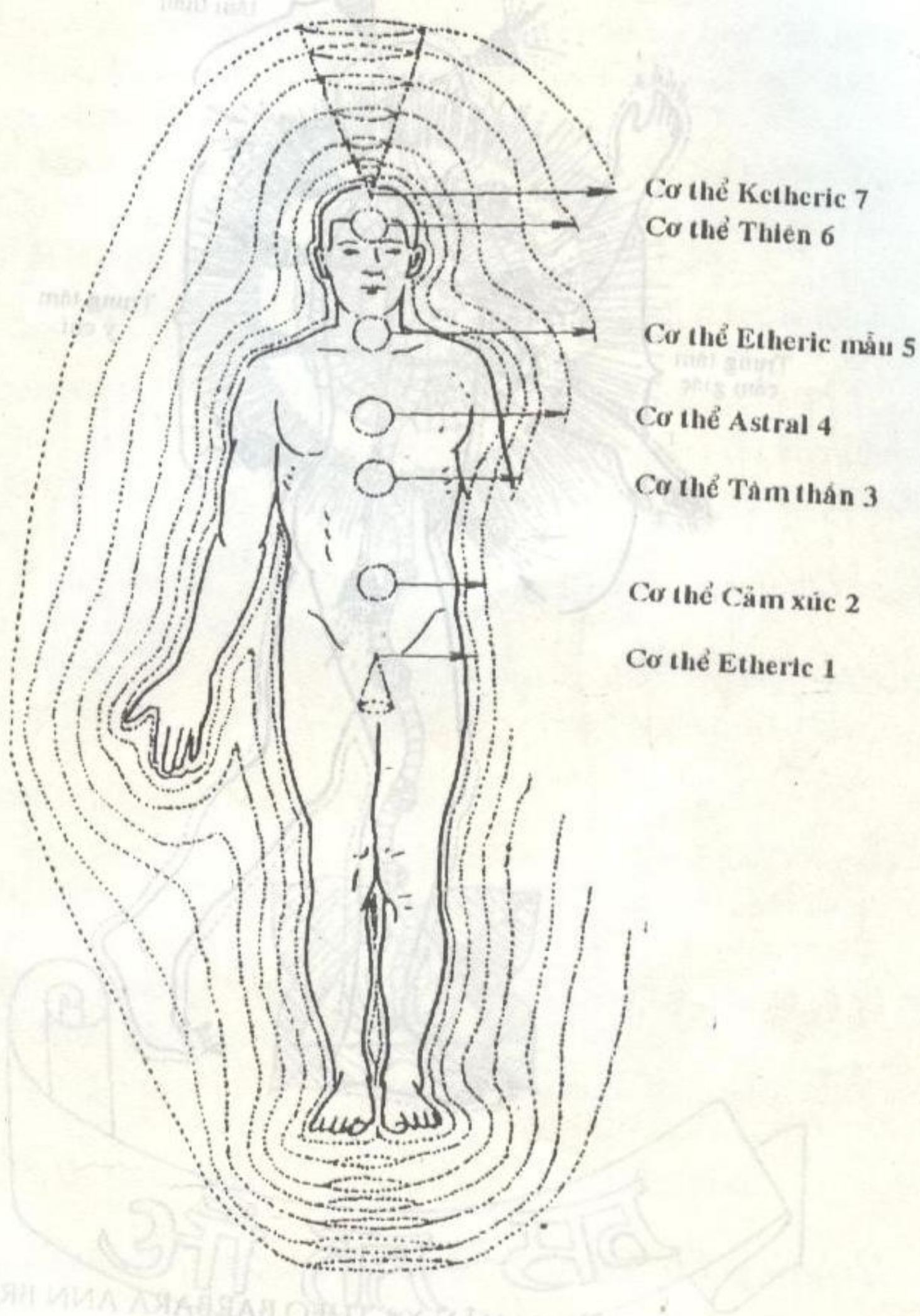

Hình I - 3. BẢY CƠ THỂ VÔ HÌNH THEO SỰ PHÂN LOẠI CỦA BARBARA ANN BRENNAN

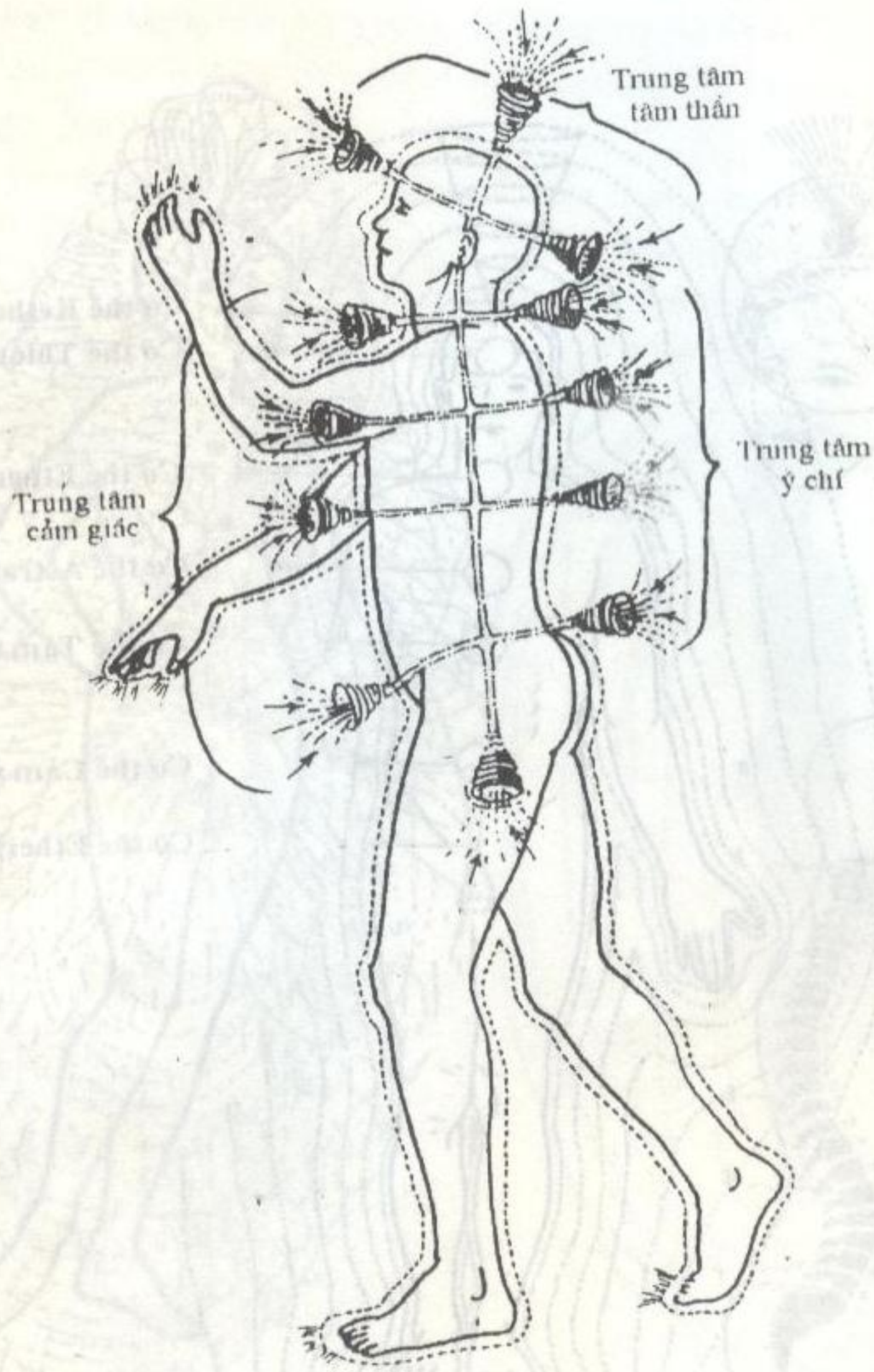

Hình I - 4. HỆ THỐNG LUÂN XA THEO BARBARA ANN BRENNAN

BỊ CHÚ. LX 7 (Bách Hội) là Thái Dương.LX 6 (trước là Ngạch Trung, sau là Ngọc Chẩm) là Dương Minh,LX 5(trước là Thiên Đột. sau là Đại Chùy) là Thiếu Dương.LX 3 (trước là Thần Khuyết, saulà Mệnh Môn) là Thiếu Âm, LX 2 (trước là Khúc Cốt, sau là Trường Cường) là Quyết Âm, LX 1 (Hội Âm) là Thái Âm.
LX 4 (trên Mạch Đốc có hai huyệt là Thần Đạo - Thái Dương, và Lịnh Đài - Thiếu Âm),
(trên Mạch Nhâm có hai huyệt là Đản Trung - Thiếu Dương và Cự Khuyết - Thái Âm).

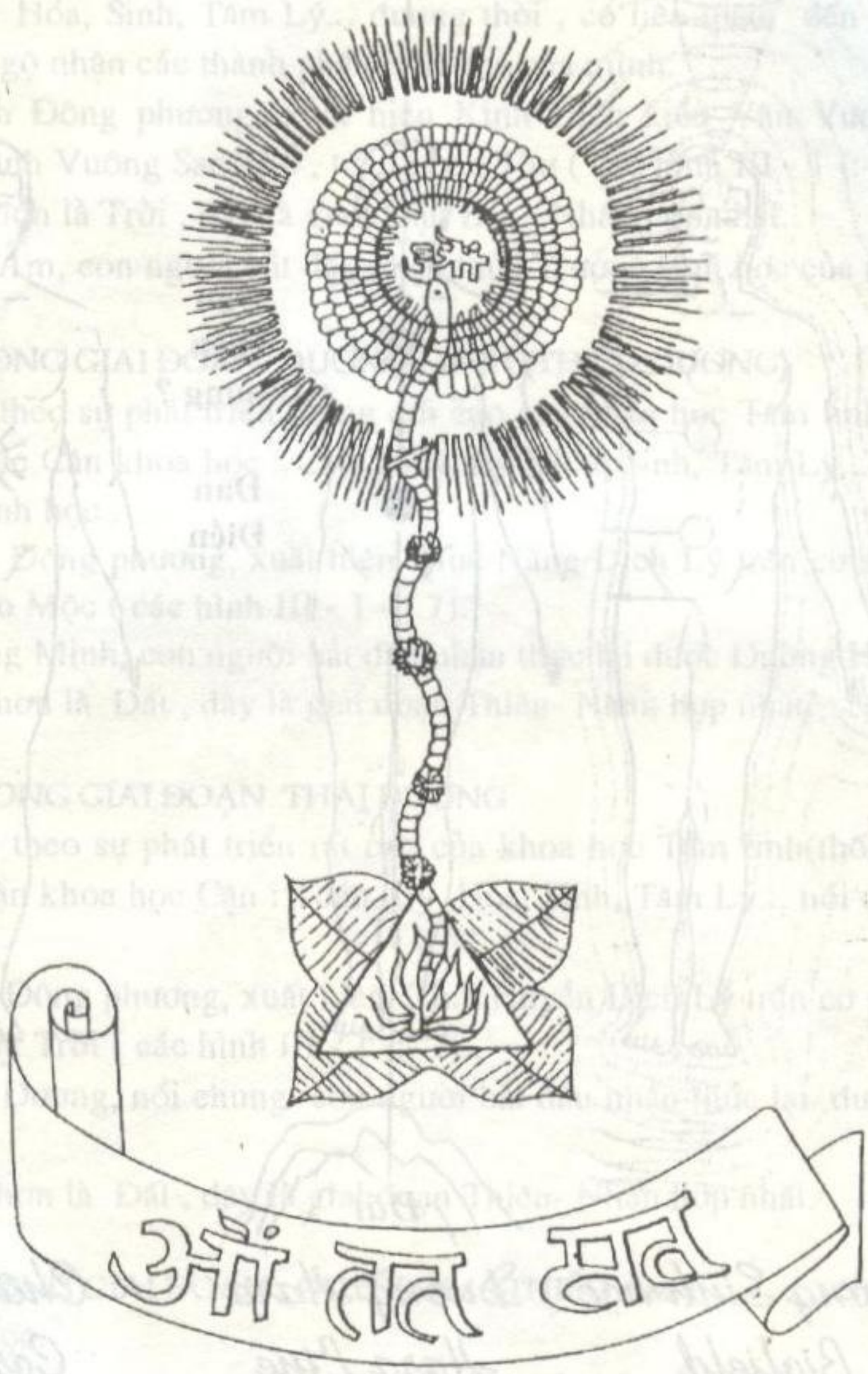

Hình I - 5. ĐƯỜNG ĐI LÊN CỦA LUÂN XẢ 1 (LUỒNG HỎA HẬU)

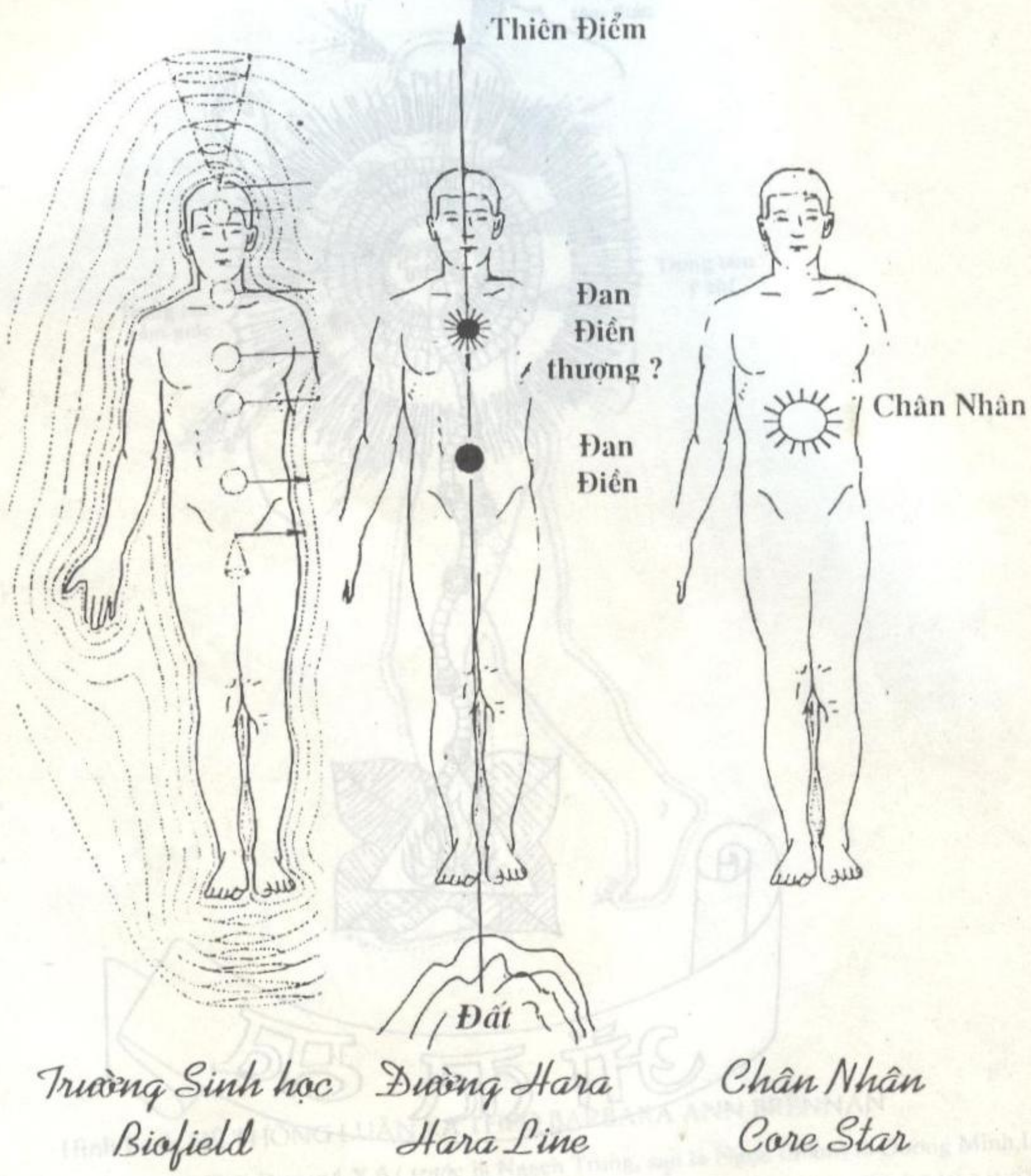

Hình I - 6 . TỔNG QUAN VỀ CÁC THÀNH PHẦN VÔ HÌNH CỦA NHÂN THỂ

II. QUÁ TRÌNH TIẾN HÓA CỦA NHẬN THỨC BIỆN CHỨNG VỀ CON NGƯỜI

Nhận thức con người phát triển theo bốn giai đoạn, tương ứng với bốn loại thành phần trên hình I - 6.

A. NHẬN THỨC TRONG GIAI ĐOẠN THÁI ÂM

Sự nhận thức này đi theo sự phát triển của khoa học Tây phương hiện đại ngày nay với các khoa học Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tâm Lý... đương thời , có liên quan đến xác vật lý và nói chung kèm theo sự ngộ nhận các thành phần tinh hoa của mình.

Trong nền văn minh Đông phương, xuất hiện Kinh Dịch kiểu Văn Vương trên cơ sở và phương pháp luận Hình Vuông Sao Thổ , tức là Lạc Thư (các hình III - 1 -:- 7)..

Con người gần Đất hơn là Trời , đây là giai đoạn Địa - Nhân hợp nhất.

Cuối giai đoạn Thái Âm, con người bắt đầu nhận thức Trường sinh học của mình.

B. NHẬN THỨC TRONG GIAI ĐOẠN DƯƠNG MINH (THIẾU DƯƠNG)

Sự nhận thức này đi theo sự phát triển tương đối cao của khoa học Tâm linh (thống nhất) tích hợp Đông Tây với các Cận khoa học : Cận Toán, Lý ,Hóa, Sinh, Tâm Lý... nói chung có liên quan đến Trường Sinh học .

Trong nền văn minh Đông phương, xuất hiện Huệ Năng Dịch Lý trên cơ sở và phương pháp luận Hình Vuông Sao Mộc (các hình III - 1 -:- 7).

Cuối giai đoạn Dương Minh, con người bắt đầu nhận thức lại được Đường Hara của mình.

Con người gần Trời hơn là Đất , đây là giai đoạn Thiên- Nhân hợp nhất.

C. NHẬN THỨC TRONG GIAI ĐOẠN THÁI DƯƠNG

Sự nhận thức này đi theo sự phát triển rất cao của khoa học Tâm linh(thống nhất) tích hợp Đông Tây với các Cận khoa học Cận : Toán, Lý ,Hóa, Sinh, Tâm Lý... nói chung có liên quan đến Đường Hara.

Trong nền văn minh Đông phương, xuất hiện Thai Huyền Dịch Lý trên cơ sở và phương pháp luận Hình Vuông Mặt Trời (các hình III - 1 -:- 7)..

Cuối giai đoạn Thái Dương, nói chung con người bắt đầu nhận thức lại được Chân Nhân của mình.

Con người gần Trời hơn là Đất , đây là giai đoạn Thiên- Nhân hợp nhất.

D. NHẬN THỨC TRONG GIAI ĐOẠN QUYẾT ÂM (THIẾU ÂM)

Sự ấu trĩ của khoa học.

Trong giai đoạn Thiếu Âm, con người (của một lịch sử tiến hoá mới ?) không có ý thức về Chân Nhân, Đường Hara và Trường Sinh học của mình.

Trong nền văn minh Đông phương, xuất hiện thuyết Tiên thiên loại Bát Quái Phục Hy.

Con người gần Đất hơn là Trời , đây là giai đoạn Địa - Nhân hợp nhất.

Những người nghiên cứu Triết học ,Khoa học và Lịch sử Khoa học cần có một cách nhìn biện chứng như trên, để tránh những lầm lạc đáng tiếc .

PHỤ LỤC

VỀ CÁC ĐƯỜNG KINH , HUYỆT VÀ QUAN HỆ VỚI TRƯỜNG SINH HỌC

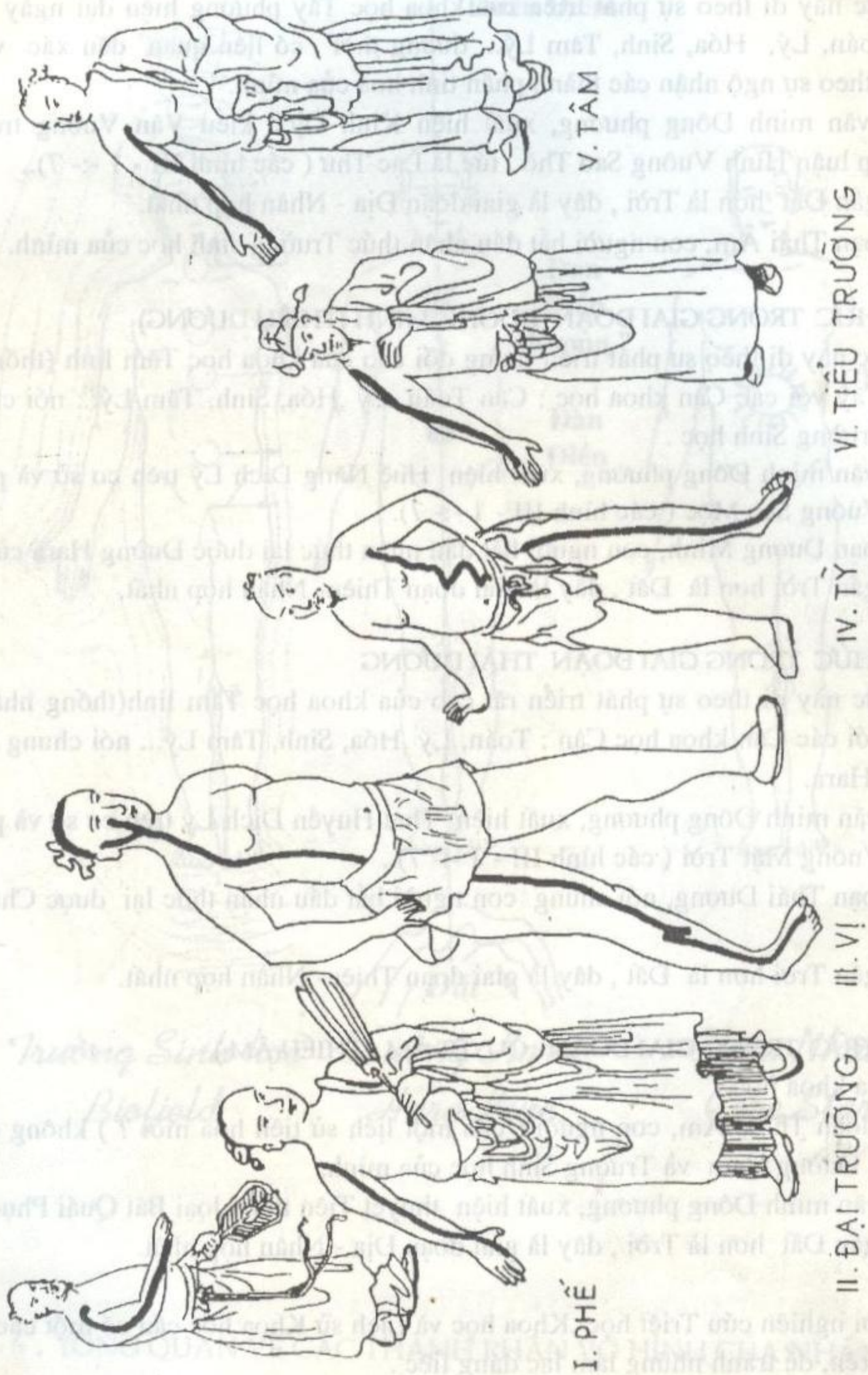

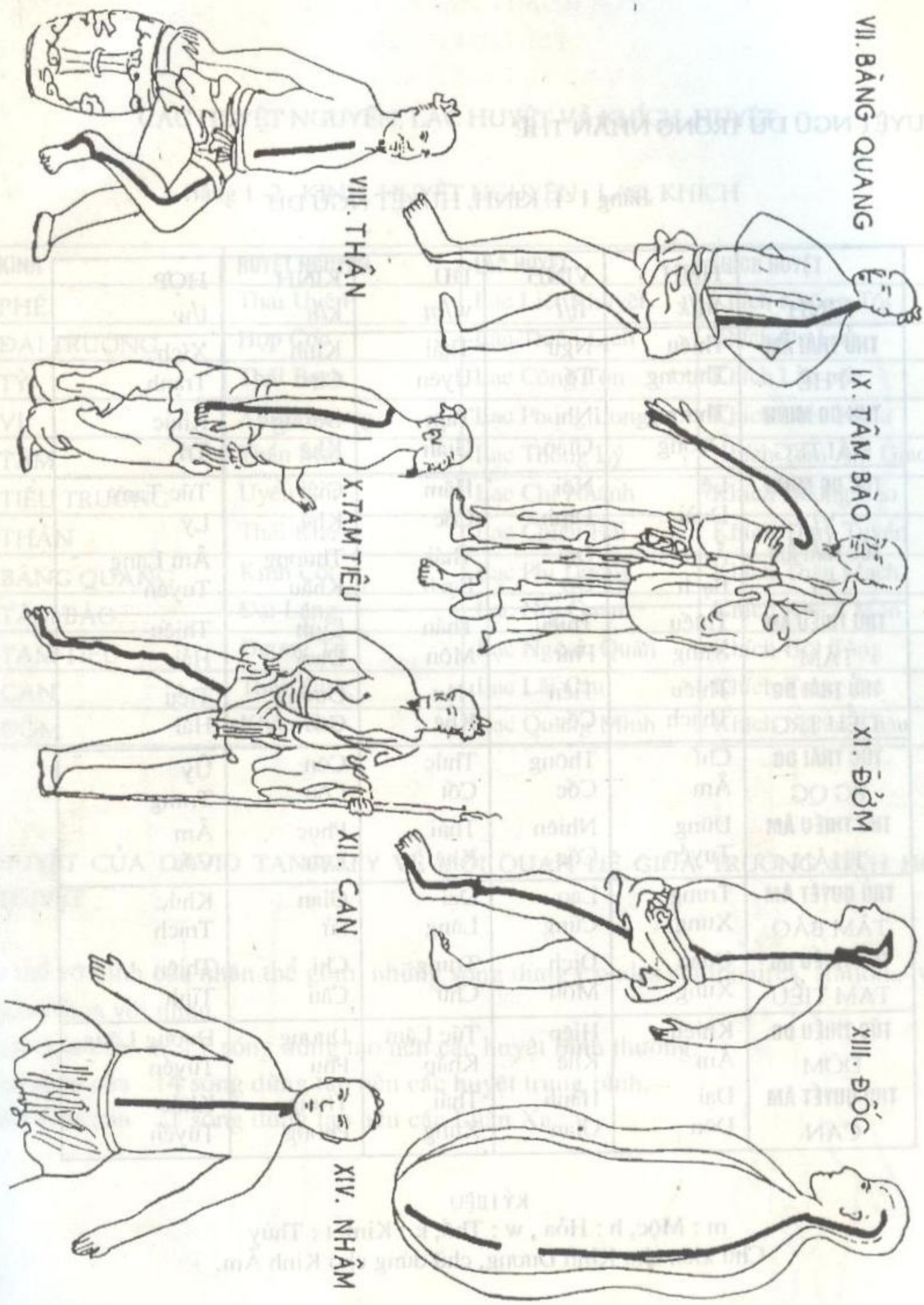

Hình I - 7. HỆ THỐNG CÁC ĐƯỜNG KINH CHÍNH CỦA NHÂN THỂ

CÁC HUYỆT NGŨ DU TRONG NHÂN THỂ

Bảng I -1. KINH, HUYỆT NGŨ DU

KINH	TĨNH m/*k*	VINH h/*t*	DU w/*m*	KINH k/*h*	HỢP t/*w*
THỦ THÁI ÂM PHẾ	Thiếu Thương	Ngư Tế	Thái Uyên	Kinh Cừ	Xích Trạnh
THỦ DG MINH ĐẠI TRG	Thương Dương	Nhị Gian	Tam Gian	Dương Khê	Khúc Trì
TÚC DG MINH VỊ	Lệ Đoài	Nội Đình	Hãm Cốc	Giải Khê	Túc Tam Lý
TÚC THÁI ÂM TỲ	Ẩn Bạch	Đại Đô	Thái Bạch	Thương Khâu	Âm Lăng Tuyền
THỦ THIẾU ÂN TÂM	Thiếu Xung	Thiếu Phủ	Thần Môn	Linh Đạo	Thiếu Hải
THỦ THÁI DG TIỂU TRG	Thiếu Thạch	Tiến Cốc	Hậu Khê	Dương Cốc	Tiểu Hải
TÚC THÁI DG BG QG	Chí Âm	Thông Cốc	Thúc Cốt	Côn Lôn	Ủy Trung
THỦ THIẾU ÂM THẬN	Dũng Tuyền	Nhiên Cốc	Thái Khê	Phục Lưu	Âm Cốc
THỦ QUYẾT ÂM TÂM BÀO	Trung Xung	Lao Cung	Đại Lăng	Gian Sử	Khúc Trạch
THỦ THIẾU DG TAM TIÊU	Quan Xung	Dịch Môn	Trung Chữ	Chi Câu	Thiên Tĩnh
TÚC THIẾU DG ĐỞM	Khiếu Âm	Hiệp Khê	Túc Lâm Khấp	Dương Phụ	Dương Lăng Tuyền
THỦ QUYẾT ÂM CAN	Đại Đôn	Hành Gian	Thái Xung	Trung Phong	Khúc Tuyền

KÝ HIỆU

m : Mộc, h : Hỏa , w : Thổ, k : Kim, t : Thủy

Chữ xiên cho Kinh Dương, chữ đứng cho Kinh Âm.

CÁC HUYỆT NGUYÊN, LẠC HUYỆT VÀ KHÍCH HUYỆT

Bảng I -2 . KINH, HUYỆT NGUYÊN , LẠC, KHÍCH

KINH	HUYỆT NGUYÊN	LẠC HUYỆT	KHÍCH HUYỆT
PHẾ	Thái Uyên	Lạc Liệt Khuyết	Khích Khống Tối
ĐẠI TRƯỜNG	Hợp Cốc	Lạc Thiên Lịch	Khích Ôn Lưu
TỲ	Thái Bạch	Lạc Công Tôn	Khích Lậu cốc
VỊ	Xung Dương	Lạc Phong Long	Khích Điều Khẩu
TÂM	Thần Môn	Lạc Thông Lý	Khích Tam Âm Giao
TIỂU TRƯỜNG	Uyển Cốt	Lạc Chi Nhánh	Khích Dương Lão
THẬN	Thái Khê	Lạc Chiếu Hải	Khích Thủy Tuyền
BÀNG QUANG	Kinh Cốt	Lạc Phi Dương	Khích Thân Mạch
TÂM BÀO	Đại Lăng	Lạc Nội Quan	Khích Khích Môn
TAM TIÊU	Dương Trì	Lạc Ngoại Quan	Khích Hội Tông
CAN	Thái Xung	Lạc Lãi Câu	Khích Trung Đô
ĐỞM	Khâu Hư	Lạc Quang Minh	Khích Ngoại Khâu

GIẢ THUYẾT CỦA DAVID TANSELEY VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA TRƯỜNG SINH HỌC VÀ KINH, HUYỆT

Các cơ thể vô hình của nhân thể gồm những sóng dừng (ondes stationaires, stationa waves), có thể giao thoa với nhau.

Chỗ giao thoa của $n \leq 7$ sóng dừng tạo nên các huyệt bình thường.

Chỗ giao thoa của 14 sóng dừng tạo nên các huyệt trung bình.

Chỗ giao thoa của 21 sóng dừng tạo nên các Luân Xa.

Hình I - 8. CÁC HUYỆT NGŨ DU TRONG NHÂN THỂ

BA KINH ÂM Ở TAY :

PHẾ, TÂM BÀO, TÂM

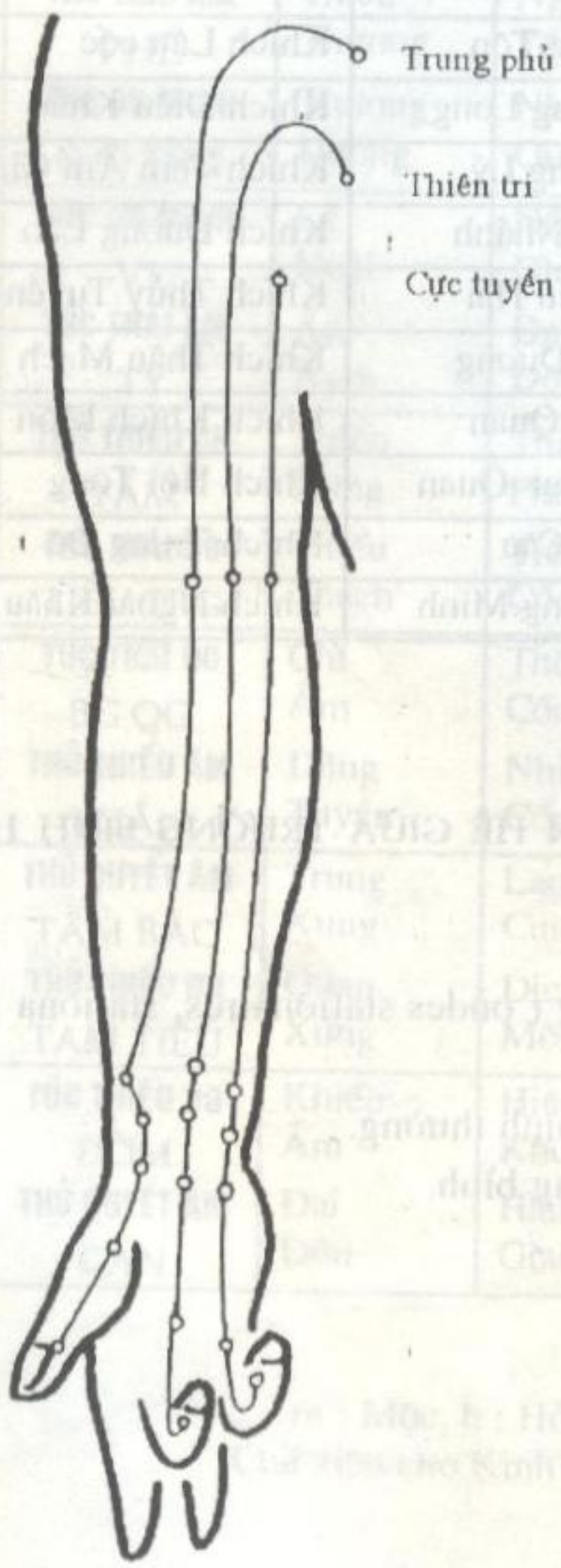

	PHẾ	T.BÀO	TÂM
TĨNH	Thiếu Thương	Trung Xung	Thiếu Xung
VINH	Ngư Tế	Lao Cung	Thiếu Phủ
DU	Thái Uyên	Đại Lăng	Thần Môn
KINH	Kinh Cừ	Gian Sử	Lonh Đạo
HỢP	Xích Trạch	Khúc Trạch	Thiếu Hải

BA KINH DƯƠNG Ở TAY :

ĐẠI TRƯỜNG, TAM TIÊU, TIỂU TRƯỜNG

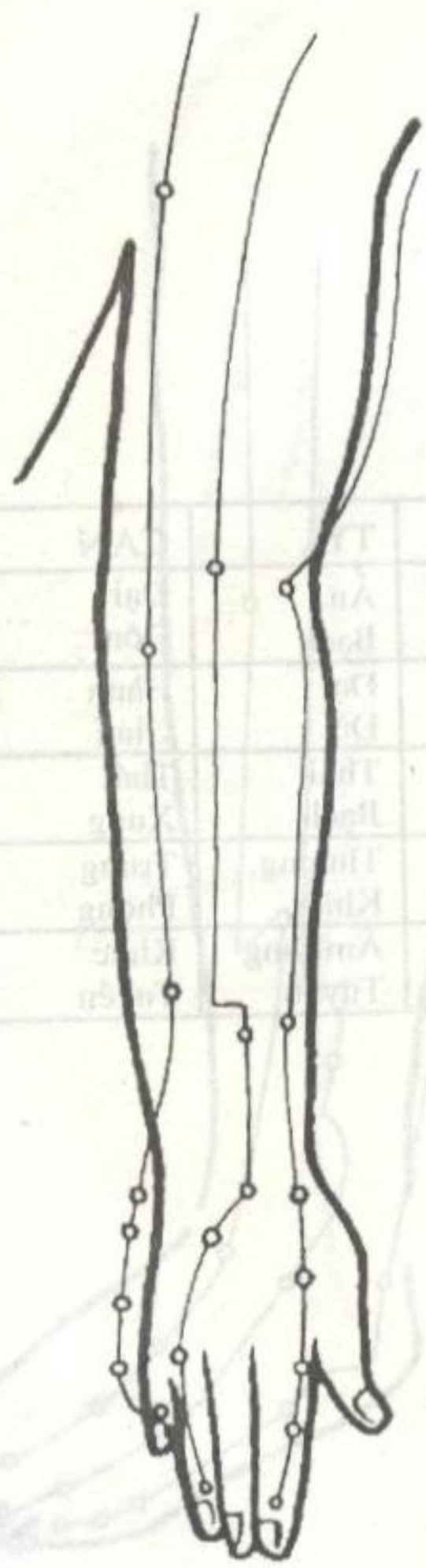

	Đ.TRG	T.TIÊU	T.TRG
TĨNH	Thương Dương	Quan Xung	Thiếu Thạch
VINH	Nhị Gian	Dịch Môn	Tiền Cốc
DU	Tam Gian	Trung Chữ	Hậu Khê
NGUYÊN	Hợp Cốc	Dương Trì	Uyển Cốt
KINH	Dương Khê	Chi Câu	Dương Cốc
HỢP	Khúc Trì	Thiên Tĩnh	Tiểu Hải

BA KINH ÂM Ở CHÂN :

TỲ, CAN, THẬN

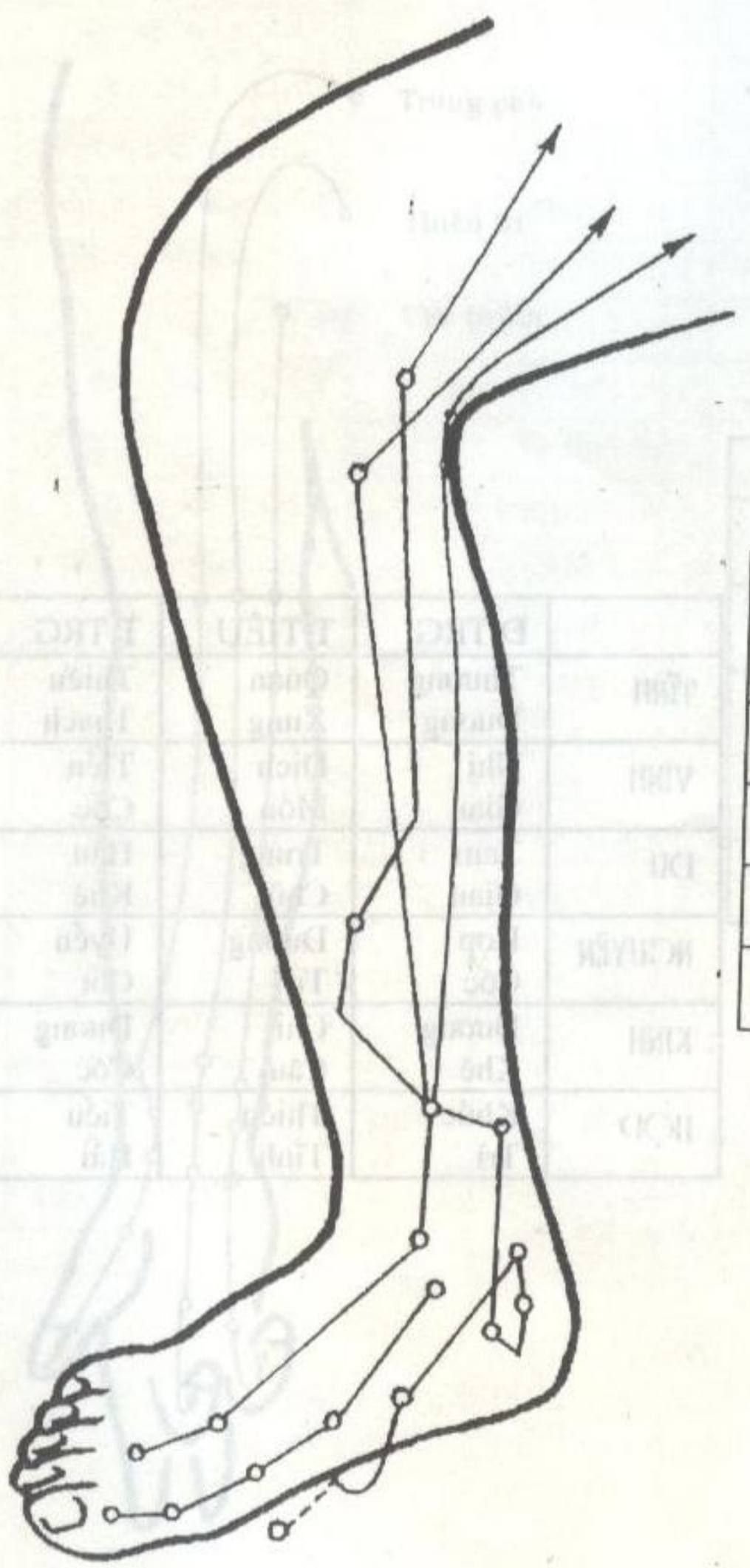

	TỲ	CAN	THẬN
TĨNH	Ẩn Bạch	Đại Đôn	Dũng Tuyền
VINH	Đại Đô	Hành Gian	Nhiên Cốc
DU	Thái Bạch	Thái Xung	Thái Khê
KINH	Thương. Khâu	Trung Phong	Phục Lưu
HỢP	ÂmLăng Tuyền	Khúc Tuyền	Âm Cốc

BA KINH DƯƠNG Ở CHÂN :

VỊ, ĐỞM, BÀNG QUANG

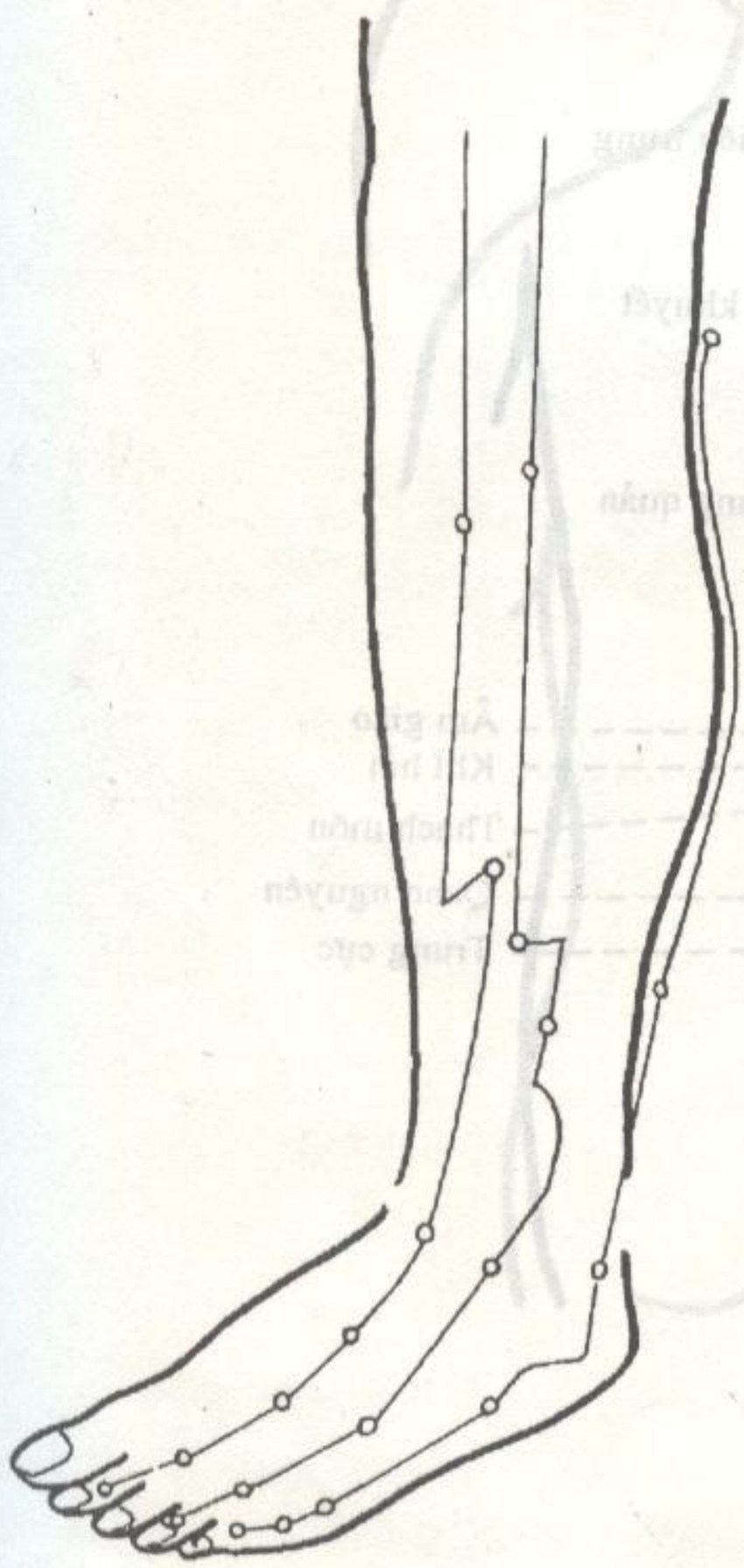

	VỊ	ĐỞM	B.QG
TÍNH	Lệ Đoài	Khiếu Âm	Chí Âm
VINH	Nội Đình	Hiệp Khê	Thông Cốc
DU	Hãm Cốc	Túc Lâm Khấp	Thúc Cốt
NGUYÊN	Xung Dương	Khâu Hư	Kinh Cốc
KINH	Giải Khê	Dương Phụ	Côn Lôn
HỢP	Túc Tam Lý	Dg Lâng Tuyền	Ủy Trung

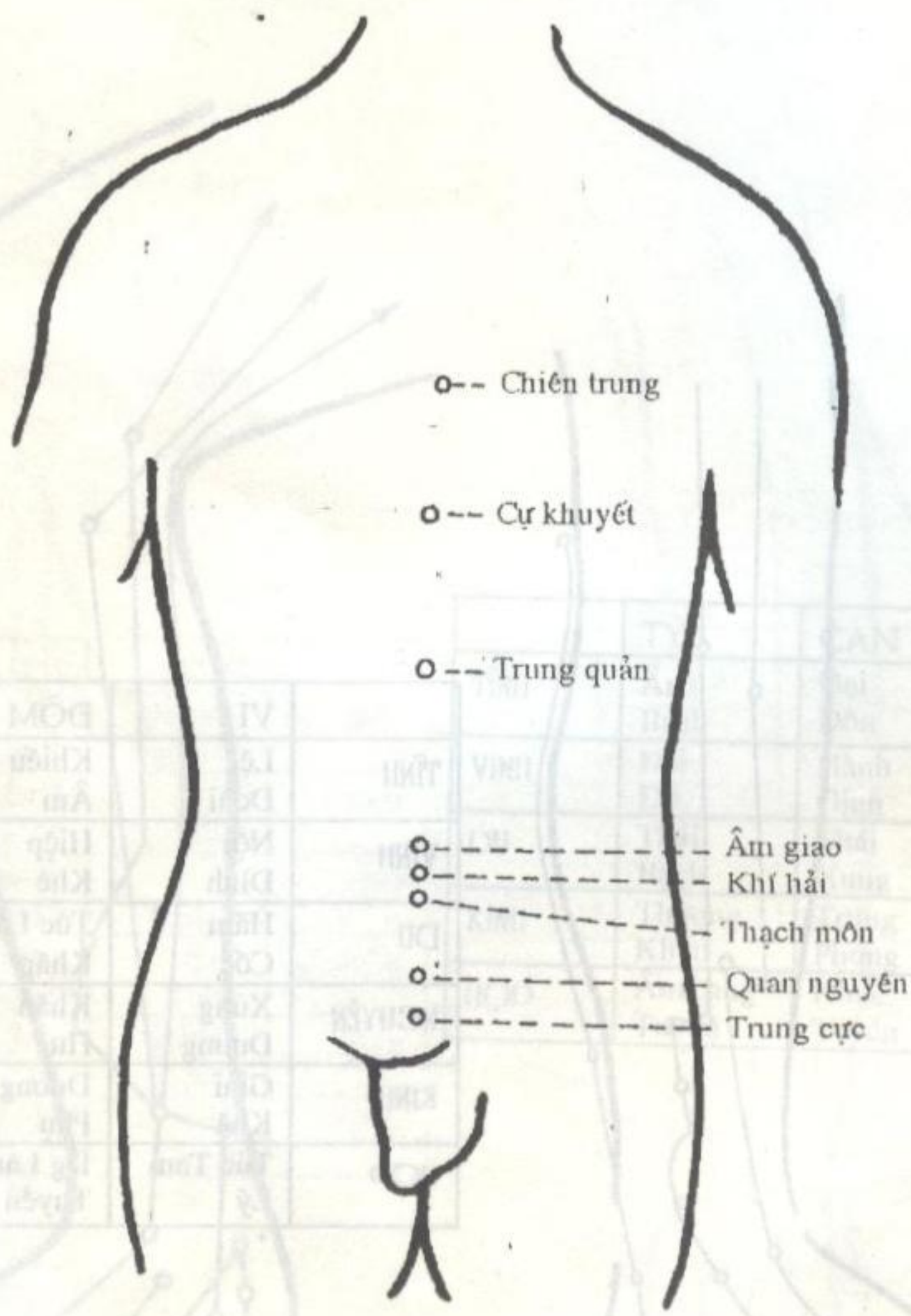

Hình I - 9. MẠCH NHÂM

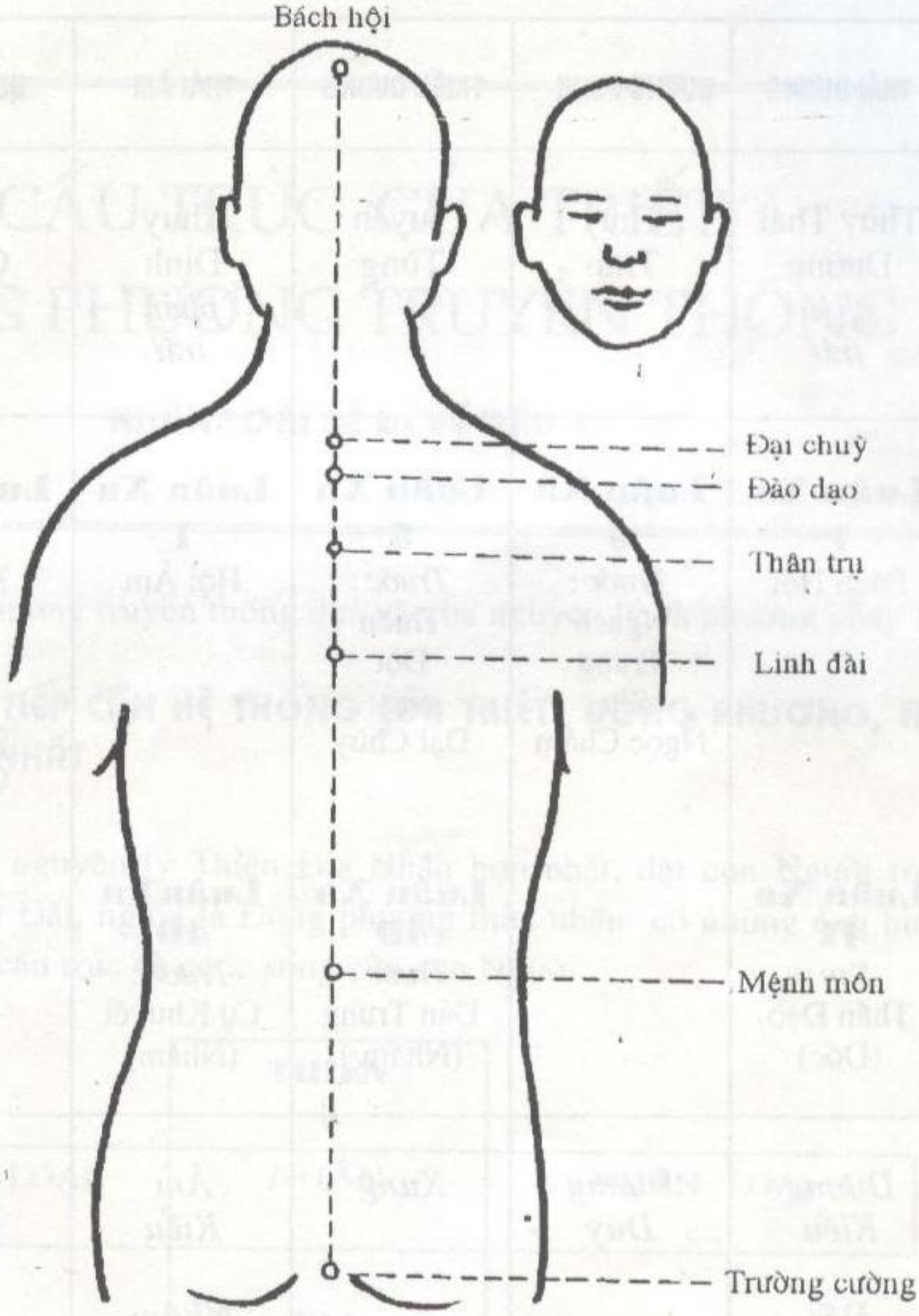

Hình I - 10. MẠCH ĐỐC

Tứ Tượng- Lục Khí

VỚI CẤU TRÚC CON NGƯỜI

	THÁI DƯƠNG	DƯƠNG MINH	THIẾU DƯƠNG	THÁI ÂM	QUYẾT ÂM	THIẾU ÂM
NÃO BỘ	Thùy Thái Dương *phải, trái*	Thùy Trán	Tuyến Tùng	Thùy Đỉnh *phải, trái*	Thùy Chẩm	Tuyến Yên
LUÂN XA VÀ HUYỆT LIÊN KẾT	**Luân Xa 7** Bách Hội **Luân Xa 4T** *Sau* : Thần Đạo (Đốc)	**Luân Xa 6** *Trước* : Ngạch Trung *Sau* : Ngọc Chẩm	**Luân Xa 5** *Trước* : Thiên Đột *Sau* : Đại Chùy **Luân Xa 4Đ** *Trước* : Đản Trung (Nhâm)	**Luân Xa 1** Hội Âm **LuânXa 4Đ** *Trước* : Cự Khuyết (Nhâm)	**Luân Xa 2** *Trước* : Thúc Cốt *Sau* : Trường Cường	**Luân Xa 3** *Trước* : Thần Khuyết *Sau* : Mệnh Môn **Luân Xa 4T** *Sau* : Linh Đài (Đốc)
MẠCH	*Dương Kiểu* *Đốc*	*Dương Duy*	*Xung*	*Âm Kiểu* *Nhâm*	*Âm Duy*	*Đới*
ĐƯỜNG KINH	BÀNG QUANG TIỂU TRƯỜNG	ĐẠI TRƯỜNG VỊ	TAM TIÊU ĐỞM	PHẾ TỲ	TÂM BÀO CAN	TÂM, THẬN

CHƯƠNG II

CẤU TRÚC CỦA TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG TRUYỀN THỐNG

NHÂN LOẠI SẼ ĐI VỀ ĐÂU ?

Lý thuyết Triết Đông phương truyền thống dựa vào ba nguyên lý và phương pháp luận sau :

PHƯƠNG PHÁP LUẬN TIẾP CẬN HỆ THỐNG CỦA TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG, NGUYÊN LÝ THIÊN ĐỊA NHÂN HỢP NHẤT

Đông phương tuân theo nguyên lý Thiên Địa Nhân hợp nhất, đặt con Người trong một hệ thống lớn hơn là Trời và Đất, nghĩa là Đông phương thừa nhận có những ảnh hưởng hữu cơ của Trời và Đất lên trên cấu trúc và cuộc sống của con Người

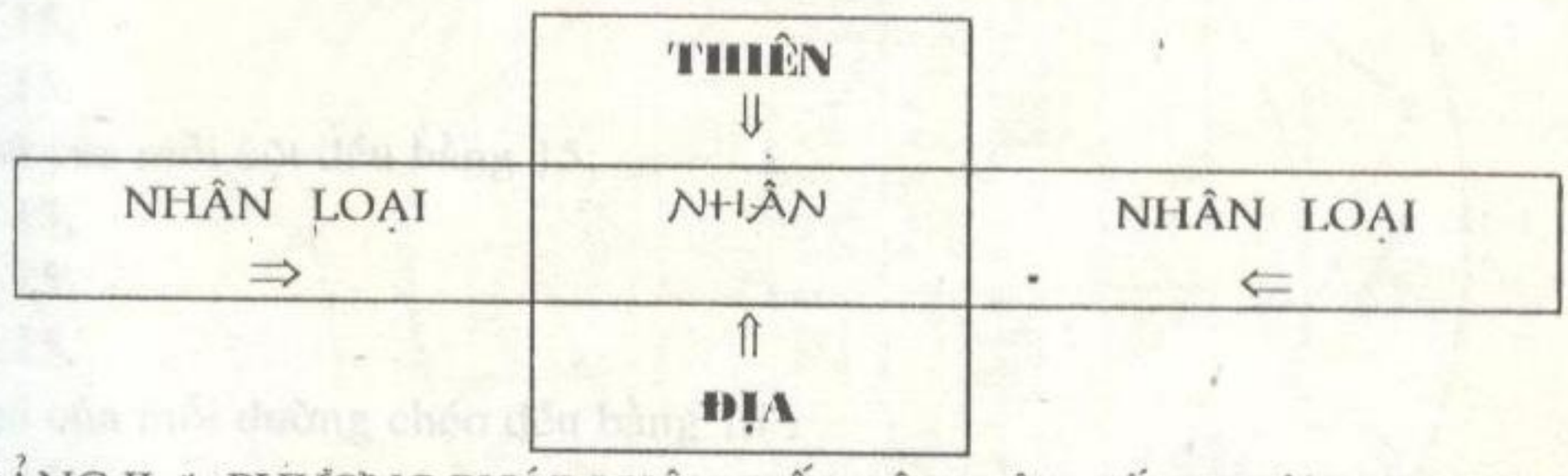

BẢNG II- 1 PHƯƠNG PHÁP LUẬN TIẾP CẬN HỆ THỐNG ĐÔNG PHƯƠNG

Nhân: Quan hệ ngang ⇔ với cộng đồng là Nhân loại

Nhân : Quan hệ dọc ⇓⇑ Trời Đất (và môi trường)

HÌNH THỨC LUẬN CỦA PHƯƠNG PHÁP LUẬN CÁC HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU CÁC THẤT TINH

Hình thức luận toán học của Khoa học Đông phương dựa vào các Hình vuông Kỳ diệu của Thất Tinh, xuất hiện trong nền văn minh Hebreux (Do thái cũ), các Hình vuông này được xem là cơ sở Phổ quát của Khoa học Đông phương [6, 11, 12] :

SAO THỔ, SAO MỘC, SAO HỎA, MẶT TRỜI, SAO KIM, SAO THỦY VÀ MẶT TRĂNG .

Hình vuông đầu tiên trong số đó là sơ đồ đơn giản nhất, gọi là Hình Vuông Kỳ Diệu của Sao Thổ hay là *Lạc Thư*. Chính sơ đồ . này đã làm kim chỉ nam hành động cho nhân loại Đông phương trong suốt mấy nghìn năm nay.

Cần nhắc lại rằng ở đây biểu hiện tính chất khoa học Hệ thống phổ quát của nền văn minh Đông phương, do các Hình vuông Thất Tinh được xem là nòng cốt của Khoa học hệ thống cả Tự nhiên, cả Nhân văn.

Một điều làm chúng ta ngạc nhiên là các Hình vuông Kỳ diệu đó không những là những ***hệ thống thông tin*** , mà còn có khả năng là những ***hệ thống năng lượng*** !(xem Công nghệ Kim Tự Tháp, chương XXII).

Sau này chúng ta hãy lần lượt nghiên cứu

1. Khoa học Hệ thống Hình Vuông Sao Thổ hay Lạc Thư và Sao Thủy (thường gọi là Kinh Dịch)
2. Khoa học Hệ thống Hình Vuông Sao Mộc (gọi là Huệ Năng Dịch lý)
3. Khoa học Hệ thống Hình Vuông Mặt Trời (gọi là Thái Huyền Dịch Lý).

Hình II- 1. HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU SAO THỔ HAY LẠC THƯ

NGUYÊN LÝ CHÂN THIỆN MỸ

CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU CỦA SAO THỔ

Tổng các mã của mỗi hàng đều bằng 15:

6 + 1 + 8 = 15,

7 + 5 + 3 = 15,

2 + 9 + 4 = 15.

Tổng các mã của mỗi cột đều bằng 15:

6 + 7 + 2 = 15,

1 + 5 + 9 = 15,

8 + 3 + 4 = 15.

Tổng các mã của mỗi đường chéo đều bằng 15 :

6 + 5 + 4 = 15,

8 + 5 + 2 = 15.

Đối với các Hình vuông khác, chúng ta cũng có những đặc tính tương tự như thế.

Những đặc tính này là biểu hiện của tính thẩm mỹ của nguyên lý Chân Thiện Mỹ của Triết Đông phương.

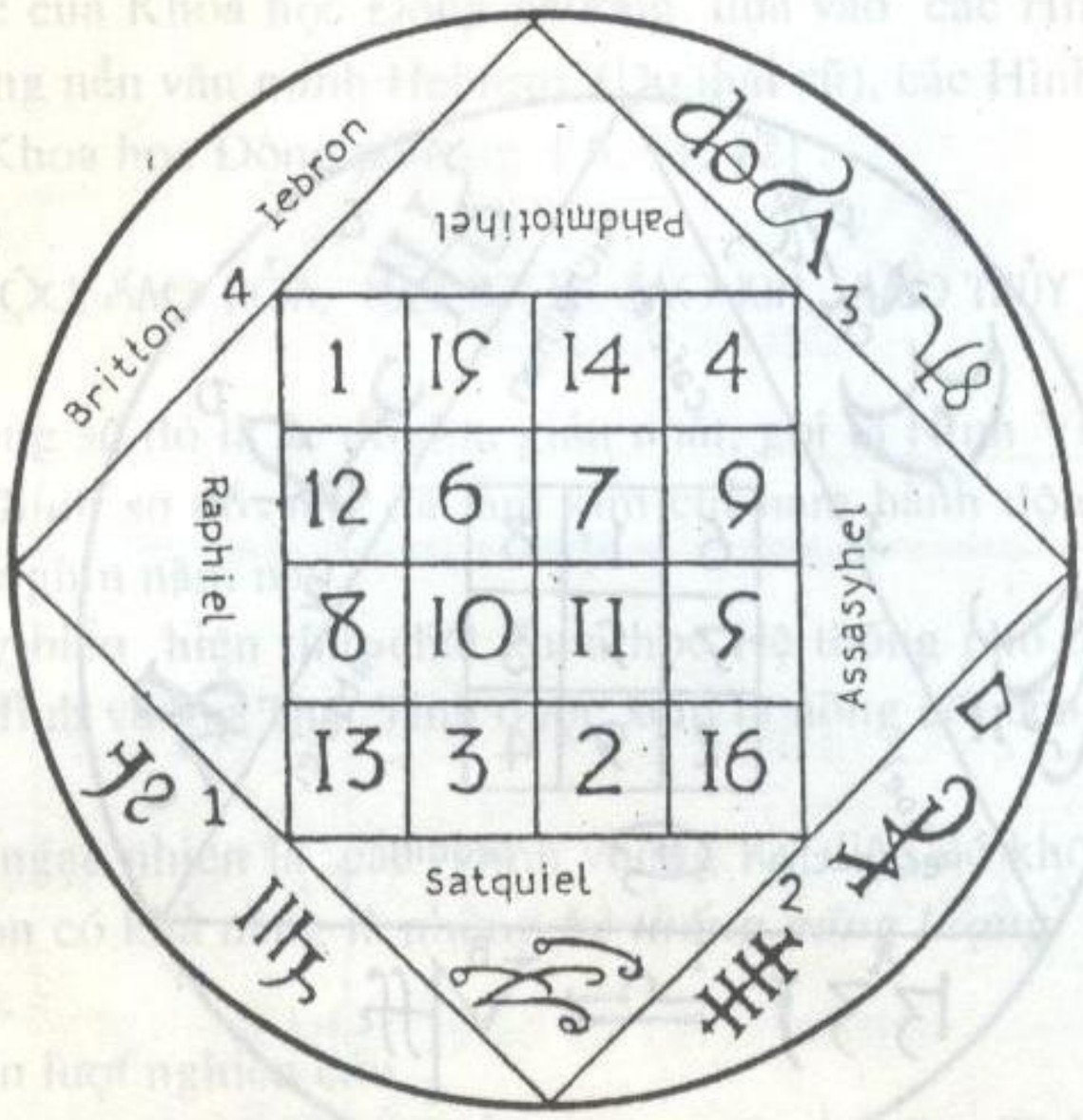

Hình II-2. HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU CỦA SAO MỘC.

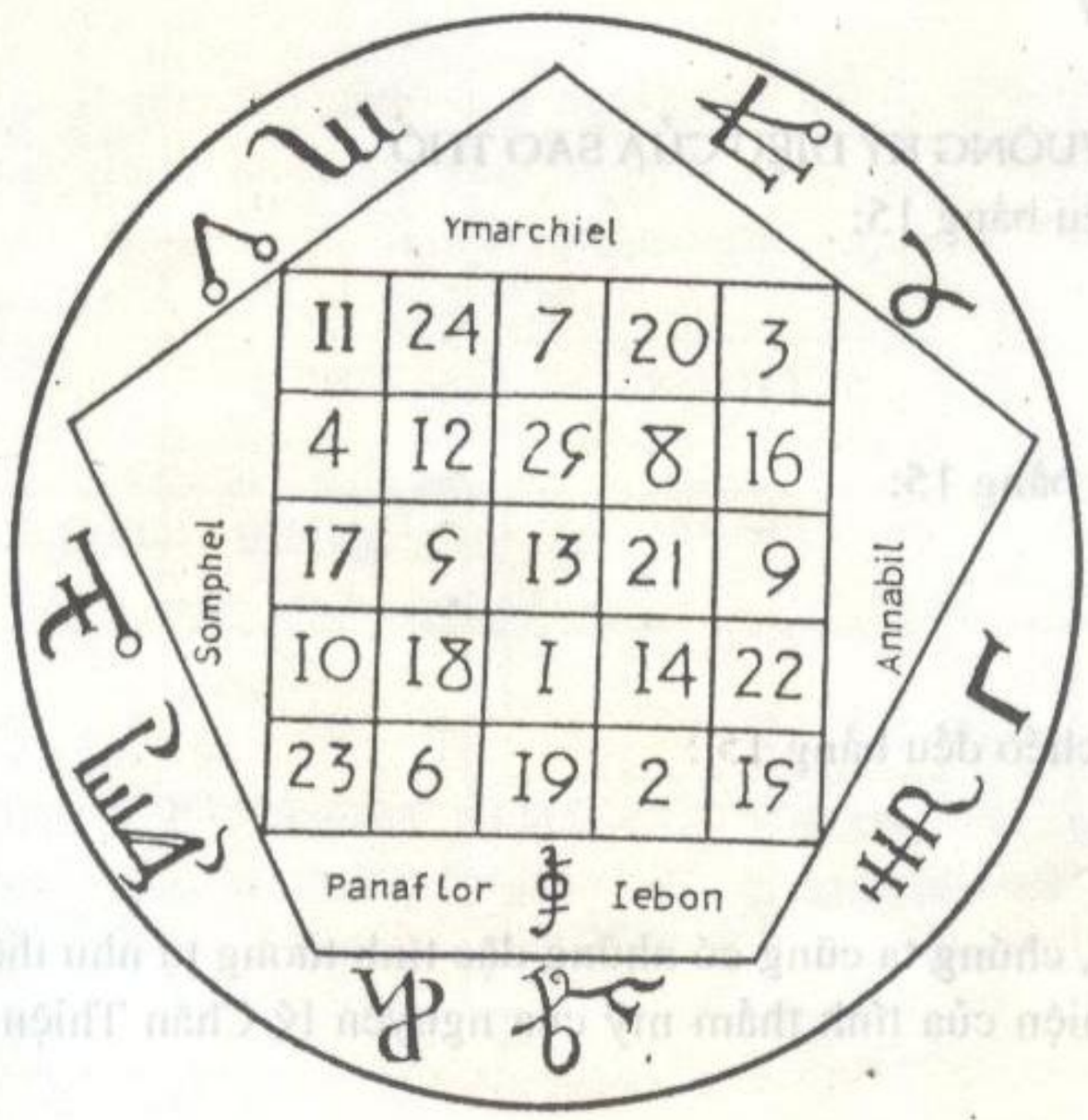

Hình II-3. HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU CỦA SAO HỎA

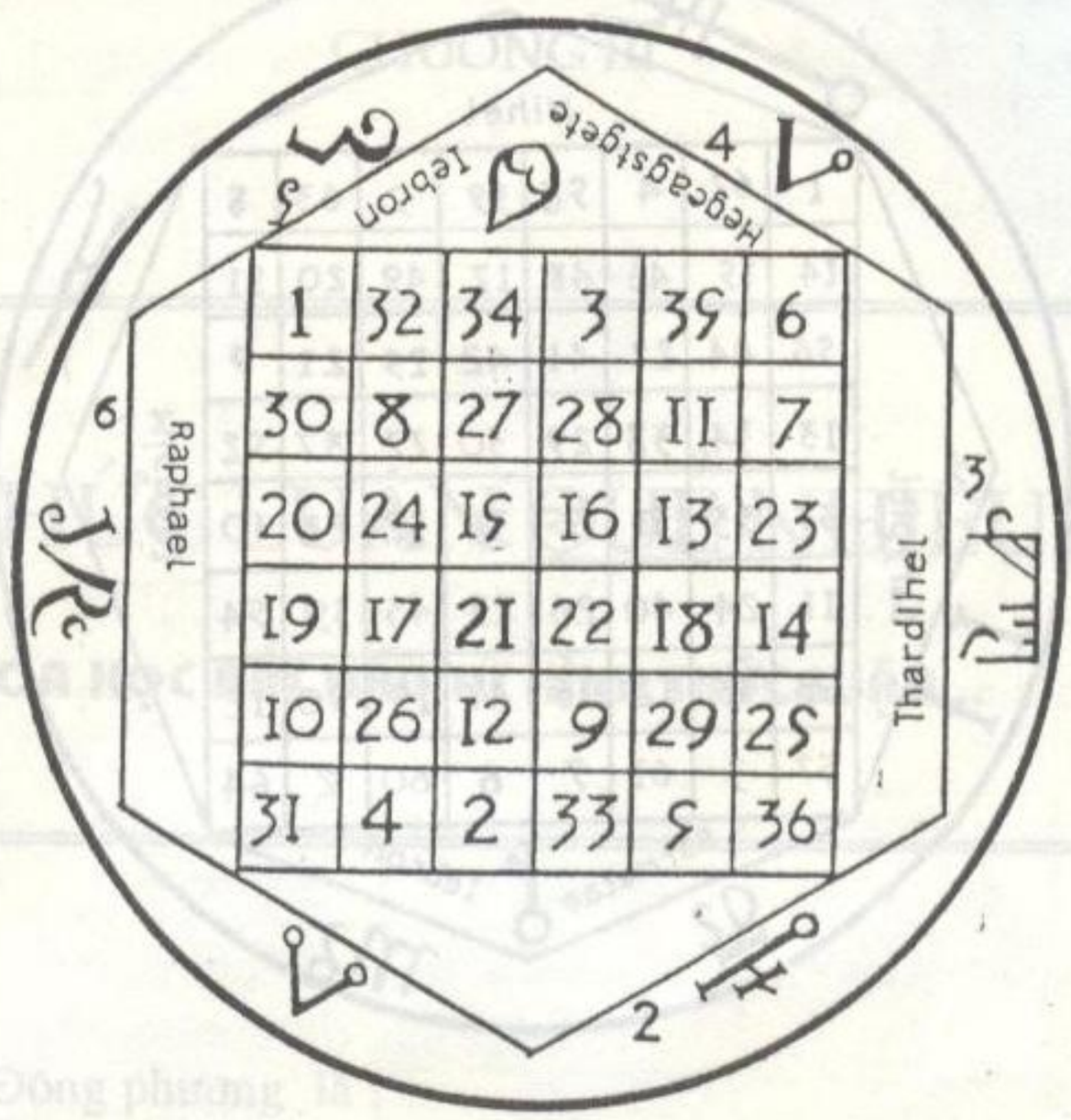

Hình II-4. HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU CỦA MẶT TRỜI.

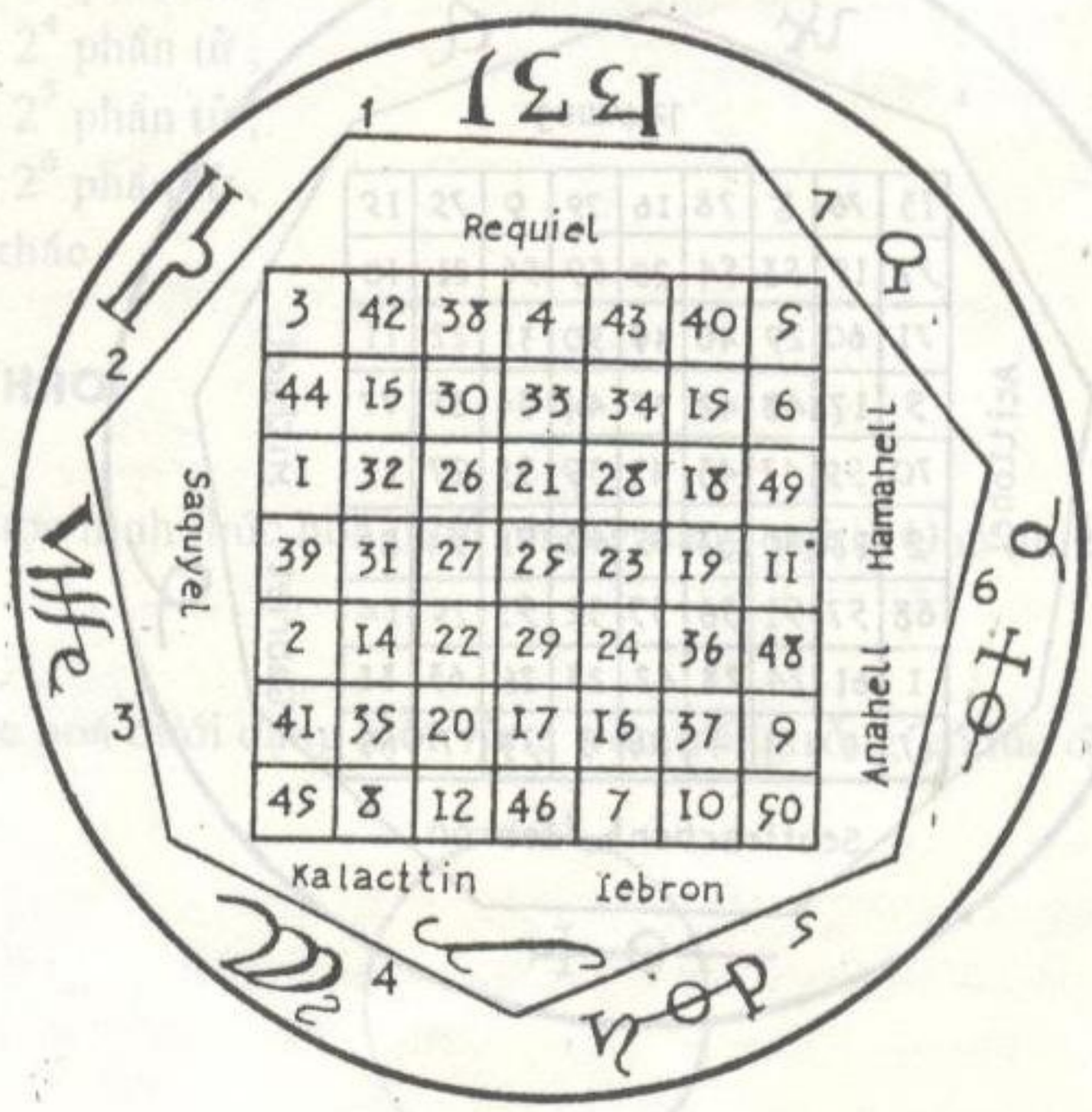

Hình II- 5. HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU CỦA SAO KIM

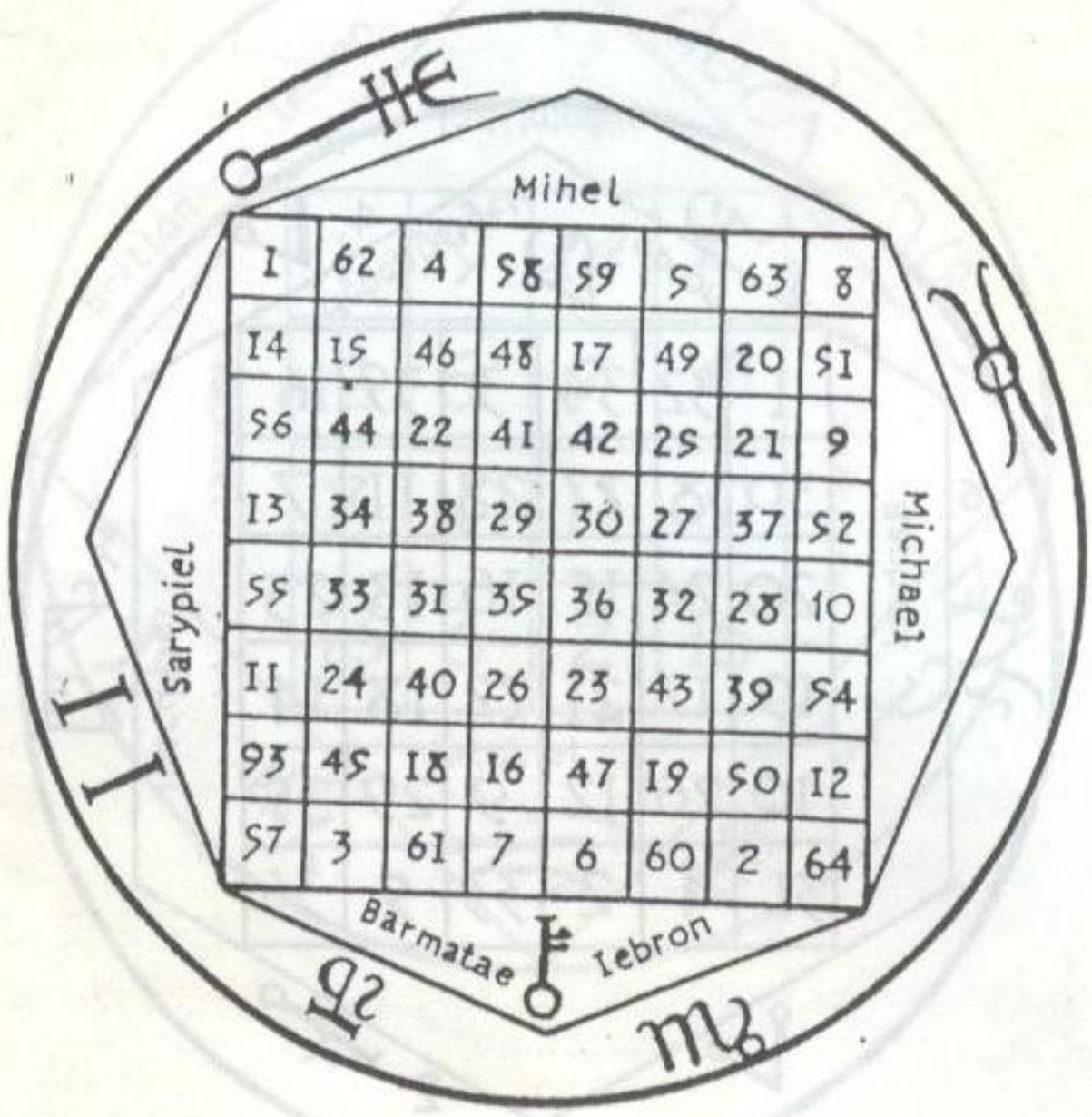

Hình II-6. HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU CỦA SAO THỦY

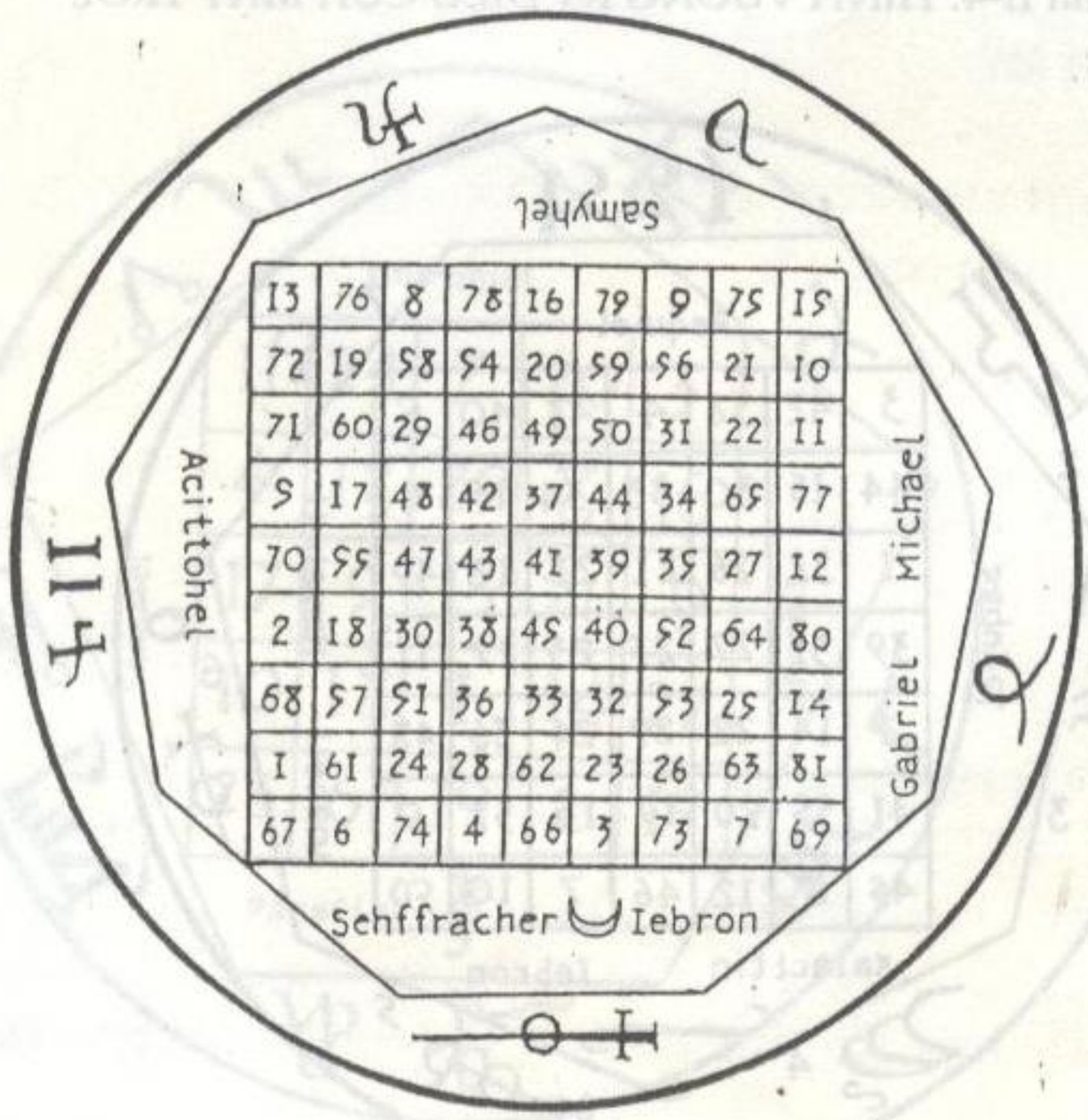

Hình II- 7. HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU CỦA MẶT TRĂNG

CHƯƠNG III

HÌNH THỨC LUẬN QUẺ NHIỀU HÀO

KHOA HỌC BẮT ĐẦU TỪ HÌNH THỨC LUẬN...

ĐỐI TƯỢNG

Các đối tượng của Triết Đông phương là :
- Cái Một : Vũ trụ, $1 = 2^0$ phần tử ,
- Hệ Âm Dương (hay lưỡng Nghi), $2= 2^1$ phần tử ,
- Hệ Tứ Tượng , $4 = 2^2$ phần tử ,
- Hệ Bát Quái , $8 = 2^3$ phần tử ,
- Hệ 16 Quái, $16 = 2^4$ phần tử ,
- Hệ 32 Quái, $32 = 2^5$ phần tử ,
- Hệ 64 Quái , $64 = 2^6$ phần tử ,
- Nhiều hệ phức tạp khác.

CÁC HỆ QUẺ NHIỀU HÀO

Các đối tượng trên được hình thức hoá dưới những dạng gọi là Quẻ nhiều hào như sau:

VŨ TRỤ

Vũ trụ được hình thức hoá dưới dạng một vòng tròn trống rỗng(có lúc chứa một điểm ở tâm).

HỆ ÂM DƯƠNG VÀ HỆ TỨ TƯỢNG

Hệ Âm Dương chứa hai đối tượng gọi là Âm và Dương. Đối tượng Dương được biểu diễn bằng một vạch liên tục, đối tượng Âm được biểu diễn bằng một vạch không liên tục (thường gọi là vạch đứt).

Hệ Âm Dương tuân theo nguyên lý Phi Bài trung : Trong Âm có Dương và, ngược lại , trong Dương có Âm.

Như thế, chúng ta cần xét không phải một hệ chỉ chứa hai yếu tố, mà lại một hệ chứa đến 4 yếu tố gọi là Tứ Tượng với các phần tử { Thái Âm , Thiếu Dương, Thái Dương và Thiếu Âm}, được biểu diễn bởi các Quẻ 2 hào sau :

	THÁI ÂM QUẺ HAI HÀO	THIẾU DƯƠNG QUẺ HAI HÀO	THÁI DƯƠNG QUẺ HAI HÀO	THIẾU ÂM QUẺ HAI HÀO
Hào 2 Hào 1	Âm Âm	Âm Dương	Dương Dương	Dương Âm
Tên gọi	*Thủy*	*Mộc*	*Hỏa*	*Kim*

Bảng III - 1. HỆ TỨ TƯỢNG VỚI CÁC QUẺ HAI HÀO VÀ TÊN GỌI CỦA CHÚNG

HỆ HÀ ĐỒ

Hệ Tứ Tượng được sắp xếp đước dạng một sơ đồ như sau với những mã đặc biệt , sơ đồ này gọi là Hà Đồ có tính Dương (Âm) với các số lẻ (chẵn)

	HỎA 2, 7	
MỘC 3, 5 / 8	*Tâm* 5, 10	**KIM** 4, 9
	THỦY 1, 6	

Bảng III - 2. SƠ ĐỒ HÀ ĐỒ VỚI MÃ SỐ TỨ TƯỢNG

HỆ BÁT QUÁI

Hệ Bát Quái

{Kiền = Thiên , Đoài = Trạch, Ly = Hỏa, Chấn = Lôi,
Tốn = Phong, Khảm = Thủy, Cấn = Sơn , Khôn = Địa}

được biểu diễn bởi một hệ gồm 8 Quái với các mã số sau:

	KIỀN 6, 1 *Thiên*	ĐOÀI 7, 2 *Trạch*	LY 9, 3 *Hỏa*	CHẤN 3, 4 *Lôi*	TỐN 4, 5 *Phong*	KHẢM 1, 6 *Thủy*	CẤN 8, 7 *Sơn*	KHÔN 2, 8 *Địa*
Hào 3	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm	Dương	Âm
Hào 2	Dương	Dương	Âm	Âm	Dương	Dương	Âm	Âm
Hào 1	Dương	Dương	Dương	Dương	Âm	Âm	Âm	Âm

BảngIII - 3. HỆ BÁT QUÁI VỚI MÃ SỐ.

Mã số thứ nhất gọi là mã số Hậu thiên, còn Mã số thứ hai - Mã số Tiên thiên (hình III - 4 & 5) .

HAI HỆ BÁT QUÁI TIÊN THIÊN & HẬU THIÊN

Hệ Bát Quái với mã số Tiên thiên gọi là hệ Tiên thiên hay hệ Phục Hy, được sắp xếp đặc biệt trên Lạc thư (Hình vuông Sao Thổ) như sau :

ĐOÀI 2	KIỀN 1	TỐN 5
LY 3	*Tâm* 9	KHẢM 6
CHẤN 4	KHÔN 8	CẤN 7

Bảng III - 4. HỆ BÁT QUÁI TIÊN THIÊN HAY PHỤC HY VỚI MÃ SỐ

Hệ Bát Quái với mã số Hậu thiên gọi là hệ Hậu thiên hay hệ Văn Vương, được sắp xếp đặc biệt trên Lạc thư (Hình vuông Sao Thổ) như sau :

TỐN 4	LY 9	KHÔN 2
CHẤN 3	*Tâm* 5	ĐOÀI 7
CẤN 8	KHẢM 1	KIỀN 6

Bảng III - 5. HỆ BÁT QUÁI HẬU THIÊN HAY VĂN VƯƠNG VỚI MÃ SỐ

CÁC HỆ 64 QUẺ

Các quẻ 6 hào là kết quả chồng hai quẻ 3 hào lên nhau , dưới dạng sau :

QUẺ NGOẠI	QUẺ 3 HÀO THƯỢNG
QUẺ NỘI	QUẺ 3 HÀO HẠ

Quẻ 3 hào thượng gọi là quẻ ngoại , còn quẻ 3 hào hạ gọi là quẻ nội. Quẻ nội được xem là cơ bản hơn quẻ ngoại.

CÁC QUAN HỆ GIỮA CÁC HÀO CỦA CÁC QUẺ NỘI VÀ NGOẠI TRONG QUẺ 6 HÀO

Có nhiều mối quan hệ giữa các hào của các quẻ nội và ngoại. Trong số đó, quan hệ quan trọng nhất là như sau :

QUẺ 3 HÀO NGOẠI	Hào 6	*Có quan hệ với hào 3*	♣
	Hào 5	*Có quan hệ với hào 2*	♥
	Hào 4	*Có quan hệ với hào 1*	♦
QUẺ 3 HÀO NỘI	Hào 3	*Có quan hệ với hào 6*	♣
	Hào 2	*Có quan hệ với hào 5*	♥
	Hào 1	*Có quan hệ với hào 4*	♦

Bảng III - 6. QUAN HỆ QUAN TRỌNG NHẤT GIỮA CÁC HÀO CỦA MỘT QUẺ 6 HÀO

Các hệ gồm

- 16 quẻ 4 hào = Tứ Tượng hai hào × Tứ Tượng hai hào,
- 32 quẻ 5 hào = Tứ Tượng 2 hào × Bát Quái 3 hào,
- những đối tượng phức tạp hơn ,

sẽ được xét sau này..

HỆ 64 QUẺ 6 HÀO = 8 QUẺ 3 HÀO × 8 QUẺ 3 HÀO

nhiều hệ 64 quẻ 6 hào như sau :

Ệ 64 QUẺ 6 HÀO TIÊN THIÊN

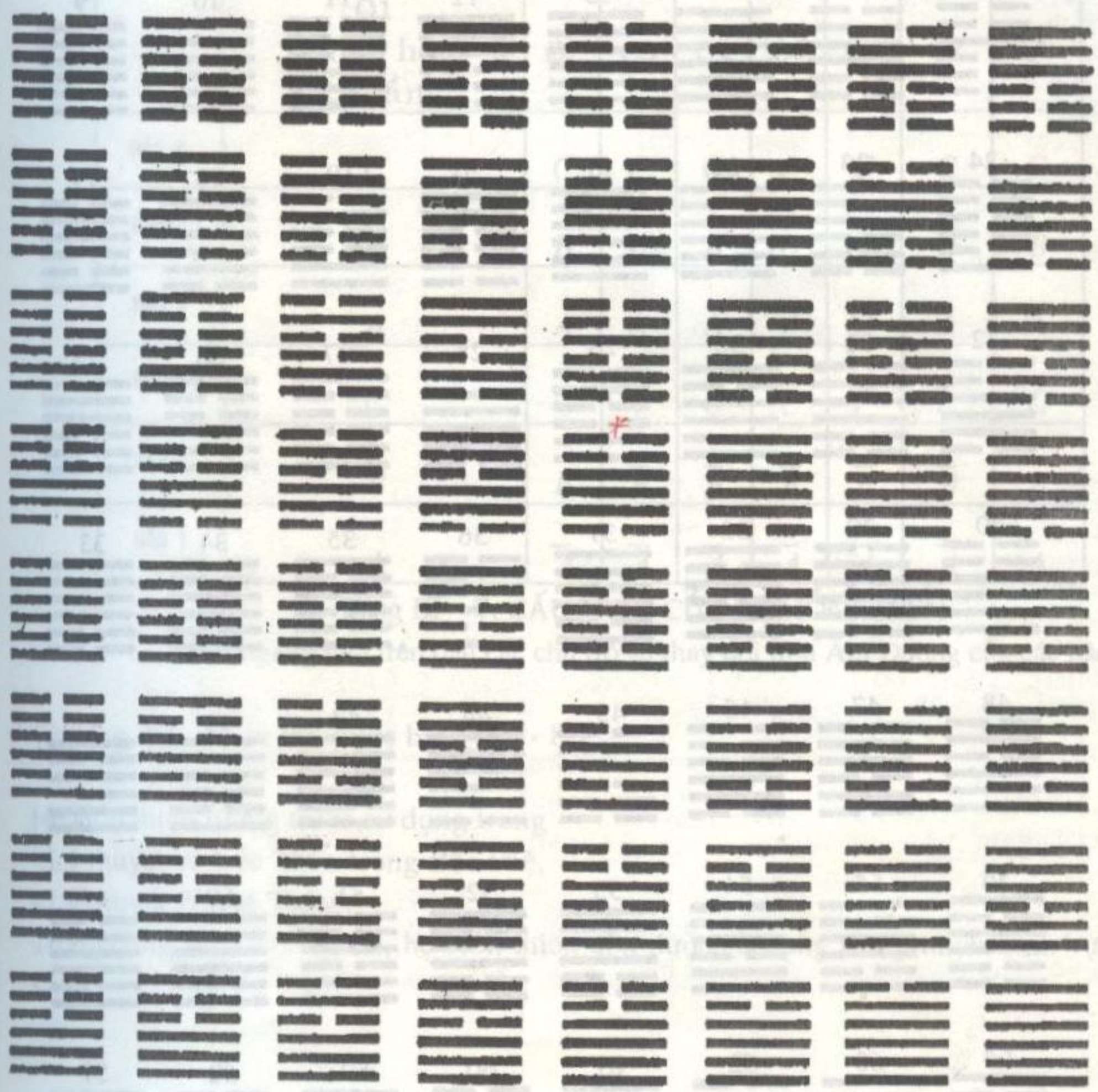

2. HỆ 64 QUẺ 6 HÀO HẬU THIÊN HAY HỆ VĂN VƯƠNG

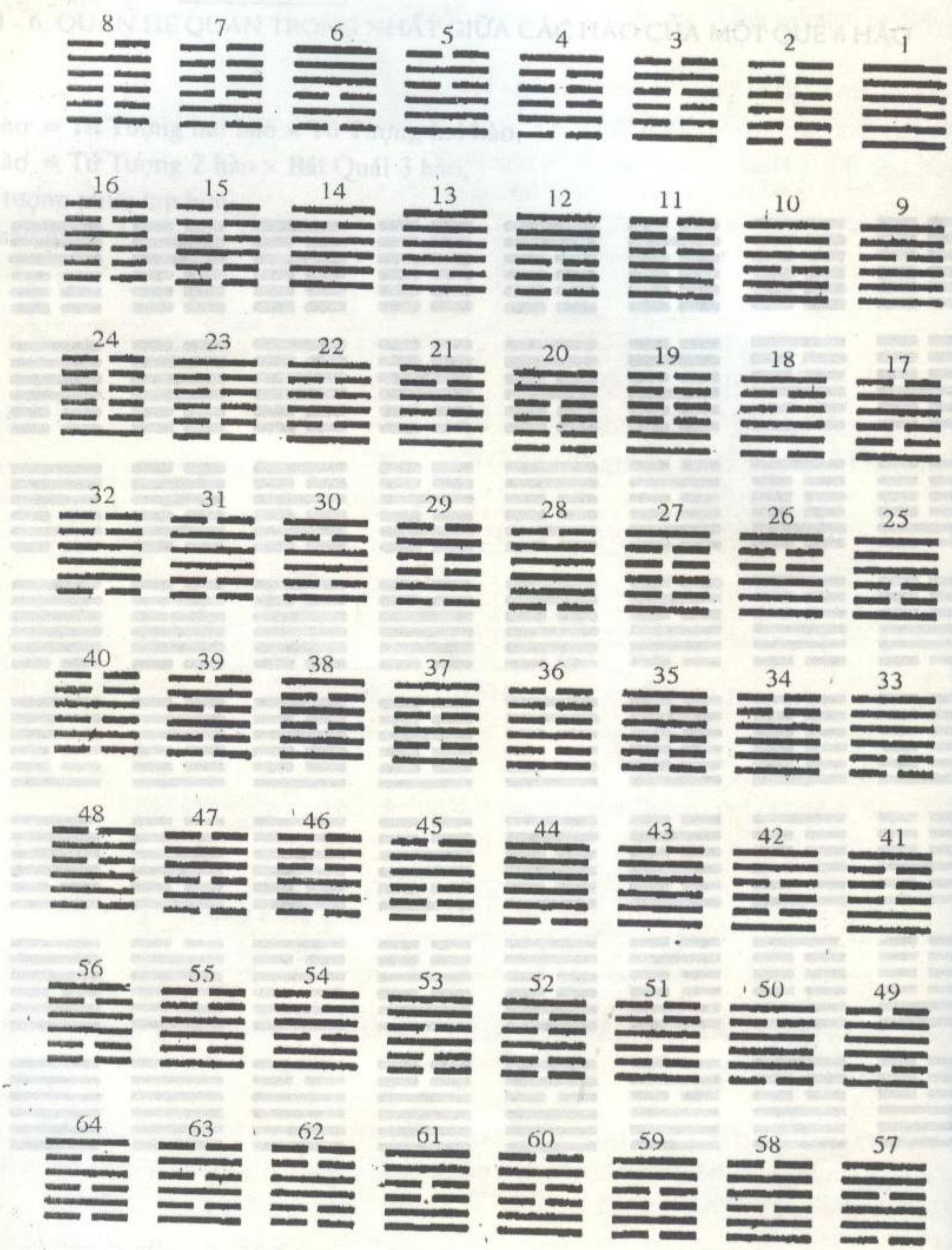

Tập con gồm các quẻ từ quẻ 01 đến quẻ 30 của hệ Văn Vương được gọi là tập Tiên thiên, còn tập con gồm các quẻ từ quẻ 31 đến quẻ 64 được gọi là tập Hậu thiên.
Hệ Hậu thiên Văn vương là cơ sở của cuộc sống tại " cõi Trần", còn hệ Tiên thiên là tương ứng với các " Thiên cơ".

3. HỆ HỖN THIÊN

Định nghĩa các quẻ thuần. Quẻ thuần - ký hiệu là Q1 -là quẻ ở đó quẻ nội bằng quẻ ngoại,
Hệ Hỗn thiên là một hệ có thứ tự gồm 64 quẻ 6 hào, xuất phát từ các quẻ thuần Q1: Quẻ thuần Kiền, quẻ thuần Đoài, quẻ thuần Ly, quẻ thuần Chấn, quẻ thuần Tốn, quẻ thuần Khảm, quẻ thuần Cấn và quẻ thuần Khôn.
Các quẻ 6 hào Q2,Q3,...,Q8 khác được lập từ các quẻ thuần Q1 theo bảng sau :

	Q1 Quẻ 6 hào thuần	Q2	Q3	Q4	Q5	Q6	Q7	Q8
HÀO 6	C	C	C	C	C	C	C	C
HÀO 5	B	B	B	B	B	$\overline{B}$	$\overline{B}$	$\overline{B}$
HÀO 4	A	A	A	A	$\overline{A}$	$\overline{A}$	A	A
HÀO 3	C	C	C	$\overline{C}$	$\overline{C}$	$\overline{C}$	$\overline{C}$	C
HÀO 2	B	B	$\overline{B}$	$\overline{B}$	$\overline{B}$	$\overline{B}$	$\overline{B}$	B
HÀO 1	A	$\overline{A}$	$\overline{A}$	$\overline{A}$	$\overline{A}$	$\overline{A}$	$\overline{A}$	A

Bảng III - 7. CẤU TRÚC CỦA HỆ HỖN THIÊN

Vạch ngang nhỏ trên đầu các chữ trỏ sự thay đổi tính Âm Dương của các hào.

Từ bảng III - 7, ta thu được bảng III - 8.

Hệ Hỗn thiên tường được sử dụng trong
- Lý thuyết về Lục Thân trong Bốc Phệ,
- Lý thuyết Phong Thủy .

Trong công trình chúng tôi, hệ Hỗn thiên còn được sử dụng trong nhiều lĩnh vực nghiên cứu khác.

KIỀN 1 **6/6**	*Kiền 2* 6 /4	*Kiền 3* 6 /8	*Kiền 4* 6 /2	*Kiền 5* 4 /2	*Kiền 6* 8 /2	*Kiền 7* 9 /2	*Kiền 8* 9 /6
ĐOÀI 1 **7/7**	*Đoài 2* 7 /1	*Đoài 3* 7 /2	*Đoài 4* 7 /8	*Đoài 5* 1 /8	*Đoài 6* 2 /8	*Đoài i 7* 3 /8	*Đoài 8* 3 /7
LY 1 **9/9**	*Ly 2* 9 /8	*Ly 3* 9 /4	*Ly 4* 9 /1	*Ly 5* 8 /1	*Ly 6* 4 /1	*Ly 7* 6 /1	*Ly 8* 6 /9
CHẤN 1 **3/3**	*Chấn 2* 3 /2	*Chấn 3* 3 /1	*Chấn 4* 3 /4	*Chấn 5* 2 /4	*Chấn 6* 1 /4	*Chấn 7* 7 /4	*Chấn 8* 7 /3
TỐN 1 **4/4**	*Tốn 2* 4 /6	*Tốn 3* 4 /9	*Tốn 4* 4 /3	*Tốn 5* 6 /3	*Tốn 6* 9 /3	*Tốn 7* 8 /3	*Tốn 8* 8/4
KHẢM 1 **1/1**	*Khảm 2* 1 /7	*Khảm 3* 1 /3	*Khảm 4* 1 /9	*Khảm 5* 7 /9	*Khảm 6* 3 /9	*Khảm 7* 2 /9	*Khảm 8* 2 /1
CẤN 1 **8/8**	*Cấn 2* 8 /9	*Cấn 3* 8 /6	*Cấn 4* 8 /7	*Cấn 5* 9 /7	*Cấn 6* 6 /7	*Cấn 7* 4/7	*Cấn 8* 4/8
KHÔN 1 **2/2**	*Khôn 2* 2 /3	*Khôn 3* 2 /7	*Khôn 4* 2 /6	*Khôn 5* 3 /6	*Khôn 6* 7 /6	*Khôn 7* 1 /6	*Khôn 8* 1 /2

Bảng III - 8. HỆ HỖN THIÊN VỚI MÃ HẬU THIÊN (Bảng III - 3 , 5)

Ví dụ

Theo các bảng III - 8 và III- 5, thì phần tử Cấn 2 có mã số Hậu thiên 8/9 = Cấn / Ly, trong đó quẻ 3 hào Cấn là Ngoại quái, còn quẻ 3 hào Ly là Nội quái.

Phần tử Khôn 5 có mã số Hậu thiên là 3/6 = Chấn / Kiền , Chấn = Ngọai quái, Kiền = Nội quái .

Phần tử Đoài 4 có mã số Hậu thiên là 7/8 = Đoài / Cấn, Đoài = Ngọai quái, Cấn = Nội quái ...

Cấn 2 = 8/ 9 = Dương / Âm / Âm , Dương / Âm / Dương ; Khôn 5= 3/6 = Âm / Âm / Dương , Dương / Dương / Dương ; Đoài 4 = 7/8 = Âm / Dương / Dương , Dương / Âm / Âm

Bây giờ, chúng ta hãy lập bảng III - 9, trong đó xuất hiện các số thứ tự của hệ Văn Vương , các phần tử của hệ Hỗn thiên và tên các quẻ 6 hào.

	KIỀN 6 *Thiên*	ĐOÀI 7 *Trạch*	LY 9 *Hoả*	CHẤN 3 *Lôi*	TỐN 4 *Phong*	KHẢM 1 *Thủy*	CẤN 8 *Sơn*	KHÔN *Địa*
KIỀN 6 *Thiên*	01 *Kiền 1* THIÊN	10 *Cấn 6* LÝ	13 *Ly 8* ĐỒNG NHÂN	25 *Tốn 5* VÔ VỌNG	44 *Kiền 2* CẤU	06 *Ly 7* TỤNG	33 *Kiền 3* ĐỘN	12 *Kiền 4* BĨ
ĐOÀI 7 *Trạch*	43 *Khôn 6* QUẢI	58 *Đoài 1* T.ĐOÀI	49 *Khảm 5* CÁCH	17 *Chấn 8* TÙY	28 *Chấn 7* ĐẠI QUÁ	47 *Đoài 2* KHỐN	31 *Đoài 4* HÀM	45 *Đoài 3* TỤY
LY 9 *Hoả*	14 *Kiền 8* ĐẠI HỮU	38 *Cấn 5* KHUÊ	30 *Ly 1* TTUẦN LY	21 *Tốn 6* PHỆ HẠP	50 *Ly 3* ĐỈNH	64 *Ly 4* VỊ TẾ	56 *Ly 2* LỮ	35 *Kiền 7* TẤN
CHẤN 3 *Lôi*	34 *Khôn 5* ĐẠI TRÁNG	54 *Đoài 8* QUY MUỘI	55 *Khảm 6* PHONG	51 *Chấn 1* T.CHẤN	32 *Chấn 4* HẰNG	40 *Chấn 3* GIẢI	62 *Đoài 7* TIỂU QUÁ	16 *Chấn 2* DỰ
TỐN 4 *Phong*	09 *Tốn 2* TIỂU SÚC	61 *Cấn 7* TRUNG PHU	37 *Tốn 3* GIA NHÂN	42 *Tốn 4* ÍCH	57 *Tốn 1* THUẦN TỐN	59 *Ly 6* HOÁN	53 *Cấn 8* TIỆM	20 *Kiền 5* QUÁN
KHẢM 1 *Thủy*	05 *Khôn 7* NHU	60 *Khảm 2* TIẾT	63 *Khảm 4* KÝ TẾ	03 *Khảm 3* TRUÂN	48 *Chấn 6* TỈNH	29 *Khảm 1* T.KHẢM	39 *Đoài 5* KIỂN	08 *Khôn 8* TỶ
CẤN 8 *Sơn*	26 *Cấn 3* ĐẠI SÚC	41 *Cấn 4* TỔN	22 *Cấn 2* BÍ	27 *Tốn 7* DI	18 *Tốn 8* CỔ	04 *Ly 5* MÔNG	52 *Cấn 1* THUẦN CẤN	23 *Kiền 6* BÁC
KHÔN 2 *Địa*	11 *Khôn 4* THÁI	19 *Khôn 3* LÂM	36 *Khảm 7* MINH DI	24 *Khôn 2* PHỤC	46 *Chấn 5* THĂNG	07 *Khảm 8* SƯ	15 *Đoài 6* KHIÊM	02 *Khôn 1* ĐỊA

Bảng III - 9. HỆ VĂN VƯƠNG VÀ HỆ HỒN THIÊN

4. HỆ Y DỊCH LỤC KHÍ TRUYỀN THỐNG

Hệ gọi là Y Dịch Lục Khí truyền thống được trình bày ở bảng sau III - 11. Nội dung của hệ này là hình thức luận phân loại các huyệt Ngũ Du, huyệt Lạc , Khích theo hệ Hậu thiên Văn Vương.

CẶP CÁC ĐƯỜNG KINH CHÍNH

Trong Đông Y truyền thống , các đường Kinh chính được xếp theo cặp Nội Ngoại theo bảng sau

KINH DƯƠNG	*Đởm*	*Tam Tiêu*	*Vị*	*Đại Trường*	*Bg Quang*	*T.Trường.*
KINH ÂM	Can	Tâm Bào	Tỳ	Phế	Thân	Tâm
CÁC ĐƯỜNG KIN H CHÍNH PHÂN LOẠI THEO CẶP ÂM DƯƠNG						

Tuy nhiên, theo một số tác giả, do Âm tĩnh Dương động, các vị trí của các kinh Âm đứng yên, còn vị trí các kinh Dương thay đổi, tiến tới một bước [12]. Thành thử, chúng ta thu được bảng phân loại sau, được gọi là bảng phân loại Y Dịch Lục Khí:

MÃ	4	9	7	8	1	3
KINH DƯƠNG	*T.Tiêu*	*Vị*	*Đ.Trường*	*Bg. Quang*	*T.Trường*	*Đởm*
KINH ÂM	Can	TâmBào	Tỳ	Phế	Thận	Tâm

Bảng III -10 . BẢNG PHÂN LOẠI CÁC ĐƯỜNG KINH CHÍNH THEO Y DỊCH LỤC KHÍ

NGOẠI QUÁI 6 LẠC,KHÍCH ⇓	*TĨNH* TĨNH *K/ M* NG. DU	*VINH* VINH *T/H* NG. DU	*DU* DU,NGUY. *Ng/Ng* NG. DU	*NGUYÊN* KINH *M/ K* NG. DU	*KINH* HỢP *H/T* NG. DU	*HỢP* *Thổ* NG. DU	NGOẠI QUÁI 2 LẠC,KHÍCH ⇓	NỘI QUÁI
6/3	4/3 **42**	9/3 **21**	7/3 **17**	8/3 **27**	1/3 **03**	3/3 **51**	2/3	⇐3 ĐỞM TÂM
6/4	9/4 **50**	7/4 **28**	8/4 **18**	1/4 **48**	3/4 **32**	4/4 **57**	2/4	⇐4 T.TIÊU CAN
6/9	7/9 **49**	8/9 **22**	1/9 **63**	3/9 **55**	4/9 **37**	9/9 **30**	2/9	⇐9 VỊ TÂM BÀO
6/7	8/7 **41**	1/7 **60**	3/7 **54**	4/7 **61**	9/7 **38**	7/7 **58**	2/7	⇐7 Đ.TRG TỲ
6/8	1/8 **39**	3/8 **62**	4/8 **53**	9/8 **56**	7/8 **31**	8/8 **52**	2/8	⇐8 BQ QG PHẾ
6/1	3/1 **40**	4/1 **59**	9/1 **64**	7/1 **47**	8/1 **04**	1/1 **29**	2/1	⇐1 T.TRG THẬN

Bảng III - 11. HỆ Y DỊCH LỤC KHÍ TRUYỀN THỐNG
Chữ xiên là tương ứng với các kinh Dương,
Chữ đứng là tương ứng với các kinh Âm.
Cột cuối cùng ttrỏ các Nội Quái của các đường kinh.
Các số đậm là thuộc thứ tực của hệ Văn Vương
T : Thủy, H : Hỏa, K : Kim, M: Mộc, Ng : Nguyên

Theo thuật ngữ về quẻ, các mã nội (ngoại) của bảng III - 11 là tương ứng với các quẻ nội (ngoại).
Các quẻ Khôn và Kiền không có mặt trong bảng phân loại trên.Các quẻ đó chỉ có mặt với các huyệt Lạc Khích theo quy tắc sau :

- Các huyệt Lạc của các kinh Âm hay huyệt Khích của các kinh Dương là tương ứng với quẻ Khôn.
- Các huyệt Khích của các kinh Âm hay huyệt Lạc của các kinh Dương là tương ứng với quẻ Kiền.

Các huyệt Ngũ Du thường được phân loại như sau :

TĨNH	VINH	DU	NGUYÊN	KINH	HỢP
k	*t*	*m*	*m*	*h*	*w*
m	h	*w*	w	k	t

k : Kim , ***m***: Mộc, ***T***: Thủy, ***h*** : Hỏa, ***w*** : Thổ, ***Ng*** : nguyên .

Chữ xiên (đứng)là tương ứng với các kinh Dương (Âm).

Nhận xét

- Trong Y Dịch Lục Khí cổ truyền, Mã số các huyệt thuộc một đường kinh xác định - tức là Nội Quái - là như nhau, đó là sự biểu hiện của Bát Quái Tiên thiên trong Y Dịch Lục Khí.
- Mặt khác, trong cùng một cột thì số thứ tự các huyệt được ghép lại thành cặp, giống y như trong bảng Bát Quái Hậu thiên, trừ hai trường hợp : {28,62} và {27, 61},trong đó các số không kề nhau ..

Một sai lầm của cổ nhân chăng hay đấy là từ một dị bản ?

- Cần lưu ý rằng các Ngoại Quái đều bằng nhau trên đường chéo thứ hai. Đó là một tính chất toán học lý thú.
- Các Quẻ có Nội Quái bằng 6 hay 2 đều không có mặt trong Y Dịch Lục Khí cổ truyền.
- Các huyệt Lạc, Khích cũng chưa có Mã Hà Đồ (Mã số Ngũ Hành *k, t, m, h, thổ* (tâm), *nguyên* (tâm)).

Về sau này, chúng tôi sẽ mở rộng Y Dịch Lục Khí cổ truyền ra toàn bộ, trong đó:

- Sẽ xuất hiện Mã Hà Đồ tương ứng với các huyệt Lạc , Khích,
- Sẽ xuất hiện sự phân loại các Luân Xa theo các quẻ Kiền, Khôn xem như Nội Qíai.

BIỂU DIỄN CÁC LUÂN XA TRONG SINH HỌC THEO QUẺ

Ta nhớ rằng trong Y Dịch Lục Khí cổ truyền, các Quẻ Kiền và Khôn không có mặt như là Nội Quái.

Tuy nhiên đây là một sự kiện cực kỳ quan trọng, vì theo nguyên lý Thiên - Địa - Nhân hợp nhất, vị trí Nội Quái của các Quẻ Kiền và Khôn không gì khác là sự hiện diện cơ bản của Trời, Đất trong cấu trúc con người !

Vì vậy , chúng tôi đã đưa các Luân Xa vào trong bảng Thái Âm trong cuốn sách [12].

Bây giờ chúng tôi sẽ làm sáng tỏ điều đó bằng cách xem xét tính đối xứng Kiền⇔ Khôn.

Các Luân Xa được biểu diễn theo Quẻ như sau (bảng III - 12)

LUÂN XA TIÊN THIÊN			LUÂN XA TRUNG TÍNH	LUÂN XA HẬU THIÊN		
LUÂN XA 7	LUÂN XA 6	LUÂN XA 5	LUÂN XA 4	LUÂN XA 3	LUẬN XA 2	LUÂN XA 1
6/6 9/6	7/6 3/6	1/6 2/6	4/6 8/6 4/2 8/2	6/2 9/2	7/2 3/2	1/2 2/2

Bảng III - 12. CÁCH BIỂU DIỄN CÁC LUÂN XA THEO QUẺ

Trong biểu diễn các Luân Xa, các Nội Quái đều là các Quẻ Kiền và Khôn.

Với các Luân Xa Tiên thiên 7, 6, 5 Nội Quái là Quẻ Kiền,

Với các Luân Xa Hậu thiên 3, 2, 1 Nội Quái là Quẻ Khôn,

Với các Luân Xa Trung gian 4 , Nội Quái là Quẻ Kiền hay Quẻ Khôn.

Sự biểu diễn các Luân Xa nói trên mang tính đối xứng Thiên ⇔ Địa, và tính chất đối xứng này đi song song với chức năng các cơ thể vô hình tương ứng [2]:

Cơ thể 7 đi đôivới cơ thể 3 : chức năng Tâm thần,

Cơ thể 6 đi đôivới cơ thể 2 : chức năng Cảm xúc,

Cơ thể 5 đi đôivới cơ thể 1 : chức năng Vận động .

Điều này được chứng minh trong bảng III - 16. Theo bảng đó, ta thấy rằng :

Các Luân Xa 7 và 3 , 6 và 2, 5 và 1 , 4 và 4 (trung tính) tương ứng "chuyển" thành nhau về mặt toán học khi hoán vị Trời với Đất , tức là khi Kiền ⇔ Khôn với nhau.

Các huyệt Lạc Khích trong bảng IV - 2 đó cũng quan hệ với nhau theo cơ chế này.

Chú ý.

Trong Triết Đông phương truyền thống, có nói " Dương xướng Âm họa "Câu này là tương đương với thuật ngữ "mẫu "(template) của tác giả Barbara Ann Brennan

HỆ Y DỊCH LỤC KHÍ MỞ RỘNG TOÀN PHẦN

Sau đây là sự mở rộng Hệ Y Dịch Lục Khí ra toàn phần trong đó có tịnh Hà Đồ của các huyệt Lạc, Khích và xuất hiện các Luân Xa với các Nội Quái là Kiền, Khôn !

	K/M	*T*/H	*Ng*/Ng	*M*/K	*H*/T	*Thổ*		**NỘI QUÁI**
NGOẠI QÚAI 6 LẠC KHÍCH ⇓	3/6 LX6	4/6 LX4	1/6 LX5 2/6 LX5	7/6 LX6	8/6 LX4	6/6 LX7 9/6 LX7	NGOẠI QÚAI 2 LẠC KHÍCH ⇓	6 LUÂN XA ⇐
T/T 6/3	4/3	9/3	7/3	8/3	1/3	3/3	*T*/H 2/3	⇐3 DƯƠM TÂM
M/K 6/4	9/4	7/4	8/4	1/4	3/4	4/4	*K*/M 2/4	⇐4 TM T.CAN
Thổ 6/9	7/9	8/9	1/9	3/9	4/9	9/9	*N*/N 2/9	⇐9 VỊ T.BÃO
T/H 6/7	8/7	1/7	3/7	4/7	9/7	7/7	*H*/T 2/7	⇐7 DƯC TÝ
K/N 6/8	1/8	3/8	4/8	9/8	7/8	8/8	*M*/K 2/8	⇐8 ĐQC PHẾ
N/N6/1	3/1	4/1	9/1	7/1	8/1	1/1	*Thổ* 2/1	⇐1 TTC THẬN
	7/2 LX2	8/2 LX4	6/2 LX3 9/2 LX3	3/2 LX2	4/2 LX4	1/2 LX1 2/2 LX1		2 LUÂN XA ⇐

Bảng III - 13. BẢNG Y DỊCH LỤC KHÍ TOÀN PHẦN

Bị chú về ký hiệu
[12]

Mộc / Thổ ⇒ *Ng*/Ng do *Mộc* là Nguyên cho các kinh Dương và Thổ là Nguyên cho các kinh Âm
Nguyên / Kim ⇒ *Mộc*/ Kim do *Nguyên* là *Mộc* cho các kinh Dương

BIỂU DIỄN MÃ DI TRUYỀN BẰNG QUẺ 6 HÀO

Ký hiệu

U = THÁI ÂM	C = THIẾU DƯƠNG	A = THÁI DƯƠNG	G = THIẾU ÂM
Âm Âm	Âm Dương	Dương Dương	Dương Âm

Nội quái ***Thiên***	THR ASPN LYS	*Threonine* *Asparagine* *Lysine*	ACU, ACC,ACA,ACG AAU, AAC AAA, AAG
Nội quái ***Trạch***	LLEU MET, LLEU SER ARG	*IsoLeucine* *Methionine, IsoLeucine* *Serine* *Arginine*	AUU, AUC AUA, AUG AGU, AGC AGA, AGG
Nội quái ***Hỏa***	PRO HIS GLUN	*Proline* *Histidine* *Glutamine*	CCU, CCC, CCA, CCG CAU, CAC CAA, CAG
Nội quái ***Lôi***	LEU ARG	*Leucine* *Arginine*	CUU, CUA,CUC, CUG CGU, CGC, CGA, CGG
Nội quái ***Phong***	ALA ASP GLU	*Alamine* *Asparagine* *Glutamic Acid*	GCU,GCC, GCA, GCG GAU, GAC GAA, GAG
Nội quái ***Thủy***	VAL GLY	*Valine* *Glycine*	GUU, GUC, GUA, GUG GGU, GGC, GGA, GGG
Nội quái ***Sơn***	SER TYR OCHRE AMBER	*Serine* *Tyronine* *Ochre* *Amber*	UCU, UCC, UCG, UCA UAU, UAC UAA UAG
Nội quái ***Địa***	CYS TRYP STOP PHE LEU	*Cystine* *Tryptophan* *Stop* *Phenilalanine* *Leucine*	UGU, UGC UGG UGA UUU, UUC UUA,UUG

Bảng III - 14. HỆ MÃ DI TRUYỀN THEO KINH DỊCH

Hệ Mã Di truyền này được trình bày trong sách của Martin Schonberger [8] .

Ví dụ

Amino Acid **HIS** : CAU và CAC

U	Âm Âm
A	Dương Dương
C	Âm Dương

= 3 / 9

C	Âm Dương
A	Dương Dương
C	Âm Dương

= 7/ 9

Amino Acid **ALA** : GCU, GCC, GCA và GCG

U	Âm Âm
C	Âm Dương
G	Dương Âm

= 2/ 4

C	Âm Dương
C	Âm Dương
G	Dương Âm

= 1/ 4

A	Dương Dương
C	Âm Dương
G	Dương Âm

= 4/ 4

G	Dương Âm
C	Âm Dương
G	Dương Âm

= 8/ 4

Amino Acid **GLY** : GGU, GGC, GGA và GGG

U	Âm Âm
G	Dương Âm
G	Dương Âm

= 3/ 1

C	Âm Dương
G	Dương Âm
G	Dương Âm

= 7 / 1

A	Dương Dương
G	Dương Âm
G	Dương âm

= 6/ 1

G	Dương Âm
G	Dương Âm
G	Dương âm

= 9/ 1

Sự nghiên cứu trên về các huyệt, Luân Xa và Amino Acid có thể tóm tắt lại với bảng sau III - 15.

	THIÊN 6	TRẠCH 7	HỎA 9	LÔI 3	PHONG 4	THỦY 1	SƠN 8	ĐỊA 2
	Luân Xa↓	ĐT. Tỳ L.Khích	Vị .TBào L.Khích	Đởm .Tâm L.Khích	TT. Can L.Khích	TTg.Thận L.Khích	BQg. Phế L.Khích	Luân Xa↓
THIÊN 6	01 KIỀN 1 *Thổ* LYS - 7	10 → 44 CẤN 6 *Thủy*/Hỏa ARG	13 LY 8 *Thổ* GLUN	25 TỐN 5 *Hỏa*/Thủy ARG	44 → 09 KIỀN 2 *Mộc*/Kim GLU	06 LY 7 *Ng* / Ng GGLY	33 KIỀN 3 *Kim*/Mộc OCHRE	12 KIỀN 4 *Ng* / Ng STOP-3
	Luân Xa↓	ĐT.Tỳ Ngũ Du	Vị .TBào Ngũ Du	Đởm .Tâm Ngũ Du	TT. Can Ngũ Du	TTg.Thận Ngũ Du	BQg . Phế Ngũ Du	Luân Xa↓
TRẠCH 7	43→ 10 KHÔN 6 *Mộc*/Kim ASPN - 6	58 ĐOÀI 1 *Thổ* SER	49 KHẢM 5 *Kim* /Mộc HIS	17 CHẤN 8 *Ng*/Ng ARG	28 CHẤN 7 *Thủy*/Hỏa ASP	47 ĐOÀI 2 *Mộc* /Kim GLY	31 ĐOÀI 4 *Hỏa*/Thủy TYR	45→46 ĐOÀI 3 *Kim*/*Mộc* CYS-2
HỎA 9	14 KIỀN 8 *Thổ* LYS -7	38 CẤN 5 *Hỏa*/Thủy ARG	30 LY 1 *Thổ* GLUN	21 TỐN 6 *Thủy*/Hỏa ARG	50 LY 3 *Kim* /Mộc GLU	64 LY 4 *Ng* / Ng GGLY	56 LY 2 *Mộc*/Kim AMBER	35 KIỀN 7 *Ng* / Ng TRYP-3
LÔI 3	34 KHÔN 5 *Kim* /Mộc ASPN -6	54 ĐOÀI 8 *Ng* / Ng SER	55 KHẢM6 *Mộc* /Kim HIS	51 CHẤN 1 *Thổ* ARG	32 CHẤN 4 *Hỏa*/Thủy ASP	40 CHẤN 3 *Kim* /Mộc GLY	62 → 27 ĐOÀI 7 *Thủy*/Hỏa TYR	16 CHẤN 2 *Mộc*/Kim CYS-2
PHONG 4	09→ 43 TỐN 2 *Thủy*/Hỏa THR -4	61 CẤN 7 *Mộc*/Kim LLEU	37 TỐN 3 *Hỏa*/Thủy PRO	42 TỐN 4 *Kim* /Mộc LEU	57 TỐN 1 *Thổ* ALA	59 LY 6 *Thủy*/Hỏa VAL	53 CẤN 8 *Ng* / Ng SER	20 KIỀN 5 *Hỏa*/Thủy LEU-4
THỦY 1	05 KHÔN 7 *Ng* / Ng THR-5	60 KHẢM 2 *Thủy*/Hỏa LLEU	63 KHẢM 4 *Ng* / Ng PPRO	03 KHẢM3 *Hỏa*/Thủy LLLEU	48 CHẤN 6 *Mộc*/Kim ALA	29 KHẢM 1 *Thổ* VVAL	39 ĐOÀI 5 *Kim* /Mộc SER	08 KHÔN 8 *Thổ* PHE-1
SƠN 8	26 CẤN 3 *Hỏa*/Thủy THR-4	41 CẤN 4 *Kim* /Mộc MET	22 CẤN 2 *Thủy*/Hỏa PRO	27→ 62 TỐN 7 *Mộc*/Kim LEU	18 TỐN 8 *Ng* / Ng ALA	04 LY 5 *Hỏa*/Thủy VAL	52 CẤN 1 *Thổ* SER	23 KIỀN 6 *Thủy*/Hỏa LEU-4
	Luân Xa↓	ĐT Tỳ L.Khích	Vị TBào L.Khích	Đởm Tâm L.Khích	TT Can L.Khích	TTgThận L.Khích	BQg Phế L.Khích	Luân Xa↓
ĐỊA 2	11 KHÔN 4 *Ng* / Ng THR-5	19 KHÔN 3 *Hỏa*/Thủy LLEU	36 KHẢM 7 *Ng* / Ng PPRO	24 KHÔN 2 *Thủy*/Hỏa LLLEU	46→ 45 CHẤN 5 *Kim* /Mộc ALA	07 KHẢM 8 *Thổ* VVAL	15 ĐOÀI 6 *Mộc*/Kim SER	02 KHÔN 1 *Thổ* PHE-1

Bảng III - 15.BẢNG BIỂU DIỄN CÁC HUYỆT,LUÂN XA VÀ CÁC AXIT AMINO

Các sự thay thế 45 → 46 , 09→ 43 ... sẽ được giải thích trong chương IX.

Bảng III- 16. BẢNG ĐỐI XỨNG SINH HỌC

6 ↔ 2, 9 ↔ 1, 7 ↔ 3 , 8 ↔ 4 , A *VÀ* B *LÀ TÂM ĐỐI XỨNG KHỐI*

DƯƠNG THIÊN ÂM DỊA	*Tĩnh (k)* Tĩnh (m)	*Vinh (t)* Vinh (h)	*Du (m),Ng* Du(w),Ng	*Nguyên (m)* Kinh (k)	*Kinh (h)* Hợp (t)	*Hợp (w)*
Huyệt Ngũ Du	7/9 ≈ 49 KHẢM 5 HIS	8/9 ≈ 22 CẤN 2 PRO	1/9 ≈ 63 KHẢM 4 PPRO	3/9 ≈ 55 KHẢM 6 HIS	4/9 ≈ 37 TỐN 3 PRO	9/9 ≈ 30 LY 1 GLUN
	8/7 ≈ 41 CẤN 4 MET	1/7 ≈ 60 KHẢM 2 LLEU	3/7 ≈ 54 ĐOÀI 8 SER	4/7 ≈ 61 CẤN 7 LLEU	9/7 ≈ 38 CẤN 5 ARG	7/7 ≈ 58 ĐOÀI 1 SER
	1/8 ≈ 39 ĐOÀI 5 SER	3/8 ≈ 27 ĐOÀI 7 TYR	4/8 ≈ 53 CẤN 8 SER **A**	9/8 ≈ 56 LY 2 AMBER	7/8 ≈ 31 ĐOÀI 4 TYR	8/8 ≈ 52 CẤN 1 SER
	3/1 ≈ 40 CHẤN 3 GLY	4/1 ≈ 59 LY 6 VAL	9/1 ≈ 64 LY 4 GGLY	7/1 ≈ 47 ĐOÀI 2 GLY	8/1 ≈ 04 LY 5 VAL	1/1 ≈ 29 KHẢM 1 VVAL
	4/3 ≈ 42 TỐN 4 LEU	9/3 ≈21 TỐN 6 ARG	7/3 ≈ 25 CHẤN 8 ARG	8/3 ≈ 62 TỐN 7 LEU	1/3 ≈ 03 KHẢM 3 LLLEU	3/3 ≈ 51 CHẤN 1 ARG
	9/4 ≈50 LY 3 GLU	7/4 ≈ 28 CHẤN 7 ASP	8/4 ≈ 26 TỐN 8 ALA	1/4 ≈ 48 CHẤN 6 ALA	3/4 ≈ 32 CHẤN 4 ASP	4/4 ≈57 TỐN 1 ALA
Huyệt Lạc Khích	6/8 ≈ 33 KIỀN 3 OCHRE	6/7 ≈ 44 CẤN 6 ARG	6/1 ≈ 06 LY 7 GGLY	6/4 ≈ 09 KIỀN 2 GLU	6/3 ≈17 TỐN 5 ARG	6/9 ≈13 LY 8 GLUN
LUÂN XA TIÊN THIÊN	3/6 ≈ 34 KHÔN 5 ASPN **LUÂN XA 6**	4/6 ≈ 43 TỐN 2 THR **LUÂN XA 4**	1/6 ≈ 05 KHÔN 7 THR **LUÂN XA 5** 2/6 ≈11 KHÔN 4 THR **LUÂN XA 5**	7/6 ≈ 05 KHÔN 6 ASPN **LUÂN XA 6** **B**	8/6 ≈18 CẤN 3 THR **LUÂN XA 4**	9/6 ≈14 KIỀN 8 LYS **LUÂN XA 7** 6/6 ≈ 01 KIỀN 1 LYS **LUÂN XA 7**
Huyệt Lạc Khích	2/4 ≈ 45 CHẤN 5 ALA	2/3 ≈ 24 KHÔN 2 LLLEU	2/9 ≈ 36 KHẢM 7 PPRO	2/8 ≈ 15 ĐOÀI 6 SER	2/7 ≈ 19 KHÔN 3 LLEU	2/1 ≈ 07 KHẢM 8 VVAL
LUÂN XA HẬU THIÊN	7/2 ≈ 46 ĐOÀI 3 CYS **LUÂN XA 2**	8/2 ≈ 23 KIỀN 6 LEU **LUÂN XA 4**	9/2 ≈ 35 KIỀN 7 TRYP **LUÂN XA 3** 6/2 ≈12 KIỀN 4 STOP **LUÂN XA 3**	3/2 ≈ 16 CHẤN 2 CYS **LUÂN XA 2**	4/2 ≈ 20 KIỀN 5 LEU **LUÂN XA 4**	1/2 ≈ 08 KHÔN 8 PHE **LUÂN XA 1** 2/2 ≈ 02 KHÔN 1 PHE **LUÂN XA 1**

MÃ DI TRUYỀN LÀ NƠI HỘI TỤ CỦA MỌI CHÂN LÝ ĐÔNG PHƯƠNG. TIÊN ĐOÁN 5 AXIT AMIN MỚI

Như chúng ta biết , Mã Di Truyền được xếp theo Hệ Y Dịch Lục Khí mở rộng, Hệ Y Dịch Lục Khí lại là hệ" nằm giữa" Hệ Tiên thiên và Hệ Hậu thiên. Như thế có thể nói rằng Hệ Mã Di Truyền là sự hội tụ của các hệ trên.

Mặt khác, chúng ta còn có Hệ Hỗn thiên (bảng III- 15). Vấn đề là xem Hệ này có lên quan gì đến Mã Di Truyền. Muốn thế , ta hãy phân bảng III - 15 thành bốn góc ,tướng ứng gọi là góc I (trên, bên trái , góc II (trên, bên phải), góc III (dưới, bên trái) và IV (dưới, bên phải), mỗi góc gồm 4 cột , mỗi cột gồm 4 hàng. Như thế ta lập bảng sau (bảng III - 17).

Bảng III - 17.. BẢNG CHỈ RÕ MÃ DI TRUYỀN LÀ NƠI HỘI TỤ MỌI CHÂN LÝ ĐÔNG PHƯƠNG

CỘT	GÓC	CẶP "THIÊN" HAY "ĐỊA" THEO HỆ HỖN THIÊN	PHÂN HOÁ CỘT MÃ DI TRUYỀN	TƯƠNG TÁC TỨ TƯỢNG THEO Y DỊCH LỤC KHÍ
01	I	{Kiền,Kiền}, {Khôn, Khôn}	4 = 2 + 2	Mộc -Kim , Thổ -Thổ
02	I	Khôngcó cặp	Không nhất thiết phân hóa	Thủy - Hỏa, không có đủ hai cặp Tứ Tượng
03	I	{Ly, Ly} , { Khảm, Khảm}	4 = 2 + 2	Mộc - Kim , Thổ - Thổ
04	I	Không có cặp	Không nhất thiết phân hóa	Thủy - Hỏa, không có đủ hai cặp Tứ Tượng
01	II	{Ly,Kiền}	4 = 2 + 2	Mộc -Kim, Thủy -Hỏa
02	II	{Ly,Ly}	4 = 2 + 2	Mộc -Kim, Nguyên/Nguyên
03	II	{Kiền,Ly}	4 = 2 + 1 + 1	Mộc - Kim , Thủy -Hỏa
04	II	{Kiền,Kiền}	4 + 2+ 1 + 1	Mộc -Kim, Nguyên/Nguyên
01	III	{Khôn, Khôn}	4 = 2 + 1 + 1	Thủy-Hỏa, Nguyên/Nguyên
02	III	{Khảm,Khôn}	4 = 2 + 2	Mộc -Kim, Thủy -Hỏa
03	III	{Khảm,Khảm}	4 = 2 + 2	Thủy-Hỏa, Nguyên/Nguyên
04	III	{Khảm ,Khôn}	4 = 2 + 2	Mộc -Kim, Thủy -Hỏa
01	IV	Không có cặp	Không nhất thiết phân hóa	Thủy - Hỏa, không có đủ hai cặp Tứ Tượng
02	IV	{Ly,Ly}, {Khảm,Khảm}	4 = 2 + 2	Thủy -Hỏa, Thổ -Thổ
03	IV	Không có cặp	Không nhất thiết phân hóa	Thủy - Hỏa, không có đủ hai cặp Tứ Tượng
04	IV	{Kiền,Kiền},{ Khôn,Khôn}	4 = 2 + 2	Thủy -Hỏa, Thổ -Thổ

Trước hết, ta biết rằng Hệ Thiên = {Kiền, Đoài, Ly, Chấn}, Hệ Địa = { Khôn, Cấn, Khảm, Tốn}.Tiếp theo, nhìn trực tiếp vào bảng III - 17 này, ta thấy ngay rằng các cặp

"Thiên - Thiên " = { Kiền - Kiền, Ly - Ly , Kiền - Ly}

hay các cặp

" Địa - Địa " = { Khôn -Khôn, Khảm - Khảm, Khôn - Khảm }

là xuất hiện đồng thời với hai cặp

"Tứ Tượng - Tứ Tượng " =

{Mộc - Kim, Thổ - Thổ, hay
Mộc - Kim, Nguyên -Nguyên, hay
Mộc - Kim, Thủy - Hỏa, hay
Thủy -Hỏa ,Thổ -Thổ, hay
Thủy - Hỏa, Nguyên- Nguyên }.

Trong chỉ những trường hợp như thế, đã xuất hiện sự phân tách 4 hàng của mỗi góc I, II, III, IV thành 4 = 2 + 2 hay 4 = 2 + 1+1.

Sự phân tích này chính là nhân tố dẫn đến sự tiên đoán 4 Axit Amino mới

GGLY, PPRO, VVAL, LLLEU [12]
và Axit thứ 5 **THR - 4** (Đỗ văn Sơn).

Sự có trên minh họa sự kiện :

Mã Di truyền là nơi hội tụ tất cả các (hệ) Chân lý Đông phương.

MỞ RỘNG LOẠI HỖN THIÊN VỚI MỌI Q1

	Q1	Q2	Q3	Q4	Q5	Q6	Q7	Q8
HÀO 6	F	F	F	F	F	F	F	F
HÀO 5	E	E	E	E	E	$\overline{E}$	$\overline{E}$	$\overline{E}$
HÀO 4	D	D	D	D	$\overline{D}$	$\overline{D}$	D	D
HÀO 3	C	C	C	$\overline{C}$	$\overline{C}$	$\overline{C}$	$\overline{C}$	C
HÀO 2	B	B	$\overline{B}$	$\overline{B}$	$\overline{B}$	$\overline{B}$	$\overline{B}$	B
HÀO 1	A	$\overline{A}$	$\overline{A}$	$\overline{A}$	$\overline{A}$	$\overline{A}$	$\overline{A}$	A

Y DỊCH LỤC KHÍ VỚI TÊN HUYỆT NGŨ DU

	GIÁP ẤT	BÍNH ĐINH	MẬU KỶ	CANH TÂN	NHÂM QUÝ	
	TỈNH (k) **TỈNH** (m)	**VINH** (t) **VINH** (h)	**DU** (m) **DU-NG** (w)	**NGUYÊN** (m) **KINH** (k)	**KINH** (h) **HỢP** (t)	**HỢP** (w)
VỊ **LY 9** TÂM BÀO	Lệ Đoài -Thân 7/9 ≈ 49 Tr Xung- Mùi	N Đình - Tuất 8/9 ≈ 22 L Cung- Dậu	Hãm Cốc - Tý 1/9 ≈ 83 Đ Lăng - Hợi	Xg Dg- Dần 3/9 ≈ 55 Gian Sử- Sửu	Giải Khê-Thìn 4/9 ≈ 37 K Trạch - Mão	Túc Tam Lý 9/9 ≈ 30
ĐTRƯỜNG **ĐOÀI 7** TỲ	Thg Dg- Tuất 8/7 ≈ 41 Ẩn Bạch- Dậu	N Gian - Tý 1/7 ≈ 60 Đại Đô-Hợi	T Gian - Dần 3/7 ≈ 54 Th Bạch- Sửu	HợpCốc -Thìn 4/7 ≈ 61 Th Khâu- Mão	Dg Khê- Ngọ 9/7 ≈ 38 ÂLTuyền - Tị	Khúc Trì 7/7 ≈ 58
BQUANG **CẤN 8** PHẾ	Chí Âm - Tý 1/8 ≈ 39 Th Thg - Hợi	Thg Cốc - Dần 3/8 ≈ 62 Ngư Tế - Sửu	Th Cốt- Thìn 4/8 ≈ 53 ThUyên- Mão	KinhCốt - Ngọ 9/8 ≈ 56 Kinh Cừ - Tị	Côn Lôn-Thân 7/8 ≈ 31 Xh Trạch -Mùi	Uy Trung 8/8 ≈ 52
TTRƯỜNG **KHẢM 1** THẬN	ThThạch-Dần 3/1 ≈ 40 DgTuyền- Sửu	TiềnCốc-Thìn 4/1 ≈ 59 Nh Cốc - Mão	Hậu Khê-Ngọ 9/1 ≈ 64 Th Khê - Tị	UynCốt-Thân 7/1 ≈ 47 Phục Lựu-Mùi	Dg Cốc-Tuất 8/1 ≈ 04 Âm Cốc - Dậu	Tiểu Hải 1/1 ≈ 29
ĐỞM **CHẤN 3** TÂM	Kh Âm - Thìn 4/3 ≈ 42 ThXung- Mão	HiệpKhê-Ngọ 9/3 ≈ 21 Th Phủ-Tị	TLKhấp-Thân 7/3 ≈ 17 Th Môn - Mùi	KhâuHư-Tuất 8/3 ≈ 27 Linh Đạo-Dậu	Dg Phụ-Tý 1/3 ≈ 03 Th Hải-Hợi	DgLgTuyền 3/3 ≈ 51
TAM TIÊU **TỐN 4 3** CAN	QgXung-Ngọ 9/4 ≈ 50 Đại Đô-Tị	D. Môn- Thân 7/4 ≈ 28 H Gian-Mùi	Tg Chữ -Tuất 8/4 ≈ 18 Th Xung- Dậu	Dg Trì-Tý 1/4 ≈ 48 TrgPhong-Hợi	Chi Câu-Dần 3/4 ≈ 32 KhTuyền- Sửu	Thiên Tỉnh 4/4 ≈ 57

HUYỆT NGUYÊN, LẠC VÀ KHÍCH

KINH	H. NGUYÊN	LẠC HUYỆT		KHÍCH HUYỆT	
ĐỞM TÂM	Khâu Hư Thần Môn	Qg Minh Thông Lý	6/3 - H 2/3 - H	Ngoại khâu Tam Âm Giao	2/3 - T 6/3 - T
TAM TIÊU CAN	Dương Trì Thái Xung	Ngoại Quan Lãi Câu	6/4 - M 2/4 - M	Hội Tông Trung Đô	2/4 - K 6/4 - K
VỊ TÂM BÀO	Xg Dương Đại Lăng	Phong Long Nội Quan	6/9 - *Thổ* 2/9 - *Ng* /Ng	Điều Khấu Khích Môn	2/9 - *Ng* /Ng 6/9 - *Thổ*
Đ TRƯỜNG TỲ	Hợp Cốc Thái Bạch	Thiên Lịch Công Tôn	6/7- T 2/7- T	Ôn Lưu Lậu Cốc	2/7- H 6/7- H
BG QUANG PHẾ	Kinh Cốt Thái Uyên	Phi Dương Liệt Khuyết	6/8 - K 2/8 - K	Thân Mạch Khống Tối	2/8 - M 6/8 - M
T. TRƯỜNG THẬN	Uyển Cốt Thái Khê	Chi Nhánh Chiếu Hải	6/1 – *Ng* /Ng 2/1 - *Thổ*	Dương Lão Thủy Tuyền	2/1 - *Thổ* 6/1 - *Ng* /Ng

LUÂN XA

7	6	5	4T	4 Đ	3	2	1
6/6, 9/6	7/6,3/6	1/6,2/6	4/6,8/6	4/2,8/2	6/2,9/2	7/2,3/2	1/2,2/2

25-06

PHẦN II

HƯỚNG VỀ SỰ TÍCH HỢP VĂN MINH ĐÔNG TÂY

PHỤC HY, VĂN VƯƠNG ⇔ HAMLTON, CAYLEY, FROBENIUS,HURWITZ,

rường vô hướng là trường số thực R , thì đại số này gọi là đại số Quaternion.
rường vô hướng là trường số phức C , thì đại số này gọi là đại số Biquaternion (nhưng thường gọi là Quaternion).

ấy rằng

$$(ii)\, i = i\,(ii)\ ,\ (ii)\, j = i\,(ij)\ ,\ (ij)\, i = i\,(ji),$$

$$(ji)\, i = j\,(ii)\ ,\ (ij)\, k = i\,(jk)...$$

đại số Quaternion quả thực là một đại số kết hợp. Đại số này ký hiệu là **Q**.
bảng nhân trên, rõ ràng đại số Quaternion là một đại số không giao hoán.
Quaternion đều có dạng

$$Q = a + ib + jc + k\,d\ ,\ a\ ,\ b\ ,\ c\ ,\ d \in R \text{ hay } C.$$

ĐỊNH NGHĨA LIÊN QUAN ĐẾN PHÉP NHÂN ✧ TRÊN CÁC QUẺ 2 HÀO

H NGHĨA 1

y xét hai quẻ 2 hào A và B = Thái Âm hay Thiếu Dương hay Thái Dương hay ThiếuÂm
nhân A ✧ B các quẻ 2 hào này định nghĩa như sau :
hối hợp các hào

1 của B , 3 (hay 1) của A và
2 của B , 4 (hay 2) của A

uy tắc nhân dấu thông thường của phép nhân đại số.
uả được ký hiệu là Val (A ✧ B).

H NGHĨA II. Quẻ 2 hào A xem là Ngoại Quái còn B là Nội Quái.
h Val (A ✧ B) có thể giả sử là ***phản giao hoán*** (Val = Value = Giá trị)

$$\text{Val}\,(A \lozenge B) = -\,\text{Val}\,(B \lozenge A),$$

với A,B = Thiếu Dương, Thiếu Âm, Thái Âm ≠ Thái Dương.

H NGHĨA III. Với A hay B = Thái Dương thì

$$\text{Val}\,(A \lozenge B) = \text{Val}\,(B \lozenge A),\ A \text{ hay } B = \text{Thái Dương}.$$

HIỆU. Ta ký hiệu cụ thể phép nhân trên là

$$A \lozenge B = \text{Int}\,(A \lozenge B)\ |\ \text{Val}\,(A \lozenge B),\ \text{Int}\,(A \lozenge B) = B.$$

h A ✧ B và C ✧ D xem là bằng nhau khi và chỉ khi

CHƯƠNG IV

ĐẠI SỐ QUATERNION VÀ HỆ 16 QUẺ BỐN HÀO SAO MỘC

PHỤC HY VÀ HAMILTON

TIẾN SÂU HƠN THEO PHƯƠNG HƯỚNG TÍCH HỢP ĐA VĂN MINH ĐÔNG TÂY

Trong phần này, chúng tôi chứng minh rằng Triết Đông phương đích thực là một hệ cấu đại số hiện đại mà nền văn minh Tây phương đã nghiên cứu . Đây là một minh họa sâu sắ có tầm lớn của phương hướng Tích hợp Đa Văn minh Đông Tây.

Trước hết chúng ta hãy trình bày hai cấu trúc đại số có liên quan đến Triết Đông phương là

- Đại số Quaternion,
- Đại số Octionion hay Đại số Cayley.

ĐẠI SỐ QUATERNION

Chúng ta hãy xét một đại số 4 chiều , có tính kết hợp va xây dựng trên hệ cơ sở

$$1, i, j \text{ và } k.$$

Bảng nhân hệ cơ sở của đại số này - theo định nghĩa - là :

	1	i	j	k
1	1	i	j	k
i	i	-1	k	$-j$
j	j	$-k$	-1	i
k	k	j	$-i$	-1

Bảng IV - 1. BẢNG NHÂN CƠ SỞ CỦA ĐẠI SỐ QUATERNION

$$A \diamond B = C \diamond D \Leftrightarrow \text{Int}(A \diamond B) = \text{Int}(C \diamond D) \text{ và } \text{Val}(A \diamond B) = \text{Val}(C \diamond D).$$

Nói chung , với hai phần tử A, B dạng :

$$A = \text{Int}A \mid \text{Val}A, \quad B = \text{Int}B \mid \text{Val}\,B$$

thì

$$A = B \Leftrightarrow \text{Int}\,A = \text{Int}\,B, \ \text{Val}A = \text{Val}B.$$

Sau này .cách ký hiệu trên đây sẽ cho thấy rõ hơn quan hệ giữa đại số Quaternion và hệ Tứ Tượng.

Để tiện việc lý luận, ta cũng dùng ký hiệu phép nhân ✧ trên cho Quaternion.

Ví dụ

$$ij = k \Rightarrow i \diamond j = j \mid k, \ ji = -k \Rightarrow j \diamond i = i \mid -k, \ jj = -1 \Rightarrow j \diamond j = j \mid -1,$$

$$i\,1 = i \Rightarrow i \diamond 1 = 1 \mid i =, \ 1i = i \Rightarrow 1 \diamond i = i \mid i.$$

Bây giờ ta hãy đi sâu vào cấu trúc của ph ep nhân trên hệ các quẻ 2 hào.

TÍNH ĐƠN VỊ (MỞ RỘNG) CỦA THÁI DƯƠNG TRONG PHÉP NHÂN ✧

Ví dụ I.

Giả sử quẻ Thái Dương là ngoại, Quẻ Thiếu Dương là nội. Ta viết

Hào 4 (2),Thái Dương	Dương
Hào 3 (1), Thái Dương	Dương
Hào 2, Thiếu Dương	Âm
Hào 1,Thiếu Dương	Dương

$\Rightarrow$

Âm
Dương

Phối hợp dấu của các hào 1, 3 và 2, 4 ta được các hào Âm và Dương của Quẻ Thiếu Dương:

Thái Dương ✧ Thiếu Dương = Thiếu Dương | Thiếu Dương.

Tương tự như thế, ta được :

Thái Dương✧ Thiếu Âm = Thiếu Âm |Thiếu Âm,
Int (Thái Dương✧ Thiếu Âm) = Thiếu Âm, Val (Thái Dương✧ Thiếu Âm) = Thiếu Âm,

Thiếu Âm ✧ Thái Dương = Thái Dương | Thiếu Âm ,
Int (Thiếu Âm ✧ Thái Dương) = Thái Dương, Val (Thiếu Âm✧ Thái Dương) = Thiếu Âm,

Thái Dương ✧ Thái Âm = Thái Âm | Thái Âm,
Thái Âm ✧ Thái Dương = Thái Dương | Thái Âm,

Thiếu Dương ✧ Thái Dương = Thái Dương |Thiếu Dương,
Int(Thiếu Dương ✧ Thái Dương) = Thái Dương, Val (Thiếu Dương ✧ Thái Dương)= Thiếu Dương,

Thái Dương ✧ Thiếu Dương = Thiếu Dương |Thiếu Dương,
Int(Thái Dương ✧ Thiếu Dương) = Thiếu Dương, Val (Thái Dương ✧ Thiếu Dương)= Thiếu Dương...

Như thế, phần tử Thái Dương đóng vai ***kiểu đơn vị*** của phép nhân ✧ .

Chú ý .
Trong đại số Quaternion **Q** , ta có các đẳng thức sau, không phụ thuộc vào trình tự tham gia của đơn vị 1 :

$$1 \diamond m = m \diamond 1 \,, m = i \,, j \,, k \,.$$

Nhưng ở đây, trong cấu trúc (✧ , **W**) , xuất hiện vấn đề ***trình tự*** giữa đơn vị Thái Dương và các Quẻ khác . Ví dụ :

Thái Dương ✧ Thái Âm = Thái Âm | Thái Âm ≠
Thái Âm ✧ Thái Dương = Thái Dương | Thái Âm .

Hai kết quả trên có khác nhau. Chính vì thế mới có ký hiệu trên A = IntA | ValA.
Và do đó ở đây ta có khái niệm ***đơn vị mở rộng*** là ***Thái Dương*** .
Ta sẽ nhắc tới sự khác nhau về thứ tự này khi nói tới các phép nhân ở những trường hợp khác, không có sự tham gia của đơn vị , ngay ở mục sau đây.
Khái niệm này đơn vị mở rộng này - liên quan đến trình tự - là một đặc điểm của Triết Đông phương. Có thể là điều này phản ánh một quan điểm thứ tự rất sâu, ít nhất là trong nguyên lý Thiên - Địa - Nhân.

TÍNH PHẢN GIAO HOÁN CỦA PHÉP NHÂN ✧

Thiếu dương

Giả sử ta có tích sau Val (Thái Âm ✧ Thái Âm):

Hào 4, Thái Âm	Âm		
Hào 3 , Thái Âm	Âm	⇒	Dương
Hào 2 , Thiếu Dg	Âm	⇒	Âm
Hào 1 , Thiếu Dg	Dương		

Phối hợp các hào 1, 3 và 2, 4 với nhau , ta được các hào Dương, Âm của Thiếu Âm ở vế phải.

Ví dụ 3.

Giả sử ta lại có tích sau Val (Thiếu Dương ✧ Thái Âm) :

Hào 4, Thiếu Dg	Âm		
Hào 3 , Thiếu Dg	Dương	⇒	Dương
Hào 2 ,Thái Âm	Âm	⇒	Âm
Hào 1 , Thái Âm	Âm		

Phối hợp các hào 1, 3 và 2, 4 với nhau , ta được các hào Dương, Âm của Thiếu Âm ở vế phải.

Tiếp theo, chúng ta giả thiết như quy ước:

Val(Thiếu Dương ✧ Thiếu Âm) = Thái Âm , Val(Thiếu Âm ✧Thái Âm) = Thiếu Dương,

Val(Thái Âm ✧Thiếu Dương) = Thiếu Âm, (*)

Val(Thiếu Dương✧Thái Âm) =- Val(Thái Âm ✧Thiếu Dương) = - Thiếu Âm.

Tương tự như thế, chúng ta được cho các trường hợp khác:

Val (A ✧ B) = - Val (B ✧ A) , A,B ≠ Thái Dương.

ĐỊNH NGHĨA IV

Chúng ta giả sử rằng

Val (Thái Dương ✧ Thái Dương) = Thái Dương,
Val (Thái Âm ✧ Thái Âm)= - Thái Dương (như $i.i = -1$!),
Val (Thiếu Dương ✧ Thiếu Dương) = - Thái Dương,
Val (Thiếu Âm ✧ Thiếu Âm) = - Thái Dương.

Giả thiết trên về dấu trừ trong các trường hợp 2,3,4 - trừ trường hợp đầu tiên- là có liên quan đến đối tượng Thái Dương trong Triết Đông phương được đặc biệt xem như " Trời "

TÍNH KẾT HỢP CỦA PHÉP NHÂN ✧

Ví dụ 4.

Chúng ta hãy tính các tích sau giữa Thái Dương , Thiếu Âm và Thái Âm :

Val {Val [(Thái Dương ✧Thiếu Âm]✧ Thái Âm } =
Val { Thiếu Âm ✧Thái Âm} = Thiếu Dương

và

Val { Thái Dương ✧ Val (Thiếu Âm ✧ Thái Âm) } =
Val { Thái Dương ✧ Thiếu Dương } = Thiếu Dương .

Như thế hai lượng trên đều bằng nhau.
Tương tự như thế, ta được

Val{Val (Thái Âm ✧ Thiếu Âm) ✧ Thiếu Dương } =
Val{Thái Âm ✧ Val (Thiếu Âm ✧ Thiếu Dương }.

Từ đó rõ ràng rằng Đại số Tứ Tượng với giá trị Val của phép nhân ✧ là một đại số kết hợp.

Định nghĩa

Hệ thống các kết quả vừa thu được liên quan đến Val của phép nhân ✧ các Quẻ 2 hào gọi là

Đại số (Val ✧) của các Quẻ 2 hào.

VỀ DẤU TRỪ TRONG ĐẠI SỐ (VAL ✧) CỦA CÁC QUẺ 2 HÀO

Dấu trừ - , xuất hiện trong phép nhân ✧ , mang một ý nghĩa rất sâu trong Triết Đông phương (sẽ được làm sáng tỏ trong tập VI):
- Tính phản giao hoán giữa các Quẻ nội và ngoại (≠ quẻ Thái Dương),
- Tính "Thiên" của Quẻ Thái Dương (ở đây không xuất hiện dấu - trong phép nhân !).

MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẠI SỐ QUATERNION VÀ HỆ TỨ TƯỢNG
Bây giờ , chúng ta hãy giả sử có một ánh xạ f từ hệ Tứ Tượng trên Đại số Quaternion :

HỆ TỨ TƯỢNG $f\downarrow$	Thái Dương	Thiếu Dương	Thiếu Âm	Thái Âm
CÁC CƠ SỞ QUATERNION	1	i	j	k

Bảng IV - 2. ÁNH XẠ TỪ HỆ TỨ TƯỢNG LÊN ĐẠI SỐ QUATERNION

theo bảng nhân cơ sở Quaternion và theo các kết quả thu được với Đại số (Val ✧), ta thu được bảng sau :

VAL CỦA PHÉP NHÂN ✧	*I* THÁI DƯƠNG	*i* THIẾU DƯƠNG	*j* THIẾU ÂM	*k* THÁI ÂM
I THÁI DƯƠNG	*I* Thái Dương	*i* Thiếu Dương	*j* Thiếu Âm	*k* Thái Âm
i THIẾU DƯƠNG	*i* Thiếu Dương	- 1 -Thái Dương	*k* Thái Âm	- *j* - Thiếu Âm
j THIẾU ÂM	*j* Thiếu Âm	- *k* - Thái Âm	- *I* - Thái Dương	*i* Thiếu Dương
k THÁI ÂM	*k* Thái Âm	*j* Thiếu Âm	- *i* - Thiếu Dương	- *I* - Thái Dương

Bảng IV- 3. TÍNH ĐẲNG CẤU GIỮA ĐẠI SỐ QUATERNION VÀ ĐẠI SỐ VAL ✧

KẾT LUẬN

Như thế

ĐẠI SỐ (VAL ✧) CÁC QUẺ 2 HÀO LÀ ĐẲNG CẤU VỚI ĐẠI SỐ QUATERNION .

Còn hệ các Quẻ 2 hào của Triết Đông phương , có quan hệ hữu cơ với Đại số (Val ✧) các Quẻ 2 hào , được gọi là CẤU TRÚC 4 ĐÔNG PHƯƠNG và ký hiệu là (✧ ,**W**).

CHUẨN

Ta hãy xét Quaternion

$$P = a + bi + cj + dk, \qquad a, b, c, d \in R.$$

Thế thì Quaternion sau

$$\overline{P} = a - bi - cj - dk,$$

được gọi là liên hợp hermitic với Quaternion P.
Liên quan đến Quaternion liên hợp hermitic đó , ta có các tính chất sau :

$$\overline{\overline{P}} = P, \quad \overline{P+S} = \overline{P} + \overline{S}, \quad \overline{PS} = \overline{S}.\overline{P}$$

Tiếp theo, ta có hệ thức

$$\overline{P}.P = P.\overline{P} = a^2 + b^2 + c^2 + d^2 .$$

Số

$$N^2(P) = \overline{P}.P = P.\overline{P}$$

trên trường vô hướng K = C or R , gọi là ***chuẩn*** của Quaternion. Có thể chứng minh tính chất sau:

trên trường vô hướng $K = C$ or R, gọi là ***chuẩn*** của Quaternion. Có thể chứng minh tính chất sau:

$$N^2(PQ) = N^2(P).\ N^2(Q).$$

Với trường R, ta có

$$N(Q) \geq 0.$$

BIỂU DIỄN CỦA ĐẠI SỐ QUATERNION

Đựa vào bảng đẳng cấu IV - 3 of isomorphism , Đại số Val ✧ được xem là một ***biểu diễn*** của đại số **Q** .

Ngoài ra, còn một biểu diễn khác của Đại số Quaternion **Q** bằng các ma trận Pauli, các ma trận này có liên quan đến nhiều cấu trúc trong Vật lý Lý thuyết của Khoa học Tây phương (Chương V)

QUATERNION VÀ HÌNH VUÔNG SAO MỘC

Đại số Quaternion **Q** có liên quan đến Hình vuông Kỳ diệu của Sao Mộc (hình II - 2). Như chúng ta sẽ thấy sau này, trong Triết Đông phương, cấu trúc (✧ ,**W**) liên quan đến Đại số Quaternion lại có liên quan đến Hình Vuông Sao Mộc

25- 07

CHƯƠNG V

ĐẠI SỐ CAYLEY
VÀ HỆ 64 QUẺ SÁU HÀO SAO THỦY

PHỤC HY - VĂN VƯƠNG VÀ CAYLEY - FROBENIUS-HURWITZ

01	62	04	58	59	05	63	08
14	15	46	48	17	49	20	51
56	44	22	41	42	25	21	09
13	34	38	**29**	**30**	27	37	52
55	33	31	**35**	**36**	32	28	10
11	24	40	26	23	43	39	54
53	45	18	16	47	19	50	12
57	03	61	07	06	60	02	64

ĐẠI SỐ CAYLEY HAY ĐẠI SỐ OCTONION

Cho một tập trên K = C hay R gồm các yếu tố dạng

$$P = Qe\,,\ P \,\&\, Q \text{ là Quaternion } \in \mathrm{Q}\,,$$

e là yếu tố cơ sở mới ngoài hệ cơ sở $1, i, j, k$ của Quaternion.

ĐỊNH NGHĨA CÁC PHÉP VÀ NHÂN VỚI VÔ HƯỚNG CỦA KHÔNG GIAN TUYẾN TÍNH

$$(P + Qe) + (R + Se) = (P + R) + (Q + S)\,e,$$

$$(P + Qe)\lambda = (P\lambda) + (Q\lambda)\,e\,,\ \lambda \in \mathrm{K}.$$

Như thế ta thu được một không gian tuyến tính 8 chiều với cơ sở

$$1, i, j, k, e, ie, je, ke.$$

ĐỊNH NGHĨA PHÉP NHÂN CỦA VÀNH

Phép nhân của vành định nghĩa trên không gian tuyến tính trên như sau

$$(P + Qe).(R + Se) = (PR - \overline{S}\,Q) + (SP + Q\overline{R})e,\ P, Q, R, S \in \mathrm{Q}\,.$$

trong đó $\overline{S}$ hay $\overline{R}$ là yếu tố liên hợp Quaternion của Quaternion S hay R.
Dễ chứng minh tính chất phân phối của phép nhân này đối với phép cộng.

Ngoài ra, ta có tính chất

$$[(P + Qe)(R + Se)]\,\lambda = [(P + Qe)\lambda\,](R + Se) = (P + Qe)\,[(R + Se)\lambda\,],\ \lambda \in \mathrm{K}.$$

CHUẨN

Cho Octonion $R = P + Qe$, $P, Q \in \mathrm{Q}$,
Lượng

$$\overline{R} = \overline{P} - Qe$$

gọi là liên hợp hermitic của R.
Có thể chứng minh rằng :

$$\overline{RS} = \overline{S}\ \overline{R}\,,\ \overline{R + S} = \overline{R} + \overline{S}\,,$$

$$R\,\overline{R} = \overline{R}\ R = P\overline{P} + Q\overline{Q}\,.$$

Lượng $R\,\overline{R} = 0$ chỉ khi $R = 0$ trên trường vô hướng R, và gọi là chuẩn của R và ký hiệu là N(R).

TÍNH PHÂN THÀNH PHẦN

Chuẩn của số Cayley có trên trường R, C tính chất *phân thành phần* sau

$$N(AB) = N(A).\ N(B).$$

Một đại số thu được như thế gọi là ***Đại số Cayley*** hay ***Đại số Octonion***, ký hiệu là **C**.

BẢNG NHÂN CƠ SỞ

Từ định nghĩa phép nhân trên ta thu được bảng nhân các yếu tố cơ sở sau

	1	*i*	*j*	*k*	*e*	*ie*	*je*	*ke*
1	*1*	*i*	*j*	*k*	*e*	*ie*	*je*	*ke*
i	*i*	*-1*	*k*	*-j*	*ie*	*-e*	*-ke*	*je*
j	*j*	*-k*	*-1*	*i*	*je*	*ke*	*-e*	*-ie*
k	*k*	*j*	*-i*	*-1*	*ke*	*-je*	*ie*	*-e*
e	*e*	*-ie*	*-je*	*-ke*	*-1*	*i*	*j*	*k*
ie	*ie*	*e*	*-ke*	*je*	*-i*	*-1*	*-k*	*j*
je	*je*	*ke*	*e*	*-ie*	*-j*	*k*	*-1*	*-i*
ke	*ke*	*-je*	*ie*	*e*	*-k*	*-j*	*i*	*-1*

Bảng V - 1. BẢNG NHÂN CƠ SỞ CỦA ĐẠI SỐ CAYLEY

CÁCH XÁC ĐỊNH ÁNH XẠ LƯỠNG TRỊ TỪ HỆ TỨ TƯỢNG LÊN HỆ BÁT QUÁI

Bây giờ chúng ta xác định cấu trúc của hệ 64 hào trong mối liên hệ với Đại số Cayley. Trước hết ta xuất phát từ một loại ánh xạ lưỡng trị từ hệ Tứ Tượng lên hệ Bát Quái như sau , sử dụng *hào giữa* như trong biểu diễn Hình vuông Mặt Trời.

Cụ thể là

TỨ TƯỢNG QUẺ 2 HÀO	
	Dg
THÁI DƯƠNG = *I*	
	Dg

$\Rightarrow$

BÁT QUÁI QUẺ 3 HÀO	
	Dg
Kiền	Dg
I	Dg

và

BÁT QUÁI QUẺ 3 HÀO	
	Dg
Ly	Âm
e	Dg

	Âm
THÁI ÂM = *k*	
	Âm

$\Rightarrow$

	Âm
Khảm	Dg
k	Âm

và

	Âm
Khôn	Âm
ke	Âm

	Âm
THIẾU DG = *i*	
	Dg

$\Rightarrow$

	Âm
Đoài	Dg
i	Dg

và

	Âm
Chấn	Âm
ie	Dg

	Dg
THIẾU ÂM = *j*	
	Âm

$\Rightarrow$

	Dg
Tốn	Dg
j	Âm

và

	Dg
Cấn	Âm
je	Âm

Từ phương pháp trên ta thu được bảng sau

ĐẠI SỐ CAYLEY	***I***	***i***	***j***	***k***	***e***	***ie***	***je***	***ke***
TỨ TƯỢNG	*Thái Dương*	*Thiếu Dương*	*Thiếu Âm*	*Thái Âm*	*Thái Dương*	*Thiếu Dương*	*Thiếu Âm*	*Thái Âm*
BÁT QUÁI	Kiền	Đoài	Tốn	Khảm	Ly	Chấn	Cấn	Khôn

Bảng V- 2. ÁNH XẠ LƯỠNG TRỊ TỪ HỆ TỨ TƯỢNG LÊN HỆ BÁT QUÁI

Bây giờ, dựa vào bảng cơ sở của Đại số Cayley V - 1 và bảng V - 2 , ta hãy lập bảng sau

	l KIỀN 6	***i*** ĐOÀI 7	***j*** TỐN 4	***k*** KHẢM 1	***e*** LY 9	***ie*** CHẤN 3	***je*** CẤN 8	***ke*** KHÔN 2
l KIỀN 6	*l* Kiền	*i* Đoài	*j* Tốn	*k* Khảm	*e* Ly	*ie* Chấn	*je* Cấn	*ke* Khôn
i ĐOÀI 7	*i* Đoài	*-l* -Kiền	*k* Khảm	*-j* -Tốn	*ie* Chấn	*-e* -Ly	*-ke* -Khôn	*je* Cấn
j TỐN 4	*j* Tốn	*-k* - Khảm	*-l* -Kiền	*i* Đoài	*je* Cấn	*ke* Khôn	*-e* -Ly	*-ie* - Chấn
k KHẢM1	*k* Khảm	*j* Tốn	*-i* - Đoài	*-l* -Kiền	*ke* Khôn	*-je* -Cấn	*ie* Chấn	*-e* -Ly
e LY 9	*e* Ly	*-ie* - Chấn	*-je* - Cấn	*-ke* - Khôn	*-l* -Kiền	*i* Đoài	*j* Tốn	k Khảm
ie CHẤN 3	*ie* Chấn	e Ly	*-ke* - Khôn	*je* Cấn	*-i* - Đoài	*-l* -Kiền	*-k* - Khảm	*j* Tốn
je CẤN 8	*je* Cấn	ke Khôn	*e* Ly	*-ie* - Chấn	*-j* - Tốn	*k* Khảm	*-l* -Kiền	*-i* - Đoài
ke KHÔN 2	*ke* Khôn	*-je* - Cấn	*ie* Chấn	*e* Ly	*-k* - Khảm	*-j* - Tốn	*i* Đoài	*-l* -Kiền

Bảng V - 3. BẢNG PHỐI HỢP GIỮA ĐẠI SỐ CAYLEY VÀ HỆ BÁT QUÁI
(về sau bảng này sẽ được hiểu chính xác hơn)
Đặc tính của Chân Nhân và Đường Hara được biểu hiện trên các đường chéo Kiền và Khôn, tức là Thiên và Địa.

PHÉP NHÂN ✧ ĐỐI VỚI CÁC QUẺ

Trước hết ta định nghĩa phép nhân Quẻ ✧ tương tự như trong trường hợp hệ Tứ Tượng:

Quẻ 3 hào A ✧ Quẻ ba hào B =

A ✧ B = Int (A✧ B) | Val (A✧ B) , Int (A✧ B) = B .

Lượng ký hiệu C = Val (A ✧ B) - cũng như trong trường hợp Tứ Tượng - được tính như sau:
1). A xem là Ngoại Quái, B là Nội Quái
2). Hào 1, 2, 3 của C là Dương hay Âm tùy các cặp {1,1}, {2, 2}, {3,3} , hay {1, 4 }, {2, 5}, {3,6} của các Quẻ A , B là có tính Âm Dương như nhau hay khác nhau:

Cặp hào CÁC QUẺ A , B {1, 1}, {2, 2}, {3, 3}
Âm
Âm

QUẺ C
KẾT QUẢ
PHÉP NHÂN ✧
Hào

Dương

Cặp hào CÁC QUẺ A , B {1, 1}, {2, 2, {3, 3}
Dương
Dương

QUẺ C
KẾT QUẢ
PHÉP NHÂN ✧
Hào

Dương

CẶP HÀO CÁC QUẺ A , B {1, 1}, {2, 2}, {3, 3}
Âm
Dương

QUẺ C
KẾT QUẢ
PHÉP NHÂN ✧
Hào

Âm

CẶP HÀO CÁC QUẺ A , B {1, 2}, {2, 3},{3, 3}
Dương
Âm

QUẺ C
KẾT QUẢ
PHÉP NHÂN ✧
Hào

Âm

Chú ý. Phép nhân $A \diamond B$ chính là quan hệ thông thường { 1, 4} , { 2, 5} , {3, 6} giữa các hào tương ứng của các Quẻ Ngoại, Nội.

Bây giờ chúng ta hãy kiểm tra lại bảng V - 3 như sau :

QUẺ CẤN

a). $(j\ e) \diamond l = je$ tương ứng với Cấn ✧ Kiền = Cấn (dĩ nhiên !).

b). $(j\ e) \diamond i = ke$ tương ứng với Cấn ✧ Đoài = Khôn:

je ✧ *i* = ≈ Cấn✧Đoài

Hào 6	Dg
Hào 5	Âm
Hào 4	Âm
Hào 3	Âm
Hào 2	Dg
Hào 1	Dg

=

Âm
Âm
Âm

= Khôn ≈ *ke*.

c). $je \diamond j = -e$ tương ứngvới Cấn ✧ Tốn = -Ly :

je ✧ *j* ≈ Cấn ✧ Tốn =

Hào 6	Dg
Hào 5	Âm
Hào 4	Âm
Hào 3	Dg
Hào 2	Dg
Hào 1	Âm

= -

Dg
Âm
Dg

= - Ly ≈ - *e*.

d). *je* ✧ *k* = *-ie* tương ứngvới Cấn ✧ Khảm = Chấn:

je ✧ *k* ≈ Cấn ✧ Khảm =

Hào 6	Dg
Hào 5	Âm
Hào 4	Âm
Hào 3	Âm
Hào 2	Dg
Hào 1	Âm

= -

Âm
Âm
Dg

= - Chấn ≈ - *ie*

e). *je* ✧ *e* = *-j* tương ứngvới Cấn ✧ Ly = Tốn:

je ✧ *e* ≈ Cấn ✧ Ly =

Hào 6	Dg
Hào 5	Âm
Hào 4	Âm
Hào 3	Dg
Hào 2	Âm
Hào 1	Dg

= -

Dg
Dg
Âm

= - Tốn ≈ - *j*.

f). *je* ✧ *ie* = *k* tương ứngvới Cấn ✧ Chấn = Khảm

je ✧ i e ≈ Cấn ✧ Chấn =

Hào 6	Dg
Hào 5	Âm
Hào 4	Âm
Hào 3	Âm
Hào 2	Âm
Hào 1	Dg

=

Âm
Dg
Âm

= Khảm ≈ *k*.

g). *je* ✧ *je* = - *l* tương ứng với Cấn ✧ Cấn = - Kiền =

je ✧ *j e* ≈ Cấn ✧ Cấn =

Hào 6	Dg
Hào 5	Âm
Hào 4	Âm
Hào 3	Dg
Hào 2	Âm
Hào 1	Âm

= -

Dg
Dg
Dg

= - Kiền ≈ - *l*.

h). *je* ✧ *ke* = - *i* tương ứngvới Cấn ✧ Khôn :

je ✧ *k e* ≈ Cấn ✧ Khôn =

Hào 6	Dg
Hào 5	Âm
Hào 4	Âm
Hào 3	Âm
Hào 2	Âm
Hào 1	Âm

=

Âm
Dg
Dg

= - Đoài ≈ - *i*.

QUẺ CHẤN

a). $i\,e \diamond l = ie$, tương ứng với Chấn ✧ Kiền = Chấn.

b). $i\,e \diamond i = e$, tương ứng với Chấn ✧ Đoài :

$i\,e \diamond l \approx$ Chấn✧ Đoài =

Hào 6	Âm
Hào 5	Âm
Hào 4	Dg
Hào 3	Âm
Hào 2	Dg
Hào 1	Dg

=

Dg
Âm
Dg

= Ly $\approx e$.

c). $ie \diamond j = -k\,e$, tương ứng với Chấn✧ Tốn :

$ie \diamond j \approx$ Chấn✧ Tốn =

Hào 6	Âm
Hào 5	Âm
Hào 4	Dg
Hào 3	Dg
Hào 2	Dg
Hào 1	Âm

=

Âm
Âm
Âm

= - Khôn $\approx$ - ke.

d). $ie \diamond k = j\,e$, tương ứng với Chấn ✧ Khảm :

$ie \diamond k \approx$ Chấn✧ Khảm =

Hào 6	Âm
Hào 5	Âm
Hào 4	Dg
Hào 3	Âm
Hào 2	Dg
Hào 1	Âm

=

Dg
Âm
Âm

= Cấn $\approx je$.

e). $ie \diamond e = -i$, tương ứng với Chấn ✧ Ly:

$ie \diamond e \approx$ Chấn✧ Ly =

Hào 6	Âm
Hào 5	Âm
Hào 4	Dg
Hào 3	Dg
Hào 2	Âm
Hào 1	Dg

= -

Âm
Dg
Dg

= - Đoài $\approx$ - i.

f). $ie \diamond ie = -l$, tương ứng với Chấn ✧ Chấn:

$ie \diamond ie \approx$ Chấn✧Chấn =

Hào 6	Âm
Hào 5	Âm
Hào 4	Dg
Hào 3	Âm
Hào 2	Âm
Hào 1	Dg

= -

Dg
Dg
Dg

= - Kiền $\approx$ - l.

g). *ie* ✧ *je* = - *k*, tương ứng với Chấn ✧ Cấn:

ie ✧ *je* ≈ Chấn✧Cấn =

Hào 6	Âm
Hào 5	Âm
Hào 4	Dg
Hào 3	Dg
Hào 2	Âm
Hào 1	Âm

= -

Âm
Dg
Âm

= - Khảm ≈ - *k*.

h). *ie* ✧ *ke* = *j*, tương ứng với Chấn ✧ Khôn

ie ✧ *ke* ≈ Chấn✧Khôn =

Hào 6	Âm
Hào 5	Âm
Hào 4	Dg
Hào 3	Âm
Hào 2	Âm
Hào 1	Âm

=

Dg
Dg
Âm

= Tốn ≈ *j*.

QUẺ KHÔN

Tương tự như Quẻ Kiền, tác động của Quẻ Khôn là đổi dấu toàn bộ các hào v.v...

CHÚ Ý ĐẶC BIỆT QUAN TRỌNG VỀ DẤU TRỪ TRƯỚC CÁC QUẺ

Trong Đại số Octonion, dấu trừ nằm ngay trước các quẻ cũng thuộc cấu trúc trường số thực R. Nhưng trong Kinh Dịch, dấu trừ này sẽ được thể hiện dưới một dạng khác là dạng *ngũ nghĩa khá tế nhị*, nghĩa là nằm *ngoài* trường R, như chúng ta sẽ thấy ở tập VI sau này. Mặt khác, do tính không kết hợp, cần xét quẻ 9 hào về nhiều mặt.

MỘT NHẬN XÉT DỰA TRÊN TÍNH MỘT CỦA TRIẾT PHƯƠNG ĐÔNG

Ta hãy trở lại hệ 7 cơ thể vô hình của nhân thể và ký hiệu :

Hạ Phách = Cơ thể 1		
Hạ Vía = Cơ thể 2	=	**CƠ THỂ HẬU THIÊN**
Hạ Trí = Cơ thể 3		

Thượng Phách = Cơ thể 5		
Thượng Vía = Cơ thể 6	=	**CƠ THỂ TIÊN THIÊN**
Thượng Trí = Cơ thể 7		

và sau đó , dựa vào tính MỘT của Triết Đông phương , ta hãy đặt vấn đề : Phải chăng

Cơ thể Hậu thiên ✧ Cơ thể Tiên thiên = Cơ thể Astral = Quẻ "ba hào" ?

Ký hiệu

Cũng như trước , ta ký hiệu

$$A \diamond B = \text{Int}(A \diamond B) \mid \text{Val}(A \diamond B).$$

TÍNH ĐƠN VỊ MỞ RỘNG CỦA KIỀN

Tất nhiên Kiền là đơn vị trong phần Val do cả ba hào của Kiền đều Dương. Cũng như trong trường hợp cấu trúc ($\diamond$, **W**) ta có

$$\text{Int}(A \diamond \text{Kiền}) = \text{Kiền} \neq \text{Int}(\text{Kiền} \diamond A) = A,$$
$$\text{Val}(A \diamond \text{Kiền}) = \text{Val}(\text{Kiền} \diamond A).$$

TÍNH KHÔNG GIAO HOÁN

Tính không giao hoán của phép nhân $\diamond$ cũng hiện ra như trong đại số Val ($\diamond$, **W**).

$$\text{Val}(A \diamond B) + \text{Val}(B \diamond A) = 0, \quad A, B \text{ khác Kiền},$$

Riêng đối với Quẻ Kiền (đơn vị mở rộng) thì

$$\text{Int}(\text{Kiền} \diamond A) = A \neq \text{Int}(A \diamond \text{Kiền}) = \text{Kiền},$$

$$\text{Val}(\text{Kiền} \diamond A) = \text{Val}(A \diamond \text{Kiền}) = A.$$

Như vậy , bảng V - 3 hiểu là bảng nhân phần Val $(A \diamond B)$.

TÍNH KHÔNG KẾT HỢP

Độc giả có thể kiểm tra tính không kết hợp của Hệ Bát Quái theo phép nhân$\diamond$.

ĐẠI SỐ LUÂN PHIÊN

Bây giờ chúng ta hãy nói đến một trong những tính chất riêng biệt của Đại số Cayley, gọi là tính chất ***luân phiên***, định nghĩa theo trình tự sau :

KẾT HỢP TỬ

Lượng

$$[a, b, c] = (a \diamond b) \diamond c - a \diamond (b \diamond c),$$

gọi là - theo định nghĩa - kết hợp tử của ba số a , b , c trong đại số Cayley.

Có thể chứng minh được các tính chất sau của kết hợp tử:

1). $[(a + \alpha), b, c] = [a, b, c] + [\alpha, b, c]$,

2). [- a , b , c] = - [a , b, c],
3). [a ✧ b , c , d] - [a , b ✧ c , d] + [a , b , c ✧ d] = a ✧ [b , c , d] + [a , b , c] ✧ d ,

với mọi số Cayley a, b, c và d.

ĐẠI SỐ LUÂN PHIÊN

Một đại số gọi là ***luân phiên*** nếu

[a, a , b] = 0, [b, a , a] = 0 với mọi a , b, hay là

(a ✧ a) ✧ b = a ✧ (a ✧ b) , (b ✧ a) ✧ a = b ✧ (a ✧ a) với mọi a , b .

Từ định nghĩa trên ta có thể suy ra tính chất sau

[a, a + b , a + b] = 0 .

Kết hợp tử của một đại số luân phiên thay đổi dấu nếu các thành phần chịu một hoán vị lẻ, và không thay đổi dấu với một hoán vị chẵn các thành phần:

[a , b , c] = - [a , c , b] = - [b , a , c] = [c , a , b].

Ta suy ra :

[a, b, a] = 0.

Có thể chứng tỏ rằng Đại số Cayley là một đại số luân phiên.
Ta hãy lấy một vài ví dụ cụ thể trên Đại số các Quẻ 3 hào.

Ví dụ 1

a = Ly , b = Cấn .
Theo tính chất luân phiên (b ✧ a) ✧ a = b ✧ (a ✧a) và bảng XV - 3 ta được ngay ở vế phải
Val [Cấn ✧ (Ly ✧ Ly)] = - Cấn.

Ta lại có ở vế trái cũng theo bảng trên

Val [(Cấn ✧ Ly) ✧Ly] = Val (- Tốn ✧ Ly) = - Cấn.

Ví dụ 2

a = Chấn, b = Khảm .
Ta lần lượt có ở hai vế :
Vế phải là - Khảm.
Vế trái là :
Val [(Khảm ✧ Chấn) ✧Chấn] = Val (- Cấn ✧ Chấn) = - Khảm.

Ví dụ 3

a = Kiền , b = Tốn.

Ta lần lượt có ở hai vế :

Vế phải là Tốn. Vế trái là :

(Tốn ✧ Kiền) ✧ Kiền = Tốn ✧ Kiền = Tốn.

Ví dụ 4

a = Khôn , b = Đoài.

Ta lần lượt có ở hai vế :

Vế phải là - Đoài. Vế trái là :

Val [(Đoài ✧ Khôn) ✧ Khôn] = Val (Cấn ✧ Khôn) = - Đoài.

Như thế , chúng ta ***khôi phục*** lại được Quẻ bằng cơ thế luân phiên, có sai khác dấu.

VỀ SỰ XUẤT HIỆN DẤU TRỪ TRONG PHÉP NHÂN ✧

Ta có với đơn vị 1 :

$$1^2 = 1,\ i^2 = j^2 = k^2 = e^2 = (ie)^2 = (je)^2 = (ke)^2 = -1.$$

Song song, ta có

Val (Kiền✧ Kiền) ≡ Kiền ,

Val (Đoài ✧ Đoài) = Val (Chấn ✧ Chấn) = Val (Khảm ✧ Khảm) = Val(Ly ✧ Ly) =

Val (Cấn ✧ Cấn) = Val (Tốn ✧ Tốn) = Val (Khôn ✧ Khôn) == - Kiền .

Sự khác dấu này ở hai vế phải biểu hiện ***tính Thiên của Kiền***, khác với các Quẻ khác của Bát Quái.

Mặt khác như đã thấy ở trên (tính phản giao hoán) dấu trừ ở đây cũng biểu hiện được phản giao hoán của ngôi thứ Nội Ngoại của các Quẻ khác Kiền.

Như thế từ hệ Bát Quái , chúng ta đã xây dựng được một Đại số đẳng cấu với Đại số Cayley, mang được các tính chất sau của Triết Đông phương :*

- *Tính chất Quan hệ giữa các hào (1 - 4, 2- 5, 3 - 6),*
- *Tính chất Thiên và phi Thiên,*
- *Tính chất Ngôi thứ Nội Ngoại (dấu trừ xuất hiện trong Ngôi thứ này sẽ được làm sáng tỏ trong Tập VI)*
- *Tính chất Luân phiên.*

** Thực ra, phải nói rằng Đại số Cayley là sườn* **CỨNG** *để xây dựng hệ* **MỀM** *64 quẻ Đông phương.*

Đại số này xây dựng trên Bát Quái với phép nhân ✧ - đẳng cấu với Đại số Cayley - gọi là ĐẠI SỐ 8 - ĐÔNG PHƯƠNG và ký hiệu là Val (✧, **Z**).
Còn cấu trúc (✧, **Z**) thì phức tạp hơn.

Rõ ràng Đại số Val (✧, **W**) là một Đại số con kết hợp của Đại số không kết hợp của đại số Val (✧, **Z**).

HỆ 16 QUẺ 4 HÀO	⊂	HỆ 64 QUẺ 6 HÀO
Val (✧ , **W**)	⊂	Val (✧, **Z**)

	I KIỀN 6	***i*** ĐOÀI 7	***j*** TỐN 4	***k*** KHẢM 1	***e*** LY 9	***ie*** CHẤN 3	***je*** CẤN 8	***ke*** KHÔN 2
I KIỀN 6	*I* Kiền THIÊN	*i* Đoài LÝ	*j* Tốn CẤU	*k* Khảm TỤNG	*e* Ly ĐỒNG NHÂN	*ie* Chấn VÔ VỌNG	*je* Cấn ĐỘN	*ke* Khôn BÍ
i ĐOÀI 7	*i* Đoài QUẢI	*-I* - Kiền THUẦN ĐOÀI	*k* Khảm ĐẠI QUÁ	*-j* - Tốn KHỐN	*ie* Chấn CÁCH	*-e* -Ly TÙY	*-ke* -Khôn HÀM	*je* Cấn TỤY
j TỐN 4	*j* Tốn TIỂU SÚC	*-k* - Khảm TRUNG PHU	*-I* - Kiền THUẦN TỐN	*i* Đoài HOÁN	*je* Cấn GIA NHÂN	*ke* Khôn ÍCH	*-e* -Ly TIỆM	*-ie* - Chấn QUÁN
k KHẢM 1	*k* Khảm NHU	*j* Tốn TIẾT	*-i* - Đoài TỈNH	*-I* - Kiền TH. KHẢM	*ke* Khôn KỶ TẾ	*-je* - Cấn TRUÂN	*ie* Chấn KIÊN	*-e* -Li TỶ
e LY 9	*e* Ly ĐẠI HỮU	*-ie* - Chấn KHUÊ	*-je* - Cấn ĐỈNH	*-ke* - Khôn VỊ TẾ	*-I* - Kiền THUẦN LY	*i* Đoài PHỆ HẠP	*j* Tốn LỮ	*k* Khảm TẤN
ie CHẤN 3	*ie* Chấn ĐẠI TRÁNG	*e* Ly QUY MUỘI	*-ke* - Khôn HẰNG	*je* Cấn GIẢI	*-i* - Đoài PHONG	*-I* - Kiền TH. CHẤN	*-k* Khảm TIỂU QUÁ	*j* Tốn DỰ.
je CẤN 8	*je* Cấn ĐẠI SÚC	*ke* Khôn TỐN	*e* Ly CỔ	*-ie* - Chấn MÔNG	*-j* - Tốn BÍ	*k* Khảm DI	*-I* - Kiền TH. CẤN	*-i* - Đoài BÁC.
ke KHÔN 2	*ke* Khôn THÁI	*-je* - Cấn LÂM	*ie* Chấn THĂNG	*e* Ly SƯ	*-k* - Khảm MINH DI	*-j* - Tốn PHỤC	*i* Đoài KHIÊM	*-I* - Kiền ĐỊA

Bảng V - 4. BẢNG VAL (✧ , **Z**) × VAL (✧ , **Z**) VÀ CÁC QUẺ 6 HÀO

Tiếp theo say đây là bảng đẳng cấu giữa Đại số Cayley và Đại số Val (✧, **Z**) , ở đó có kèm theo các hệ sau :
- Hệ Luân Xa ,
- Hệ Axít Amin ,
- Hệ Hỗn Thiên ,
- Hệ Y Dịch Lục Khí

Val (✧, Z)	*l* KIỀN 6	*i* ĐOÀI 7	*j* TỐN 4	*k* KHẢM 1	*e* LY 9	*ie* CHẤN 3	*je* CẤN 8	*ke* KHÔN 2
l KIỀN 6	*l* Kiền KIỀN 1 LYS - 7 *Thổ*	*i* Đoài CẤN 6 ARG *T/H*	*j* Tốn KIỀN 2 GLU *M/K*	*k* Khảm LY 7 GGLY *Ng/Ng*	*e* Ly LY 8 GLUN *Thổ*	*ie* Chấn TỐN 5 ARG *H/T*	*je* Cấn KIỀN 3 OCHRE *K/M*	ke Khôn KIỀN 4 STOP- 3 *Ng/Ng*
i ĐOÀI 7	*i* Đoài KHÔN 6 ASPN- 6 *M/K*	*-l* -Kiền ĐOÀI 1 SER *Thổ*	*k* Khảm CHẤN 7 ASP *T/H*	*-j* -Tốn ĐOÀI 2 GLY *M/K*	*ie* Chấn KHẢM 5 HIS *K/M*	*-e* -Ly CHẤN ARG *Ng/Ng*	*-ke* -Khôn ĐOÀI 4 TYR *Thổ*	*je* Cấn ĐOÀI 3 CYS- 2 *K/M*
j TỐN 4	*j* Tốn TỐN 2 THR - 4 *T/H*	*-k* - Khảm CẤN 7 LLEU *M/K*	*-l* -Kiền TỐN 1 LEU *Thổ*	*i* Đoài LY 6 VAL *T/H*	*je* Cấn TỐN 3 PRO *H/T*	*ke* Khôn TỐN 4 LEU *K/M*	*-e* -Ly CẤN 8 SER *Ng/Ng*	*-ie* - Chấn KIỀN 5 LEU - 4 *H/T*
k KHẢM 1	*k* Khảm KHÔN 7 THR - 5 *Ng/Ng*	j Tốn KHẢM 2 LLEU *T/H*	*-i* - Đoài CHẤN 6 ALA *M/K*	*-l* -Kiền KHẢM 1 VVAL *Thổ*	*ke* Khôn KHẢM 4 PPRO *Ng/Ng*	*-je* -Cấn KHẢM3 LLLEU *H/T*	*ie* Chấn ĐOÀI 5 SER *K/M*	*-e* -Ly KHÔN 8 PHE - 1 *Thổ*
e LY 9	*e* Ly KIỀN 8 LYS - 7 *Thổ*	*-ie* - Chấn CẤN 5 ARG *H/T*	*-je* - Cấn LY 3 GLU *K/M*	*-ke* - Khôn LY 4 GGLY *Ng/Ng*	*-l* -Kiền LY 1 GLUN *Thổ*	*i* Đoài TỐN 6 ARG *T/H*	*j* Tốn LY 2 AMBER *M/K*	*k* Khảm KIỀN 7 TRYP - 3 *Ng/Ng*
ie CHẤN 3	*ie* Chấn KHÔN 5 ASPN- 6 *K/M*	*e* Ly ĐOÀI 8 SER *Ng/Ng*	*-ke* - Khôn CHẤN 4 ASP *H/T*	*je* Cấn CHẤN 3 GLY *K/M*	*-i* - Đoài KHẢM 6 HIS *M/K*	*-l* -Kiền CHẤN1 ARG *Thổ*	*-k* - Khảm ĐOÀI 7 TYR *T/H*	*j* Tốn CHẤN 2 CYS - 2 *M/K*
je CẤN 8	*je* Cấn CẤN 3 THR - 4 *H/T*	*ke* Khôn CẤN 4 MET *K/M*	*e* Ly TỐN 8 LEU *Ng/Ng*	*-ie* - Chấn LY 5 VAL *H/T*	*-j* - Tốn CẤN 2 PRO *T/H*	*k* Khảm TỐN 7 LEU *M/K*	*-l* -Kiền CẤN 1 SER *Thổ*	*-i* - Đoài KIỀN 6 LEU - 4 *T/H*
ke KHÔN 2	*ke* Khôn KHÔN 4 THR - 5 *Ng/Ng*	*-je* - Cấn KHÔN 3 LLEU *H/T*	*ie* Chấn CHẤN 5 ALA *K/M*	*e* Ly KHẢM 8 VVAL *Thổ*	*-k* - Khảm KHẢM 7 PPRO *Ng/Ng*	*-j* - Tốn KHÔN2 LLLEU *T/H*	*i* Đoài ĐOÀI 6 SER *M/K*	*-l* -Kiền KHÔN 1 PHE- 1 *Thổ*

Bảng V- 5 . BẢNG ĐẲNG CẤU GIỮA ĐẠI SỐ CAYLEY VÀ ĐẠI SỐ VAL (✧ , Z)
KÈM THEO HỆ LUÂN XA , HỆ AXÍT AMIN , HỆ HỖN THIÊN VÀ HỆ Y DỊCH LỤC KHÍ

NHẬN XÉT

Các Luân xa , các cặp Axit Amin được xếp theo cặp "liên hợp" {*I*, *e*}, {*i*, *ie*}, {*j*, *je*}, {*k*, *ke*}. Dấu trừ - nằm theo các cặp {*M*/K, *T*/H},{*K*/M, *H*/T} và trỏ rằng M (Thiếu Dương) và T (Thái Âm) hay *K* (Thiếu Âm) và *H* (Thái Dương) (đó là bốn phía Mộc, Hỏa, Kim, Thủy của Hà Đồ) là khác tính Âm Dương của nhau.
Riêng với *Ng*/Ng hay *Thổ* (Trung Cung) thì không có tính Âm Dương đối lập, mặc dầu cũng có dấu trừ đi theo.

Quẻ Kiền - Trời nằm trên đường chéo chính, Quẻ Khôn - Đất nằm trên đường chéo thứ hai, hai Quẻ Ly, Khảm tạo nên một hình thoi.

Các Quẻ 29,30, 63 và 64 nằm tại chính giữa. Và cùng với bốn ô ở bốn góc tạo nên Chân Nhân và Đường Hara. Ta có
Chân Nhân : Khôn 6/2, Khôn 2/6, - Kiền 1/1, - Kiền 9/9.
Đường Hara : Kiền 6/6, -Kiền 2/2, Khôn 1/9, - Khôn 9/1.

Các LuânXa số lẻ đi với Kiền, Khôn, Ly , Khảm.
Các Luân Xa số chẵn đi với Đoài, Cấn, Tốn, Chấn.

CÁC ĐỊNH LÝ FROBENIUS VÀ HURWITZ

Dưới góc độ các đại số giao hoán, kết hợp , có ước bằng không , Frobenius đã chứng minh được các định lý quan trọng sau :

I. TRƯỜNG SỐ THỰC VÀ TRƯỜNG SỐ PHỨC

Trường số thực và trường số phức là những đại số duy nhất xác định trên trường số thực có các tính chất sau :
a) Có chiều hữu hạn,
b) Giao hoán,
c) Kết hợp,
d) Không có ước của không.

II. THỂ QUATERNION

Thể Quaternion là đại số duy nhất xác định trên trường số thực có các tính chất sau :
a) Có chiều hữu hạn,
b) Không giao hoán,
c) Kết hợp,
d) Không có ước của không.

III ĐẠI SỐ CAYLEY (OCTONION)

Đại số Cayley là đại số duy nhất xác định trên trường số thực có các tính chất sau :
a) Có chiều hữu hạn, b) Không giao hoán, c) Không kết hợp,
d) Không có ước của không, e) Luân phiên.

Còn Hurwitz thì chứng minh được rằng đại số Cayley là đại số hợp thành *có chiều lớn nhất* xây dựng trên trường R hay C.

HỆ HỖN THIÊN VÀ ĐẠI SỐ CAYLEY

Theo bảng III- 8 của hệ Hỗn thiên và bảng V- 3 của Đại số Cayley, ta có thể dựng bảng sau về bản chất Octonion của hệ Hỗn thiên :

HỌ	Q1	Q2	Q3	Q4	Q5	Q6	Q7	Q8
KIỀN	*1*	*j*	*je*	*ke*	*-ie*	*-i*	*k*	*e*
ĐOÀI	*-1*	*-j*	*je*	*-ke*	*ie*	*i*	*-k*	*e*
LY	*-1*	*j*	*-je*	*-ke*	*-ie*	*i*	*k*	*e*
CHẤN	*-1*	*j*	*je*	*-ke*	*-ie*	*-i*	*k*	*-e*
TỐN	*-1*	*j*	*je*	*ke*	*ie*	*-i*	*k*	*e*
KHẢM	*-1*	*j*	*-je*	*ke*	*ie*	*-i*	*-k*	*e*
CẤN	*-1*	*-j*	*je*	*ke*	*-ie*	*i*	*-k*	*-e*
KHÔN	*-1*	*-j*	*-je*	*ke*	*ie*	*i*	*k*	*-e*

Bảng V - 6. BẢNG OCTONION CỦA HỆ HỖN THIÊN

Chúng ta nhận xét rằng định nghĩa của hệ Hỗn thiên trước đây còn rất khó hiểu- nhất là khi nói đến các Quẻ Du hồn (cột thứ bảy), Quy hồn(cột thứ tám) - nay đã trở thành một định nghĩa mang tính toán học Octonion hoàn chỉnh.

Trong Bổ sung IV, sẽ trình bày mối quan hệ giữa hệ Hỗn thiên với công trình nghiên cứu các mặt phẳng bất biến của hai nhà khoa học Tây phươngM. Gudaydin và G. Gursey.

VỀ CẤU TRÚC HÀO CỦA QUẺ 6 HÀO

Trong Bổ sung II sẽ trình bày một phương án có khả năng tiếp cận đến cấu trúc hào của quẻ 6 hào.

ỐC CAYLEY VÀ CẤU TRÚC ✧ NHÓM

NIỆM ✧ NHÓM 8 CHIỀU

ấy rằng các tập con sau đây của Đại số Cayley làm thành ✧ nhóm :

I. $\{1, i, j, k, -1, -i, -j, -k\}$.

II. $\{1, i, e, ie, -1, -i, -e, -ie\}$,
III. $\{1, i, je, ke, -1, -i, -je, -ke\}$,
IV. $\{1, j, e, je, -1, -j, -e, -je\}$,
V. $\{1, k, e, ke, -1, -k, -e, -ke\}$,
VI. $\{1, k, ie, je, -1, -k, -ie, -je\}$,
VII. $\{1, j, ie, ke, -1, -j, -ie, -ke\}$.

g hạn, bảng nhân ✧ của **NHÓM I** = $\{1, i, j, k, -1, -i, -j, -k$ là

✧	1	i	j	k	-1	-i	-j	-k
1	1	i	j	k	-1	-i	-j	-k
i	i	-1	k	-j	-i	1	-k	j
j	j	-k	-1	i	-j	k	1	-i
k	k	j	-i	-1	-k	-j	i	1
-1	-1	-i	-j	-k	1	i	j	k
-i	-i	1	-k	j	i	-1	k	-j
-j	-j	k	1	-i	j	-k	-1	i
-k	-k	-j	i	1	k	j	-i	-1

Bảng VI - 1. BẢNG NHÂN ✧ CỦA NHÓM I

nhóm trên đều đẳng cấu với nhau :

NHÓM I	± 1	$\pm i$	$\pm j$	$\pm k$
NHÓM II	± 1	$\pm i$	$\pm e$	$\pm ie$
NHÓM III	± 1	$\pm i$	$\pm je$	$\pm ke$
NHÓM IV	± 1	$\pm j$	$\pm e$	$\pm je$
NHÓM V	± 1	$\pm k$	$\pm e$	$\pm ke$
NHÓM VI	± 1	$\pm k$	$\pm ie$	$\pm je$
NHÓM VII	± 1	$\pm j$	$\pm ie$	$\pm ke$

Bảng VI - 2. TÍNH ĐẲNG CẤU GIỮA CÁC NHÓM 8 CHIỀU TRONG ĐẠI SỐ CAYLEY

CHƯƠNG VI

NHÓM VÀ ĐẠI SỐ CAYLEY
ĐẠI SỐ CAYLEY VÀ VẬT LÝ HỌC

QUAY VỀ CÁI MỘT ...

Nội dung chương này hết sức quan trọng, vì trong chương này chúng ta sẽ thấy :

1). Sự quay trở lại lý thuyết Nhóm kết hợp từ một đại số nói chung không kết là Đại Cayley

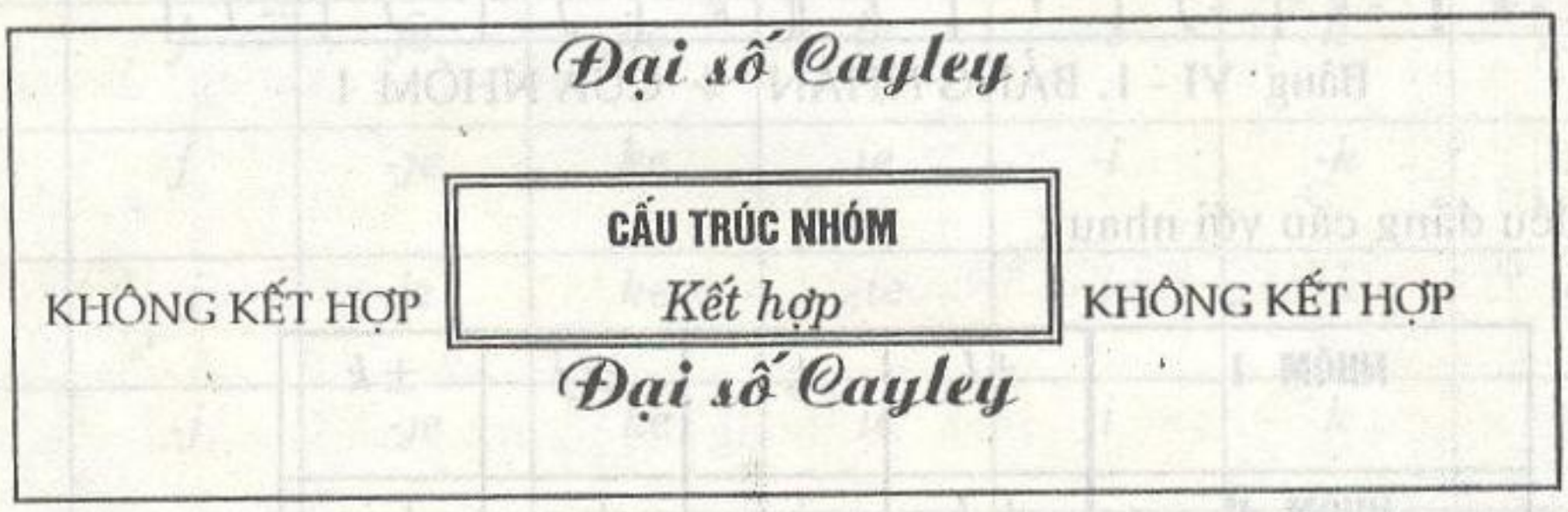

2). Một sự Thống nhất (Integration) Văn minh Đông Tây , với nội dung " Hoà nhập" g Khoa học Nhân văn của Đông phương với Lý thuyết Hạt Cơ bản Tây phương, trong lí cùng một Đại số chung là Đại số Cayley.

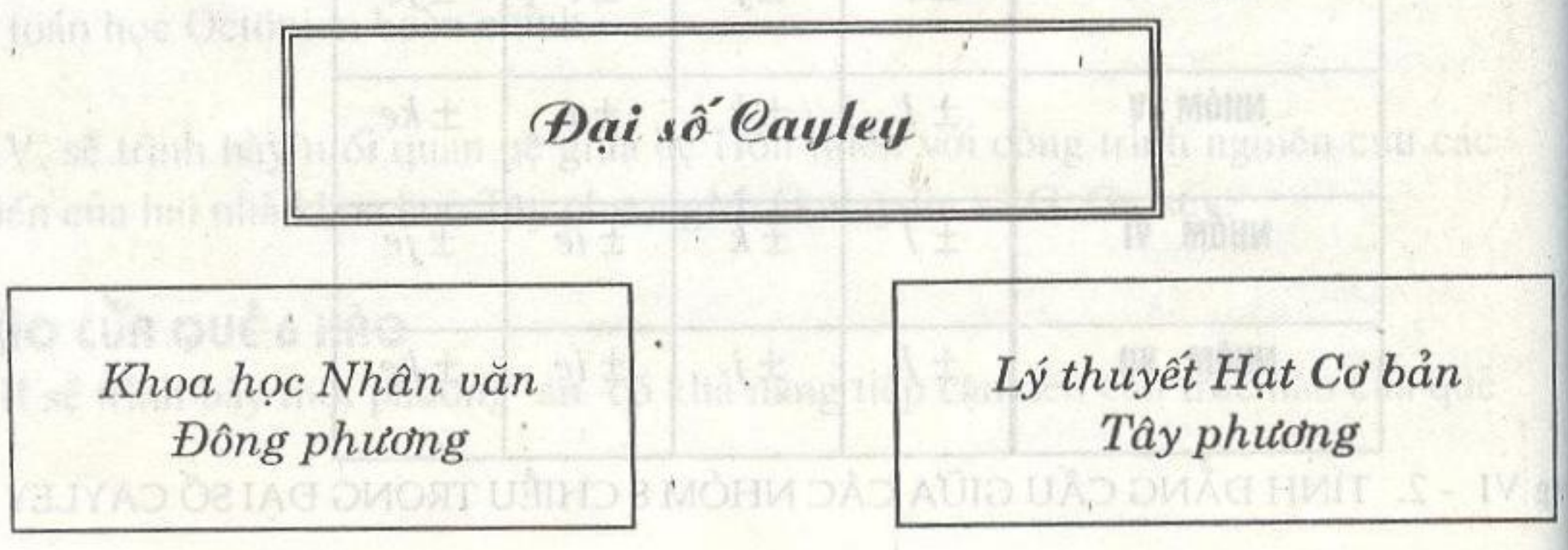

Ta hãy xét **NHÓM III** chẳng hạn : { ± 1 = ± Kiền, $\pm i$ = ± Đoài , $\pm je$= ± Cấn, $\pm ke$ = ± Khôn} .
Chúng ta sẽ thu được các tính chất sau, cần thiết cho một cấu trúc nhóm .

1). TÍNH KÍN.

Val (Kiền ✧ Kiền)	=	Kiền	Val (Đoài ✧ Kiền)	=	Đoài,
Val (Kiền ✧ Đoài)	=	Đoài	Val (Đoài ✧ Đoài)	=	- Kiền,
Val (Kiền ✧ Cấn)	=	Cấn,	Val (Đoài ✧ Cấn)	=	- Khôn,
Val (Kiền ✧ Khôn)	=	Khôn	Val (Đoài ✧ Khôn)	=	Cấn,
Val (Cấn ✧ Kiền)	=	Cấn,	Val (Khôn ✧ Kiền)	=	Khôn,
Val (Cấn ✧ Đoài)	=	Khôn,	Val (Khôn ✧ Đoài)	=	- Cấn,
Val (Cấn ✧ Cấn }	=	- Ch'ien,	Val (Khôn ✧ Cấn)	=	- Đoài
Val (Cấn ✧ Khôn)	=	- Đoài	Val (Khôn ✧ Khôn)	=	- Kiền.

2). SỰ TỒN TẠI MỘT ĐƠN VỊ TỨC LÀ KIỀN (với Val)
Val (Kiền ✧ Kiền) = Kiền ,
Val (Kiền ✧ Đoài) = Đoài ,
Val (Kiền ✧ Cấn) = Cấn,
Val (Kiền ✧ Khôn) = Khôn.

3). TÍNH KẾT HỢP
Chỉ cần chứng minh rằng :
Val { Đoài ✧ Val (Cấn ✧ Khôn)} = Val{Đoài ✧(-Đoài)} = Kiền,
Val { Val {(Đoài ✧ Cấn)}✧ Khôn } = Val {- Khôn ✧ Khôn } = Kiền.
Từ đó : Val { Đoài ✧ Val (Cấn ✧ Khôn) } = Val{ Val {(Đoài ✧ Cấn)} ✧ Khôn}.

4). TÍNH CÓ TỒN TẠI MỘT PHẦN TỬ NGƯỢC
Val{Kiền ✧ Kiền} = Kiền,
Val{ Đoài✧ (- Đoài) = Kiền, Val{Cấn ✧ (- Cấn) } = Kiền, Val{Khôn ✧(- Khôn } = Kiền.

Như thế tập con { ± 1 = ± Kiền, $\pm i$ = ± Đoài , $\pm je$= ± Cấn, $\pm ke$ = ± Khôn} đúng là làm thành một ***nhóm 8 chiều.***

CẤU TRÚC NHÓM VÀ CÁC HỆ CÓ LIÊN QUAN

NHÓM I là liên quan đến hệ Tứ Tượng (biểu diễn hệ Tứ Tượng).

NHÓM III- như sẽ thấy sau này - là liên quan đến hệ Bát Hướng (trong Độn Giáp).

NHÓM IV- như sẽ thấy sau này - là liên quan đến hệ Bát Thiên Tinh- với một sai lầm lịch sử Thiên Tinh (9) ⇔ Thiên Tinh (3) (trong Độn Giáp) ?).

NHÓM IV - như sẽ thấy sau này - là liên quan đến hệ Bát Địa Môn (trong Độn Giáp) ,

NHÓM VII - như sẽ thấy sau này - là liên quan đến thước Lỗ Ban...

ĐẠI SỐ OCTONION VÀ LÝ THUYẾT NHÓM TRONG HỆ Y DỊCH LỤC KHÍ TOÀN PHẦN

Theo bảng III - 13 cho hệ Y Dịch Lục Khí toàn phần và nội dung của Đại số Octonion, chúng ta có thể dựng lên bảng VI - 3 sau cho hệ Y Dịch Lục Khí toàn phần :

	K/M	*T/H*	*Ng/ Ng*	*M/K*	*H/T*	*Thổ*		QUẺ NỘI
QUẺ NGOẠI 6 LẠC, KHÍCH ⇓	3/6 *ie*	4/6 *j*	1/6 *k* 2/6 *ke*	7/6 *i*	8/6 *je*	6/6 *1* 9/6 *e*	QUẺ NGOẠI 2 LẠC, KHÍCH ⇓	6 LUÂN XA ⇐
H/T 6/3 *ie*	4/3 *ke*	9/3 *i*	7/3 *- e*	8/3 *k*	1/3 *- je*	3/3 *-1*	*T/H* 2/3 *- j*	⇐3 ĐỚM TÂM
M/ K 6/4 *j*	9/4 *- je*	7/4 *k*	8/4 *e*	1/4 *- i*	3/4 *- ke*	4/4 *- 1*	*K/M* 2/4 *ie*	⇐4 TAMTIÊUCAN
Thổ 6/9 *e*	7/9 *ie*	8/9 *- j*	1/9 *ke*	3/9 *- i*	4/9 *je*	9/9 *- 1*	*Ng/Ng* 2/9 *- k*	⇐9 VỊ TÂM BÀO
T/H 6/7 *i*	8/7 *ke*	1/7 *j*	3/7 *e*	4/7 *- k*	9/7 *- ie*	7/7 *- 1*	*H/T* 2/7 *- je*	⇐7 ĐTRƯỜNG TỲ
K/M 6/8 *je*	1/8 *ie*	3/8 *- k*	4/8 *- e*	9/8 *j*	7/8 *- ke*	8/8 *-1*	*M/K* 2/8 *i*	⇐8 BQUANG PHẾ
Ng/Ng 6/1 *k*	3/1 *je*	4/1 *i*	9/1 *- ke*	7/1 *- j*	8/1 *- ie*	1/1 *- 1*	*Thổ* 2/1 *e*	⇐1 TTRG THẬN.
	7/2 *je*	8/2 *- i*	6/2 *ke* 9/2 *k*	3/2 *j*	4/2 *- ie*	1/2 *- e* 2/2 *- 1*		2 LUÂN XA ⇐

KÝ HIỆU [12]

Mộc/ Thổ ⇒ *Ng* /Ng, do *Mộc* là *Nguyên* cho các kinh Dương và Thổ là Nguyên cho các kinh Âm.
Nguyên / Kim ⇒ *Mộc/* ~~Metal~~ Kim do *Nguyên* là *Mộc* cho các kinh Dương

Bảng VI - 3. HỆ Y DỊCH LỤC KHÍ TOÀN PHẦN VÀ ĐẠI SỐ OCTONION

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu cấu trúc của bảng VI - 3, dựa vào bảng VI - 2.

CẤU TRÚC CỦA BẢNG VI - 3

I. CẤU TRÚC NHÓM THUỘC ĐẠI SỐ CAYLEY LIÊN QUAN ĐẾN CÁC HUYỆT NGŨ DU VÀ LẠC ,KHÍCH

QUẺ NỘI 3		*ke ≈ K/M* *-1 ≈ Thổ*	
Kinh *Đỡm,Tâm*	*i, -je* *T*/H, *H*/T ⊂ **NHÓM III**	*-e,k* *Ng/Ng, M*/K ⊂ **NHÓM V**	*-j, ie* *Lạc, Khích, T*/H, *H*/T ⊂ **NHÓM VII**

QUẺ NỘI 4		*ke ≈ H/ T* *-1 ≈ Thổ*	
Kinh *T. Tiêu, Can*	*- i,- je* *K*/M,*M*/K ⊂ **NHÓM III**	*-e, k* *Ng/Ng,T*/H ⊂ **NHÓM V**	*ie, j* *Lạc, Khích, K*/M,*M*/K ⊂ **NHÓM VII**

QUẺ NỘI 9		*ke ≈ Ng/Ng* *-1 ≈ Thổ*	
Kinh *Vị, Tâm Bào*	*-i, je* *M*/K, *H*/W ⊂ **NHÓM III**	*e, - k* *Lạc, Khích* ⊂ **NHÓM V**	*ie,- j* *K*/M,*T*/H ⊂ **NHÓM VII**

QUẺ NỘI 1		*ke ≈ Ng/Ng* *-1 ≈ Thổ*	
Kinh *T.Trg, Thận*	*i, je* *K*/M,*T*/H ⊂ **NHÓM III**	*e, k* *Lạc, Khích* ⊂ **NHÓM V**	*- ie,- j* *M*/K, *H*/T ⊂ **NHÓM VII**

QUẺ NỘI 7		*ke ≈ K/M* *-1 ≈ Thổ*	
Kinh *Đ.Trg, Tỳ*	*i,- je* *Lạc, Khích, T*/H, *H*/T ⊂ **NHÓM III**	*e, - k* *Ng/Ng, M*/K ⊂ **NHÓM V**	*- ie, j* *T*/H, *H*/T ⊂ **NHÓM VII**

QUẺ NỘI 8		*ke ≈ H/T* *-1 ≈ Thổ*	
Kinh *B.Qng, Phế*	*i, je* *Lạc, Khích, K*/M,*M*/K ⊂ **NHÓM III**	*- e, - k* *Ng/Ng,T*/H ⊂ **NHÓM V**	*ie, j* *K*/M,*M*/K ⊂ **NHÓM VII**

II. LUÂN XA

LUÂN XA		*ke* ≈ *Ng*/Ng *1* ≈ *Thổ*	
THIÊN	*i, je* *M*/K, *H*/T ⊂ **NHÓM III**	*e, k* *Ng*/*Ng*, *Thổ* ⊂ **NHÓM V**	*ie, j* *K*/M, *T*/H ⊂ **NHÓM VII**

LUÂN XA		*ke* ≈ *Ng*/Ng *-1* ≈ *Thổ*	
ĐỊA	*- i, je* *K*/M, *T*/H ⊂ **NHÓM III**	*-e, k* *Ng*/Ng, *Thổ* ⊂ **NHÓM V**	*- ie, j* *M*/K *H*/T ⊂ **NHÓM VII**

Bảng VI - 4. CẤU TRÚC CỦA Y DỊCH LỤC KHÍ
THEO QUAN ĐIỂM CỦA ĐẠI SỐ CAYLEY QUY TÂM VỀ *ke* VÀ *-1 ,1*

***Giải thích bảng* VI - 4**

Với Quẻ 8 chẳng hạn, chúng ta có *- 1, ke, i, je* ⊂ nhóm III, *- 1, ke , -e, -k* ⊂ nhóm V...
Các phần tử KIỀN ± *1* VÀ KHÔN *ke* đóng vai ĐIỀU KHIỂN TRONG VÀ NGOÀI để tạo nên các tập khác nhau có cấu trúc nhóm !

Như thế nguồn gốc của các huyệt Ngũ Du và Lạc Khích cũng như như Mã Di truyền, Luân Xa là Đại số Octonion .
Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu mối quan hệ hữu cơ nguồn gốc của Vật lý học : Lý thuyết Tương Đối và Lý thuyết các Hạt Cơ bản. Nguồn gốc này cũng chính là Đại số Octonion.

ĐẠI SỐ QUATERNION VÀ LÝ THUYẾT TƯƠNG ĐỐI (THUYẾT ĐIỆN TỪ TƯỜNG)

BIỂU DIỄN QUATERNION BẰNG CÁC MA TRẬN PAULI . CÁC PHƯƠNG TRÌNH MAXWELL CỦA LÝ THUYẾT ĐIỆN TỪ

Thuật ngữ biểu diễn là khá quen thuộc với các nhà khoa học.
Trong lúc ở Khoa học Đông phương các Quẻ 2 hào tạo nên một biểu diễn của Đại số Quaternion, thì ở khoa học Tây phương , Đại số này được biểu diễn bởi các ma trận Pauli.

CƠ SỞ CỦA ĐẠI SỐ QUATERNION	*1*	*i*	*j*	*k*
BIỂU DIỄN CƠ SỞ VỚI MA TRẬN PAULI	$\sigma_2 = I_2$	$I\sigma_1$	$I\sigma_2$	$I\sigma_3$

với $I = \sqrt{-1}$, và σ_1 , σ_2 , σ_3

là các ma trận Pauli, thỏa mãn các đẳng thức sau (Đại số Clifford)

$$\sigma_i\sigma_j + \sigma_j\sigma_i = 2\,\delta_{ij}\,,\ \delta_{ij} \text{ là ký hiệu Kronecker},\ i\,,j = 1, 2\,, 3.$$

Từ đó, theo Vật lý Lý thuyết thông thường , chúng ta dựng lên các Quaternion của những đối tượng 4 chiều như sau :

QUATERNION CỦA CÁC VECTƠ 4 CHIỀU

$$V = v^0 + (\sigma \,.\, V),$$

với

$$v^0 = -\, v_0 \,,$$

gọi là thành phần vô hướng của 4 - vectơ V, và

$$V = \{ v^1 , v^2 , v^3 \} = \{ v_1 , v_2 , v_3 \}$$

gọi là thành phần không gian của V. Ta đưa ra ký hiệu sau :

$$v^0 = \text{Scal } V, \quad V = \{ v^1 , v^2 , v^3 \} = \text{Vect } V.$$

$$N(V)^2 = |V|^2 = v^{02} - v^{12} - v^{22} - v^{32} .$$

Nói riêng, chúng ta dựng được các 4 - vectơ sau của Lý thuyết Tương đối Einstein :

VECTƠ KHÔNG - THỜI GIAN

$$X = x^0 + (\sigma \,.\, X).$$

4 -VECTƠ ĐẠO HÀM

$$D = -\,\partial_0 + (\sigma \,.\, \partial) \text{ và } \overline{D} = -\,\partial_0 - (\sigma \,.\, \partial),$$

$$D.\, \overline{D} = \partial_0^2 - \partial^2 = \Box.$$

4 - VECTƠ CỦA LÝ THUYẾT ĐIỆN TỪ TRƯỜNG

$$A = A^0 + (\sigma \,.\, A) = 0 .$$

5. ĐIỀU KIỆN LORENTZ

$$\partial_a A^a = 0 .$$

6 - VECTƠ DÒNG

$$J = -\, J_0 + (\sigma \,.\, J).$$

CÁC PHƯƠNG TRÌNH MAXWEEL

$$(D.\, \overline{D})\, A = 4\pi J,$$

Từ đó

$$\mathrm{div}\boldsymbol{E} - \mathrm{i}\,\mathrm{div}\boldsymbol{B} + \sigma\{ -\partial_0 \boldsymbol{E} + \mathrm{rot}\,\boldsymbol{B} +$$

$$\mathrm{i}\,\partial_0\boldsymbol{B} + \mathrm{i}\,\mathrm{rot}\boldsymbol{E}\} = 4\pi\{ -J_0 + (\sigma\,.\,\boldsymbol{J}).$$

hay

$$\mathrm{div}\boldsymbol{E} = -4\pi J_0\,,\ \mathrm{div}\boldsymbol{B} = 0\,,$$

$$-\partial_0 \boldsymbol{E} + \mathrm{rot}\,\boldsymbol{B} = -4\pi\boldsymbol{J},\ \ \partial_0\boldsymbol{B} + \mathrm{i}\,\mathrm{rot}\boldsymbol{E} = 0.$$

QUÁ TRÌNH 2 - ĐA DẠNG HOÁ TRONG VẬT LÝ LÝ THUYẾT TÂY PHƯƠNG

Bây giờ chúng ta hãy nghiên cứu quá trình tiến hoá của Vật lý Lý thuyết Tây phương.

- Từ các ma trận Pauli 2×2 đã xuất hiện các ma trận Dirac 4×4 và Điện Động lực học Lượng tử.
- Từ một spinơ 2 thành phần đã xuất hiện hai spinơ 2 thành phần (φ, χ) :

$$\gamma^i = \begin{vmatrix} 0 & \sigma^i \\ -\sigma^i & 0 \end{vmatrix}, \qquad \gamma^0 = \begin{vmatrix} 1 & 0 \\ 0 & -1 \end{vmatrix}$$

$$\psi = \begin{vmatrix} \varphi \\ \chi \end{vmatrix}$$

QUÁ TRÌNH ĐA DẠNG HOÁ TRONG TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG

Bây giờ, chúng ta hãy xem xét tuyến tiến hoá trong Triết Đông phương. Tương tự như quá trình 2 - Đa dạng hoá trong Khoa học Tây phương, Khoa học Đông phương đã tìm được con đường 2 - Đa dạng hoá của mình (xem qua trình chuyển từ các Quẻ 2 hào ⇒ các Quẻ 3 hào ở chương V):

THÁI DƯƠNG với 2 hào	⇒	**KIỀN** *với 3 hào* **LY** *với 3 hào*
THIẾU DƯƠNG với 2 hào	⇒	**ĐOÀI** *với 3 hào* **CHẤN** *với 3 hào*
THIẾU ÂM với 2 hào	⇒	**TỐN** *với 3 hào* **CẤN** *với 3 hào*
THÁI ÂM với 2 hào	⇒	**KHẢM** *với 3 hào* **KHÔN** *với 3 hào*

Như thế , quan điểm về Tiến hoá của Đông và Tây là như nhau :

Đó là quan điểm về 2 - Đa dạng hoá, thích ứng được với quan điểm Đa dạng hoá nói chung .

Chúng ta có thể đưa ra kết luận sau

SỰ THỐNG NHẤT ĐÔNG TÂY VỀ QUAN ĐIỂM ĐA DẠNG HOÁ

Hệ Quaternion

ĐÔNG	**TÂY**
Hệ 4- Quẻ 2 hào	*Hệ 4- Vectơ*
⇓	⇓
QUÁ TRÌNH ĐA DẠNG HOÁ	**QUÁ TRÌNH ĐA DẠNG HOÁ**
QUAN ĐIỂM 2- " Phân tách" Quẻ 2 hào *Một Quẻ 2 hào* ⇒ *Hai Quẻ 3 hào*	QUAN ĐIỂM 2- " Phân tách " Spinơ 2 thành phần *Một Spinơ 2 th.phần* ⇒ *Hai Spinơ 2 th.phần*

Bảng VI - 5. QUÁ TRÌNH 2 - ĐA DẠNG HÓA TỪ ĐẠI SỐ QUATERNION ĐÔNG VÀ TÂY

ĐẠI SỐ CAYLEY VÀ LÝ THUYẾT NHÓM VỀ CÁC HỆ HẠT CƠ BẢN

Bây giờ chúng ta chuyển sang một vấn đề tối quan trọng là mối quan hệ nguồn gốc giữa Đại số Cayley và hai Lý thuyết vĩ đại của Đông và Tây : Lý thuyết Đông phương về Dịch và Lý thuyết các Hạt Cơ bản.

Đại số Cayley

Lý thuyết Đông phương về Dịch

Lý thuyết Tây phương về Hạt Cơ bản

Chúng ta hãy bắt đầu bằng các Vi tử của nhóm SU(3) [14]

$$F_1 = \begin{vmatrix} 0 & 1 & 0 \\ 1 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 \end{vmatrix}, \quad F_2 = \begin{vmatrix} 0 & -i & 0 \\ i & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 \end{vmatrix}, \quad F_3 = \begin{vmatrix} 1 & 0 & 0 \\ 0 & -1 & 0 \\ 0 & 0 & 0 \end{vmatrix}, \quad F_4 = \begin{vmatrix} 0 & 0 & 1 \\ 0 & 0 & 0 \\ 1 & 0 & 0 \end{vmatrix}$$

$$F_5 = \begin{vmatrix} 0 & 0 & -i \\ 0 & 0 & 0 \\ i & 0 & 0 \end{vmatrix}, \quad F_6 = \begin{vmatrix} 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 1 \\ 0 & 1 & 0 \end{vmatrix}, \quad F_7 = \begin{vmatrix} 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & -i \\ 0 & i & 0 \end{vmatrix}, F_8 = 1/\sqrt{3} \begin{vmatrix} 1 & 0 & 0 \\ 0 & 1 & 0 \\ 0 & 0 & -2 \end{vmatrix}$$

Các Vi tử này thỏa mãn các đẳng thức sau

$$[F_i , F_j] = 2If_{ijk}F_k ,$$

trong đó $I = \sqrt{-1}$ và f_{ijk} là hoàn toàn phản xứng. Các hằng số khác không và độc lập với nhau duy nhất là :

$$f_{123} = 1, \; f_{147} = f_{246} = f_{257} = f_{435} = f_{516} = f_{367} = 1/2.$$

Bây giờ , chúng ta hãy đưa vào các lượng sau , có liên quan đến Đại số Cayley :

$$G_1 = cI\,i , \; G_2 = c\,I\,j, \; G_3 = c\,I\,k, \; G_4 = c\,I\,ie ,$$

$$G_5 = c\,I\,je , \; G_6 = c\,I\,ke , \; G_7 = -c\,I\,e , \; G_8 = c\,I , \; c = 1/2.$$

Từ đó dễ thấy rằng [14]

$$G_i \approx F_i \Rightarrow \mathrm{Val}\,[G_i\,,G_j] = 2Ig_{ijk}\,G_k \approx [F_i\,,F_j] = 2If_{ijk}\,F_k\ ,$$

$$g_{jk} = f_{ijk},\quad i, j, k = 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7,$$

trừ trường hợp i, j, k = 3, 4, 5 ở đó $f_{345} = -\,g_{345}$.

Quả vậy, ta có

$$\mathrm{Val}\,[G_1\,,G_2] = 2I.I.\,i \diamond j\,/\,4 = (2I).(\,1/2)\,.\,(I.\,k\,/\,2) = IG_3,$$

$$\mathrm{Val}\,[G_1\,,G_4] = I.\,i \diamond I.\,ie\,/\,2 = -\,I.I.\,e\,/\,2 = IG_7,$$

$$\mathrm{Val}\,[G_2\,,G_4] = I.\,j \diamond I.\,ie\,/\,2 = I.\,I.\,ke\,/\,2 = IG_6,$$

$$\mathrm{Val}\,[G_2\,,G_5] = I.\,j \diamond I.\,je\,/\,2 = -\,I.\,I.\,e\,/\,2 = IG_7,$$

$$\mathrm{Val}\,[G_5\,,G_1] = I.\,je \diamond I.\,i\,/\,2 = I.\,I.\,ke\,/\,2 = IG_6,$$

$$\mathrm{Val}\,[G_3\,,G_6] = I.k \diamond I.\,ke\,/\,2 = -\,I.\,I.\,e\,/\,2 = IG_7$$

nhưng lại có

$$\mathrm{Val}\,[G_3\,,G_4] = I.\,ie \diamond I.\,k\,/\,2 = I.\,I.\,je\,/\,2 = -\,IG_5.$$

Như thế , Đại số Lie của tập hợp 8 Vi tử của Nhóm SU(3) - là nhóm cơ bản của Lý thuyết hiện đại các Hạt Cơ bản - là "rất gần đẳng cấu" với tích Lie của các cơ sở của Đại số Cayley.

Tiếp theo, chúng ta hãy đặt một cách hình thức như sau :

$$G_1 = I.\,i\,F_1\ ,\ G_2 = j\,F_2\ ,\ G_3 = I.\,k\,F_3\ ,\ G_4 = I.\,ie\,F_4\ ,$$

$$G_5 = je\,F_5\ ,\ G_6 = I.\,ke\,F_6\ ,\ G_7 = -\,e\,F_7\ ,\ G_8 = I.\ I.\,F_8\ ,$$

hay

$$G_1 = \begin{vmatrix} 0 & i & 0 \\ i & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 \end{vmatrix} .\,I \qquad G_2 = \begin{vmatrix} 0 & -j & 0 \\ j & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 \end{vmatrix} .\,I$$

$$G_3 = \begin{vmatrix} k & 0 & 0 \\ 0 & -k & 0 \\ 0 & 0 & 0 \end{vmatrix} .\,I \qquad G_4 = \begin{vmatrix} 0 & 0 & ie \\ 0 & 0 & 0 \\ ie & 0 & 0 \end{vmatrix} .\,I$$

$$G_5 = \begin{vmatrix} 0 & 0 & -je \\ 0 & 0 & 0 \\ je & 0 & 0 \end{vmatrix} .I \qquad G_6 = \begin{vmatrix} 0 & 0 & o \\ 0 & 0 & ke \\ 0 & ke & 0 \end{vmatrix} .I$$

$$G_7 = \begin{vmatrix} 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & e \\ 0 & -e & 0 \end{vmatrix} .I \qquad G_8 = 1/\sqrt{3} \begin{vmatrix} 1 & 0 & 0 \\ 0 & 1 & 0 \\ 0 & 0 & -2 \end{vmatrix} .I$$

Các ma trận này được xác định trên Đại số Cayley, cho nên chúng tạo nên một đại số ma trận ***không kết hợp***. Đây là sự mở rộng khái niện ma trận.

Từ đây, chúng ta thu được một cách hình thức

I. Về $[F_8, F_i]$

$$[F_8, F_1] = 0\,,\ [F_8, F_2] = 0\,,\ [F_8, F_3] = 0,$$

$$[F_8, F_4] = \sqrt{3}I\,F_5\,,\ [F_8, F_5] = -\sqrt{3}I\,F_4\,,$$

$$[F_8, F_6] = \sqrt{3}I\,F_7\,,\ [F_8, F_7] = -\sqrt{3}I\,F_6.$$

II. Về $\mathrm{Val}\,[G_a, G_j]$

$\mathrm{Val}\,[G_1, G_2] = IG_3,$	$\mathrm{Val}\,[G_5, G_1] = IG_6,$	$\mathrm{Val}\,[G_8, G_4] = -\sqrt{3}\,I\,k\,G_5,$
$\mathrm{Val}\,[G_1, G_4] = -IG_7,$	$\mathrm{Val}\,[G_3, G_6] = IG_7,$	$\mathrm{Val}\,[G_8, G_5] = \sqrt{3}\,I\,k\,G_4,$
$\mathrm{Val}\,[G_2, G_4] = IG_6,$	$\mathrm{Val}\,[G_8, G_1] = 0,$	$\mathrm{Val}\,[G_8, G_6] = \sqrt{3}\,I\,k\,G_7,$
$\mathrm{Val}\,[G_3, G_4] = IG_5,$	$\mathrm{Val}\,[G_8, G_2] = 0,$	$\mathrm{Val}\,[G_8, G_7] = -\sqrt{3}\,I\,k\,G_6,$
$\mathrm{Val}\,[G_2, G_5] = IG_7,$	$\mathrm{Val}\,[G_8, G_3] = 0,$	with $I = \sqrt{-1}$

Trong trường hợp này, chúng ta thu được gần đúng (do sự xuất hiện dấu - chẳng hạn bên cạnh lượng $-IG_7$ trong đẳng thức $\mathrm{Val}\,[G_1, G_4] = -IG_7$...) một đẳng thức giữa Đại số Lie của Đại số Cayley và Đại số Lie của Nhóm SU(3).

Tổng các G_a, $a = 1,\ldots, 8$, ký hiệu là G , là bằng

$$G = I. \begin{vmatrix} [(1/\sqrt{3}) + k] \diamond 1 & 1 \diamond (i - j) & (i - j) \diamond e \\ 1 \diamond (i + j) & [(1/\sqrt{3}) - k] \diamond 1 & e \diamond (1 - k) \\ (i + j) \diamond e & -e \diamond (1 + k) & [-2/\sqrt{3}] \diamond 1 \end{vmatrix}$$

G được gọi là ***ma trận của các đặc trưng của các Hạt Cơ bản theo Đại số Cayley.***

Chú ý. I. Tại các phần tử $1 \diamond (i + j), 1 \diamond (i - j)$, nhân tử 1 được đặt ở bên trái. Nhưng có thể đặt nhân tử đó ở bên phải. Tương tự như thế cho các phần tử khác.

II. Chúng ta có thể chú ý đặc biệt đến các nhân tử 1 và e trong ma trận trên.

Q, Y ,T SPIN, U SPIN VÀ V SPIN

Trong Lý thuyết các Hạt Cơ bản dựa trên nhóm SU(3), thì các lượng Q (Điện tích), Y (Siêu tích), T (Isopin), U (U spin), V (V spin) được xác định qua các Vi tử F_i như sau :

$$Q = (1/2)\,[\,F_3 + (1/\sqrt{3})\,F_8\,],\quad Y - Q = (1/2)\,[\,-F_3 + (1/\sqrt{3})\,F_8],\quad Y = (1/\sqrt{3})\,F_8\,,$$

$$T_+ = T_1 + I\,T_2\,,\quad T_- = T_1 - I\,T_2\,,\quad T_1 = (1/2)\,F_1\,,\quad T_2 = (1/2)\,F_2,$$

$$T_3 = (1/2)\,F_3 = Q - Y/2,$$

$$U_+ = U_1 + I\,U_2\,,\quad U_- = U_1 - I\,U_2,\quad U_1 = (1/2)\,F_4\,,\quad U_2 = (1/2)\,F_5\,,$$

$$U_3 = 1/2 \begin{vmatrix} 1 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & 0 \\ 0 & 0 & -1 \end{vmatrix}$$

$$V_+ = V_1 + I\,V_2\,,\quad V_- == V_1 + I\,V_2\,,\quad V_1 = (1/2)\,F_6\,,\quad V_2 = (1/2)\,F_7\,.$$

$$V_3 = 1/2 \begin{vmatrix} 0 & 0 & 0 \\ 0 & 1 & 0 \\ 0 & 0 & -1 \end{vmatrix}$$

Bây giờ chúng ta hãy trở lại Đại số Cayley. Tương tự như trên, chúng ta hãy định nghĩa các lượng nói trên trên Đại số Cayley như sau :

I. $Q = (1/2)\,[\,k\,G_3 + (1/\sqrt{3})\,G_8\,],\quad Y - Q = (1/2)\,[\,-k\,G_3 + (1/\sqrt{3})\,G_8],\quad Y = (1/\sqrt{3})\,G_8\,,$

với các ma trận chỉ xác định trên *1* (Kiền),

II. $T_+ = T_1 + k\,T_2\,,\quad T_- = T_1 - k\,T_2\,,\quad T_1 = (1/2)\,G_1\,,\quad T_2 = (1/2)G_2,$

với các ma trận chỉ xác định trên *i* (Đoài),

III. $U_+ = k\,U_1 + U_2\,,\quad U_- = -\,k\,U_1 + U_2\,,\quad U_1 = (1/2)G_4,\quad U_2 = (1/2)G_5$

với các ma trận chỉ xác định trên *je* (Cấn),

IV. $V_+ = V_1 + k\,V_2\,,\quad V_- = V_1 - k\,V_2\,,\quad V_1 = (1/2)\,G_6,\quad V_2 = (1/2)\,G_7$

với các ma trận chỉ xác định trên *ke* (Khôn)

Dễ thấy rằng các yếu tố ma trận trên đây *1, i , je , ke* là thuộc **NHÓM III.**

Các Q,Y,T spin, U spin và Vspin ở đây không "vô tính" như trong thuyết SU(3, mà lại mang màu sắc hữu tính là màu sắc *1, i , je* và *ke* Octonion.

Điều này có nghĩa là : Các lượng đặc trưng (Q,Y), T, U, và V của các Hạt Cơ bản chẳng qua cũng chỉ là những hiện thực của cấu trúc Nhóm Quaternion - Tứ Tượng nằm trong trong Đại số Cayley..

Như thế, chúng ta có thể kết luận khái quát như sau:

I. Hệ các Vi tử của Nhóm SU(3) trong Lý thuyết các Hạt Cơ bản là "rất gần" với hệ các Vi tử của Đại số Cayley.

II. Với một sự ***Thống nhất Khoa học Đông Tây***, hệ các Vi tử của Nhóm SU(3) được thay thế bằng hệ các Vi tử của Đại số Cayley (bảng IX - 11).

Đông	*Tây*
ĐẠI SỐ CAYLEY	NHÓM SU(3)
Lý thuyết Nhân Văn về Dịch	*Lý thuyết các Hạt Cơ bản*

$\Rightarrow$

Thống nhất Đông Tây	
ĐẠI SỐ CAYLEY	
Lý thuyết Nhân Văn về Dịch	*Lý thuyết các Hạt Cơ bản*

Khái niệm Song hành?

I. *Thống nhất Đông Tây* BẰNG ĐẠI SỐ CAYLEY

$$G_{NAT} = I. \left| \begin{array}{ccc} [(1/\sqrt{3}) + k] \diamond 1 & (i - j) \diamond 1 & (i - j) \diamond e \\ (i + j) \diamond 1 & [(1/\sqrt{3}) - k] \diamond 1 & e \diamond (1 - k) \\ (i + j) \diamond e & -e \diamond (1 + k) & [-2/\sqrt{3}] \diamond 1 \end{array} \right|$$

Ma trận các đặc trưng các Hạt Cơ bản trong Đại số Cayley

II. *Thống nhất Đông Tây* BẰNG ĐẠI SỐ CAYLEY

$$G_{HUM} = I. \left| \begin{array}{ccc} [(1/\sqrt{3}) + K'an] \diamond Ch'ien & (Tui - Sun) \diamond Ch'ien & (Tui - Sun) \diamond Li \\ (Tui + Sun) \diamond Ch'ien & [(1/\sqrt{3}) - K'an] \diamond Ch'ien & Li \diamond (Ch'ien - K'an) \\ (Tui + Sun) \diamond Li & -Li \diamond (Ch'ien + K'an) & [-2/\sqrt{3}] \diamond Ch'ien \end{array} \right|$$

Ma trận các đặc trưng các Quẻ 3 hào trong Đại số Cayley ?

Đại số Octonion

CƠ SỞ = HỆ VI TỬ (VT)

CÁI MỘT

ĐÔNG DỊCH HỌC
Hệ đa nghĩa
KHOA HỌC NHÂN VĂN &
Nguyên lý Phi Bài trung
CÁI MỘT CỦA CHÂN THIỆN MỸ

TÂY VẬT LÝ LÝ THUYẾT
Hệ đơn nghĩa
KHOA HỌC TỰ NHIÊN &
Nguyên lý Bài trung
CÁI MỘT CỦA VẬT CHẤT

Quaternion
Lthuyếthệ Quẻ 2&4 hào
Các hệ kết hợp
ĐẠI SỐ CÁC VT ≡ B.TG
HÌNH VUÔNG SAO MỘC VỚI MÃ
DỊCH HỌC HUỆ NĂNG

Quaternion và
Hvg Sao Mộc
⇒ SU(2)

Quaternion
Lý thuyết Nhóm SU(2)
Các hệ kết hợp
ĐẠI SỐ VT≡MTRẬN & TENXƠ
KHÔNG GIAN TUYẾN TÍNH BỐN CHIỀU
LÝ THUYẾT TƯƠNG ĐỐI

Octonion
Lý thuyết hệ Quẻ 3&6 hào
Hệ không kết hợp &
Các hệ con kết hợp
ĐẠI SỐ CÁC VT ≡ B. TƯỢNG
CÁC H. VUÔNG SAO THỔ VÀ THỦY VỚI MÃ
DỊCH HỌC DƯƠNG THỜI

Octonion và
Hvg Sao Thủy
⇒ SU(3)
gần đúng

Octonion
Lý thuyết Nhóm SU(3)
Các hệ con
kết hợp
ĐẠI SỐ CÁC VT≡MTRẬN & TENXƠ
KHÔNG GIAN TUYẾN TÍNH N CHIỀU
LÝ THUYẾT HẠT CƠ BẢN

Octonion
Hệ Quẻ năm hào
ĐẠI SỐ CÁC VT ≡ BIỂU TƯỢNG
H.VUÔNG MẶT TRỜI × H. VUÔNG MẶT TRỜI VỚI MÃ
DỊCH HỌC THÁI HUYỀN

Quaternion×
Octonion và
Hvg Sao Mộc ×
Hvg Sao Thủy
⇒ SU(6)
gần đúng

Octonion
Lý thuyết Nhóm SU(6)
ĐẠI SỐ CÁC VT ≡ MTRẬN & TENXƠ
VÀ ???
LÝ THUYẾT VẬT CHẤT ĐEN ?

TIẾN TỚI SỰ HÒA NHẬP VĂN MINH ĐÔNG TÂY
TRÊN CƠ SỞ ĐẠI SỐ CAYLEY
ĐỀ NGHỊ MỘT CƯƠNG LĨNH CHO MỘT

KẾT LUẬN : CẤU TRÚC , DUY LÝ – MINH TRIẾT

Như thế, dựa theo các thành quả nghiên cứu thu được trong mối quan hệ Đông Tây, chúng ta có thể đưa ra các kết luận sau về bản chất nội tại của Triết Đông phương :

*Triết Đông phương là một **biểu diễn** của Đại số Cayley, nghĩa là Triết học đó " đã biết chọn"*

Các cấu trúc toán học " Duy nhất" và " Cực đại"

nằm trong các định lý nổi tiếng của Khoa học Tây phương để xây dựng các cơ sở CỨNG - XƯƠNG - DUY LÝ *của mình. Đó là*

I. Đại số Quaternion dùng cho Hệ 16 Quẻ 4 hào, biểu diễn trên Hình Vuông Sao Mộc.

II. Đại số Octonion dùng cho Hệ 8 Quẻ 3 hào và 64 Quẻ 6 hào, biểu diễn trên các Hình Vuông Sao Thổ và Sao Thủy.

Các cấu trúc trên là hai cấu trúc
toán học duy nhất của Triết Đông phương .
Các cấu trúc phức tạp hơn được xây dựng trên hai cấu trúc đó

III. Đại số Quaternion ⊗ Đại số Octonion dùng cho Hệ 32 Quẻ 5 hào, biểu diễn trên Hình Vuông Mặt Trời (xem chương VIII)

IV. Tích Lie của các cơ sở của Đại số Cayley - gần đúng bằng Đại số Lie của nhóm SU(3) - được chọn thay cho Đại số Lie này trong Lý thuyết các Hạt cơ bản.

Đó là cơ sở của Sự Thống nhất Khoa học Đông Tây ở Thiên niên kỷ sau, trong một Vũ Trụ quan - Nhân Sinh quan mới, bao trùm hơn, xuất xứ từ những nguồn gốc sâu xa hơn của sự vật , với phương pháp luận mới xây dựng trên Địa bàn { Đại số Cayley , Hình Vuông kỳ diệu} .
Sự MỀM *hoá tức là* PHẦN THỊT - MINH TRIẾT *của cấu trúc sẽ bàn tại tập VI .*

PHẦN III

TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG
PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỂU DIỄN
& DỊCH

ĐƠN NHẤT - ĐA DẠNG VÀ DỊCH

CHƯƠNG VII

SẮC THÁI PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỂU DIỄN ĐÔNG PHƯƠNG

VAI TRÒ CỦA CÁC HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU

CÁC SẮC THÁI CHUNG CỦA PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỂU DIỄN ĐÔNG PHƯƠNG

Theo những trình bày trong các chương trước, ta có thể xem

I . *Đại số* Val (✧ , **W**) *là một biểu diễn của đại số Hamilton - Quaternion* **Q** ,dẫn đến một cấu trúc phức tạp hơn, mềm hơn là cấu trúc Tứ Tượng (✧ , **W**) .

II. *Đại số* Val (✧ , **Z**) *là một biểu diễn của đại số Cayley - Octonion* **C** ,dẫn đến một cấu trúc phức tạp hơn , mềm hơn là cấu trúc Bát Quái (✧ , **Z**)..

Tiếp theo, chúng ta hãy nghiên cứu các sắc thái riêng của phương pháp luận biểu diễn Đông phương, không trùng với các sắc thái của phương pháp luận biểu diễn Tây phương. Đó là các sắc thái sau :

- Tính đa trị, tức là tính có nhiều nghĩa trong nhiều lĩnh vực Khoa học Tự nhiên, Nhân văn trong cùng một lúc,
- Tính mềm ,
- Tính có quan hệ nội bộ giữa các hào và quẻ,
- Tính thẩm mỹ có liên quan đến Khoa học Chân Thiện Mỹ.

I. TÍNH ĐA TRỊ HAY TÍNH CÓ NHIỀU NGHĨA TRONG NHIỀU LĨNH VỰC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, NHÂN VĂN

Nói chung phương pháp luận biểu diễn Tây phương mang tính đơn trị: với các biểu diễn tenxơ, spinơ khác nhau , mỗi biểu diễn cụ thể là tương ứng với một đối tượng hay một loại đối tượng ***Vật lý*** cụ thể (Hạt có spin nguyên 0, 1, 2 hay bán nguyên 1/2, 3/2 ,...).
Sau đó các lý thuyết riêng biệt mới tìm con đường đi về cái Thống nhất .

Với phương pháp luận biểu diễn Đông phương, xuất phát từ chỗ các biểu hiện cụ thể đều xuất phát từ một cái MỘT nào đó (tính Đơn nhất) , ***ngay từ đầu*** một đối tượng biểu diễn đã mang trong bản thân nó nhiều nghĩa khác nhau (tính Đa dạng) về ***Khoa học Tự nhiên, Sinh học, Nhân văn.***
Ví dụ về các tính chất đa nghĩa đó thì khá nhiều.

Ví dụ.

TỨ TƯỢNG CÁC QUẺ HAI HÀO

Cấu trúc Tứ Tượng với Thái Âm ***k***, Thiếu Dương ***i*** , Thái Dương ***I***, Thiếu Âm ***j*** trước hết đã nói lên được cái chu trình tiến hóa chung (tính Đơn nhất) của vạn vật :

THIẾU DƯƠNG ***i*** : *Thành,*
THÁI DƯƠNG ***I*** : *Thịnh,*
THIẾU ÂM ***j*** : *Suy,*
THÁI ÂM ***k*** : *Hủy.*

Hay là mỗi đối tượng trên lại mang nhiều ý nghĩa cụ thể như sau :
Thiếu Dương ***i*** : Mùa Xuân. Phương Đông, lúc Mặt Trời bắt đầu lên, bắt đầu Dương
Thái Dương ***I*** : Mùa Hạ. Phương Nam , lúc Mặt Trời lên tới đỉnh , Dương cao nhất,
Thiếu Âm ***j*** : Mùa Thu. Phương Tây, lúc Mặt Trời bắt đầu lặn , bắt đầu Âm,
Thái Âm ***k*** : Mùa Đông. Phương Bắc , lúc Mặt Trời đã khuất , Âm cao nhất.

II. TÍNH QUAN HỆ

Nhưng giữa các hào còn có những ***quan hệ*** , và điều này nằm ngay trong định nghĩa của phép nhân ✧ với các cặp hào {1,3}, {2,4} trong hệ Tứ Tượng hay {1, 4}, { 2, 5}, {3, 6} trong hệ Bát Quái .

QUẺ HAI HÀO

MÙA XUÂN , QUẺ THIẾU DƯƠNG

Âm
Dương

Dương - ánh nắng Mặt Trời - đã len xuống dưới tức là Dương giáng .
Âm - cái ẩm của Đất - đã vượt lên trên, tức là Âm thăng. Tù đó Âm Dương giao hòa được với nhau và xuất hiện xự sống của Mùa Xuân ...

MÙA HÈ , QUẺ THÁI DƯƠNG
Hai hào Dương như nhau tích tụ khí Dương lại, và ta có ánh sáng chói chang của Mùa Hè.

Dương
Dương

MÙA THU , QUẺ THIẾU ÂM

Dương
Âm

Dương - ánh nắng Mặt Trời - không len xuống dưới được, tức là Dương không giáng được .
Âm - cái ẩm của Đất - không vượt lên trên được , tức là Âm không thăng được. Tù đó Âm Dương không giao hòa được với nhau và xuất hiện sự tàn tạ của sự sống của Mùa Thu ...

MÙA ĐÔNG , QUẺ THÁI ÂM
Hai hào Âm như nhau tích tụ khí Âm lại, và ta có sự lạnh lẽo tột độ của Mùa Đông.

Âm
Âm

Trong lịch sử, việc dùng hai loại hào đã có một số ý nghĩa riêng của nó, do các hào được phân biệt bởi tính Âm Dương của chúng, Triết phương Đông luôn có xu hướng quay về gốc, về Cội nguồn mà một trong những biểu hiện chính là phạm trù Âm Dương.

QUẺ BA HÀO

Chúng ta hãy lấy một loại ví dụ khác về Quẻ ba hào trong cấu trúc Bát Quái với các Quẻ Kiền, Đoài, Ly, Chấn, Tốn , Khảm, Cấn và Khôn, hay các Quẻ sáu hào trong các hệ 64 Quẻ Hậu thiên của Văn Vương ...

MỘT VÀI VÍ DỤ VỀ QUẺ BA HÀO
TÍNH TAM TÀI Thiên - Địa - Nhân :
Hào trên: Địa,
Hào giữa : Nhân ,
Hào dưới : Thiên.

TÍNH ĐA TRỊ
1. QUẺ KIỀN 1: THIÊN - TRỜI,
Cứng mạnh, dũng, quả quyết , hoạt động nhiều.

Đầu, xương, phổi,
Bệnh ở đầu, mặt, phổi,thượng tiêu...
Màu đỏ mạnh, đen huyền.

2. QUẺ LY **e** : HỎA - LỬA,
Có học vấn,thông minh, khiêm tốn trong giao tiếp, mỹ lệ
Mắt, tim, thượng tiêu,
Bệnh mắt, bệnh tim, thượng tiêu ...
Màu đỏ,tím, hồng.

3. QUẺ ĐOÀI **i** : TRẠCH - ĐẦM,
Vui mừng, hay cãi vã...
Lưỡi, miệng, yết hầu, phổi, đờm, nước bọt,
Bệnh ở miệng , lưỡi,yết hầu...
Màu trắng.

4. QUẺ CHẤN **ie** : LÔI - SẤM,
Tính khởi động, giận, hay gào hét,động nhiều, tĩnh ít ...
Chân, gan, tóc, âm thanh,
Bệnh chân, gan, hay hoảng sợ...
Màu xanh đen, lục bích

5. QUẺ TỐN **j** : PHONG - GIÓ,
Nhu hòa, bất định, hay cổ vũ, không quả quyết ...
Cánh tay, đùi, khí,
Bệnh ở đùi, cánh tay, bệnh phong , bệnh đường ruột, bệnh tắc khí...
Màu xanh lục, màu bích trắng trong.

6. QUẺ KHẢM **k** : THỦY - NƯỚC
Hiểm hóc, bề ngoài hiểm hóc, bề trong lấy lợi, phiêu bạt không thành,sóng mà trôi dần...
Tai, máu, thận,
Bệnh tai, thận,tiêu chảy, bệnh về hàn...
Màu đen.

7. QUẺ CẤN **je** : SƠN - NÚI
Cách trở,do dự, giữ yên tĩnh...
Ngón tay, xương mũi, lưng,
Bệnh vềngón tay, tỳ, vị...
Màu vàng.

8. QUẺ KHÔN **ke** : ĐỊA - ĐẤT
Biến lận, nhu thuận,nhu nhược,tiểu nhân,
Bụng, lá lách, thịt, dạ dày,

Bệnh ở bụng, tỳ,vị,ăn uống chậm tiêu...
Màu vàng đen.

QUẺ BỐN HÀO

Quẻ bốn hào là kết quả của tích (✧, **W**) × (✧, **W**)
Hào 4 : Địa (hào trên cùng),
Hào 3 : Địa Nhân (trong mối quan hệ Địa -Nhân hợp nhất),
Hào 2 : Thiên Nhân ((trong mối quan hệ Thiên -Nhân hợp nhất),
Hào 1 : Thiên (hào dưới cùng).

QUẺ NĂM HÀO

Quẻ năm hào là kết quả tích trực tiếp của các cấu trúc (✧, **W**) cấu trúc (✧, **Z**).
Gọi tích đó là **S** , ta có

$$\mathbf{S} = (✧, \mathbf{W}) \times (✧, \mathbf{Z}) \supset \mathrm{Val}\,(✧, \mathbf{W}) \times \mathrm{Val}\,(✧, \mathbf{Z}).$$

Quẻ 5 hào như thế có dạng

Quẻ 5 hào $\in \mathbf{S}$	E D C B A	với	**Quẻ 2 hào** $\in (✧, \mathbf{W})$	E D	và	**Quẻ 3 hào** $\in (✧, \mathbf{Z})$	C B A

hay

Quẻ 5 hào $\in \mathbf{S}$	E D C B A	với	**Quẻ 2 hào** $\in (✧, \mathbf{W})$	B A	và	**Quẻ 3 hào** $\in (✧, \mathbf{Z})$	E D C

Như thế quẻ 5 hào có cấu trúc sau :
Một quẻ 3 hào biểu thị một đối tượng nào đó,
Một quẻ 2 hào biểu thị mức độ trong sự tiến hoá của đối tượng đó : Thái Âm (trạng thái tiến hoá cực tiểu), hay Thiếu Dương (trạng thái tiến hoá đang lên từ trạng thái Thái Âm), hay Thái Dương (trạng thái tiến hoá cực đại), hay Thiếu Âm (trạng thái tiến hoá đang xuống từ trạng thái Thái Dương).

QUẺ SÁU HÀO (theo nghĩa truyền thống !)

HỌ KIỀN
Thuần Kiền 1✧ 1: Chính yếu, cứng mạnh, khôn lớn. khoẻ mạnh, tượng vạn vật có khởi đầu, lớnlên, toại chí, hóa thành trời, tất cả thuộc về dương, vai chính, việc chính , lành mạnh.
Thiên Trạch Lý 1✧ i : lộ hành, nghi lễ có chừng mực, khuôn phép, hệ thống, pháp lý.

Thiên Hỏa Đồng Nhân **1✧ e** : Thân thiện, trên dưới cùng một lòng, tượng về cùng người hiệp sức, nguyên chất, thân thích.
Thiên Lôi Vô Vọng **1✧ ie** : Xâm lấn, tai vạ, lỗi bậy bạ, không lề lối, không quy củ, càn, dại, chống đối,sai lầm, ngổn ngang, tượng về kẻ mạnh từ ngoài đến.
Thiên Phong Cấu **1✧ j** : Tương ngộ , gặp gỡ, cấu kết, liên kết, kết hợp, mềm gặp cứng, gặp gỡ đột ngột...

CHÚ Ý ĐẶC BIỆT QUAN TRỌNG

Các Quẻ còn có những nghĩa rất sâu xa khác, mà có thể trước đây khi được đưa vào nước ta, đã bị cắt xén ! (xem phần Biểu tượng Chân Thiện Mỹ về sau, tập III)
Hay chẳng hạn Vô Vọng còn cố nghĩa là Đạo Phật, Nhu còn có nghĩa là Biểu Tượng của Đức Quan Thế Âm, Đại Hữu là biểu tượng của Đức Di Lạc ...!
Do đó, làm sao hiểu được thực chất của Kinh Dịch khi *chỉ* căn cứ vào truyền thống ?

III. TÍNH THẨM MỸ

Trong phương pháp luận biểu diễn Tây phương, các biểu diễn là khác nhau về chiều biểu diễn trong các không gian khác nhau.
Nhưng trong phương pháp luận biểu diễn Đông phương, các biểu diễn khác nhau ở chỗ sử dụng một loại cơ sở toán học rất đặc biệt, còn lưu lại trong nền văn minh Do Thái cũ (Hebreux), gọi là các Hình Vuông Kỳ diệu của Thất Tinh. Phép biểu diễn Đông phương không tuân theo yêu cầu *đồng cấu* : **BIỂU DIỄN (AB) = BIỂU DIỄN (A). BIỂU DIỄN (B)** của phép biểu diễn Tây phương.
Phương pháp luận này, chúng tôi gọi là ***phương pháp luận các Hình Vuông Kỳ Diệu*** và mang đậm nét tính hài hòa , thẩm mỹ Đông phương.
Sau đây chúng tôi ghi một số Hình Vuông kỳ diệu đó.

4	9	2
3	**5**	7
8	1	6

HÌNH VUÔNG SẠO THỔ

2	1	5
3	**9**	6
4	8	7

HÌNH VUÔNG SAO THỔ

01	15	14	04
12	**06**	**07**	09
08	**10**	**11**	05
13	03	02	16

HÌNH VUÔNG SAO MỘC

01	32	34	03	35	06
30	08	27	28	11	07
20	24	**15**	**16**	13	23
19	17	**21**	**22**	18	14
10	26	12	09	29	25
31	04	02	33	05	36

HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI

01	62	04	58	59	05	63	08
14	15	46	48	17	49	20	51
56	44	22	41	42	25	21	09
13	34	38	**29**	**30**	27	37	52
55	33	31	**35**	**36**	32	28	10
11	24	40	26	23	43	39	54
53	45	18	16	47	19	50	12
57	03	61	07	06	60	02	64

HÌNH VUÔNG SAO THỦY

Để hiểu phương pháp luận Hình Vuông Kỳ diệu chúng ta hãy theo dõi các ví dụ cụ thể sau:

I. BIỂU DIỄN CÁC CẤU TRÚC KHÁC NHAU TRONG CÁC HÌNH VUÔNG KHÁC NHAU

Ia). BIỂU DIỄN CẤU TRÚC (✧ , **W**).

Đặt Tứ Tượng 2 hào vào Trung Cung của Hình Vuông Sao Mộc, hay 4 ô ở Trung Cung của Hình Vuông Mặt Trời.

Ib). BIỂU DIỄN CẤU TRÚC (✧, **Z**).

Đặt Bát Quái 3 hào vào HìnhVuông Sao Thổ (trừ Trung Cung) hay vào Hình Vuông Mặt Trời , trong đó ghép 4 ô bé thành một ô lớn (không kể 4 ô ở Trung Cung).

Ic). BIỂU DIỄU CẤU TRÚC (✧, **W**) × (✧, **W**).

Đặt 16 Quẻ 4 hào vào Hình Vuông Sao Mộc, 4 ô Trung Cung dành cho 4 Quẻ đặc biệt

$$k \diamond l, i \diamond j , l \diamond k , j \diamond i .$$

Id). BIỂU DIỄU CẤU TRÚC (✧, **W**) × (✧, **Z**).

Đặt 32 Quẻ 5 hào vào hai vành ngoài của Hình Vuông Mặt Trời , 4 ô Trung Cung dành cho 4 Quẻ Tứ Tượng 2 hào.

Ie). BIỂU DIỄU CẤU TRÚC (✧, **Z**) × (✧, **Z**).

Đặt 64 Quẻ 6 hào vào Hình Vuông Sao Thủy.

Đây là bước đầu tiên của phương pháp luận biểu diễn Đông phương.

II. BIỂU DIỄN VỚI MÃ SỐ CỦA HÌNH VUÔNG KỲ DIỆU

Ta hãy qua bước thứ hai. Bước này có đặc tính là sử dụng các số của các Hình Vuông Kỳ diệu. Do các số này được xếp một cách thẩm mỹ (ví dụ có tổng bằng 15 theo hàng, cột, các đường chéo của Hình Vuông Sao Thổ), nên phương pháp biểu diễn lại mang thêm tính thẩm mỹ của nó, trong đó nhiều khi lại xuất hiện tính đối xứng song song giữa các yếu tố của các

cấu trúc (✧, **W**) , (✧, **Z**) một mặt và các số của các Hình Vuông Kỳ diệu mặt khác (ví dụ Thủy - Hỏa đi đôi với 1- 9 trong Hình Vuông Sao Thổ).

Bước này có kèm theo một số hoán vị các yếu tố của các cấu trúc (✧, **W**) , (✧, **Z**). Đây là một điểm khá phức tạp. Cho đến nay, trong nền văn minh Đông phương chỉ mới thấy xuất hiện các hoán vị loại này trong Hình Vuông Sao Thổ mà bạn đọc sẽ làm quen ngay trong chương sau.

CHƯƠNG VIII

BIỂU DIỄN CẤU TRÚC (✧, **Z**) QUẺ BA HÀO TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỔ

TÍNH THẨN MỸ CỦA PHƯƠNG PHÁP BIỂU DIỄN ĐÔNG PHƯƠNG

Như đã nói trong cuối chương trước bước thứ hai trong phương pháp biểu diễn Đông phương là có kèm theo một số hoán vị các yếu tố của các cấu trúc (✧, **W**) , (✧, **Z**). Bây giờ chúng ta hãy làm quen với loại này trên Hình Vuông Sao Thổ.

BỐN LOẠI BÁT QUÁI

Có 4 loại (hay cấp) Bát Quái như sau:
- Bát Quái Tiên thiên có liên quan đến Thiên,,
- Bát Quái Trung Tiên thiên có liên quan đến Thiên Nhân hợp nhất (tương tự như L.Xa 4T),
- Bát Quái Trung Hậu thiên có liên quan đến Địa Nhân hợp nhất (tương tự như LXa 4Đ),
- Bát Quái Hậu thiên có liên quan đến Địa.

BÁT QUÁI TIÊN THIÊN

2 **ĐOÀI *i*** *Thái Dương tĩnh*	1 **KIỀN *I*** *Thái Dương động*	5 **TỐN *j*** *Thiếu Âm tĩnh*
3 **LY *e*** *Thiếu Dương tĩnh*	9 **TRUNG CUNG**	6 **KHẢM *k*** *Thiếu Âm động*
4 **CHẤN *ie*** *ThiếuDương động*	8 **KHÔN *ke*** *Thái Âm tịnh*	7 **CẤN *je*** *Thái Âm động*

Bảng VIII - 1. BIỂU DIỄN CỦA BÁT QUÁI TIÊN THIÊN (XEM NHƯ ĐỊNH ĐỀ)

Đây là biểu diễn thẩm mỹ nhất, mang tính đối xứng song song giữa các yếu tố của cấu trúc (✧ , **Z**) và các Mã số của Hình Vuông Sao Thổ.
Quả vậy, khi nhân trái lần lượt *I, i, e* và *ie* trong sơ đồ trên bên trái với *ke* , ta được

I ✧ ***ke*** = ***ke*** ⇒ 1 Kiền *I* đối xứng tâm với 8 Khôn *ke* , 8,
i ✧ ***ke*** = ***je*** ⇒ 2 Đoài *i* đối xứng tâm với 7 Cấn *je* , 7,
e ✧ ***ke*** = ***k*** ⇒ 3 Ly *e* đối xứng tâm với 6 Khảm *k* , 6,
ie ✧ ***ke*** = ***j*** ⇒ 4 Chấn *ie* đối xứng tâm với 5 Tốn *je* , 5.

Bát Quái Tiên Thiên luận bàn về tính Thiên Nhân hợp nhất, và chủ về
* Khả năng tiếp ứng, thu nhận, giải thích các thông tin Vũ trụ đối với cộng đồng con người nói riêng, và đối với vạn vật nói chung.
* Đề cập nhiều đến phần vô hình của vạn vật, tác động đến những phần vô hình của các sự vật hữu hình.

Như thế, cần nghiên cứu thật nghiêm túc hiện tượng thiếu sót hay sai lạc về ngữ nghĩa trong Kinh Dịch truyền thống, khi đi vào Thiên Niên Kỷ mới (xem tập VI).

BÁT QUÁI TRUNG TIÊNTHIÊN (Emile Võ Tấn Thanh, Nguyễn Hồng Quang)

2. **LY *e*** KIẾN (*Phán đoán*) Jugment	1. **KIỀN *I*** TƯ DUY Opinion	5. **CHẤN *ie*** HỒI XÉT (*Mạng*) Introspection
3. **KHẢM *k*** ĐA SỰ (*Ngôn ngữ*) Exuberance	**9 TRUNG CUNG**	6. **TỐN *j*** TƯƠNG GIAO (*Tinh tấn*) Relation
4. **ĐOÀI *i*** THIẾU CHÚ TÍNH(*Nghiệp*) Imprecision	8. **KHÔN *ke*** TUYỆT TƯỞNG (*Định*) Blank	7. **CẤN *je*** XỬ LÝ (*Niệm*) Solve

BÁT QUÁI TRUNG HẬU THIÊN (Emile Võ Tấn Thanh, Nguyễn Hồng Quang)

2. **ĐOÀI *i*** BẾ BÀNG (*Dục*) Abuse	1. **KIỀN *I*** NGUYỆN VỌNG (*Ái*) Amour , Altruist	5. **KHẢM *k*** TRUÂN CHUYỂN (*Si*) Souffrance
3. **LY *e*** NỘ (*Phức tạp*) Anger	**9 TRUNG CUNG**	6. **TỐN *j*** CUỒNG VỌNG (*Hỷ*) Pleasure
4. **CHẤN *ie*** GÀN TRỞ (*Sân*) Arret , Suspension	8. **KHÔN *ke*** HƯ VÔ (*Ố*) Naught	7. **CẤN *je*** TRỞ MẶT (*Hận7*) Treachery

Bảng VIII - 2. CÁC BÁT QUÁI TRUNG VÀ HẬU TIÊN THIÊN (XEM NHƯ ĐỊNH ĐỀ !)

Chú ý . Để hiểu thêm, về các Bát Quái này, xem phần bổ sung công trình.

CÁCH SẮP XẾP CÁC QUẺ BÁT QUÁI TRUNG THIÊN THIÊN
VÀ TRUNG HẬU THIÊN TRÊN LẠC THƯ

4 *Hỏa* hay *Trạch* ***e*** hay ***i***	9 *Kiền* ***I***	2 *Lôi* hay *Thủy* ***ie*** hay ***k***
3 *Thủy* hay *Hỏa* ***k*** hay ***e***	**5 TRUNG CUNG**	7 *Tốn* **j**
8 *Trạch* hay *Lôi* ***i*** hay **ie**	1 *Khôn* ***ke***	6 *Cấn* ***je***

BÁT QUÁI HẬU THIÊN VĂN VƯƠNG

SƠ ĐỒ CHÍNH THỐNG VỀ KINH MẠCH, MÔI TRƯỜNG ĐỘN GIÁP TRONG KỶ NGUYÊN THÁI ÂM

4. **TỐN *j*** *Âm Mộc* *Cửa Đỗ*	9. **LY *e*** *Dương Hỏa* *Cửa Cảnh*	2. **KHÔN *ke*** *Âm Thổ* *Cửa Tử*
3. **CHẤN *ie*** *Dương Mộc* *Cửa Thương*	**5 TRUNG CUNG**	7. **ĐOÀI *i*** *Âm Kim* *Cửa Kinh*
8 **CẤN *je*** *Dương Thổ* *Cửa Sanh*	1. **KHẢM *k*** *Âm Thủy* *Cửa Hưu*	6. **KIỀN I** *Dương Kim* *Cửa Khai*

Bảng VIII - 3. BÁT QUÁI HẬU THIÊN VĂN VƯƠNG

SƠ ĐỒ THÁI ẤT THIÊN CƠ

4. **CHẤN *ie*** *Của Đỗ*	9. **TỐN *j*** *Của Cảnh*	2. **LY *e*** *Của Tử*
3. **CẤN *je*** *Của Thương*	**5 TRUNG CUNG**	7. **KHÔN *ke*** *Của Kinh*
8 **KHẢM *k*** *Của Sanh*	1. **KIỀN *I*** *Của Hưu*	6. **ĐOÀI *i*** *Của Khai*

Bảng VIII - 5. BÁT QUÁI HẬU THIÊN CHO THIÊN CƠ
(TRONG THUYẾT THÁI ẤT, XEM NHƯ ĐỊNH ĐỀ)

CÁC SƠ ĐỒ VỀ TIẾN HÓA - KIỂU TỨ TƯỢNG LUÂN PHIÊN THAY NHAU Bảng VIII-6

A. KỶ NGUYÊN THÁI ÂM. ĐỊA NHÂN HỢP NHẤT

4. TỐN *j* *Đỗ*	9. LY *e* *Cảnh*	2. KHÔN *ke* *Tử*
3. CHẤN *ie* *Thương*	5 TRUNG CUNG	7. ĐOÀI *i* *Kinh*
8 CẤN *je* *Sanh*	1. KHẢM *k* *Hưu*	6. KIỀN *I* *Khai*

Bắc, Chòm Sao Bắc Đẩu

B. KỶ NGUYÊN DƯƠNG MINH.THIÊN NHÂN HỢP NHẤT

4. KHÔN *ke* *Đỗ*	9. ĐOÀI *i* *Cảnh*	2. KIỀN *I* *Tử*
3. LY *e* *Thương*	5 TRUNG CUNG	7. KHẢM *k* *Kinh*
8 TỐN *j* *Sanh*	1. CHẤN *ie* *Hưu*	6. CẤN *je* *Khai*

Bắc, Chòm Sao Bắc Đẩu

C. KỶ NGUYÊN THÁI DƯƠNG. THIÊN NHÂN HỢP NHẤT

4. KIỀN *I* *Đỗ*	9. KHẢM *k* *Cảnh*	2. CẤN *je* *Tử*
3. ĐOÀI *i* *Thương*	5 TRUNG CUNG	7. CHẤN *ie* *Kinh*
8 KHÔN *ke* *Sanh*	1. LY *e* *Hưu*	6. TỐN *j* *Khai*

Bắc, Chòm Sao Bắc Đẩu

D. KỶ.NGUYÊN QUYẾT ÂM. ĐỊA NHÂN HỢP NHẤT

4. CẤN *je* *Đỗ*	9. CHẤN *ie* *Cảnh*	2. TỐN *j* *Tử*
3. KHẢM *k* *Thương*	5 TRUNG CUNG	7. LY *e* *Kinh*
8 KIỀN *I* *Sanh*	1. ĐOÀI *i* *Hưu*	6. KHÔN *ke* *Khai*

Bắc, Chòm Sao Bắc Đẩu

CHÚ Ý:

Các sơ đồ **B, C, D** được thực hiện bằng một phép quay sơ đồ **A**, 90 độ theo chiều ngược kim đồng hồ.

CÁC OCTET BARION , BOZON VÀ BÁT QUÁI ?

Như chúng ta biết, có nhiều octet Barion, Bozon trong lý thuyết Hạt Cơ bản. chẳng hạn là Octet Barion sau:

$(\Sigma^0/\sqrt{2}) + (\Lambda/\sqrt{6})$	Σ^+	p
Σ^-	$-(\Sigma^0/\sqrt{2}) + (\Lambda/\sqrt{6})$	n
$-\Xi^-$	Ξ^0	$-2(\Lambda/\sqrt{6})$

Bảng VIII - 7. OCTET BARION VÀ BÁT QUÁI ???

Vấn đề

Hãy tìm mối quan hệ giữa các Octet Barion, Bozon và loại Bát Quái thích hợp!

NHỮNG KHẢ NĂNG CỦA HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI CÓ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC ĐA TUYẾN CỦA NHÓIM SU(4)

Để tiếp tục phần này, hãy xem bổ sung IV, trong đó có những gợi ý về khả năng của Hình Vuông Mặt Trời có liên quan đến các đa tuyến 20 - SU(4) cho các baryons và các đa tuyến 16- SU(4) cho các mezons giả vô hướng và mezons vectơ.

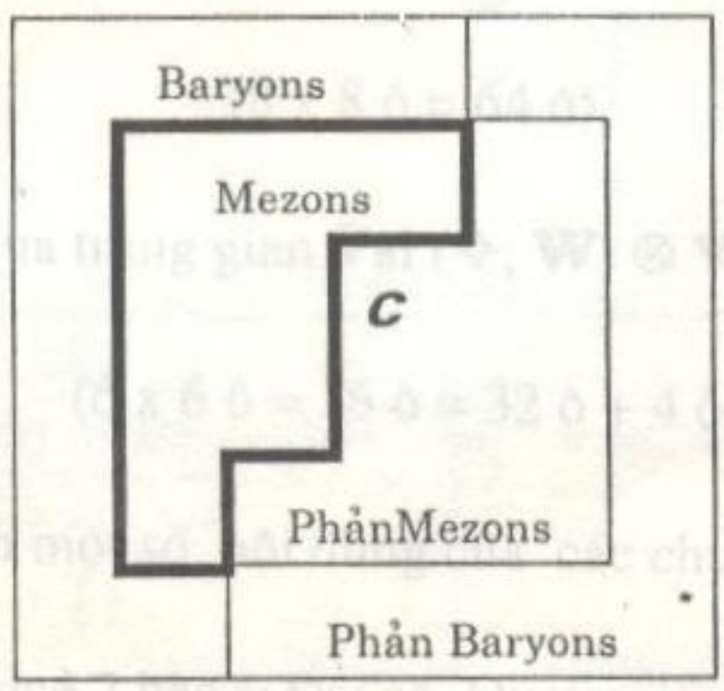

CHƯƠNG IX

VỀ BIỂU DIỄN CỦA BÌNH PHƯƠNG CÁC CẤU TRÚC (✧, **W**) VÀ (✧, **Z**)

ĐA DẠNG HOÁ

Trong chương này, chúng ta hãy trình bày các biểu diễn các cấu trúc bậc hai trên các Hình Vuông Kỳ diệu như :

Cấu trúc (✧, **W**) × (✧ , **W**), qua trung gian Val (✧, **W**) ×Val (✧ , **W**), trên Hình Vuông Sao Mộc

(4 x 4 ô = 16 ô = 12 ô + 4 ô),

Cấu trúc (✧, **Z**) × (✧ , **Z**), qua trung gian Val (✧, **Z**) ×Val (✧ , **Z**), trên Hình Vuông Sao Thủy,

(8 x 8 ô = 64 ô),

Cấu trúc (✧, **W**) ⊗(✧ , **Z**), qua trung gian Val (✧, **W**) ⊗ Val (✧ , **Z**), trên Hình Vuông Mặt Trời

(6 x 6 ô = 36 ô = 32 ô + 4 ô).

Các phần này có liên quan đến một số nội dung của các chương IV và V.

- Đại số Val (✧, **W**) với các quẻ 2 hào ≈ Đại số Quaternion ,
- Đại số Val (✧ , **Z**) với các quẻ 3 hào ≈ Đại số Cayley ,
- Đại số Val (✧, **W**) ⊗ Val (✧ , **Z**) với các quẻ 5 hào ≈ Đại số Quaternion ⊗ Đại số Octonion.

BIỂU DIỄN CẤU TRÚC (✧, ⩛) × (✧, ⩛) TRÊN HÌNH VUÔNG SAO MỘC

Nói chung, biểu diễn của bình phương (✧, ⩛) ×(✧ , ⩛) trong một chừng mức nào đó mang một tính chất tiên đề.
Trước hết, sự sắp xếp các quẻ 2 hào tại Trung tâm mang tính đối xứng (bảng IX- 1)

01 *Thái Dương* ***I***	15 *Thái Dương* ***I***	14 *Thái Dương* ***I***	04 *Thiếu Âm* ***j***
12 *Thiếu Dương* ***i***	06 THÁI DƯƠNG ***I***	07 THIẾU ÂM ***j***	09 *Thiếu Âm* ***j***
08 *Thiếu Dương* ***i***	10 THIẾU DƯƠNG ***i***	11 THÁI ÂM ***k***	05 *Thiếu Âm* ***j***
13 *Thiếu Dương* ***i***	03 *Thái Âm* ***k***	02 *Thái Âm* ***k***	16 *Thái Âm* ***k***

Bảng IX - 1. SỰ SẮP XẾP CÁC QUẺ 2 HÀO TRUNG TÂM TRÊN HÌNH VUÔNG SAO MỘC

Trong bảng trên thì :
- Thái Dương 06 ở trung tâm "điều khiển" các Thái Dương 01, 15, 14,
- Thái Âm 11 ở trung tâm " điều khiển" các Thái Âm 03, 02, 16,
- Thiếu Dương 10 ở trung tâm "điều khiển" các Thiếu Dương 12, 08, 13.
- Thiếu Âm 11 ở trung tâm " điều khiển" các Thiếu Âm 03, 02, 16,04, 09, 05.

Tiếp theo, cvhúng tôi đề nghị sự sắp xếp sau trong bảng IX - 2 về các quẻ *ngoại* 2 hào:
- Thái Âm ở ô 06,
- Thiếu Dương ở ô 07,
- Thái Dương ở ô 11,
- Thiếu Âm ở ô 10.

06 THÁI ÂM ✧ TH11 DƯƠNG = $k \diamond I = I \mid k$	07 THIẾU DƯƠNG ✧ THIẾU ÂM = $i \diamond j = j \mid k$
10 THIẾU ÂM ✧ THIẾU DƯƠNG = $j \diamond i = i \mid -k$	11 THÁI DƯƠNG ✧ THÁI ÂM = $I \diamond k = k \mid k$

Bảng IX - 2. SỰ SẮP XẾP CÁC QUẺ NGOẠI Ở TRUNG TÂM HÌNH VUÔNG SAO MỘC.

Cuối cùng , chúng tôi đề nghị sự sắp xếp toàn bộ của các quẻ 4 hào trên Hình vuông Sao Mộc như sau trong bảng IX - 3:

HÀO	QUẺ 4 HÀO	QUẺ 6 HÀO
6		Âm 5
5	Âm	Dương 4
4	Dương	Âm 3
3	Âm	Dương 4
2	Âm	Âm 3
1		Âm 2
	Mã số 03	KIỀN

QUẺ 4 HÀO	QUẺ 6 HÀO
	Âm 5
Âm	Âm 4
Âm	Âm 3
Âm	Âm 4
Dương	Âm 3
	Dương 2
Mã số 13	PHỤC

Các số nằm cạnh các hào của các quẻ 6 hào là các số của các hào của các quẻ 4 hào tương ứng. Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang biểu diễn trên Hình Vuông Sao Thủy.

BIỂU DIỄN CỦA CẤU TRÚC (✧, ℤ × (✧, ℤ) TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY

	1 KIỀN 6	*i* ĐOÀI 7	*j* TỐN 4	*k* KHẢM 1	*e* LY 9	*ie* CHẤN 3	*je* CẤN 8	*ke* KHÔN 2
1 KIỀN 6	*1* Kiền **01**	*i* Đoài **62**	*j* Tốn **04**	*k* Khảm **58**	*e* Ly **59**	*ie* Chấn **05**	*je* Cấn **63**	*ke* Khôn **08**
i ĐOÀI 7	*i* Đoài **14**	*-1* -Kiền **15**	*k* Khảm **46**	*-j* - Tốn **48**	*ie* Chấn **17**	*-e* -Ly **49**	*-ke* - Khôn **20**	*je* Cấn **51**
j TỐN 4	*j* Tốn **56**	*-k* - Khảm **44**	*-1* - Kiền **22**	*i* Đoài **41**	*je* Cấn **42**	*ke* Khôn **25**	*-e* -Ly **21**	*-ie* - Chấn **09**
k KHẢM 1	*k* K'an **13**	*j* Tốn **34**	*-i* - Tui **38**	*-1* - Kiền **29**	*ke* Khôn **30**	*-je* - Cấn **27**	*ie* Chấn **37**	*-e* -Li **52**
e LY 9	*e* Ly **55**	*-ie* - Chấn **33**	*-je* - Cấn **31**	*-ke* - Khôn **35**	*-1* - Kiền **36**	*i* Đoài **32**	*j* Tốn **28**	*k* Khảm **10**
ie CHẤN 3	*ie* Chấn **11**	*e* Ly **24**	*-ke* - Khôn **40**	*je* Ken **26**	*-i* - Đoài **23**	*-1* - Kiền **43**	*-k* - Khảm **39**	*j* Tốn **54**
je CẤN 8	*je* Cấn **53**	*ke* Khôn **45**	*e* Ly **18**	*-ie* - Chấn **16**	*-j* - Tốn **47**	*k* Khảm **19**	*-1* - Kiền **50**	*-i* - Đoài **12**
ke KHÔN 2	*ke* Khôn **57**	*-je* - Cấn **03**	*ie* Chấn **61**	*e* Ly **07**	*-k* - Khảm **06**	*-j* - Tốn **60**	*i* Đoài **02**	*-1* - Kiền **64**

Bảng IX - 4. BIỂU DIỄN CỦA TÍCH (✧, ℤ) × (✧ , ℤ) TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY

Tất nhiên, giải thích các mã số của Hình Vuông Sao Thủy (trong mối quan hệ với các quẻ) là một bài toán hiện nay rất khó khăn.

- 01 -		- 15 -		- 14 -		- 04 -	
DÔNG NAM/CHÁNH NAM		CHÁNH NAM		TÂY NAM/CHÁNH NAM		TÂY NAM / CHÁNH T	
TỊ , MÃ SỐ 6		NGỌ , MÃ SỐ 7		MÙI , MÃ SỐ 8		THÂN, MÃ SỐ	
Đỗ		*Cảnh*		?		*Tử*	
Âm	*i ✧ 1*	Dương	*1 ✧ 1*	Dương	*j ✧ 1*	Dương	*1 ✧ j*
Dương	TRẠCH	Dương		Âm	HỎA	Dương	THIÊ
Dương	THIÊN	Dương	THUẦN	Dương	TRẠCH	Dương	PHON
Dương	QUẢI	Dương	KIỀN	Dương	KHUÊ	Âm	CẤU

- 12 -		- 06 -	- 07 -	- 09 -	
DC NAM/CHÁNH DÔNG		VÙNG SÁNG	VÙNG TỪ SÁNG ⇒ TỐI	CHÁNH TÂY	
THÌN , MÃ SỐ 5		bao gồm Thìn Tị Ngọ	bao gồm Mùi Thân Dậu	DẬU, MÃ SỐ 1	
?		*k ✧ 1*	*i ✧ j*	*Kinh*	
Dương	*1 ✧ i*	LÔI	TRẠCH	Dương	*j ✧*
Dương	PHONG	TRẠCH	PHONG	Âm	HỎA
Âm	HỎA	QUY MUỘI	ĐẠI QUÁ	Dương	THỦ
Dương	G.NHÂN			Âm	VỊ TÉ

- 08 -		- 10 -	- 11 -	- 05 -	
CHÁNH DÔNG				TÂY BẮC/CHÁNH TÂ	
MÃO , MÃ SỐ 4		VÙNG TỪ TỐI ⇒ SÁNG	VÙNG TỐI	TUẤT, MÃ SỐ 1	
Thương		bao gồm Sửu Dần Mão	bao gồm Tuất Hợi Tý	?	
Âm	*i ✧ i*	*j ✧ i*	*1 ✧ k*	Âm	*k ✧*
Dương	THỦY	SƠN	PHONG	Âm	LÔI
Âm	HỎA	LÔI	SƠN	Dương	THỦ
Dương	KÝ TẾ	DI	TIỆM	Âm	GIẢ

- 13 -		- 03 -		- 02 -		- 16 -	
DC BẮC/CHÁNH DÔNG		DÔNGBẮC/CHÁNH BẮC		CHÁNH BẮC		TÂY BẮC/CHÁNH BẮ	
DẦN, MÃ SỐ 3		SỬU , MÃ SỐ 2		TÝ , MÃ SỐ 1		HỢI, MÃ SỐ 12	
Sinh		?		*Hưu*		*Khai*	
Âm	*k ✧ i*	Âm	*i ✧ k*	Âm	*k ✧ k*	Dương	*j ✧*
Âm	ĐỊA	Dương	THỦY	Âm		Âm	SƠ
Âm	LÔI	Âm	SƠN	Âm	THUẦN	Âm	ĐỊ
Dương	PHỤC	Âm	KIỀN	Âm	KHÔN	Âm	BẮ

Bắc, Chòm Sao Bắc Đẩu

Bảng IX - 3. BIỂU DIỄN TÍCH TRÊN HÌNH VUÔNG SAO MỘC

GHI CHÚ : *Các số dạng - 02- , - 13 - ...là thuộc Ma phương hay Hình Vuông Sao Mộc.*
Trong mỗi ô của bảng trên, xuất hiện các quẻ 6 hào có liên quan đến các quẻ 4 hào tương ứng.Chúng ta hãy minh họa (công nhận như định đề !) mối tương quan đó với các ví dụ

Tiếp theo, chúng ta hãy chuyển sang biểu diễn của tích (✧, **W**) ⊗ (✧, **Z**) trên Hình Vuông Mặt Trời..

BIỂU DIỄN CỦA CẤU TRÚC (✧, W) ⊗ (✧, Z) TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI BẰNG CÁC QUẺ 5 HÀO

Phương án Tiên thiên của biểu diễn trên Hình Vuông Mặt Trời bằng các quẻ 5 hào là tương tự như phương án Tiên thiên trên Hình Vuông Sao Thổ (ghép 4 ô thành một). Ta hãy đưa ra một đề nghị như sau :

	ĐOÀI		KIỀN		TỐN		
	01 k ⊗ *i*	32 j ⊗ *i*	34 i ⊗ *I*	03 * k ⊗ *I* Chân Nhân	35 1 ⊗ *j*	06 i ⊗ *j*	
	30 i ⊗ *i*	08 1 ⊗ *i*	27 * 1 ⊗ *I* Hara	28 j ⊗ *I*	11 j ⊗ *j*	07 k ⊗ *j*	
LY	20 j ⊗ *e*	24 * 1 ⊗ *e* Chân Nhân	15 1 THÁI DƯƠNG	16 j THIẾU ÂM	13 j ⊗ *k*	23 * 1 ⊗ *k* Hara	
	19 * k ⊗ *e* Hara	17 i ⊗ *e*	21 i THIẾU DƯƠNG	22 k THÁI ÂM	18 * k ⊗ *k* Chân Nhân	14 i ⊗ *k*	KHẢM
	10 1 ⊗ *ie*	26 i ⊗ *ie*	12 i ⊗ *ke*	09 * k ⊗ *ke* Hara	29 k ⊗ *je*	25 j ⊗ *je*	
	31 j ⊗ *ie*	04 k ⊗ *ie*	02 * 1 ⊗ *ke* Chân Nhân	33 j ⊗ *ke*	05 i ⊗ *je*	36 1 ⊗ *je*	
	CHẤN		KHÔN		CẤN		

BẮC

CHÒM SAO BẮC ĐẨU

Bảng IX - 5. BIỂU DIỄN CỦA CẤU TRÚC (✧, **W**) ⊗ (✧, **Z**)
TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI

Các số trong bảng là các Mã của Hình Vuông Mặt Trời.

Trong mỗi ô, trong ô 33 chẳng hạn, thì chữ thứ hai ***ke*** là thuộc cấu trúc (✧, **Z**), còn chữ thứ nhất **j** là thuộc cấu trúc (✧,**W**),

Sự chắp nối một quẻ 2 hào cùng với một quẻ 3 hào có thể xem là một tích trực tiếp với ký hiệu ⊗.

Ký hiệu * trỏ các đối tượng Đường Hara và Chân Nhân, có quan hệ với Kiền, Ly, Khôn, Khảm. Cấu trúc của Đường Hara và Chân Nhân sẽ được làm sáng tỏ ở tập II.

BIỂU DIỄN CỦA BÌNH PHƯƠNG CỦA CẤU TRÚC (✧ , **W**) ⊗ (✧ , **Z**)

Biểu diễn của cấu trúc $\{(✧, \mathbf{W}) \otimes (✧, \mathbf{Z}\}^2$ được thực hiện trên

BÌNH PHƯƠNG CỦA { HÌNH VUÔNG SAO MỘC × HÌNH VUÔNG SAO THỦY }

với công thức

$$\{A \otimes B\} ✧ \{C \otimes D\} = \{A ✧ C\} \otimes \{B ✧ D\}, \quad A, C \in (✧, \mathbf{W}),\ B, D \in (✧, \mathbf{Z}).$$

SỰ THU GỌN CÁC QUẺ 5 HÀO TỪ HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI VỀ HÌNH VUÔNG SAO THỔ

Chúng ta có thể thực hiện sự thu gọn trên như sau :

SỰ THU GỌN QUẺ 5 HÀO THEO HARA TỪ HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI VỀ HÌNH VUÔNG SAO THỔ

	⇒	⇒		
	30 i ⊗ ***i***	27 *Hara* 1 ⊗ ***I***	06 i ⊗ ***j***	↓
⇑	19 *Hara* k ⊗ ***e***		23 *Hara* 1 ⊗ ***k***	↓
⇑	31 j ⊗ ***ie***	09 *Hara* k ⊗ ***ke***	25 j ⊗ ***je***	↓
		←	←	

SỰ THU GỌN QUẺ 5 HÀO THEO CHÂN NHÂN TỪ HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI VỀ HÌNH VUÔNG SAO THỔ

	⇒	⇒		
	32 j ⊗ ***i***	03 *Ch. Nhân* k ⊗ ***I***	11 j ⊗ ***j***	↓
⇑	24 *Ch. Nhân* 1 ⊗ ***e***		18 *Ch. Nhân* k ⊗ ***k***	↓
⇑	26 i ⊗ ***ie***	02 *Ch. Nhân* 1 ⊗ ***ke***	05 i ⊗ ***je***	↓
		←	←	

Bảng IX- 6. SỰ THU GỌN CÁC QUẺ 5 HÀO

Các mũi tên trỏ chiều thay đổi của các quẻ 2 hào *k, i, l, j*

SỰ THU GỌN QUẺ 4 HÀO TỪ HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI VỀ HÌNH VUÔNG SAO THỔ

Chúng ta có thể thực hiện sự thu gọn quẻ 4 hào từ Hình Vuông Mặt Trời về HìnhVuông Sao Thổ , xuất phát từ các thu gọn quẻ 5 hào nói trên , bằng cách bỏ hào thứ nhất.

SỰ THU GỌN QUẺ 4 HÀO THEO HARA TỪ HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI VỀ HÌNH VUÔNG SAO THỔ

30 *i* ⊗ *Âm*	27 *Hara* *I* ⊗ *Dg*	06 *j* ⊗ *Âm*
19 *Hara* *e* ⊗ *Âm*		23 *Hara* *k* ⊗ *Dg*
31 *ie* ⊗ *Dg*	09 *Hara* *ke* ⊗ *Âm*	25 *je* ✧ *Dg*

Bảng IX - 7. SỰ THU GỌN QUẺ 4 HÀO THEO HARA VỀ HÌNH VUÔNG SAO THỔ

Bảng Hara này là tương tự như bảng VIII -1 về các tính Động và Tĩnh của các quẻ 3 hào .

SỰ THU GỌN QUẺ 4 HÀO THEO CHÂN NHÂN TỪ HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI VỀ HÌNH VUÔNG SAO THỔ

32 *i* ⊗ *Dg*	03 *Ch.nhân* *I* ⊗ *Âm*	11 *j* ⊗ *Dg*
24 *Ch.nhân* *e* ⊗ *Dg*		18 *Ch.nhân* *k* ⊗ *Yin*
26 *ie* ⊗ *Âm*	02 *Ch.nhân* *ke* ⊗ *Dg*	05 *je* ⊗*Âm*

Bảng IX - 8. SỰ THU GỌN QUẺ 4 HÀO THEO CHÂN NHÂN VỀ HÌNH VUÔNG SAO THỔ

Tính Động - Tĩnh của sự thu gọn Chân Nhân này là trái ngược với bảng Hara trên . Tại sao ?

HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI VÀ CÁC VI TỬ CỦA NHÓM SU(6)

Nhóm SU(6) có 35 Vi tử dạng :

3 ma trận : $I_3 \otimes \sigma_i$, $i = 1, 2, 3,$,
8 ma trận : $F_a \otimes I_2$, $a = 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8,$
24 ma trận : $F_a \otimes \sigma_i$, $a = 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8$, $i = 1, 2, 3$.

Nhóm SU(6) có liên quan đến Hình Vuông Mặt Trời: Chúng ta có thể xếp 35 Vi tử đó trên Hình Vuông này như sau :

	ĐOÀI		KIỀN		TỐN		
	01 $F_1 \otimes \sigma_3$	32 $F_1 \otimes \sigma_2$	34 $F_8 \otimes \sigma_1$	03 * $F_8 \otimes \sigma_3$ **Chân Nhân**	35 $F_2 \otimes \sigma_0$	06 $F_2 \otimes \sigma_1$	
	30 $F_1 \otimes \sigma_1$	08 $F_1 \otimes \sigma_0$	27 * $F_8 \otimes \sigma_0$ **Hara**	28 $F_8 \otimes \sigma_2$	11 $F_2 \otimes \sigma_2$	07 $F_2 \otimes \sigma_3$	
LY	20 $F_7 \otimes \sigma_2$	24 * $F_7 \otimes \sigma_0$ **Chân Nhân**	**15** **THÁI DƯƠNG**	**16** $I_3 \otimes \sigma_2$ = **THIẾU ÂM**	13 $F_3 \otimes \sigma_2$	23 * $F_3 \otimes \sigma_0$ **Hara**	
	19 * $F_7 \otimes \sigma_3$ **Hara**	17 $F_7 \otimes \sigma_1$	**21** $I_3 \otimes \sigma_1$ = **THIẾU DƯƠNG**	**22** $I_3 \otimes \sigma_3$ = **THÁI ÂM**	18 * $F_3 \otimes \sigma_3$ **Core Star**	14 $F_3 \otimes \sigma_1$	KHẢM
	10 $F_4 \otimes \sigma_0$	26 $F_4 \otimes \sigma_1$	12 $F_6 \otimes \sigma_1$	09 * $F_6 \otimes \sigma_3$ **Hara**	29 $F_5 \otimes \sigma_3$	25 $F_5 \otimes \sigma_2$	
	31 $F_4 \otimes \sigma_2$	04 $F_4 \otimes \sigma_3$	02 * $F_6 \otimes \sigma_0$ **Chân Nhân**	33 $F_6 \otimes \sigma_2$	05 $F_5 \otimes \sigma_1$	36 $F_5 \otimes \sigma_0$	
	CHẤN		KHÔN		CẤN		

Bảng IX - 9 . SỰ SẮP XẾP 35 VI TỬ CỦA NHÓM SU(6)
TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI

HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI VÀ CÁC VI TỬ CỦA ĐẠI SỐ CAYLEY

	ĐOÀI		KIỀN		TỐN		
	01 k ⊗ G_1	32 j ⊗ G_1	34 i ⊗ G_8	03 * k ⊗ G_8 Chân Nhân	35 1 ⊗ G_2	06 i ⊗ G_2	
	30 i ⊗ G_1	08 1 ⊗ G_1	27 * 1 ⊗ G_8 Hara	28 j ⊗ G_8	11 j ⊗ G_2	07 k ⊗ G_2	
LY	20 j ⊗ G_7	24 * 1 ⊗ G_7 Chân Nhân	15 1 THÁI DƯƠNG	16 j THIẾU ÂM	13 j ⊗ G_3	23 * 1 ⊗ G_3 Hara	
	19 * k ⊗ G_7 Hara	17 i ⊗ G_7	21 i THIẾU DƯƠNG	22 k THÁI ÂM	18 * k ⊗ G_3 Chân Nhân	14 i ⊗ /	KHẢM
	10 1 ⊗ G_4	26 i ⊗ G_4	12 i ⊗ G_6	09 * k ⊗ G_6 Hara	29 k ⊗ G_5	25 j ⊗ G_5	
	31 j ⊗ G_4	04 k ⊗ G_4	02 * 1 ⊗ G_6 Chân Nhân	33 j ⊗ G_6	05 i ⊗ G_5	36 1 ⊗ G_5	
	CHẤN		KHÔN		CẤN		

Bảng IX - 10 . SỰ SẮP XẾP CÁC VI TỬ CỦA ĐẠI SỐ CAYLEY TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI

1 là Kiền còn **1** là Thái Dương

HẰNG ĐẲNG THỨC JACOBI

$$[[X_\chi , X_\mu] ,X_\sigma] + [[X_\mu, X_\sigma] ,X_\chi] + [[X_\sigma ,X_\chi] ,X_\mu] = 0 ,$$

$$C_{\rho\sigma}{}^{\lambda} C_{\lambda\tau}{}^{\mu} + C_{\sigma\tau}{}^{\lambda} C_{\lambda\rho}{}^{\mu} + C_{\tau\rho}{}^{\lambda} C_{\lambda\sigma}{}^{\mu} = 0.$$

Với F_a (liên quan đến loại hệ kết hợp): Hằng đẳng thức nghiệm đúng .

Với G_a (liên quan đến loại hệ không kết hợp: Hằng đẳng thức nghiệm không đúng .

Trong bảng IX – 11 (trang sau) *:*

Hàng thứ nhất : Mã số của Hình Vuông Mặt Trời.

Hàng thứ hai : Ký hiệu toán học của Đại số Cayley Tây phương.

Hàng thứ ba: Các đặc trưng của các Hạt Cơ bản (tương tự như trong nhóm SU(6) của Khoa học Vật lý Tây phương).

Hàng thứ tư : Lý thuyết về Dịch Đông phương.

Hàng thứ năm, sáu : Các Axit Amin và các thực thể Hara , Chân Nhân

Lý thuyết Khoa Học Đông Tây Thống nhất dựa trên Đại số Cayley

NGUYỄN HOÀNG PHƯƠNG 2.000

01 k ⊗ *i* k ⊗ G_1 TIẾT TIÊM *LLeu*	32 j ⊗ *i* j ⊗ G_1 TRUNG PHU TỐN *Met LLeu*	34 i ⊗ *1* i ⊗ G_8 QUẢI ĐẠI TRÁNG *Aspn- 6*	03 * k ⊗ *1* k ⊗ G_8 NHU THÁI *Thr - 5* Chân nhân	35 1 ⊗ *j* 1 ⊗ G_2 CẤU ĐỈNH *Glu*	06 i ⊗ *j* i ⊗ G_2 ĐẠI QUÁ HẰNG *As.*
30 i ⊗ *i* i ⊗ G_1 THUẦN ĐOÀI QUY MUỘI *Ser*	08 1 ⊗ *i* 1 ⊗ G_1 LÝ KHUÊ *Arg*	27 * 1 ⊗ *1* 1 ⊗ G_8 THIÊN ĐẠI HỮU *Lys - 7* Hara	28 j ⊗ *1* j ⊗ G_8 TIỂU SÚC ĐẠI SÚC *Thr - 4*	11 j ⊗ *j* j ⊗ G_2 THUẦN TỐN CỔ *Ala*	07 k ⊗ *j* k ⊗ G_2 TỈNH THĂNG *Ala*
20 j ⊗ *e* j ⊗ G_7 GIA NHÂN BÍ *Pro*	24 * 1 ⊗ *e* 1 ⊗ G_7 ĐỒNG NHÂN THUẦN LY *Glun* Chân Nhân	15 1 THÁI DƯƠNG	16 j THIẾU ÂM	13 j ⊗ *k* j ⊗ G_3 HOÁN MÔNG *Val*	23 * 1 ⊗ *k* 1 ⊗ G_3 TỤNG VỊ TẾ *GGly* Hara
19 * k ⊗ *e* k ⊗ G_7 KÝ TẾ MINHDI *PPro* Hara	17 i ⊗ *e* i ⊗ G_7 CÁCH PHONG *His*	21 i THIẾU DƯƠNG	22 k THÁI ÂM	18 * k ⊗ *k* k ⊗ G_3 THUẦN KHẢM SƯ *VVal* Chân Nhân	14 i ⊗ *k* i ⊗ G_3 KHỐN GIẢI *Gly*
10 1 ⊗ *ie* 1 ⊗ G_4 VÔ VỌNG PHỆ HẠP *Arg*	26 i ⊗ *ie* i ⊗ G_4 TÙY THUẦN CHẤN *Arg*	12 i ⊗ *ke* i ⊗ G_6 TỤY DỰ *Cys - 2*	09 * k ⊗ *ke* k ⊗ G_6 TỶ ĐỊA *Phe - 1* Hara	29 k ⊗ *je* k ⊗ G_5 KIẾN KHIÊM *Ser*	25 j ⊗ *je* j ⊗ G_5 TIỆM THUẦN CẤN *Ser*
31 j ⊗ *ie* j ⊗ G_4 ICH DI *Leu*	04 k ⊗ *ie* k ⊗ G_4 MÔNG. PHỤC *LLLeu*	02 * 1 ⊗ *ke* 1 ⊗ G_6 BÍ TẤN *Try Stag- 3* Chân Nhân	33 j ⊗ *ke* j ⊗ G_6 QUÁN BÁC *Leu - 4*	05 i ⊗ *je* i ⊗ G_5 HẰNG TIỂU QUÁ *Tyr*	36 1 ⊗ *je* 1 ⊗ G_5 ĐỘN LỮ *Amber.* *Ochre*

Bảng IX - 11. **1 , i , j , k** = QUATERNION. ***1, i , j , k , e , ie , je , ke*** = **Octonion**

G_a = *Các Vi tử của Đại số Cayley; a = 1,..., 8.*

34		03	
TÂY *Duy lý*	ĐÔNG *Minh Triết*	TÂY *Duy lý*	ĐÔNG *Minh Triết*
i ⊗ I	☷	k ⊗ I	☳
i ⊗ G_8 Vậtlý Hạt cơ bản 1 Vậtlý Hạt cơ bản 2	QUÁI ĐẠI TRÁNG Dịch Nhân Văn	k ⊗ G_8 Vậtlý Hạt cơ bản 1 Vậtlý Hạt cơ bản 2	NHU THÁI Dịch Nhân Văn
Aspn Mã Di Truyền		*Thr* Mã Di Truyền	
	LUÂN XA 6 Tâm Linh		LUÂN XA 5 CHÂN LINH Tâm Linh

27		28	
TÂY *Duy lý*	ĐÔNG *Minh Triết*	TÂY *Duy lý*	ĐÔNG *Minh Triết*
l ⊗ I	☶	j ⊗ I	☴
l ⊗ G_8 Vậtlý Hạt cơ bản 1 Vậtlý Hạt cơ bản 2	THIÊN ĐẠI HỮU Dịch Nhân Văn	j ⊗ G_8 Vậtlý Hạt cơ bản 1 Vậtlý Hạt cơ bản 2	TIỂU SÚC ĐẠI SÚC Dịch Nhân Văn
Lys Mã Di Truyền		*Thr* Mã Di Truyền	
	LUÂN XA 7 HARA Tâm Linh		LUÂN XA 4 Tâm Linh

DUY LÝ - MINH TRIẾT & TÂY - ĐÔNG TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI
(Ô *THIÊN* TƯƠNG ỨNG VỚI BÁT QUÁI TIÊN THIÊN)

12		09	
TÂY *Duy lý*	ĐÔNG *Minh Triết*	TÂY *Duy lý*	ĐÔNG *Minh Triết*
i ⊗ ke	☲☲ ☲☲ ☲☲ ☲☲	k ⊗ ke	☲☲ ☲☲ ☲☲ ☲☲
i ⊗ G_6 Vậtlý Hạt cơ bản I Vậtlý Hạt cơ bản 2	TỤY DỰ Dịch Nhân Văn	k ⊗ G_6 Vậtlý Hạt cơ bản I Vậtlý Hạt cơ bản 2	TỶ ĐỊA Dịch Nhân Văn
Cys Mã Di Truyền		*Phe* Mã Di Truyền	
	LUÂN XA 2 Tâm Linh		LUÂN XA 1 HARA Tâm Linh

02		33	
TÂY *Duy lý*	ĐÔNG *Minh Triết*	TÂY *Duy lý*	ĐÔNG *Minh Triết*
I ⊗ ke	☰☰ ☰☰ ☲☲ ☲☲	j ⊗ ke	☰☰ ☲☲ ☲☲ ☲☲
I ⊗ G_6 Vậtlý Hạt cơ bản I Vậtlý Hạt cơ bản 2	BÍ TẤN Dịch Nhân Văn	j ⊗ G_6 Vậtlý Hạt cơ bản I Vậtlý Hạt cơ bản 2	QUÁN BÁC Dịch Nhân Văn
Tryp. Stagnation Mã Di Truyền		*Leu* Mã Di Truyền	
	LUÂN XA 3 CHÂN LINH Tâm Linh		LUÂN XA 4 Tâm Linh

DUY LÝ - MINH TRIẾT & TÂY - ĐÔNG TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI
(Ô *ĐỊA* TƯƠNG ỨNG VỚI BÁT QUÁI TIÊN THIÊN)

01 & k ⊗ *i* **Đại Trồng Tỳ** *Lạc Khích,* *Ngũ Du Khảm* 2/7 1/7 *H/T T/H* *LLeu*	32 & j ⊗ *i* **Đại Trường Tỳ** *Ngũ Du* *Tốn Cấn* 4/7 8/7 *M/K K/M* *Met LLeu*	34 & i ⊗ *I* **Luân Xa Thượng** LUÂN XA *6* 7/6 3/6 *M/K K/M* *Aspn*	03 & k ⊗ *I* **Luân Xa Thượng** LUÂN XA *5* 1/6 . 2/6 Ng/*Ng*Ng/*Ng* *Thr* Chân nhân	35 & l ⊗ *j* **Tam Tiêu Can** *Lạc Khích,* *Ngũ Du Ly* 6/4 . 9/4 *M/K K/M* *Glu*	06 & i ⊗ *j* **Tam Tiêu Can** *Ngũ Du* *Đoài Chấn* 7/4 3/4 *T/H H/T* *Asp*
30 & i ⊗ *i* **Đại Trồng Tỳ** *Ngũ Du* *Đoài Chấn* 7/7 . 3/7 *Thổ*, Ng/*Ng* *Ser*	08 & l ⊗ *i* **Đại Trồng Tỳ** *Lạc Khích,* *NgũDu Ly* 6/7 9/7 *T/H , H/T* *Arg*	27 & l ⊗ *I* **Luân Xa Thượng** LUÂN XA *7* 6/6 . 9/6 *Thổ, Thổ* *Lys* Hara	28 & j ⊗ *I* **Luân Xa Thượng** LUÂN XA *4* 4/6 . 8/6 *T/H H/T* *Thr*	11 & j ⊗ *j* **Tam Tiêu Can,** *Ngũ Du* *Tốn Cấn* 4/4 . 8/4 *Thổ*, Ng/*Ng* *Ala*	07 & k ⊗ *j* **Tam Tiêu Can** *Lạc Khích* *Ngũ Du Khảm* 2/4 1/4 *K/M,M/K* *Ala*
20 & j ⊗ *e* **Vị Tâm Bào** *Ngũ Du* *Tốn Cấn* 4/9 . 8/9 *H/T. T/H* *Pro*	24 & l ⊗ *e* **Vị Tâm Bào** *Lạc Khích,* *Ngũ Du Ly* 6/9 ,9/9 Ng/*Ng* ,*Thổ* *Glun* Chân Nhân	15 **I** **THÁI** **DƯƠNG**	16 **j** **THIẾU** **ÂM**	13 & j ⊗ *k* **TTrường Thận** *Ngũ Du* *Tốn Cấn* 4/1 . 8/1 *T/H. H/T* *Val*	23 & l ⊗ *k* **TTrường Thận** *Lạc Khích,* *Ngũ Du Ly* 6/1 ,9/1 Ng/*Ng Thổ* *GGly* Hara
19 & k ⊗ *e* **Vị Tâm Bào** *Lạc Khích,* *Ngũ Du Khảm* 2/9 . 1/9 *Thổ* Ng/*Ng* *PPro* Hara	17 & i ⊗ *e* **Vị Tâm Bào** *Ngũ Du* *Đoài Chấn* 7/9 . 3/9 *K/M M/K* *His*	21 **i** **THIẾU** **DƯƠNG**	22 **k** **THÁI** **ÂM**	18 & k ⊗ *k* **TTrường Thận** *Lạc Khích,* *Ngũ Du Khảm* 2/1 ,1/1 Ng/*Ng, Thổ* *VVal* Chân Nhân	14 & i ⊗ *k* **TTrường Thận** *Ngũ Du* *Đoài Chấn* 7/1 3/1 *M/K K/M* *Gly*
10 & l ⊗ *ie* **Đỡm Tâm** *Lạc Khích,* *Ngũ Du Ly* 6/3, 9/3 *H/T T/H* *Arg*	26 & i ⊗ *ie* **Đỡm Tâm** *Ngũ Du* *Đoài Chấn* 7/3 3/3 Ng/*Ng, Thổ* *Arg*	12 & i ⊗ *ke* **Luân Xa Hạ** LUÂN XA *2* 7/2 3/2 *K/M, M/K* *Cys*	09 & k ⊗ *ke* **Luân Xa Hạ** LUÂN XA *1* 1/2 2/2 *Thổ Thổ* *Phe* Hara	29 & k ⊗ *je* **BQuang Phế** *Lạc Khích,* *Ngũ Du Khảm* 2/8 ,1/8 *M/K. K/M* *Ser*	25 & j ⊗ *je* **BQuang Phế** *Ngũ Du* *Tốn Cấn* 4/8 ,8/8 Ng/*Ng, Thổ* *Ser*
31 & j ⊗ *ie* **Đỡm Tâm** *Ngũ Du* *Tốn Cấn* 4/3 8/3 *K/M, M/K* *Leu*	04 & k ⊗ *ie* **Đỡm Tâm** *Lạc Khích,* *Ngũ DuKhảm* 2/3 1/3 *T/H H/T* *LLLeu*	02 & l ⊗ *ke* **Luân Xa Hạ** LUÂN XA *3* 6/2 9/2 *Ng/Ng Ng/Ng* *Try Stag* Chân Nhân	33 & j ⊗ *ke* **Luân Xa Hạ** LUÂN XA *4* 4/2 8/2 *H/T, T/H* *Leu*	05 & i ⊗ *je* **BQuang Phế** *Ngũ Du* *Đoài Chấn* 7/8 3/8 *H/T T/H* *Tyr*	36 & l ⊗ *je* **BQuang Phế** *Lạc Khích,* *Ngũ Du Ly* 6/8 9/8 *K/M M/K* *Amber. Ochre*

Bảng IX - 12. BẢNG SINH HỌC HUYỆT NGŨ DU, LẠC KHÍCH, LUÂN XA, AXIT AMIN TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI

01 & *K* ⊗ *i* **Đại Trờng Tỳ** *Khôn 3* *Khảm 2* 2/7 1/7 *H*/T, H/*T* *LLeu*	32 & *J* ⊗ *i* **Đại Trường Tỳ** *Cấn 7* *Cấn 4* 4/7 8/7 *M*/K *K*/M *Met LLeu*	34 & *I* ⊗ *I* LUÂN XA *6* *Khôn 5* *Khôn 6* 3/6, 7/6 *K*/M, *M*/K *Aspn*	03 & *K* ⊗ *I* LUÂN XA *5* *Khôn 7* *Khôn 4* 1/6 2/6 Ng/*Ng*Ng/*Ng* *Thr* **Chân nhân**	35 & *I* ⊗ *j* **Tam Tiêu Can** *Kiền 2* *Ly 3* 6/4 9/4 *M*/K *K*/M *Glu*	06 & *I* ⊗ *j* **Tam Tiêu Can** *Chấn 7* *Chấn 4* 7/4 3/4 H/*T H*/T *Asp*
30 & *I* ⊗ *i* **Đại Trờng Tỳ** *Đoài 1* *Đoài 8* 7/7 3/7 *Thổ* Ng/*Ng* *Ser*	08 & *I* ⊗ *i* **Đại Trờng Tỳ** *Cấn 6* *Cấn 5* 6/7 9/7 *T*/H *H*/T *Arg*	27 & *I* ⊗ *I* LUÂN XA *7* *Kiền 1* *Kiền 8* 6/6 9/6 *Thổ Thổ* *Lys* **Hara**	28 & *J* ⊗ *I* LUÂN XA *4* *Tốn 2* *Cấn 3* 4/6 8/6 *T*/H *H*/T *Thr*	11 & *J* ⊗ *j* **Tam Tiêu Can,** *Tốn 1* *Tốn 8* 4/4 8/4 *Thổ* Ng/*Ng* *Ala*	07 & *K* ⊗ *j* **Tam Tiêu Can** *Chấn 5* *Chấn 6* 2/ 4 1/4 *K*/M *M*/K *Ala*
20 & *J* ⊗ *e* **Vị Tâm Bào** *Tốn 3* *Cấn 2* 4/9 8/9 *H*/T *T*/H *Pro*	24 & *I* ⊗ *e* **Vị Tâm Bào** *Ly 8* *Ly 1* 6/9 9/9 Ng/*Ng Thổ* *Glun* **Chân Nhân**	15 *I* **THÁI DƯƠNG**	16 *J* **THIẾU ÂM**	13 & *J* ⊗ *k* **TTrường Thận** *Ly 6* *Ly 5* 4/1 8/1 *T*/ H *H*/T *Val*	23 & *I* ⊗ *k* **TTrường Thận** *Ly 7* *Ly 4* 6/1 9/1 Ng/*Ng Thổ* *GGly* Hara
19 & *K* ⊗ *e* **Vị Tâm Bào** *Khảm 7* *Khảm 4* 2/ 9 1/9 *Thổ* Ng/*Ng* *PPro* **Hara**	17 & *I* ⊗ *e* **Vị Tâm Bào** *Khảm 5* *Khảm 6* 7/9 3/9 *K*/M *M*/K *His*	21 *I* **THIẾU DƯƠNG**	22 *K* **THÁI ÂM**	18 & *K* ⊗ *k* **TTrường Thận** *Khảm 8* *Khảm 1* 2/1 1/1 Ng/*Ng, Thổ* *VVal* **Chân Nhân**	14 & *I* ⊗ *k* **TTrường Thận** *Đoài 2* *Chấn 3* 7/1 3/1 *M*/K *K*/M *Gly*
10 & *I* ⊗ *ie* **Đỡm Tâm** *Tốn 5* *Tốn 6* 6/3 9/3 *H*/T *T*/H *Arg*	26 & *I* ⊗ *ie* **Đỡm Tâm** *Chấn 8* *Chấn 1* 7/3 3/3 Ng/*Ng Thổ* *Arg*	12 & *I* ⊗ *ke* LUÂN XA *2* *Đoài 3* *Chấn 2* 7/ 2 3/2 *K*/M *M*/K *Cys*	09 & *K* ⊗ *ke* LUÂN XA *1* *Khôn 8* *Khôn 1* 1/2 2/2 *Thổ Thổ* *Phe* **Hara**	29 & *K* ⊗ *je* **BQuang Phế** *Đoài 6* *Đoài 5* 2/8 ,1/8 *M*/K *K*/M *Ser*	25 & *J* ⊗ *je* **BQuang Phế** *Cấn 8* *Cấn 1* 4/8 8/8 Ng/*Ng Thổ* *Ser*
31 & *J* ⊗ *ie* **Đỡm Tâm** *Tốn 4* *Tốn 7* 4/3 8/3 *K*/M *M*/K *Leu*	04 & *K* ⊗ *ie* **Đỡm Tâm** *Khôn 2* *Khảm 3* 2/3 1/3 *T*/H *H*/T *LLLeu*	02 & *I* ⊗ *ke* LUÂN XA *3* *Kiền 4* *Kiền 7* 6/2 9/2 *N*/ Ng *N*/ Ng *Try Stag* **Chân Nhân**	33 & *J* ⊗ *ke* LUÂN XA *4* *Kiền 5* *Kiền 6* 4/2 8/2 *H*/T *T*/H *Leu*	05 & *I* ⊗ *je* **BQuang Phế** *Đoài 4* *Đoài 7.* 7/8 3/8 *H*/T *T*/H *Tyr*	36 & *I* ⊗ *je* **BQuang Phế** *Kiền 3* *Ly 2* 6/8 9/8 *K*/M *M*/K *Amber. Ochre*

Bảng IX - 13. BẢNG SINH HỌC HUYỆT NGŨ DU, LẠC KHÍCH, LUÂN XA, AXIT AMIN THEO HỆ HỖN THIÊN TRÊN HÌNH VUÔNG MẶT TRỜI

Hình Vuông Mặt Trời sẽ được trình bày chi tiết hơn trong tập VI

CHƯƠNG X

QUẺ NHIỀU HÀO VÀ BIỂU DIỄN CÁC TÍCH

(✧, Z) × (✧, Z) × ... × (✧, Z)

TIẾP TỤC ĐA DẠNG HÓA

Trong thực tiễn, có lúc cần sử dụng các cấu hình Quẻ nhiều hào, chồng lên nhau. Có thể xuất hiện các cấu hình Quẻ khá phức tạp, gồm cả Quẻ 2 hào, Quẻ 3 hào, Quẻ 4 hào, 5 hào, 6 hào... Bằng cách đó, chúng ta thu được rất nhiều quẻ nhiều hào : 9, 12, 15, 18, 32 ... hào và có thể được sắp xếp trên các chữ thập ngoặc xuôi, ngược :

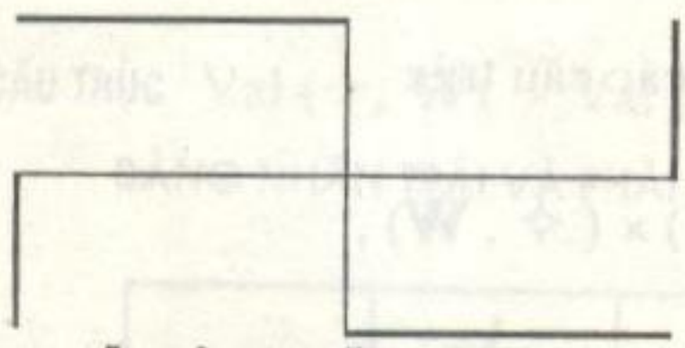

CHỮ THẬP NGOẶC NGƯỢC

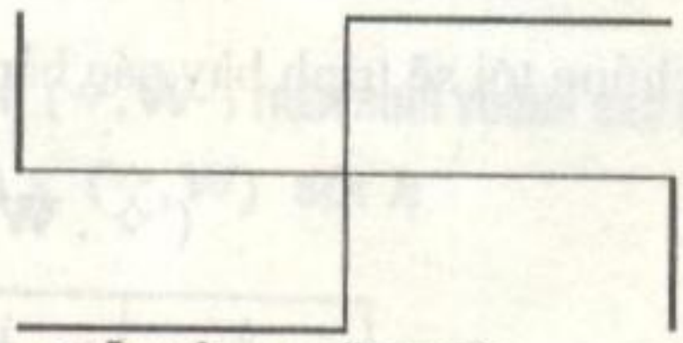

CHỮ THẬP NGOẶC XUÔI

Chúng ta cần nhớ rằng chúng ta đang xét một đại số không kết hợp khi vận dụng Đại số Cayley vào học thuyết các quẻ. Đây là một vấn đề rất phức tạp.

VỀ CÁC QUẺ NHIỀU HÀO

Ý nghĩa các quẻ rất là đa dạng.

1).Trước hết vấn đề có thể liên quan đến các mặt tâm lý, sinh lý, vật lý của nhân thể.

2). Các quẻ thu được có thể là kết quả của những sự cố hay quá trình nào đó.

3). Cuối cùng, các quẻ thu được có thể là một kế hoạch, chương trình nào đó... hướng về những mục đích ChânThiện Mỹ hay âm mưu xấu ...
Nói chung , chúng tôi chưa đi vào những nghiên cứu loại quẻ 9 hào này.

MINH HỌA VỀ QUẺ CHÍN HÀO

Ý nghĩa Quẻ 9 hào tất yếu là khá đa dạng .
Có thể đó là cấu trúc Tâm Sinh Lý của con người như sau

PHẦN HỮU HÌNH- HẬU THIÊN		
HÀO	THỂ	DỤNG
Hào 9	*Vật chất cấu tạo cơ thể Vật lý*	Thân
Hào 8	*Hình thể của cơ thể Vật lý*	Tâm
Hào 7	*Vận động của cơ thể Vật lý*	Trí

PHẦN BÁN HỮU HÌNH, BÁN VÔ HÌNH-TRUNG THIÊN		
HÀO	THỂ	DỤNG
Hào 6	*Tinh (Tinh dục)*	Thọ
Hào 5	*Khí*	Phúc
Hào 4	*Thần*	Lộc

PHẦN VÔ HÌNH -TIÊN THIÊN		
HÀO	THỂ	DỤNG
Hào 3	*Trường Sinh học (Thực thể sóng)*	Lợi
Hào 2	*Hình thể TSH (Biên độ,tần số-màu)*	Tình
Hào 1	*Vận động Trường Sinh học*	Danh

Sau đây, chúng tôi sẽ trình bày các bảng biểu diễn các cấu trúc

$$(\diamond, \mathbf{W}) \times (\diamond, \mathbf{W}) \times (\diamond, \mathbf{W}),$$

$$(\diamond, \mathbf{Z}) \times (\diamond, \mathbf{Z}) \times (\diamond, \mathbf{Z}),$$

các bảng này rất quan trọng trong việc dựng các quẻ 9,hào.
Cần lưu ý một lần nữa quẻ 9 hào có liên quan đến tính chất không kết hợp , vì nói chung có hai cách kết hợp khác nhau các quẻ thành phần 3 hào trong quẻ 9 hào.

Ví dụ

Hỏa✧ (Thủy ✧ Địa) khác (Hỏa ✧ Thủy) ✧ Địa hay

Hỏa✧ Tấn khác Ký Tế ✧ Địa. Ngữ nghĩa ?

BIỂU DIỄN CẤU TRÚC Val (✧, **W**) × Val (✧,**W**) × Val (✧,**W** **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO MỘC**

Bảng X - 1. **BẢNG NHÂN TRÁI VÀ PHẢI TRÊN (✧,W) × (✧,W) BỞI *i*.**

Xem như Phụ lục

	1	*i*	*j*	*k*
1	*1* *i, i*	*i* *- 1, - 1*	*j* *k, - k*	*k* *-j, j*
i	*i* *- 1, -1*	*-1* *- i, - i*	*k* *- j, j*	*-j* *- k, k*
j	*j* *k, - k*	*-k* *j , - j*	*-1* *- i ,- i*	*i* *- 1, - 1*
k	*k* *- j, j*	*j* *k , - k*	*i* *- 1 , -1*	*-1* *- i, - i*

BIỂU DIỄN CẤU TRÚC Val (✧, **W**) × Val (✧,**W**) × Val (✧,**W**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO MỘC**

BẢNG NHÂN TRÁI VÀ PHẢI TRÊN (✧,W) × (✧,W) BỞI *j*

	1	*i*	*j*	*k*
1	*1* *j , j*	*i* *- k , k*	*j* *- 1, - 1*	*k* *i , - i*
i	*i* *- k , k*	*-1* *-j , - j*	*k* *i , - i*	*-j* *1, 1*
j	*j* *- 1, - 1*	*-k* *- i , i*	*-1* *- j , - j*	*i* *- k , k*
k	*k* *i, - i*	*j* *- 1, - 1*	*i* *- k , k*	*-1* *- j , - j*

BIỂU DIỄN CẤU TRÚC Val (✧, **W**) × Val (✧,**W**) × Val (✧,**W**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO MỘC**

BẢNG NHÂN TRÁI VÀ PHẢI TRÊN (✧,W) × (✧,W) BỞI *k*

	1	*i*	*j*	*k*
1	*1* *k, k*	*i* *j , - j*	*j* *i , - i*	*k* *- 1, - 1*
i	*i* *j , - j*	*-1* *- k, - k*	*k* *- 1, - 1*	*-j* *- i, i*
j	*j* *i , - i*	*-k* *1, 1*	*-1* *- k , - k*	*i* *j, - j*
k	*k* *- 1, - 1*	*j* *i , - i*	*i* *j , - j*	*-1* *- k , - k*

Các kết quả nhân✧ trái (phải) được đặt ở phía trái (phải) của mỗi ô.

BIỂU DIỄN ĐẠI SỐ Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY**

Bảng nhân trái và nhân phải (✧, **Z**) × (✧, **Z**) *với đơn vị Kiền 1*

Xem như Phụ lục

	1 **KIẾN 6**	***i*** **ĐOÀI 7**	***j*** **TỐN 4**	***k*** **KHẢM 1**	***e*** **LY 9**	***ie*** **CHẤN 3**	***je*** **CẤN 8**	***ke*** **KHÔN 2**
1 **KIẾN 6**	*1* Kiền KIẾN 1 **01** *Thổ*	*i* Đoài CẤN 6 **62** *T/H*	*j* Tốn KIẾN 2 **04** *M/K*	*k* Khảm LY 7 **58** *Ng/Ng*	*e* Ly LY 8 **59** *Thổ*	*ie* Chấn TỐN 5 **05** *H/T*	*je* Cấn KIẾN 3 **63** *K/M*	*ke* Khôn KIẾN 4 **08** *Ng/Ng*
i **ĐOÀI 7**	*i* Đoài KHÔN 6 **14** *M/K*	*-1* -Kiền ĐOÀI 1 **15** *Thổ*	*k* Khảm CHẤN 7 **46** *T/H*	*-j* -Tốn ĐOÀI 2 **48** *M/K*	*ie* Chấn KHẢM 5 **17** *K/M*	*-e* -Ly CHẤN 8 **49** *Ng/Ng*	*-ke* -Khôn ĐOÀI 4 **20** *H/T*	*je* Cấn ĐOÀI 3 **51** *K/M*
j **TỐN 4**	*j* Tốn TỐN 2 **56** *T/H*	*-k* - Khảm CẤN 7 **44** *M/K*	*-1* -Kiền TỐN 1 **22** *Thổ*	*i* Đoài LY 6 **41** *T/H*	*je* Cấn TỐN 3 **42** *H/T*	*ke* Khôn TỐN 4 **25** *K/M*	*-e* -Ly CẤN 8 **21** *Ng/Ng*	*-ie* - Chấn KIẾN 5 **09** *H/T*
k **KHẢM 1**	*k* Khảm KHÔN 7 **13** *Ng/Ng*	*j* Tốn KHẢM 2 **34** *T/H*	*-i* - Đoài CHẤN 6 **38** *M/K*	*-1* -Kiền KHẢM 1 **29** *Thổ*	*ke* Khôn KHẢM 4 **30** *Ng/Ng*	*-je* -Cấn KHẢM 3 **27** *H/T*	*ie* Chấn ĐOÀI 5 **37** *K/M*	*-e* -Ly KHÔN 8 **52** *Thổ*
e **LY 9**	*e* Ly KIẾN 8 **55** *Thổ*	*-ie* - Chấn CẤN 5 **33** *H/T*	*-je* - Cấn LY 3 **31** *K/M*	*-ke* - Khôn LY 4 **35** *Ng/Ng*	*-1* -Kiền LY 1 **36** *Thổ*	*i* Đoài TỐN 6 **32** *T/H*	*j* Tốn LY 2 **28** *M/K*	*k* Khảm KIẾN 7 **10** *Ng/Ng*
ie **CHẤN 3**	*ie* Chấn KHÔN 5 **11** *K/M*	*e* Ly ĐOÀI 8 **24** *Ng/Ng*	*-ke* - Khôn CHẤN 4 **40** *H/T*	*je* Cấn CHẤN 3 **26** *K/M*	*-i* - Đoài KHẢM 6 **23** *M/K*	*-1* -Kiền CHẤN 1 **43** *Thổ*	*-k* - Khảm ĐOÀI 7 **39** *T/H*	*j* Tốn CHẤN 2 **54** *M/K*
je **CẤN 8**	*je* Cấn CẤN 3 **53** *H/T*	*ke* Khôn CẤN 4 **45** *K/M*	*e* Ly TỐN 8 **18** *Ng/Ng*	*-ie* - Chấn LY 5 **16** *H/T*	*-j* - Tốn CẤN 2 **47** *T/H*	*k* Khảm TỐN 7 **19** *M/K*	*-1* -Kiền CẤN 1 **50** *Thổ*	*-i* - Đoài KIẾN 6 **12** *T/H*
ke **KHÔN 2**	*ke* Khôn KHÔN 4 **57** *Ng/Ng*	*-je* - Cấn KHÔN 3 **03** *H/T*	*ie* Chấn CHẤN 5 **61** *K/M*	*e* Ly KHẢM 8 **07** *Thổ*	*-k* - Khảm KHẢM 7 **06** *Ng/Ng*	*-j* - Tốn KHÔN2 **60** *T/H*	*i* Đoài ĐOÀI 6 **02** *M/K*	*-1* -Kiền KHÔN 1 **64** *Thổ*

Kết quả nhân phải, nhân trái với Kiền *1* là khác nhau , kết quả nằm ở hàng đầu mỗi ô, nhân trái, phải với *1*.Các số trong bảng trên là Mã số Sao Thủy

BIỂU DIỄN ĐẠI SỐ Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY**

Bảng nhân trái và nhân phải (✧, **Z**) × (✧, **Z**) *với Đoài i*

	1 **KIỀN 6**	*i* **ĐOÀI 7**	*j* **TỐN 4**	*k* **KHẢM 1**	*e* **LY 9**	*ie* **CHẤN 3**	*je* **CẤN 8**	*ke* **KHÔN 2**
1 **KIỀN 6**	*1* Kiền **01** *Thổ* *i, i*	*i* Đoài **62** *T/H* *- 1,1*	*j* Tốn **04** *M/K* *k, -k*	*k* Khảm **58** *Ng/Ng* *-j , j*	*e* Ly **59** *Thổ* *ie, -ie*	*ie* Chấn **05** *H/T* *-e , e*	*je* Cấn **63** *K/M* *-ke, ke*	*ke* Khôn **08** *Ng/Ng* *je,-je*
i **DOÀI 7**	*i* Đoài **14** *M/K* *- 1, 1*	*-1* -Kiền **15** *Thổ* *- i, -i*	*k* Khảm **46** *T/H* *- j, j*	*-j* -Tốn **48** *M/K* *- k, k*	*ie* Chấn **17** *K/M* *- e, e*	*-e* -Ly **49** *Ng/Ng* *-ie , ie*	*-ke* -Khôn **20** *H/T* *- je, je*	*je* Cấn **51** *K/M* *- ke, ke*
j **TỐN 4**	*j* Tốn **56** *T/H* *k, -k*	*-k* - Khảm **44** *M/K* *j, -j*	*- 1* -Kiền **22** *Thổ* *- i, -i*	*i* Đoài **41** *T/H* *- 1, 1*	*je* Cấn **42** *H/T* *- ke, ke*	*ke* Khôn **25** *K/M* *je, -je*	*-e* -Ly **21** *Ng/Ng* *- ie, ie*	*-ie* - Chấn **09** *H/T* *e, -e*
k **KHẢM 1**	*k* Khảm **13** *Ng/Ng* *- j , j*	*j* Tốn **34** *T/H* *k, -k*	*-i* - Đoài **38** *M/K* *1, -1*	*- 1* -Kiền **29** *Thổ* *- i, -i*	*ke* Khôn **30** *Ng/Ng* *je, -je*	*-je* -Cấn **27** *H/T* *ke,- ke*	*ie* Chấn **37** *K/M* *-e, e*	*-e* -Ly **52** *Thổ* *- ie, ie*
e **LY 9**	*e* Ly **55** *Thổ* *ie, -ie*	*-ie* - Chấn **33** *H/T* *e, -e*	*-je* - Cấn **31** *K/M* *ke, -ke*	*-ke* - Khôn **35** *Ng/Ng* *- je, je*	*-1* -Kiền **36** *Thổ* *- i, -i*	*i* Đoài **32** *T/H* *- 1, 1*	*j* Tốn **28** *M/K* *k, -k*	*k* Khảm **10** *Ng/Ng* *- j, j*
ie **CHẤN 3**	*ie* Chấn **11** *K/M* *- e, e*	*e* Ly **24** *Ng/Ng* *ie, -ie*	*-ke* - Khôn **40** *H/T* *- je, je*	*je* Cấn **26** *K/M* *- ke, ke*	*-i* - Đoài **23** *M/K* *1, -1*	*-1* -Kiền **43** *Thổ* *- i, -i*	*-k* - Khảm **39** *T/H* *j, -j*	*j* Tốn **54** *M/K* *k, -k*
je **CẤN 8**	*je* Cấn **53** *H/T* *- ke, ke*	*ke* Khôn **45** *K/M* *je , -je*	*e* Ly **18** *Ng/Ng* *ie, - ie*	*-ie* - Chấn **16** *H/T* *e, -e*	*-j* - Tốn **47** *T/H* *- k, k*	*k* Khảm **19** *M/K* *- j, j*	*-1* -Kiền **50** *Thổ* *- i, -i*	*-i* - Đoài **12** *T/H* *1, - 1*
ke **KHÔN 2**	*ke* Khôn **57** *Ng/Ng* *je, -je*	*-je* - Cấn **03** *H/T* *ke, -ke*	*ie* Chấn **61** *K/M* *- e, e*	*e* Ly **07** *Thổ* *ie, -ie*	*-k* - Khảm **06** *Ng/Ng* *j, -j*	*-j* - Tốn **60** *T/H* *- k, k*	*i* Đoài **02** *M/K* *- 1, 1*	*-1* -Kiền **64** *Thổ* *- i, -i*

Chỉ *hàng cuối* ở mỗi ô mới trỏ kết quả phép nhân trái, nhân phải *hàng thứ nhất* mỗi ô với **Đoài** *i*.
Kết quả nhân trái ghi bên trái, kết quả nhân phải ghi bên phải.

BIỂU DIỄN ĐẠI SỐ Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) ×Val (✧, **Z**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY**

Bảng nhân trái và nhân phải (✧, **Z**) × (✧, **Z**) *với Tốn j*

	1 KIỀN 6	*i* ĐOÀI 7	*j* TỐN 4	*k* KHẢM 1	*e* LY 9	*ie* CHẤN 3	*je* CẤN 8	*ke* KHÔN 2
1 **KIỀN 6**	*1* Kiền **01** *Thổ* *j, j*	*i* Đoài **62** *T/H* *- k, k*	*j* Tốn **04** *M/K* *- 1,1*	*k* Khảm **58** *Ng/Ng* *i,-i*	*e* Ly **59** *Thổ* *je, -je*	*ie* Chấn **05** *H/T* *ke, -ke*	*je* Cấn **63** *K/M* *- e, e*	*ke* Khôn **08** *Ng/Ng* *- ie,ie*
i **DOÀI 7**	*i* Đoài **14** *M/K* *-k,k*	*-1* -Kiền **15** *Thổ* *- j, -j*	*k* Khảm **46** *T/H* *i, -i*	*-j* -Tốn **48** *M/K* *1, - 1*	*ie* Chấn **17** *K/M* *ke, -ke*	*-e* -Ly **49** *Ng/Ng* *- je, je*	*-ke* -Khôn **20** H/T ie, -ie	je Cấn **51** *K/M* *- e,e*
j **TỐN 4**	*j* Tốn **56** *T/H* *- 1, 1*	*-k* - Khảm **44** *M/K* *-i, i*	*- 1* -Kiền **22** *Thổ* *- j, -j*	*i* Đoài **41** *T/H* *- k, k*	*je* Cấn **42** *H/T* *- e, e*	*ke* Khôn **25** *K/M* *- ie, ie*	*-e* -Ly **21** Ng/Ng - je, je	*-ie* - Chấn **09** *H/T* *-ke, ke*
k **KHẢM 1**	*k* Khảm **13** *Ng/Ng* *i, -i*	*j* Tốn **34** *T/H* *- 1, 1*	*-i* - Đoài **38** *M/K* *k, -k*	*- 1* Kiền **29** *Thổ* *- j, -j*	*ke* Khôn **30** *Ng/Ng* *- ie, ie*	*-je* -Cấn **27** *H/T* *e, -e*	*ie* Chấn **37** *K/M* *ke, -ke*	*-e* -Ly **52** *Thổ* *- je, je*
e **LY 9**	*e* Ly **55** *Thổ* *je, -je*	*-ie* - Chấn **33** *H/T* *-ke, ke*	*-je* - Cấn **31** *K/M* *e, -e*	*-ke* - Khôn **35** *Ng/Ng* *ie, -ie*	*-1* -Kiền **36** *Thổ* *- j, -j*	*i* Đoài **32** *T/H* *- k, k*	*j* Tốn **28** *M/K* *- 1, 1*	*k* Khảm **10** *Ng/Ng* *i, -i*
ie **CHẤN 3**	*ie* Chấn **11** *K/M* *ke, -ke*	*e* Ly **24** *Ng/Ng* *je, -je*	*-ke* - Khôn **40** *H/T* *ie, -ie*	*je* Cấn **26** *K/M* *- e, e*	*-i* - Đoài **23** *M/K* *k, -k*	*-1* -Kiền **43** *Thổ* *- j, -j*	*-k* - Khảm **39** *T/H* *- i , i*	*j* Tốn **54** *M/K* *- 1, 1*
je **CẤN 8**	*je* Cấn **53** *H/T* *- e, e*	*ke* Khôn **45** *K/M* *- ie, ie*	*e* Ly **18** *Ng/Ng* *je , -je*	*-ie* - Chấn **16** *H/T* *- ke, ke*	*-j* - Tốn **47** *T/H* *1, - 1*	*k* Khảm **19** *M/K* *i, -i*	*-1* -Kiền **50** *Thổ* *- j, -j*	*-i* - Đoài **12** *T/H* *k, -k*
ke **KHÔN 2**	*ke* Khôn **57** *Ng/Ng* *- ie, ie*	*-je* - Cấn **03** *H/T* *e, -e*	*ie* Chấn **61** *K/M* *ke, -ke*	*e* Ly **07** *Thổ* *je, -je*	*-k* - Khảm **06** *Ng/Ng* *- i, i*	*-j* - Tốn **60** *T/H* *1,- 1*	*i* Đoài **02** *M/K* *- k. k*	*-1* -Kiền **64** *Thổ* *- j, -j*

Chỉ *hàng cuối* ở mỗi ô mới trỏ kết quả phép nhân trái, nhân phải *hàng thứ nhất* mỗi ô với Tốn *j*. Kết quả nhân trái ghi bên trái, kết quả nhân phải ghi bên phải.

BIỂU DIỄN ĐẠI SỐ Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY**

Bảng nhân trái và nhân phải (✧, **Z**) × (✧, **Z**) *với Khảm k*

	1 **KIỀN 6**	***i*** **ĐOÀI 7**	***j*** **TỐN 4**	***k*** **KHẢM 1**	***e*** **LY 9**	***ie*** **CHẤN 3**	***je*** **CẤN 8**	***ke*** **KHÔN 2**
1 **KIỀN 6**	*1* Kiền **01** *Thổ* *k, k*	*i* Đoài **62** *T/H* j, -j	*j* Tốn **04** *M/K* *- i, i*	*k* Khảm **58** *Ng/Ng* *- 1, 1*	*e* Ly **59** *Thổ* *ke, -ke*	*ie* Chấn **05** *H/T* *- je, je*	*je* Cấn **63** *K/M* *ie, -ie*	*ke* Khôn **08** *Ng/Ng* *- e, e*
i **ĐOÀI 7**	*i* Đoài **14** *M/K* *j, -j*	*-1* -Kiền **15** *Thổ* *- k, -k*	*k* Khảm **46** *T/H* *- 1, 1*	*-j* -Tốn **48** *M/K* *i, -i*	*ie* Chấn **17** *K/M* *- je, je*	*-e* -Ly **49** *Ng/Ng* *- ke, ke*	*-ke* -Khôn **20** *H/T* *e, -e*	*je* Cấn **51** *K/M* *ie, -ie*
j **TỐN 4**	*j* Tốn **56** *T/H* *- i, i*	*-k* - Khảm **44** *M/K* *1, - 1*	*- 1* -Kiền **22** *Thổ* *- k, -k*	*i* Đoài **41** *T/H* *j, -j*	*je* Cấn **42** *H/T* *ie, -ie*	*ke* Khôn **25** *K/M* *-e, e*	*-e* -Ly **21** *Ng/Ng* *- ke, ke*	*-ie* - Chấn **09** *H/T* *je, -je*
k **KHẢM 1**	*k* Khảm **13** *Ng/Ng* *- 1, 1*	*j* Tốn **34** *T/H* *- i, i*	*-i* - Đoài **38** *M/K* *- j, j*	*- 1* Kiền **29** *Thổ* *- k, -k*	*ke* Khôn **30** *Ng/Ng* *- e, e*	*-je* -Cấn **27** *H/T* *- ie, ie*	*ie* Chấn **37** *K/M* *- je, je*	*-e* -Ly **52** *Thổ* *- ke, ke*
e **LY 9**	*e* Ly **55** *Thổ* *ke, -ke*	*-ie* - Chấn **33** *H/T* *je, -je*	*-je* - Cấn **31** *K/M* *- ie, ie*	*-ke* - Khôn **35** *Ng/Ng* *- e, e*	*-1* -Kiền **36** *Thổ* *- k, -k*	*i* Đoài **32** *T/H* *j, -j*	*j* Tốn **28** *M/K* *- i, i*	*k* Khảm **10** *Ng/Ng* *- 1, 1*
ie **CHẤN 3**	*ie* Chấn **11** *K/M* *- je, je*	*e* Ly **24** *Ng/Ng* *ke, -ke*	*-ke* - Khôn **40** *H/T* *e ,-e*	*je* Cấn **26** *K/M* *ie, -ie*	*-i* - Đoài **23** *M/K* *- j, j*	*-1* -Kiền **43** *Thổ* *- k, k*	*-k* - Khảm **39** *T/H* *1 ,- 1*	*j* Tốn **54** *M/K* *- i, i*
je **CẤN 8**	*je* Cấn **53** *H/T* *ie, -ie*	*ke* Khôn **45** *K/M* *- e, e*	*e* Ly **18** *Ng/Ng* *ke, -ke*	*-ie* - Chấn **16** *H/T* *je, -je*	*-j* - Tốn **47** *T/H* *i, -i*	*k* Khảm **19** *M/K* *- 1, 1*	*-1* -Kiền **50** *Thổ* *- k, -k*	*-i* - Đoài **12** *T/H* *- j, j*
ke **KHÔN 2**	*ke* Khôn **57** *Ng/Ng* *-e , e*	*-je* - Cấn **03** *H/T* *- ie, ie*	*ie* Chấn **61** *K/M* *- je, je*	*e* Ly **07** *Thổ* *ke, -ke*	*-k* - Khảm **06** *Ng/Ng* *1, - 1*	*-j* - Tốn **60** *T/H* *i, -i*	*i* Đoài **02** *M/K* *j, -j*	*-1* -Kiền **64** *Thổ* *- k, -k*

Chỉ *hàng cuối* ở mỗi ô mới trỏ kết quả phép nhân trái, nhân phải *hàng thứ nhất* mỗi ô với **Khảm k**. Kết quả nhân trái ghi bên trái, kết quả nhân phải ghi bên phải.

BIỂU DIỄN ĐẠI SỐ Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY**

Bảng nhân trái và nhân phải (✧, **Z**) × (✧, **Z**) *với Ly e*

	1 KIỀN 6	*i* ĐOÀI 7	*j* TỐN 4	*k* KHẢM 1	*e* LY 9	*ie* CHẤN 3	*je* CẤN 8	*ke* KHÔN 2
1 **KIỀN 6**	*1* Kiền **01** *Thổ* *e, e*	*i* Đoài **62** *T/H* *-ie, ie*	*j* Tốn **04** *M/K* *- je, je*	*k* Khảm **58** *Ng/Ng* *- ke, ke*	*e* Ly **59** *Thổ* *- 1, 1*	*ie* Chấn **05** *H/T* *i, -i*	*je* Cấn **63** *K/M* *j, -j*	*ke* Khôn **08** *Ng/Ng* *k, -k*
i **ĐOÀI 7**	*i* Đoài **14** *M/K* *- ie, ie*	*-1* -Kiền **15** *Thổ* *- e, -e*	*k* Khảm **46** *T/H* *- ke, ke*	-j -Tốn **48** *M/K* *je, -je*	*ie* Chấn **17** *K/M* *i, -i*	*-e* -Ly **49** *Ng/Ng* *1, - 1*	*-ke* -Khôn **20** *H/T* *- k, k*	*je* Cấn **51** *K/M* *j, -j*
j **TỐN 4**	*j* Tốn **56** *T/H* *- je, je*	*-k* - Khảm **44** *M/K* *ke, -ke*	*- 1* -Kiền **22** *Thổ* *- e, -e*	*i* Đoài **41** *T/H* *- ie, ie*	*je* Cấn **42** *H/T* *j, -j*	*ke* Khôn **25** *K/M* *k, -k*	*-e* -Ly **21** *Ng/Ng* *1, - 1*	*-ie* - Chấn **09** *H/T* *- i, i*
k **KHẢM 1**	*k* Khảm **13** *Ng/Ng* *- ke, ke*	*j* Tốn **34** *T/H* *- je, je*	*-i* - Đoài **38** *M/K* *ie, -ie*	*- 1* Kiền **29** *Thổ* *- e, -e*	*ke* Khôn **30** *Ng/Ng* *k,- k*	*-je* -Cấn **27** *H/T* *- j, j*	*ie* Chấn **37** *K/M* *i, -i*	*-e* -Ly **52** *Thổ* *1, - 1*
e **LY 9**	*e* Ly **55** *Thổ* *- 1, 1*	*-ie* - Chấn **33** *H/T* *- i, i*	*-je* - Cấn **31** *K/M* *- j, j*	*-ke* - Khôn **35** *Ng/Ng* *- k, k*	*-1* -Kiền **36** *Thổ* *- e,-e*	*i* Đoài **32** *T/H* *- ie, ie*	*j* Tốn **28** *M/K* *- je, je*	*k* Khảm **10** *Ng/Ng* *- ke, ke*
ie **CHẤN 3**	*ie* Chấn **11** *K/M* *i, -i*	*e* Ly **24** *Ng/Ng* *- 1, 1*	*-ke* - Khôn **40** *H/T* *- k, k*	*je* Cấn **26** *K/M* *j, -j*	*-i* - Đoài **23** *M/K* *ie, -ie*	*-1* -Kiền **43** *Thổ* *- e, -e*	*-k* - Khảm **39** *T/H* *ke, -ke*	*j* Tốn **54** *M/K* *- je, je*
je **CẤN 8**	*je* Cấn **53** *H/T* *j, -j*	*ke* Khôn **45** *K/M* *k, -k*	*e* Ly **18** *Ng/Ng* *- 1, 1*	*-ie* - Chấn **16** *H/T* *- i, i*	*-j* - Tốn **47** *T/H* *je, -je*	*k* Khảm **19** *M/K* *ke, -ke*	*-1* -Kiền **50** *Thổ* *- e, -e*	*-i* - Đoài **12** *T/H* *ie*
ke **KHÔN 2**	*ke* Khôn **57** *Ng/Ng* *k, -k*	*-je* - Cấn **03** *H/T* *- j, j*	*ie* Chấn **61** *K/M* *i, -i*	*e* Ly **07** *Thổ* *- 1, 1*	*-k* - Khảm **06** *Ng/Ng* *ke, -ke*	*-j* - Tốn **60** *T/H* *je, -je*	*i* Đoài **02** *M/K* *- ie, ie*	*-1* -Kiền **64** *Thổ* *- e, -e*

Chỉ *hàng cuối* ở mỗi ô mới trỏ kết quả phép nhân trái, nhân phải *hàng thứ nhất* mỗi ô với Ly e. Kết quả nhân trái ghi bên trái, kết quả nhân phải ghi bên phải.

BIỂU DIỄN ĐẠI SỐ Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY**

Bảng nhân trái và nhân phải (✧, **Z**) × (✧, **Z**) *với Chấn ie*

	1 **KIỀN 6**	**i** **ĐOÀI 7**	**j** **TỐN 4**	**k** **KHẢM 1**	**e** **LY 9**	**ie** **CHẤN 3**	**je** **CẤN 8**	**ke** **KHÔN 2**
1 **KIỀN 6**	1 Kiền **01** *Thổ* *ie, ie*	i Đoài **62** *T/H* *e, -e*	j Tốn **04** *M/K* *- ke, ke*	k Khảm **58** *Ng/Ng* *je, -je*	e Ly **59** *Thổ* *- i, i*	ie Chấn **05** *H/T* *- 1, 1*	je Cấn **63** *K/M* *- k, k*	ke Khôn **08** *Ng/Ng* *j, -j*
i **ĐOÀI 7**	i Đoài **14** *M/K* *e*	-1 -Kiền **15** *Thổ* *- ie, -ie*	k Khảm **46** *T/H* *je*	-j -Tốn **48** *M/K* *ke*	ie Chấn **17** *K/M* *- 1, 1*	-e -Ly **49** *Ng/Ng* *i, -i*	-ke -Khôn **20** *H/T* *- j, j*	je Cấn **51** *K/M* *- k, k*
j **TỐN 4**	j Tốn **56** *T/H* *- ke, ke*	-k - Khảm **44** *M/K* *- je, je*	- 1 -Kiền **22** *Thổ* *- ie, -ie*	i Đoài **41** *T/H* *e, -e*	je Cấn **42** *H/T* *- k, k*	ke Khôn **25** *K/M* *j, -j*	-e -Ly **21** *Ng/Ng* *i, -i*	-ie - Chấn **09** *H/T* *1, - 1*
k **KHẢM 1**	k Khảm **13** *Ng/Ng* *je, -je*	j Tốn **34** *T/H* *- ke, ke*	-i - Đoài **38** *M/K* *-e, e*	- 1 Kiền **29** *Thổ* *-ie, -ie*	ke Khôn **30** *Ng/Ng* *j, -j*	-je -Cấn **27** *H/T* *k, -k*	ie Chấn **37** *K/M* *- 1, 1*	-e -Ly **52** *Thổ* *i, -i*
e **LY 9**	e Ly **55** *Thổ* *- i, i*	-ie - Chấn **33** *H/T* *1, - 1*	-je - Cấn **31** *K/M* *k, -k*	- ke - Khôn **35** *Ng/Ng* *- j, j*	-1 -Kiền **36** *Thổ* *- ie, -ie*	i Đoài **32** *T/H* *e, -e*	j Tốn **28** *M/K* *-ke, ke*	k Khảm **10** *Ng/Ng* *je,-je*
ie **CHẤN 3**	ie Chấn **11** *K/M* *- 1, 1*	e Ly **24** *Ng/Ng* *- i, i*	-ke - Khôn **40** *H/T* *- j, j*	je Cấn **26** *K/M* *-k. k*	-i - Đoài **23** *M/K* *- e, e*	-1 -Kiền **43** *Thổ* *- ie,- ie*	-k - Khảm **39** *T/H* *- je, je*	j Tốn **54** *M/K* *- ke,ke*
je **CẤN 8**	je Cấn **53** *H/T* *- k,k*	ke Khôn **45** *K/M* *j, -j*	e Ly **18** *Ng/Ng* *- i, i*	-ie - Chấn **16** *H/T* *1, - 1*	-j - Tốn **47** *T/H* *ke, -ke*	k Khảm **19** *M/K* *je, -je*	-1 -Kiền **50** *Thổ* *-ie,- ie*	-i - Đoài **12** *T/H* *- e, è*
ke **KHÔN 2**	ke Khôn **57** *Ng/Ng* *j, -j*	-je - Cấn **03** *H/T* *k, -k*	ie Chấn **61** *K/M* *- 1, 1*	e Ly **07** *Thổ* *- i, i*	-k - Khảm **06** *Ng/Ng* *- je, je*	-j - Tốn **60** *T/H* *ke, -ke*	i Đoài **02** *M/K* *e, -e*	-1 -Kiền **64** *Thổ* *- ie,-ie*

Chỉ *hàng cuối* ở mỗi ô mới trỏ kết quả phép nhân trái, nhân phải *hàng thứ nhất* mỗi ô với **Chấn ie**. Kết quả nhân trái ghi bên trái, kết quả nhân phải ghi bên phải.

BIỂU DIỄN ĐẠI SỐ Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY**

*Bảng nhân trái và nhân phải (✧, **Z**) × (✧, **Z**) với Cấn je*

	1 **KIỀN 6**	*i* **ĐOÀI 7**	*j* **TỐN 4**	*k* **KHẢM 1**	*e* **LY 9**	*ie* **CHẤN 3**	*je* **CẤN 8**	*ke* **KHÔN 2**
1 **KIỀN 6**	*1* Kiền **01** *Thổ* *je, je*	*i* Đoài **62** *T/H* *ke, -ke*	*j* Tốn **04** *M/K* *e, -e*	*k* Khảm **58** *Ng/Ng* *- ie, ie*	*e* Ly **59** *Thổ* *- j, j*	*ie* Chấn **05** *H/T* *k, -k*	*je* Cấn **63** *K/M* *- 1, 1*	*ke* Khôn **08** *Ng/Ng* *- i, i*
i **ĐOÀI 7**	*i* Đoài **14** *M/K* *ke, -ke*	*-1* -Kiền **15** *Thổ* *- je,- je*	*k* Khảm **46** *T/H* *- ie, ie*	*-j* -Tốn **48** *M/K* *- e,e*	*ie* Chấn **17** *K/M* *k, -k*	*-e* -Ly **49** *Ng/Ng* *j, -j*	*-ke* -Khôn **20** *H/T* *i, -i*	*je* Cấn **51** *K/M* *- 1, 1*
j **TỐN 4**	*j* Tốn **56** *T/H* *e, -e*	*-k* - Khảm **44** *M/K* *ie, -ie*	*- 1* -Kiền **22** *Thổ* *- je, -je*	*i* Đoài **41** *T/H* *ke, -ke*	*je* Cấn **42** *H/T* *- 1, 1*	*ke* Khôn **25** *K/M* *- i, i*	*-e* -Ly **21** *Ng/Ng* *j, -j*	*-ie* - Chấn **09** *H/T* *- k, k*
k **KHẢM 1**	*k* Khảm **13** *Ng/Ng* *- ie, ie*	*j* Tốn **34** *T/H* *e, -e*	*-i* - Đoài **38** *M/K* *-ke ,ke*	*- 1* Kiền **29** *Thổ* *- je, -je*	*ke* Khôn **30** *Ng/Ng* *- i, i*	*-je* -Cấn **27** *H/T* *1,- 1*	*ie* Chấn **37** *K/M* *k, -k*	*-e* -Ly **52** *Thổ* *j, -j*
e **LY 9**	*e* Ly **55** *Thổ* *- j, j*	*-ie* - Chấn **33** *H/T* *- k, k*	*-je* - Cấn **31** *K/M* *1, - 1*	*-ke* - Khôn **35** *Ng/Ng* *i, -i*	*-1* -Kiền **36** *Thổ* *- je, -je*	*i* Đoài **32** *T/H* *ke, -ke*	*j* Tốn **28** *M/K* *e, -e*	*k* Khảm **10** *Ng/Ng* *- ie,ie*
ie **CHẤN 3**	*ie* Chấn **11** *K/M* *k, -k*	*e* Ly **24** *Ng/Ng* *- j, j*	*-ke* - Khôn **40** *H/T* *i, -i*	*je* Cấn **26** *K/M* *- 1, 1*	*- i* -Đoài **23** *M/K* *- ke, ke*	*-1* -Kiền **43** *Thổ* *- je, -je*	*-k* - Khảm **39** *T/H* *ie,- ie*	*j* Tốn **54** *M/K* *e, -e*
je **CẤN 8**	*je* Cấn **53** *H/T* *- 1, 1*	*ke* Khôn **45** *K/M* *- i, i*	*e* Ly **18** *Ng/Ng* *- j, j*	*-ie* - Chấn **16** *H/T* *- k, k*	*-j* - Tốn **47** *T/H* *- e, e*	*k* Khảm **19** *M/K* *- ie, ie*	*-1* -Kiền **50** *Thổ* *- je, -je*	*-i* - Đoài **12** *T/H* *-ke, ke*
ke **KHÔN 2**	*ke* Khôn **57** *Ng/Ng* *- i, i*	*-je* - Cấn **03** *H/T* *1, -1*	*ie* Chấn **61** *K/M* *k, -k*	*e* Ly **07** *Thổ* *- j, j*	*-k* - Khảm **06** *Ng/Ng* *ie, -ie*	*-j* - Tốn **60** *T/H* *- e, e*	*i* Đoài **02** *M/K* *ke, -ke*	*-1* -Kiền **64** *Thổ* *- je, -je*

Chỉ *hàng cuối ở* mỗi ô mới trỏ kết quả phép nhân trái, nhân phải *hàng thứ nhất* mỗi ô với Cấn *je*. Kết quả nhân trái ghi bên trái, kết quả nhân phải ghi bên phải.

BIỂU DIỄN ĐẠI SỐ Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) × Val (✧, **Z**) **TRÊN HÌNH VUÔNG SAO THỦY**

Bảng nhân trái và nhân phải (✧, **Z**) × (✧, **Z**) *với Khôn ke*

	1 KIỀN 6	*i* ĐOÀI 7	*j* TỐN 4	*k* KHẢM 1	*e* LY 9	*ie* CHẤN 3	*je* CẤN 8	*ke* KHÔN 2
1 KIỀN 6	*1* Kiền **01** *Thổ* *ke, ke*	*i* Đoài **62** *T/H* *- je, je*	j Tốn **04** *M/K* *ie, -ie*	*k* Khảm **58** *Ng/Ng* *e, -e*	*e* Ly **59** *Thổ* *- k, k*	*ie* Chấn **05** *H/T* *- j, j*	*je* Cấn **63** *K/M* *i, -i*	*ke* Khôn **08** *Ng/Ng* *- 1 , 1*
i ĐOÀI 7	*i* Đoài **14** *M/K* *- je, je*	*-1* -Kiền **15** *Thổ* *-ke, -ke*	k Khảm **46** *T/H* *e, -e*	*-j* -Tốn **48** *M/K* *- ie, ie*	*ie* Chấn **17** *K/M* *-j , j*	*-e* -Ly **49** *Ng/Ng* *k , -k*	*-ke* -Khôn **20** *H/T* *1, - 1*	*je* Cấn **51** *K/M* *i, -i*
j TỐN 4	*j* Tốn **56** *T/H* *ie, -ie*	*-k* - Khảm **44** *M/K* *- e, e*	*- 1* -Kiền **22** *Thổ* *-ke,- ke*	*i* Đoài **41** *T/H* *-je , je*	*je* Cấn **42** *H/T* *i, -i*	*ke* Khôn **25** *K/M* *- 1, 1*	*-e* -Ly **21** *Ng/Ng* *k, -k*	*-ie* - Chấn **09** *H/T* *j, -j*
k KHẢM 1	*k* Khảm **13** *Ng/Ng* *e, -e*	j Tốn **34** *T/H* *ie, -ie*	*-i* - Đoài **38** *M/K* *je , -je*	*- 1* Kiền **29** *Thổ* *ke, -ke*	*ke* Khôn **30** *Ng/Ng* *- 1, 1*	*-je* -Cấn **27** *H/T* *- i, j*	*ie* Chấn **37** *K/M* *- j, j*	*-e* -Ly **52** *Thổ* *k, -k*
e LY 9	*e* Ly **55** *Thổ* *- k, k*	*-ie* - Chấn **33** *H/T* *j, -j*	*-je* - Cấn **31** *K/M* *- i, i*	*-ke* - Khôn **35** *Ng/Ng* *1, - 1*	*-1* -Kiền **36** *Thổ* *-ke,-ke*	*i* Đoài **32** *T/H* *- je, je*	*j* Tốn **28** *M/K* *ie, -ie*	*k* Khảm **10** *Ng/Ng* *e, -e*
ie CHẤN 3	*ie* Chấn **11** *K/M* *- j, j*	*e* Ly **24** *Ng/Ng* *-k ,k*	*-ke* - Khôn **40** *H/T* *1,- 1*	*je* Cấn **26** *K/M* *i, -i*	*-i* - Đoài **23** *M/K* *je, -je*	*-1* -Kiền **43** *Thổ* *- ke,-ke*	*-k* - Khảm **39** *T/H* *- e,e*	*j* Tốn **54** *M/K* *ie,-ie*
je CẤN 8	*je* Cấn **53** *H/T* *i, -i*	*ke* Khôn **45** *K/M* *- 1, 1*	*e* Ly **18** *Ng/Ng* *- k, k*	*-ie* - Chấn **16** *H/T* *j, -j*	*-j* - Tốn **47** *T/H* *- ie, -ie*	*k* Khảm **19** *M/K* *e, -e*	*-1* -Kiền **50** *Thổ* *-ke,-ke*	*-i* - Đoài **12** *T/H* *je, -je*
ke KHÔN 2	*ke* Khôn **57** *Ng/Ng* *- 1, 1*	*-je* - Cấn **03** *H/T* *- i, i*	*ie* Chấn **61** *K/M* *- j, j*	*e* Ly **07** *Thổ* *- k, k*	*-k* - Khảm **06** *Ng/Ng* *- e, e*	*-j* - Tốn **60** *T/H* *- ie, ie*	*i* Đoài **02** *M/K* *- je, je*	*-1* -Kiền **64** *Thổ* *-ke,-ke*

Chỉ *hàng cuối* ở mỗi ô mới trỏ kết quả phép nhân trái, nhân phải *hàng thứ nhất* mỗi ô với **Khôn ke**. Kết quả nhân trái ghi bên trái, kết quả nhân phải ghi bên phải.

Ví dụ

Yếu tố **ĐOÀI** *i* có thể viết dưới nhiều dạng :

2 - PHÂN TÍCH HAY 2 - ĐA DẠNG HÓA

$i = 1 \diamond i,\ i \diamond 1,\ j \diamond k,\ -k \diamond j,\ e \diamond ie,\ -ie \diamond e,\ -je \diamond ke,\ ke \diamond je,$

3 - PHÂN TÍCH HAY 3 - ĐA DẠNG HOÁ

$i = -i \diamond (i \diamond i),\ -i \diamond (j \diamond j) \ldots,\ -j \diamond (j \diamond i),\ j \diamond (e \diamond ke),\ -j \diamond (ie \diamond je), \ldots,\ k \diamond (i \diamond k),\ k \diamond (k \diamond i),\ k \diamond (ie \diamond ke),$

$i = -(i \diamond e) \diamond e,\ -(k \diamond je) \diamond e,\ (je \diamond k) \diamond e,\ -(ke \diamond j) \diamond e, \ldots,\ (ie \diamond i) \diamond ie,\ (je \diamond j) \diamond ie, \ldots,\ (j \diamond ie) \diamond je,\ -(ie \diamond j) \diamond je \ldots$

Các dạng này được gọi là các *Phân tích Cayley* hay *Đa dạng hoá Cayley* của yếu tố *i* và rất quan trọng trong việc ứng dụng vào sự đa dạng hoá của cuộc sống.

Trong truyền thống, những phân tích dạng 2, 2^2, 2^2 ... liên quan đến các số chẵn 2, 4, ... được gọi là *Âm phát*, và các phân tích 3, 3^2, 3^2, liên quan đến các số lẻ 3, 9, 27... được gọi là *Dương phát*.

Nguyên lý Đơn nhất và Đa dạng - Hợp nhất

Những *Phân tích Cayley* & *Hợp nhất Cayley* trên là những biểu diễn toán học của sự ***Đa dạng hoá*** & ***Đơn nhất hoá*** nằm trong nguyên lý ***Đơn nhất và Đa dạng - Hợp nhất.***

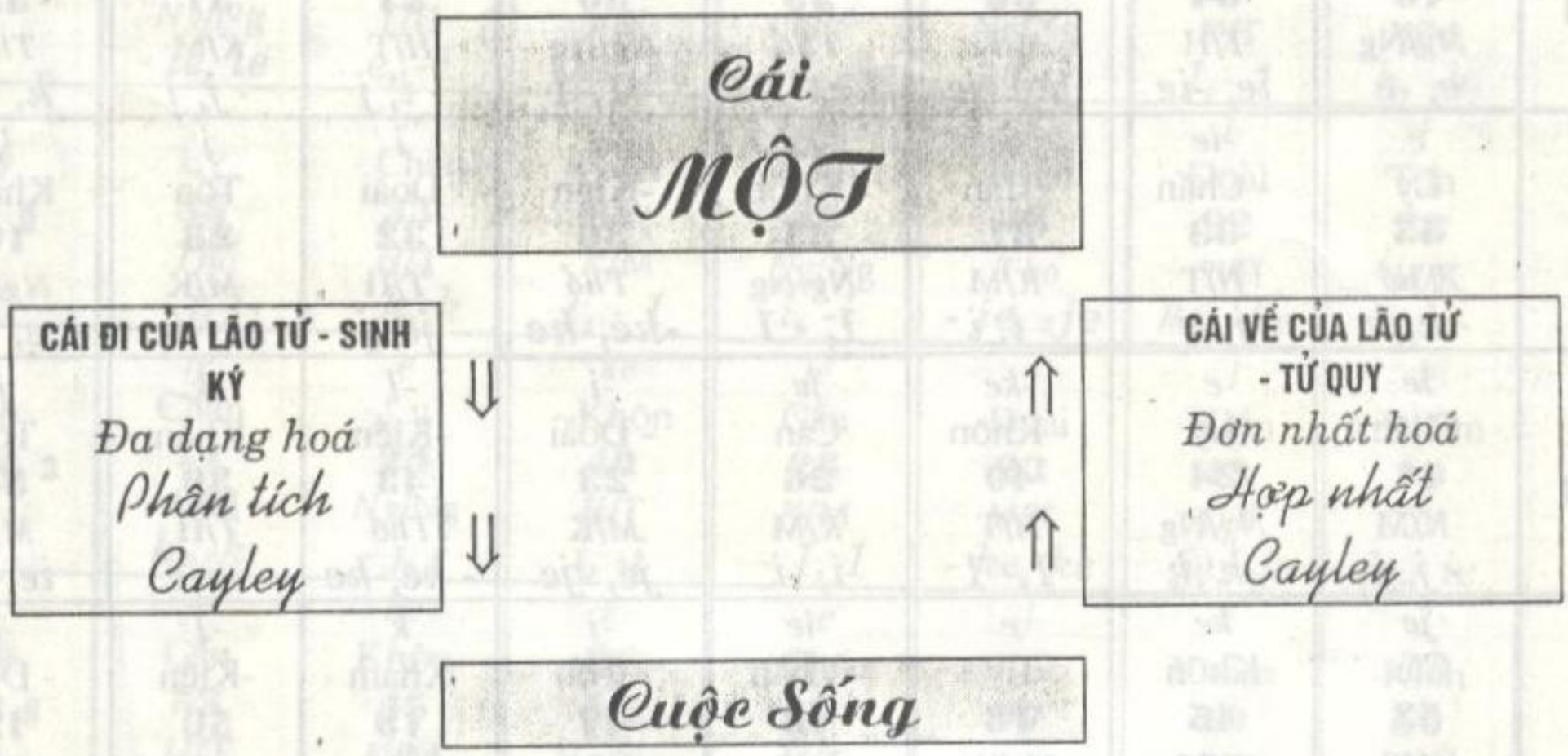

Bảng X - 3 . NGUYÊN LÝ ĐƠN NHẤT VÀ ĐA DẠNG BỞI CÁC QUÁ TRÌNH PHÂN TÍCH CAYLEY (ÂM , DƯƠNG PHÁT) VÀ HỢP NHẤT CAYLEY (ÂM , DƯƠNG THU).

Chúng ta đang trên con Đường Về !

CHƯƠNG XI

CƠ CHẾ DỊCH TRONG TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG

CƠ CHẾ DỊCH TRONG TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG

Trong chương này chúng ta hãy xen xét cơ chế Dịch & Tiến hóa trong Triết Đông phương. Cụ thể hơn, chúng ta sẽ nghiên cứu xem Triết Đông phương quan niệm như thế nào về Dịch xuất phát từ Hình thức luận các quẻ của mình.
Theo Triết Đông phương, Dịch & Tiến hoá không diễn ra theo đường thẳng, mà mọi Dịch & Tiến hoá đều tuân theo ***nguyên lý Âm Dương luân phiên nhau.***
Thành thử, trong mọi quá trình thì các hào của các quẻ phải thay đổi các tính Âm Dương của chúng [08]. Sự kiện này được gọi là ***Cơ chế Dịch***
Chúng ta hãy bắt đầu bằng Cơ chế Dịch của các quẻ 2 hào.

CƠ CHẾ DỊCH CỦA CÁC QUẺ 2 HÀO
Bài toán Cơ chế Dịch của các quẻ 2 hào là rất đơn giản, nhưng lại rất sinh động.

Trong mỗi ngày , quá trình thay đổi thời gian là :
Giữa đêm ⇒ Bình minh ⇒ Giữa trưa ⇒ Hoàng hôn ⇒ Giữa đêm...

Trong mỗi năm , quá trình thay đổi mùa là :
Mùa Đông ⇒ Mùa Xuân ⇒ Mùa Hạ ⇒ Mùa Thu ⇒ Mùa Đông...

Theo thuật ngữ quẻ 2 hào, các hiện tượng trên chính là các Dịch sau
Thái Âm ⇒ Thiếu Dương ⇒ Thái Dương ⇒ Thiếu Âm...

Nhưng, trong các quá trình trên , các hào của các quẻ 2 hào lần lượt thay đổi tính Âm Dương của mình

Mùa Đông Giữa đêm	*Mùa Xuân Bình Minh*	*Mùa Hạ Giữa trưa*	*Mùa Thu Hoàng Hôn*	*Mùa Đông Giữa đêm*	*Winte Midni*
Thái Âm	Thiếu Dương	Thái Dương	Thiếu Âm	Thái Âm	Tai Yi
Âm Âm *	Âm * Dương	Dương Dương *	Dương * Âm	Âm Âm *	Yin Yin*
k ⇒	*i* ⇒	*l* ⇒	*j* ⇒	*k* ⇒	*k* ⇒

B3ng - 1. CƠ CHẾ DỊCH CỦA CÁC QUẺ 2 HÀO

Các hào có dấu sao * sẽ thay đổi tính Âm Dương của mình

CƠ CHẾ DỊCH CỦA CÁC QUẺ 3 HÀO

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang Cơ chế Dịch của các quẻ 3 hào, bắt đầu bằng quẻ Khảm chẳng hạn :

KHẢM	TỐN	CẤN	LY	KIỀN	ĐOÀI	CHẤN	KHÔN	KHẢM
Âm *	Dương	Dương	Dương	Dương *	Âm	Âm	Âm	Âm *
Dương	Dương *	Âm	Âm *	Dương	Dng *	Âm	Âm *	Dương
Âm	Âm	Âm *	Dương	Dương	Dương	Dương *	Âm	Âm
k ⇒	*j* ⇒	*je* ⇒	*e* ⇒	*l* ⇒	*i* ⇒	*ie* ⇒	*ke* ⇒	*k* ⇒

Bảng XI - 2. CƠ CHẾ DỊCH CỦA QUẺ KHẢM

Phương án thứ nhất . Điểm xuất phát : hào thứ ba.

KHẢM	ĐOÀI	CHẤN	LY
Âm	Âm	Âm *	Dương
Dương	Dương *	Âm	Âm
Âm *	Dương	Dương	Dương
k ⇒	*i* ⇒	*ie* ⇒	*e* ⇒

Bảng XI - 3. CƠ CHẾ DỊCH CỦA QUẺ KHẢM CHO ĐẾN QUẺ PHẢN LY

Quẻ phản là quẻ có các hào ngược tính Âm Dương của quẻ xuất phát.

Với các quẻ 3 hào khác, chúng ta có những bức tranh tương tự

BẢNG DỊCH CỦA CÁC QUẺ 3 HÀO

Bây giờ chúng ta hãy lập các bảng sau, gọi là các ***Bảng Dịch của các quẻ 3 hào***, dựa vào các cơ chế Dịch cho đến quẻ phản nói trên về sự thay đổi tính Âm Dương của các hào.

BẢNG DỊCH CỦA QUẺ *Kiền*

KIỀN	TỐN	CẤN	KHÔN
Dương Dương Dương *	Dương Dương * Âm	Dương * Âm Âm	Âm Âm Âm
1	*j*	*je*	*ke*

Hào sẽ thay đổi tính Âm Dương được đánh dấu sao *

BẢNG DỊCH CỦA QUẺ *Ly*

LY	CẤN	TỐN	KHẢM
Dương Âm Dương *	Dương Âm * Âm	Dương * Dương Âm	Âm Dương Âm
e	*je*	*j*	*k*

BẢNG DỊCH CỦA QUẺ *Đoài*

DOÀI	KHẢM	KHÔN	CẤN
Âm Dương Dương *	Âm Dương * Âm	Âm * Âm Âm	Dương Âm Âm
i	*k*	*ke*	*je*

BẢNG DỊCH CỦA QUẺ *Chấn*

CHẤN	KHÔN	KHẢM	TỐN
Âm Âm Dương *	Âm Âm * Âm	Âm * Dương Âm	Dương Dương Âm
ie	*ke*	*k*	*j*

BẢNG DỊCH CỦA QUẺ *Khôn*

KHÔN	CHẤN	DOÀI	KIỀN
Âm Âm Âm *	Âm Âm * Dương	Âm * Dương Dương	Dương Dương Dương
ke	*ie*	*i*	*1*

BẢNG DỊCH CỦA QUẺ *Khảm*

KHẢM	ĐOÀI	CHẤN	LY
Âm Dương Âm *	Âm Dương * Dương	Âm * Âm Dương	Dương Âm Dương
k	*i*	*ie*	*e*

BẢNG DỊCH CỦA QUẺ *Tốn*

TỐN	KIỀN	LY	CHẤN
Dương Dương Âm	Dương Dương * Dương	Dương * Âm Dương	Âm Âm Dương
j	*l*	*e*	*ie*

BẢNG DỊCH CỦA QUẺ *Cấn*

CẤN	LY	KIỀN	ĐOÀI
Dương Âm Âm *	Dương Âm * Dương	Dương * Dương Dương	Âm Dương Dương
je	*e*	*l*	*i*

Bảng XI - 4. BẢNG DỊCH CỦA CÁC QUẺ 3 HÀO

CƠ CHẾ DỊCH CỦA CÁC QUẺ 6 HÀO

Tiếp theo, chúng ta hãy chuyển sang Cơ chế Dịch của các quẻ 6 hào, bắt đầu bằng quẻ Thái chẳng hạn, ta xuất phát từ hào thứ nhất :

THÁI	TRUNG	KHIÊM	ĐỊA	DỰ	TỤY	BÍ
Âm	Âm	Âm	Âm	Âm	Âm *	Dương
Âm	Âm	Âm	Âm	Âm *	Dương	Dương
Âm	Âm	Âm	Âm *	Dương	Dương	Dương
Dương	Dương	Dương *	Âm	Âm	Âm	Âm
Dương	Dương *	Âm	Âm	Âm	Âm	Âm
Dương *	Âm	Âm	Âm	Âm	Âm	Âm *
ke ✧ *l*	*ke* ✧ *i*	*ke* ✧ *je*	*ke* ✧ *ke*	*ie* ✧ *ke*	*i* ✧ *ke*	*l* ✧ *ke*

Bạn đọc có thể lập Bảng Dịch cho các quẻ 6 hào khác, chẳng hạn cho các quẻ sau :

KHIÊM	LÂM
Âm	Dương
Âm	Dương
Âm	Dương
Dương	Âm
Âm	Dương
Âm	Dương

LỮ	TIẾT
Dương	Âm
Âm	Dương
Dương	Âm
Dương	Âm
Âm	Dương
Âm	Dương

GIA NHÂN	GIẢI
Dương	Âm
Dương	Âm
Âm	Dương
Dương	Âm
Âm	Dương
Dương	Âm

KÝ TẾ	VỊ TẾ
Âm	Dương
Dương	Âm
Âm	Dương
Dương	Âm
Âm	Dương
Dương	Âm

NHU	TẤN
Âm	Dương
Dương	Âm
Âm	Dương
Dương	Âm
Dương	Âm
Dương	Âm

ĐẠI HỮU	TỶ
Dương	Âm
Âm	Dương
Dương	Âm
Dương	Âm
Dương	Âm
Dương	Âm

ĐẠI TRÁNG	QUÁN
Âm	Dương
Âm	Dương
Dương	Âm
Dương	Âm
Dương	Âm
Dương	Âm

THIÊN	ĐỊA
Dương	Âm
Dương	Âm
Dương	Âm
Dương	Âm
Dương	Âm
Dương	Âm

CƠ CHẾ DỊCH TRONG BÁT TỰ HÀ LẠC

Trong thuyết ***Bát Tự Hà Lạc*** , [11] , [50] thì quá trình sống của con người phải tuân theo Dịch Âm Dương của các hào của các quẻ 6 hào

Ví dụ minh họa . Giả sử Bát Tự Hà Lạc của một người nào đó trong đại vận 1996 - 2003 là quẻ Ký Tế :

1996	1997	1998	1999	2000	2001	2002	2003	...
Âm	Âm	Âm *	Dương	Dương	Dương	Dương	Dương	
Dương	Dng *	Âm	Âm	Âm	Âm	Âm	Âm *	
Âm *	Dương	Dương	Dương	Dương	Dương	Dương *	Âm	
Dương	Dương	Dương	Dương	Dương	Dương *	Âm	Âm	
Âm	Âm	Âm	Âm	Âm *	Dương	Dương	Dương	
Dương	Dương	Dương	Dương *	Âm	Âm	Âm	Âm	
k ✧ e	*i ✧ e*	*ie ✧ e*	*e ✧ e*	*e ✧ je*	*e ✧ j*	*e ✧ k*	*je✧ k*	

Chẳng hạn, vận lớn của người đó bắt đầu từ 1996 và tương ứng với hào 4 , hào này đổi tính Âm Dương. Tiếp theo, hào 5 đổi tính Âm Dương tại năm 1997, và tại năm 1998 thì hào 6 đổi tính Âm Dương... Bằng cách đó , chung ta có thể theo dõi mệnh của người đó từ năm 1997...

QUAN HỆ GIỮA CÁC BẢNG DỊCH VÀ HỆ HỖN THIÊN

Bây giờ, chúng ta hãy tìm mối quan hệ giữa các bảng Dịch trên và hệ Hỗn thiên ở bảng XI - 5 :

THỨ NHẤT

Các quẻ 3 hào thu được bằng cách thay đổi tính Âm Dương luôn luôn thuộc

- hoặc các hàng thứ nhất, thứ ba , thứ bảy hay thứ tám,
- hoặc các cột thứ nhất, thứ ba , thứ bảy hay thứ tám,

THỨ HAI

Các mối quan hệ giữa các bảng Dịch và hệ Hỗn thiên :

a) Tập con của hệ Hỗn thiên có quan hệ với Dịch các quẻ có mã số Tiên thiên chẵn :

Đoài 2, Chấn 4, Khảm 6 , Khôn 8 :

Với Đoài 2. Cột thứ 2 : Cấn 6 - Cấn 7 - Cấn 4 - Khôn 3,
Với Chấn 4. Cột thứ 6 : Tốn 5 - Tốn 4 - Tốn 7 - Khôn 2,
Với Khảm6 . Cột thứ 4 : Ly 7 - Ly 6 - Ly 5, - K'hảm 8,
Với Khôn 8 . Cột thứ 8 : Kiền 4- Kiền 5 - Kiền 6 - Khôn 1.

a) Tập con của hệ Hỗn thiên có quan hệ với Dịch các quẻ có mã số Tiên thiên lẻ:

Kiền 1, Ly 3 , Tốn 5 , Cấn 7:

Với Kiền 1 . Cột thứ 1 : Kiền 1- Tốn 2 - Cấn 3 - Khôn 4.

Với Tốn 5. Cột thứ 3 : Kiền 2 - Tốn 1 - Tốn 8 - Chấn 5.
Với Ly 3. Cột thứ 5 : Ly 8 - Tốn 3 - Cấn 2 - Khảm 7.
Với Cấn 7. Cột thứ 7 : Kiền 3 3 - Cấn 8 - Cấn 1 - Đoài 6.

Các hệ con tương ứng với các bảng Dịch các quẻ 3 hào có mã số Tiên tiên chẵn (Đoài 2 , Chấn 4, Khảm 6, Khôn 8) dường như ***ổn định*** hơn so với các hệ con tương ứng với các bảng Dịch các quẻ 3 hào có mã số Tiên tiên lẻ (Kiền 1, Ly 3, Tốn 5, Cấn 7).

	1 KIỀN	**i ĐOÀI**	**j TỐN**	**k KHẢM**	**e LYI**	**ie CHẤN**	**je CẤN**	**ke KHÔN**
1 KIỀN	*1* Kiền KIỀN 1	*i* Đoài CẤN 6	*j* Tốn KIỀN 2	*k* K'an LI 7	*e* Ly LY 8	*ie* Chấn TỐN 5	*je* Cấn KIỀN 3	*ke* Khôn KIỀN 4
i ĐOÀI	*i* Đoài KHÔN 6	*-1* -Kiền ĐOÀI 1	*k* Khảm CHẤN 7	*-j* - Tốn ĐOÀI 2	*ie* Chấn KHẢM 5	*-e* -Ly CHẤN 8	*-ke* -Khôn ĐOÀI 4	*je* Cấn ĐOÀI 3
j TỐN	*j* Tốn TỐN 2	*-k* - Khảm CẤN 7	*-1* - Kiền TỐN 1	*i* Đoài LY 6	*je* Cấn TỐN 3	*ke* Khôn TỐN 4	*-e* -Ly CẤN 8	*-ie* - Chấn KIỀN 5
k KHẢM	*k* Khảm KHÔN 7	*j* Tốn KHẢM 2	*-i* -Đoài CHẤN 6	*-1* - Kiền KHẢM 1	*ke* Khôn KHẢM 4	*-je* - Cấn KHẢM	*ie* Chấn ĐOÀI 5	*-e* -Ly KHÔN 8
e LY	*e* Li KIỀN 8	*-ie* - Chấn CẤN 5	*-je* - Cấn LY 3	*-ke* - Khôn LY 4	*-1* - Kiền LY 1	*i* Đoài CẤN 6	*j* Tốn LY 2	*k* Khảm KIỀN 7
ie CHẤN	*ie* Chấn KHÔN 5	*e* Ly ĐOÀI 8	*-ke* - Khôn CHẤN 4	*je* Cấn CHẤN 3	*-i* - Đoài KHẢM 6	*-1* Kiền CHẤN 1	*-k* - Khảm ĐOÀI 7	*j* Tốn CHẤN 2
je CẤN	*je* Cấn CẤN 3	*ke* Khôn CẤN 4	*e* Ly TỐN 8	*-ie* - Chấn LY 5	*-j* - Tốn CẤN 2	*k* Khảm CẤN 7	*-1* - Kiền CẤN 1	*-i* - Đoài KIỀN 6
ke KHÔN	*ke* Khôn KHÔN 4	*-je* - Cấn KHÔN 3	*ie* Chấn CHẤN 5	*e* Ly KHẢM 8	*-k* - Khảm KHẢM 7	*-j* - Tốn KHÔN 2	*i* Đoài ĐOÀI 6	*-1* - Kiền KHÔN 1

Bảng XI - 5. HỆ HỖN THIÊN

CƠ CHẾ ẨN VỀ DỊCH TRONG HỆ VĂN VƯƠNG ?

Bây giờ chúng ta hãy xét một trong những Dịch quan trọng nhất, thuộc Hệ Văn Vương. Theo cấu trúc (✧ , Z), chúng ta có thể viết hệ đó dưới dạng sau :

PHẦN THƯỢNG

04 **CẤN/ KHẢM** $je \diamond k = k\|-ie$	03 **KHẢM / CHẤN** $k \diamond ie = ie\|-je$
02 **KHÔN / KHÔN** $k \diamond k = k\|- 1$	01 **KIỀN / KIỀN** $1 \diamond 1 = 1\|1$
08 **KHẢM / KHÔN** $k \diamond ke = ke\|- e$	07 **KHÔN/ KHẢM** $ke \diamond k = k\|e$
06 **KIỀN / KHẢM** $1 \diamond k = k\|k$	05 **KHẢM / KIỀN** $k \diamond 1 = 1\|k$
12 **KIỀN / KHÔN** $1 \diamond ke = ke\| ke$	11 **KHÔN / KIỀN** $ke \diamond 1 = 1\|ke$
10 **KIỀN / DOÀI** $1 \diamond i = i\|i$	09 **TỐN/ KIỀN** $j \diamond 1 = 1\|j$
16 **CHẤN / KHÔN** $ie \diamond ke = ke\| j$	15 **KHÔN/ CẤN** $ke \diamond je = je\| i$
14 **LY / KIỀN** $e \diamond 1 = 1\| e$	13 **KIỀN / LY** $1 \diamond e = e\| e$
20 **TỐN/ KHÔN** $j \diamond ke = k\|-ie$	19 **KHÔN/ DOÀI** $ke \diamond i = i\| -je$
18 **CẤN/ TỐN** $je \diamond j = j\|e$	17 **DOÀI / CHẤN** $i \diamond ie = ie\|- e$
24 **KHÔN / CHẤN** $ke \diamond ie = ie\|-j$	23 **CẤN/ KHÔN** $je \diamond ke = ke\|-i$
22 **CẤN / LY** $je \diamond e = e\|- j$	21 **LY / CHẤN** $e \diamond ie = ie\| i$
28 **DOÀI / TỐN** $i \diamond j = j\|k$	27 **CẤN/ CHẤN** $je \diamond ie = ie\| k$
26 **CẤN/ KIỀN** $je \diamond 1= 1\|je$	25 **KIỀN / CHẤN** $1 \diamond ie = ie\| ie$
30 **LY / LY** $e \diamond e = e\|- 1$	29 **KHẢM/ KHẢM** $k \diamond k = k\| -1$

PHẦN HẠ

34 **CHẤN/ KIỀN** *ie ✧ I = I|ie*	33 **KIỀN/ CẤN** *I ✧ je = je|je*
32 **CHẤN/ TỐN** *ie ✧ j = j|- ke*	31 **ĐOÀI/ CẤN** *i ✧ je = ke| -ke*

38 **LY / ĐOÀI** *e ✧ i= i|- ie*	37 **TỐN/ LY** *j ✧ e = e|je*
36 **KHÔN / LY** *ke ✧ e = e| -k*	35 **LY / KHÔN** *e✧ ke = ke|k*

42 **TỐN/ CHẤN** *j ✧ ie= ie| ke*	41 **CẤN/ ĐOÀI** *je ✧ i = i|ke*
40 **CHẤN/ KHẢM** *ie ✧ k = k| je*	39 **KHẢM / CẤN** *k✧ je = je|ie*

46 **KHÔN / TỐN** *ke ✧ j = j| ie*	45 **ĐOÀI/ KHÔN** *i✧ ke = ke| je*
44 **KIỀN/ TỐN** *I✧ j = j| j*	43 **ĐOÀI / KIỀN** *i ✧ I = I| i*

50 **LY / TỐN** *e ✧ j = j| -je*	49 **ĐOÀI / LY** *i ✧ e = e|ie*
48 **KHẢM/ TỐN** *k ✧j = j|-i*	47 **ĐOÀI / KHẢM** *i ✧ k|-j*

54 **CHẤN/ ĐOÀI** *ie ✧ i = i|e*	53 **TỐN / CẤN** *j ✧ je = je|-e*
52 **CẤN/ CẤN** *je ✧je = je|- I*	51 **CHẤN/ CHẤN** *ie ✧ ie = ie| - I*

58 **ĐOÀI / ĐOÀI** *i ✧i = i|-I*	57 **TỐN/ TỐN** *j ✧ j = j| -I*
56 **LY/ CẤN** *e ✧ je = je|j*	55 **CHẤN/ LY** *ie ✧ e= je|-i*

62 **CHẤN / CẤN** *ie ✧ je = je|-k*	61 **TỐN/ ĐOÀI** *j✧ i = i|-k*
60 **KHẢM/ ĐOÀI** *k✧ i = i| j*	59 **TỐN/ KHẢM** *j ✧ k = k| i*

64 **LY / KHẢM** *e ✧ k = k| - ke*	63 **KHẢM/ LY** *k ✧ e= e| ke*

Bảng XI - 6. HỆ 64 QUẺ VĂN VƯƠNG KINH ĐIỂN

Bây giờ , chúng ta hãy tìm cách trích một hệ con từ hệ Văn Vương, sao mà hệ này bản thân nó cũng là một Đại số Cayley, ~~kín đối với phép nhân ✧ !~~
Trước hết ta chọn $1 \diamond 1$ và $1 \diamond e$. Đối với các phần tử còn lại, ta loại ra các phần tử "tâm thường" sau

$$1 \diamond i,\ 1 \diamond j,\ 1 \diamond k,,\ 1 \diamond ie,\ 1 \diamond je,\ 1 \diamond ke \quad \text{và}$$

$$i \diamond 1,\ j \diamond 1,\ k \diamond 1,\ e \diamond 1,\ ie \diamond 1,\ je \diamond 1,\ ke \diamond 1.$$

Tiếp theo ta hãy chọn các phần tử thuộc các cặp ô (01, 02) , (03, 04)... (63, 64) ở đó xuất hiện hai dấu khác nhau, chẳng hạn là $-ke$ hay $-j$ và i .

64	63
LY / KHẢM	**KHẢM/ LY**
$e \diamond k = k \mid -ke$	$k \diamond e = e \mid ke$

22	21
CẤN/ LY	**LY / CHẤN**
$je \diamond e = e \mid -j$	$e \diamond ie = ie \mid i$

Chúng ta sẽ thu được một hệ con sau , gọi là Đại số Cayley " cấp hai"

01	21
KIỀN / KIỀN	**LY / CHẤN**
$1 \diamond 1 = 1 \mid 1$	$e \diamond ie = ie \mid i$

56	35
LY/ CẤN	**LY/ KHÔN**
$e \diamond je = je \mid j$	$e \diamond ke = ke \mid k$

13	49
KIỀN / LY	**DOÀI / LY**
$1 \diamond e = e \mid e$	$i \diamond e = e \mid ie$

37	63
TỐN/ LY	**KHẢM / LY**
$j \diamond e = e \mid je$	$k \diamond e = e \mid ke$

Bảng X - 7. ĐẠI SỐ OCTONION CẤP HAI LIÊN QUAN ĐẾN QUẺ LY

Có tồn tại hai khả năng liên quan đến quẻ Ly e , theo đó ta có thể thay ô 13 trên đây bằng các ô 54 hay 18:

54	18
CHẤN/ DOÀI	**CẤN/ TỐN**
$ie \diamond i = i \mid e$	$je \diamond j = j \mid e$

Nhưng ô 13 là đối xứng hơn so với các ô 54 và 18.
Theo kết quả thu được này thì quẻ Ly, "kế cận" với quẻ Kiền, đã đóng một vai trò quan trọng trong hệ con trên.

PHẢI CHĂNG HỆ VĂN VƯƠNG BIỂU THỊ DỊCH - ĐA DẠNG HOÁ TỐI ĐA VÀ DỊCH - HỢP NHẤT TỐI ĐA TRONG TRIẾT ĐÔNG PHƯƠNG ?

MỘT THỬ NGHIỆM NHẰM PHÁT HIỆN QUY LUẬT KẾT HỢP " MẬT" CỦA HỆ VĂN VƯƠNG !

Nếu chúng ta tực hiện phép nhân ✧ đối với tất cả các quẻ 6 hào của hệ Văn Vương theo hình thức tắc kết hợp sau:

...(12 ✧(11✧ (01✧ (09✧ (08 ✧ (07✧ (06✧ (05 ✧ (04 ✧ (03 ✧ 02))))))))))...

- một hình thức kết hợp có thể hiểu là một " cơ chế mật", thì chúng ta sẽ lần lượt thu được các kết quả sau :

PHẦN THƯỢNG

04	03	02	01
CÂN / KHẢM	**KHẢM / CHẤN**	**KHÔN / KHÔN**	**KIỀN / KIỀN**
je ✧ k = k|-ie	*k ✧ ie = ie|-je*	*k ✧ k = k|- 1*	*1✧ 1 = 1|1*
k	*je*	*-1*	*1*

08	07	06	05
KHẢM / KHÔN	**KHÔN / KHẢM**	**KIỀN / KHẢM**	**KHẢM / KIỀN**
k ✧ ke = ke|- e	*ke ✧ k = k|e*	*1 ✧ k = k|k*	*k ✧ 1 = 1|k*
-k	*ke*	*-k*	*-1*

12	11	10	09
KIỀN / KHÔN	**KHÔN / KIỀN**	**KIỀN / DOÀI**	**TỐN/ KIỀN**
1 ✧ ke = ke| ke	*ke ✧ 1 = 1|ke*	*1 ✧ i = i|i*	*j ✧ 1 = 1|j*
- 1	*ke*	*1*	*-i*

16	15	14	13
CHẤN / KHÔN	**KHÔN / CẤN**	**LY / KIỀN**	**KIỀN / LYI**
ie ✧ ke = ke| j	*ke ✧ je = je| i*	*e ✧ 1 = 1| e*	*1✧ e = e| e*
- k	*1*	*1*	*- e*

20	19	18	17
TỐN / KHÔN	**KHÔN/ DOÀI**	**CẤN/ TỐN**	**DOÀI / CHẤN**
j ✧ ke = k|-ie	*ke ✧ i = i| -je*	*je ✧ j = j|e*	*i ✧ ie = ie| e*
1	*ie*	*- k*	*- ke*

24	23
KHÔN / CHẤN	**CẤN / KHÔN**
ke ✧ ie = ie|-j	*je ✧ ke = ke|-i*
1	*- j*

22	21
CẤN / LY	**LY / CHẤN**
je ✧ e = e|- j	*e ✧ ie = ie| i*
k	*i*

28	27
ĐOÀI / TỐN	**CẤN / CHẤN**
i ✧ j = j|k	*je ✧ ie = ie| k*
-k	*- 1*

18	17
CẤN/ TỐN	**ĐOÀI / CHẤN**
je ✧ j = j|e	*i ✧ ie = ie|- e*
k	*ie*

30	29
LY / LY	**KHẢM / KHẢM**
e ✧ e = e|- 1	*k ✧ k = k| -1*
- k	*k*

PHẦN HẠ

34	33
CHẤN / KIỀN	**KIỀN/ CẤN**
ie ✧ 1 = 1|ie	*1✧ je = je|je*
1	*- ie*

32	31
CHẤN/ TỐN	**ĐOÀI / CẤN**
ie ✧ j = j|- ke	*i ✧ je = ke| -ke*
k	*e*

38	37
LY / ĐOÀI	**TỐN / LY**
e ✧ i= i|- ie	*j ✧ e = e|je*
k	*je*

36	35
KHÔN / LY	**LY / KHÔN**
ke ✧ e = e| -k	*e✧ ke = ke|k*
1	*k*

42	41
TỐN / CHẤN	**CẤN / ĐOÀI**
j ✧ ie= ie| ke	*je ✧ i = i|ke*
1	*- ke*

40	39
CHẤN / KHẢM	**KHẢM / CẤN**
ie ✧ k = k| je	*k✧ je = je|ie*
- 1	*je*

46	45
KHÔN / TỐN	**ĐOÀI / KHÔN**
ke✧ j=j| ie	*i✧ ke = ke| je*
- 1	*ie*

10	09
KIỀN / ĐOÀI	**TỐN / KIỀN**
1✧ i = i|i	*j ✧ 1 = 1|j*
- k	*i*

50	49
LY / TỐN	**ĐOÀI / LY**
$e \diamond j = j \mid -je$	$i \diamond e = e \mid ie$
-1	$-je$

48	47
KHẢM / TỐN	**ĐOÀI / KHẢM**
$k \diamond j = j \mid -i$	$i \diamond k \mid -j$
$-k$	j

54	53
CHẤN / ĐOÀI	**TỐN / CẤN**
$ie \diamond i = i \mid e$	$j \diamond je = je \mid -e$
-1	e

52	51
CẤN/ CẤN	**CHẤN / CHẤN**
$je \diamond je = je \mid -1$	$ie \diamond ie = ie \mid -1$
-1	1

58	57
ĐOÀI / ĐOÀI	**TỐN / TỐN**
$i \diamond i = i \mid -1$	$j \diamond j = j \mid -1$
$-k$	k

56	55
LY / CẤN	**CHẤN / LY**
$e \diamond je = je \mid j$	$ie \diamond e = je \mid -i$
$-k$	i

62	61
CHẤN / CẤN	**TỐN / LY**
$ie \diamond je = je \mid -k$	$j \diamond i = i \mid -k$
1	k

60	59
KHẢM/ ĐOÀI	**TỐN / KHẢM**
$k \diamond i = i \mid j$	$j \diamond k = k \mid i$
-1	j

64	63
LY / KHẢM	**KHẢM / LY**
$e \diamond k = k \mid -ke$	$k \diamond e = e \mid ke$
1	ke

Bảng XI - 8. BẢNG NHẰM TÌM CƠ CHẾ DỊCH CỦA HỆ VĂN VƯƠNG

Kết quả cuối cùng của phép nhân lại là Kiền *1*, phần tử này **trùng** với quẻ Kiền ở ô 01, là quẻ Thiên của toàn hệ Văn Vương ! Điều này nghĩa là thế nào ?

1. Đây phải chăng là sự Hợp nhất vĩ đại nhất trong Triết Đông phương ?
2. Đây phải chăng là sự trở về lại với Trời ? Và lại bắt đầu một chu trình 64 quẻ Văn Vương khác ?
3. Đây phải chăng là vai trò của cái Dịch lớn nhất , nằm ẩn trong hệ Văn Vương đó ?

MỘT ĐỀ NGHỊ VỀ MỘT HỆ 6 4 QUẺ HẬU THIÊN MỚI

Tiếp theo, theo hệ Y Dịch Lục Khí (chương III), chúng ta hãy thực hiện các hoán vị sau [12]:

Quẻ 61 ⇔ Quẻ 28

hay

Quẻ 62 ⇔ Quẻ 27

thì kết quả cuối cùng của phép nhân trên vẫn như cũ (tức là vẫn bằng Kiến) vì trong quá trình này chúng ta sẽ thay dấu trừ ***hai*** lần :

28	27
ĐOÀI / TỐN	**CẤN / CHẤN**
$i \diamond j = j\|k$	$je \diamond ie = ie\|k$

$\Leftrightarrow$

61	62
TỐN / ĐOÀI	**CHẤN/ CẤN**
$j \diamond i = i\|-k$	$ie \diamond je = je\|-k$

Chúng ta cũng coq thể thực hiện sự thay thế sau :

46	45
KHÔN / TỐN	**ĐOÀI / KHÔN**
$ke \diamond j = j\|ie$	$i \diamond ke = ke\|je$

$\Leftrightarrow$

45	46
ĐOÀI / KHÔN	**KHÔN / TỐN**
$i \diamond ke = ke\|je$	$ke \diamond j = j\|ie$

và

10	09
KIẾN / ĐOÀI	**TỐN/ KIỀN**
$1 \diamond i = i\|i$	$j \diamond 1 = 1\|j$

$\Rightarrow$

43	44
ĐOÀI / KIỀN	**KIẾN / TỐN**
$i \diamond 1 = 1\|i$	$1 \diamond j = j\|j$

43	44
ĐOÀI / KIỀN	**KIẾN / TỐN**
$i \diamond 1 = 1\|i$	$1 \diamond j = j\|j$

$\Rightarrow$

10	09
KIỀN / ĐOÀI	**TỐN/ KIỀN**
$1 \diamond i = i\|i$	$j \diamond 1 = 1\|j$

mà vẫn không thay đổi kết quả cuối cùng của phép nhân trên !

Do các phép thay thế trên, hệ Văn Vương biến thành hệ sau :

PHẦN THƯỢNG

04	03
CẤN / KHẢM	**KHẢM / CHẤN**
$je \diamond k = k\|-ie$	$k \diamond ie = ie\|-je$
k	je

02	01
KHÔN / KHÔN	**KIỀN / KIỀN**
$k \diamond k = k\|-1$	$1 \diamond 1 = 1\|1$
-1	1

08	07
KHẢM / KHÔN	**KHÔN / KHẢM**
$k \diamond ke = ke\|-e$	$ke \diamond k = k\|e$
$-k$	ke

06	05
KIỀN / KHẢM	**KHẢM / KIỀN**
$1 \diamond k = k\|k$	$k \diamond 1 = 1\|k$
$-k$	-1

12	11
KIỀN / KHÔN	**KHÔN / KIỀN**
$1 \diamond ke = ke\|ke$	$ke \diamond 1 = 1\|ke$
-1	ke

10 $\Rightarrow$ 43	09 $\Rightarrow$ 44
ĐOÀI / KIỀN	**KIỀN / TỐN**
$1 \diamond i = i\|i$	$j \diamond 1 = 1\|j$
1	$-i$

16	15
CHẤN / KHÔN	**KHÔN / CẤN**
ie ✧ ke = ke| j	*ke ✧ je = je| i*
- k	*1*

14	13
LY / KIỀN	**KIỀN / LYI**
e ✧ 1 = 1| e	*1 ✧ e = e| e*
1	*- e*

20	19
TỐN / KHÔN	**KHÔN / ĐOÀI**
j ✧ ke = k|-ie	*ke ✧ i = i| -je*
1	*ie*

18	17
CẤN / TỐN	**ĐOÀI/ CHẤN**
je ✧ j = j|e	*i ✧ ie = ie| e*
- k	*- ke*

24	23
KHÔN / CHẤN	**CẤN/ KHÔN**
ke ✧ ie = ie|-j	*je ✧ ke = ke|-i*
1	*- j*

22	21
CẤN / LY	**LY / CHẤN**
je ✧ e = e|- j	*e ✧ ie = ie| i*
k	*i*

28	27
ĐOÀI / TỐN	**CẤN / CHẤN**
i ✧ j = j|k	*je ✧ ie = ie| k*
-k	*- 1*

26	25
CẤN/ KIỀN	**KIỀN / CHẤN**
je ✧ 1 = 1|je	*1 ✧ ie = ie| ie*
k	*ie*

30	29
LY / LY	**KHẢM / KHẢM**
e ✧ e = e|- 1	*k ✧ k = k| -1*
- k	*k*

PHẦN HẠ

34	33
CHẤN / KIỀN	**KIỀN / CẤN**
ie ✧ 1 = 1|ie	*1 ✧ je = je|je*
1	*- ie*

32	31
CHẤN / TỐN	**ĐOÀI / CẤN**
ie ✧ j = j|- ke	*i ✧ je = ke| -ke*
k	*e*

38	37
LY / ĐOÀI	**TỐN / LY**
e ✧ i= i|- ie	*j ✧ e = e|je*
k	*je*

36	35
KHÔN / LY	**LY / KHÔN**
ke ✧ e = e| -k	*e✧ ke = ke|k*
1	*k*

42 **TỐN / CHẤN** *j ✧ ie= ie| ke*	41 **CẤN / ĐOÀI** *je ✧ i = i|ke*
1	*- ke*

40 **CHẤN / KHẢM** *ie / k = k| je*	39 **KHẢM / CẤN** *k ✧ je = je|ie*
- 1	*je*

46 ⇒ 45 **ĐOÀI / KHÔN** *i✧ ke = ke| je*	45 ⇒ 46 **KHÔN / TỐN** *ke✧ j =j| ie*
- 1	*je*

44 ⇒10 **KIỀN / ĐOÀI** *1✧ i = i|i*	43⇒09 **TỐN / KIỀN** *j ✧ 1 = 1|j*
k	*j*

50 **LY / TỐN** *e ✧ j = j| -je*	49 **ĐOÀI / LY** *i ✧ e = e|ie*
- 1	*- je*

48 **KHẢM / TỐN** *k ✧j = j|-i*	47 **ĐOÀI / KHẢM** *i ✧k = k|-j*
- k	*j*

54 **CHẤN / ĐOÀI** *ie ✧ i = i|e*	53 **TỐN / CẤN** *j ✧ je = je|-e*
- 1	*e*

52 **CẤN / CẤN** *je ✧je = je|- 1*	51 **CHẤN/ CHẤN** *ie ✧ ie = ie| - 1*
-1	*1*

58 **ĐOÀI / ĐOÀI** *i ✧i = i|-1*	57 **TỐN / TỐN** *j ✧ j = j| -1*
- k	*k*

56 **LY / CẤN** *e ✧ je = je|j*	55 **CHẤN / LY** *ie ✧ e= je|-i*
- k	*i*

62 **CHẤN / CẤN** *ie ✧ je = je|-k*	61 **TỐN / ĐOÀI** *j✧ i = i|-k*
1	*k*

60 **KHẢM / ĐOÀI** *k✧ i = i| j*	59 **TỐN / KHẢM** *j ✧ k = k| i*
- 1	*j*

64 **LY / KHẢM** *e ✧ k= k| - ke*	63 **KHẢM / LY** *k✧ e= e| ke*
1	*ke*

Bảng XI- 9. ĐỀ NGHỊ MỘT HỆ HẬU THIÊN ĐỐI XỨNG HƠN SO VỚI HỆ CHÍNH THỐNG

Bảng thu được này là đối xứng hơn so với hệ Văn Vương chính thống XI - 6.

CÁC TÍNH CHẤT MỚI CỦA BẢNG HẬU THIÊN XI - 9 ĐƯỢC ĐỀ NGHỊ

Bảng Hậu thiên mới 'được đề nghị có các tính chất sau [12]:

I. CÁC TÍNH THIÊN- DỊA

" Thiên tả hoàn, Địa hữu chuyển " **KINH DỊCH**

TÍNH " THIÊN"

Số thứ tự của quẻ	07	09	11	13	15	17	19
Quẻ nội	*Khảm*	*Tốn*	*Kiền*	*Ly*	*Cấn*	*Chấn*	*Đoài*
Số thứ tự của quẻ nội trong Thái Ất	8	9	1	2	3	4	6
KẾT LUẬN	**SỐ THỨ TỰ "THIÊN" TĂNG** *" Thiên tả hoàn "*						

TÍNH "ĐỊA"

Số thứ tự của quẻ	39	41	43	45	?	?	?
Quẻ nội	*Cấn*	*Đoài*	*Kiền*	*Tốn*	?	?	?
Số thứ tự của quẻ nội trong Độn Giáp	8	7	6	4	?	?	?
KẾT LUẬN	**SỐ THỨ TỰ " ĐỊA" GIẢM** *" Địa hữu chuyển "*						

II. TÍNH NHÓM. *Chân Thiện Mỹ*

Số thứ tự của quẻ	03	04	05	06
Các quẻ nội & ngoại có liên quan đến Thiên	*Kiền, Khảm, Cấn , Đoàii*			
NHÓM VI	Nhóm của họ **nội, Nam**			

Số thứ tự của quẻ	35	36	37	38
Các quẻ nội & ngoại có liên quan đến Địa	*Tốn, Ly, Khôn, Đoài*			
NHÓM	Không thuộc nhóm ! Tập con của họ **ngoại. Nữ.**			

III. TÍNH CHẤT LẠC KHÍCH

Sớ thứ tự của quẻ	07	09	11	13	15
Quẻ ngoại	*Khôn*	*Kiền*	*Khôn*	*Kiền*	*Khôn*

DỊCH VÀ CÁC PHÉP BIẾN ĐỔI ĐỐI XỨNG HÌNH HỌC

Trong Triết Đông phương, một hình thái khác của Dịch là các phép biến đổi đối xứng hình học :

* Phép đối xứng phản trục, phép đối xứng tâm, nói chung có liên quan đến con đường số 8 [11], hay đến quan hệ quá khứ - tương lai,

* Phép đối xứng khối, như trong Bát Tự Hà Lạc giữa tiền vận và hậu vận, có kèm theo sự đổi dấu hào Nguyên đường [11], [50].

...

Nói chung, chúng ta đã " sờ " đến Hệ Văn Vương ở một vài điểm sơ bộ ...

Sau này , trong tập VI , chúng ta sẽ trở lại hệ đó một cách nghiêm túc và toàn diện hơn, từ đó chúng ta sẽ thấy bản chất của Hệ đó ở các điểm chính yếu sau :

1. Cấu trúc thứ tự.
2. Ngữ nghĩa .
3. Thiên Địa Nhân hợp nhất .

Đại số Octonion ≈ Val (✧ , **Z**) với *Ký hiệu toán học Octonion* cho các quẻ (tập I)

⇓⇓⇓⇓⇓⇓⇓⇓

HỆ VĂN VƯƠNG THÁI ÂM (✧ , **Z**) với

Cấu trúc Thứ tự & Cấu trúc Ngữ nghĩa

cho các quẻ (tập VI)

⇓⇓⇓⇓⇓⇓⇓⇓

HỆ HẬU THIÊN DƯƠNG MINH

Cấu trúc Thứ tự & Cấu trúc Ngữ nghĩa

Kỷ Nguyên Di Lạc Thánh Đức (tập VI)

TIỂU SỬ TÁC GIẢ

GSTS *Nguyễn Hoàng Phương* sinh năm Đinh Mão - 1927, tại Miền Nam Việt Nam.
Từ năm 1954, ông đã dạy các môn Toán, Vật Lý Lý Thuyết, đặc biệt là Lý thuyết Nhóm, Cơ Lý thuyết, Lý thuyết Tương Đối, Cơ Học Lượng Tử, Lý thuyết Hạt Cơ bản tại Trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, nay là Trường Đại Học Tự Nhiên thuộc Đại Học Quốc Gia Hà Nội.
Từ năm 1970, ông chuyển sang nghiên cứu những vấn đề thuộc Triết Đông phương, Trường Sinh học trên các mặt Triết học, Phương pháp Luận và Cơ chế, trong mối quan hệ với các Khoa học Tây phương.Và từ năm 1985, ông đã định hướng được con đường Tích hợp Triết cổ Đông phương với Lý thuyết Tập mờ (Fuzzy Set) , sáng tạo bởi L.A. Zadeh (Đại học Berkeley -- California) và một số Cận Khoa học (Parasciences). Ông đã viết được một số sách và công trình nghiên cứu sau:

01. Cơ Lý thuyết,
02. Nhập môn Cơ Lượng Tử. Cơ sở và Phương pháp luận (Tích hợp Toán Lý Hoá)
03. Lý thuyết Nhóm và Ứng dụng vào Vật lý Lượng tử, 04. Albert Einstein
05. Xử lý tín hiệu rời rạc, 06. Toán tập mờ cho kỹ sư, 07. Galiléo Galilée
08. Đông Y học dưới ánh sáng của Lý thuyết Tập mờ
09. Oriental Philosophy Fundamentals and Fuzzy Set. East and West
10. Tích hợp Đa văn hoá Đông Tây, cho một chiến lược giáo dục tương lai.

Bắt đầu năm 1997, ông đã đi sâu hơn và tính Thống nhất Đông Tây Kim Cổ, bao gồm cả Vật chất, Sự sống, Nhân văn . Và năm 2000 - 2001, đã ra đời công trình sau:

11. Bát quái Đức Di Lạc (căn cứ vào các báo cáo tại Hội Thảo Quốc tế về Việt Nam Học, Hà Nội, 15-17 tháng 7 năm 1998 và Cafeo 2000, Hà Nội), trên cơ sở *Thống nhất Bát Quái Đông phương và Octonion Tây Phương và Thuyết Thiên- Địa - Nhân Hợp nhất*. Có thể nói rằng Octonion là xương logic Tây phương của Bát Quái - Kinh Dịch, còn Bát Quái là cấu trúc 3 - Đa dạng nhân của Octonion để triển khai các học thuyết Minh triết của Đông phương. Công trình 11 này, với 7 Tập = 1100 trang, đã tạo nên được một Vũ Trụ Quan mới cho Thiên Niên Kỷ III , gọi là

Khoa học Thiên Niên Kỷ Phương Minh Di Lạc Thánh Đức, Thiên Nhân hợp nhất.

thay cho Thiên niên Kỷ II "mù mịt" đã qua là Thiên Niên Kỷ Mạt Pháp. Địa Nhân hợp nhất.
* Phương pháp luận công trình dựa vào *Bát Quái - Octonion* và một số Sơ đồ gọi là *Hình vuông Kỳ Diệu Thất Tinh* của nền văn minh cổ Hebreux.
* Dựa vào *Nhất Nguyên Tồn tại Âm Dương*, đã bước đầu xây dựng được các Nhất Nguyên Di Lặc lịch sử: *Các Nhất Nguyên Sáng tạo: Duy lý & Minh triết. Tiến hoá: Sinh& Tử, Nhân quả: Quá khứ & Tương lai, Sắc Sắc & Không Không của nhà Phật trong khuôn khổ Phi Không gian & Phi Thời gian.*
Đây là vấn đề *chiến lược cao nhất được quan tâm* bởi Hệ thống Phật Giáo cao nhất của Nhân loại là

TAM VỊ Phật Bản Cổ, Phật Di Lặc, Phật Đại Thông cùng

TAM VỊ Thánh Sư Morya, Kooot Hoomi và Jesus.

Đặc biệt qua công trình 11 ông đã
* Xây dựng được mô hình của hệ *49 Cõi, 49 Luân Xa, 49 Căn chủng Nhân loại* khác nhau trên cơ sở của hệ Tâm linh *Hệ 49 Ngọn Lửa của Mầu*, từ đó đề cập đến các *Thiên Tai lịch sử* lớn ,
* Giải trình và chỉnh lý bằng toán học Bát quái - Octonion *Cấu trúc Thứ tự* hay Tụ Quái truyền của Hệ Văn Vương, tức là phần *Duy Lý* của nó, đồng thời làm sáng tỏ được một phần *lôgic Ngữ nghĩa* của nó, tức là phần *Minh Triết* của Nhân Văn học Đông phương.
* Chứng minh được *Kinh Dịch là Lý thuyết Thống Nhất Vĩ đại các Học thuyết Nhânvăn Đông phương*
* Xây dựng được một *Hệ 64 quẻ mới cho Kỷ Nguyên mới*
* Giải các *bài toán Đại số Octonion - Bát Quái cho Kinh Dịch*
* Bước đầu xây dựng một *Mô hình Thống Nhất* trên *Hình Vuông Kỳ Diệu của Mặt Trời.*
* Xây dựng được một mô hình của cái gọi là *10 Phương Phật* hay *" Chiều thứ tư "* của *Không gian.*
* Xây dựng được một số phương án: *Sắc Sắc Không Không - Phi Không gian & Phi Thời gian*, và tìm các phương án thử nghiệm về *Cơ chế của Tiên tri* dựa vào *Thuyết Thái Ất, Tử Vi và Bát Tự Hà Lạc...*

CƠ CHẾ ẨN VỀ DỊCH TRONG HỆ VĂN VƯƠNG ?

Bây giờ chúng ta hãy xét một trong những Dịch quan trọng nhất, thuộc Hệ Văn Vương. Theo cấu trúc (✧ , Z), chúng ta có thể viết hệ đó dưới dạng sau :

PHẦN THƯỢNG

04 **CẤN/ KHẢM** $je \diamond k = k\|-ie$	03 **KHẢM / CHẤN** $k \diamond ie = ie\|-je$

02 **KHÔN / KHÔN** $k \diamond k = k\|-1$	01 **KIỀN / KIỀN** $1 \diamond 1 = 1\|1$

08 **KHẢM / KHÔN** $k \diamond ke = ke\|-e$	07 **KHÔN/ KHẢM** $ke \diamond k = k\|e$

06 **KIỀN / KHẢM** $1 \diamond k = k\|k$	05 **KHẢM / KIỀN** $k \diamond 1 = 1\|k$

12 **KIỀN / KHÔN** $1 \diamond ke = ke\|ke$	11 **KHÔN / KIỀN** $ke \diamond 1 = 1\|ke$

10 **KIỀN / ĐOÀI** $1 \diamond i = i\|i$	09 **TỐN/ KIỀN** $j \diamond 1 = 1\|j$

16 **CHẤN / KHÔN** $ie \diamond ke = ke\|j$	15 **KHÔN/ CẤN** $ke \diamond je = je\|i$

14 **LY / KIỀN** $e \diamond 1 = 1\|e$	13 **KIỀN / LY** $1 \diamond e = e\|e$

20 **TỐN/ KHÔN** $j \diamond ke = k\|-ie$	19 **KHÔN/ ĐOÀI** $ke \diamond i = i\|-je$

18 **CẤN/ TỐN** $je \diamond j = j\|e$	17 **ĐOÀI / CHẤN** $i \diamond ie = ie\|-e$

24 **KHÔN / CHẤN** $ke \diamond ie = ie\|-j$	23 **CẤN/ KHÔN** $je \diamond ke = ke\|-i$

22 **CẤN / LY** $je \diamond e = e\|-j$	21 **LY / CHẤN** $e \diamond ie = ie\|i$

28 **ĐOÀI / TỐN** $i \diamond j = j\|k$	27 **CẤN/ CHẤN** $je \diamond ie = ie\|k$

26 **CẤN/ KIỀN** $je \diamond 1 = 1\|je$	25 **KIỀN / CHẤN** $1 \diamond ie = ie\|ie$

30 **LY / LY** $e \diamond e = e\|-1$	29 **KHẢM/ KHẢM** $k \diamond k = k\|-1$